

**ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH XÃ HỘI HỌC NĂM 2015**

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Trang
1.	PHI1004 PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1,2	5	3
2.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	17
3.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36
4.	INT1004	Tin học cơ sở	3	44
5.	FLF1105	Tiếng Anh A1	5	
6.	FLF1205	Tiếng Anh A2	7	
7.	FLF 1305	Tiếng Anh B1	7	
8.		Giáo dục thể chất	4	
9.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng	2	
10.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Công tác quốc phòng	2	
11.		Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về Kỹ thuật, chiến thuật bộ binh	3	
12.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	54
13.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	63
14.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	91
15.	PHI1054	Logic học đại cương	3	95
16.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	103
17.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	112
18.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	119
19.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	123
20.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	128
21.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	134
22.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	137
23.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	143
24.	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	151
25.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	156
26.	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	162

27.	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	168
28.	SOW2003	Gia đình học	2	172
29.	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí dữ liệu	2	179
30.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	183
31.	SOC1101	Dân số học đại cương	3	199
32.	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp	2	205
33.	PSY2083	Tâm lý học phát triển	3	209
34.	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	215
35.	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	219
36.	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe	2	223
37.	SOC3024	Chính sách xã hội	2	228
38.	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	232
39.	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	239
40.	SOC3039	Lịch sử và Lí thuyết xã hội học	5	248
41.	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	252
42.	SOC3009	Xã hội học quản lí	3	260
43.	SOC3041	Xã hội học giới	2	264
44.	SOC3007	Xã hội học gia đình	2	269
45.	SOC3042	Xã hội học nông thôn	3	276
46.	SOC3002	Xã hội học đô thị	2	281
47.	SOC3011	Xã hội học dân số	3	285
48.	SOC3015	Xã hội học môi trường	2	290
49.	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	294
50.	SOC3012	Xã hội học giáo dục	2	298
51.	SOC3051	Xã hội học kinh tế	3	304
52.	SOC3020	Xã hội học tôn giáo	2	308
53.	SOC3016	Xã hội học du lịch	2	312
54.	SOC3013	Xã hội học sức khỏe	2	316
55.	SOC3052	Xã hội học pháp luật và tội phạm	3	323
56.	SOC3044	Xã hội học tổ chức và Quản lí nguồn nhân lực	2	326
57.	SOC3054	Xã hội học lao động - nghề nghiệp	3	330
58.	SOC3004	Xã hội học chính trị	2	334
59.	SOC3014	Xã hội học cộng đồng	2	341
60.	SOC3034	Xã hội học thanh niên	2	348
61.	SOC3032	Lồng ghép giới trong dự án phát triển	2	351
62.	SOC3017	Xã hội học khoa học và Công nghệ	2	356

63.	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu Xã hội học	3	362
64.	SOC4058	Lý thuyết Xã hội học kinh điển	2	366

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA
CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN – 1**

1. Mã học phần: PHI 1004
2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ
3. Học phần tiên quyết: không có
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giáo viên:

5.1. Dương Văn Thịnh: PGS TS – Khoa Triết học, trường ĐH KHXH & NV, ĐHQGHN

5.2. Các giảng viên – Khoa Triết học, trường ĐH KHXH & NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho sinh viên hệ thống quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, giúp sinh viên hình thành được thế giới quan và phương pháp luận triết học khoa học. Học phần cũng giúp sinh viên có khả năng kế thừa những nhân tố hợp lý của các trào lưu triết học trong lịch sử, nâng cao trình độ tư duy lý luận; có khả năng nhận diện và đấu tranh chống thế giới quan duy tâm, siêu hình. Từ đó sinh viên có năng lực sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- Về kiến thức

+ Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, phân biệt với quan điểm duy tâm, siêu hình về vấn đề này.

+ Bản chất và nội dung những nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật, phân biệt với phép biện chứng duy tâm và phương pháp siêu hình.

+ Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng

+ Lý luận về hình thái kinh tế – xã hội của C.Mác và sự vận dụng lý luận đó ở Việt Nam.

- Về kỹ năng

+ Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng phân tích, phê phán những quan điểm duy tâm, siêu hình, bảo vệ quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Có khả năng độc lập nghiên cứu, lý giải những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

- Về thái độ người học

+ Thấy được ý nghĩa, giá trị khoa học của học phần.

+ Xây dựng được niềm tin, lý tưởng và con đường tất yếu dẫn đến thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

+ Rèn luyện nhân cách sống và làm việc có kỷ cương và văn hóa.

8. Phương pháp kiểm tra

+ Kiểm tra thường xuyên (10%): Đi học đầy đủ, phát biểu xây dựng bài

+ Kiểm tra giữa kỳ (30%): Kiểm tra tại lớp, hoặc tiểu luận, bài tập nhóm

+ Kiểm tra, đánh giá cuối môn (60%): Thi viết hoặc vấn đáp

9. Giáo trình bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb CTQG HN.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb CTQG HN.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008): *Giáo trình triết học Mác – Lênin*. Nxb CTQG

4. Trần Văn Phòng, Phạm Ngọc Quang, Nguyễn Thế Kiệt (2004), *Tìm hiểu môn triết học (dưới dạng hỏi và đáp)*, Nxb Lý luận chính trị.

10. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin phần 1 cung cấp cho người học hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất của thế giới, những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của thế giới vật chất; bản chất, nguồn gốc, kết cấu của ý thức và biện chứng của quá trình nhận thức; những quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển xã hội loài người. Từ đó giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học

khoa học, có khả năng vận dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

1.1 Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin

1.1.1 Chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành của nó

1.1.2 Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin

1.2 Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin

1.2.1 Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

1.2.2 Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

Chương 2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất và ý thức

2.1 Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

2.1.2. Các hình thức của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử

2.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.2.1 Vật chất

Phạm trù vật chất; phương thức và hình thức tồn tại của vật chất; tính thống nhất vật chất của thế giới

2.2.2 Ý thức

Nguồn gốc của ý thức; bản chất và kết cấu của ý thức

2.2.3 Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Vai trò của vật chất đối với ý thức; vai trò của ý thức đối với vật chất; ý nghĩa phương pháp luận.

Chương 3. Phép biện chứng duy vật

3.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

3.1.1 Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

3.1.2 Phép biện chứng duy vật

3.2 Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng

3.2.1 Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

3.2.2 Nguyên lý về sự phát triển

3.3 Những cặp phạm trù của cơ bản của phép biện chứng

3.3.1 Cái chung và cái riêng

3.3.2 Bản chất và hiện tượng

3.3.3 Tất nhiên và ngẫu nhiên

3.3.4 Nguyên nhân và kết quả

3.3.5 Nội dung và hình thức

3.3.6 Khả năng và hiện thực

3.4 Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.4.1 Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất

3.4.2 Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

3.4.3 Quy luật phủ định của phủ định

3.5 Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

3.5.1 Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

3.5.2 Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Chương 4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4.1 Sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

4.1.1 Sản xuất vật chất và vai trò của nó

4.1.2 Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

4.2 Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

4.2.1 Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

4.2.2 Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

4.3 Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

4.3.1 Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

4.3.2 Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

4.4 Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

4.4.1 Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

4.4.2 Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

4.4.3 Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội

4.5 *Đấu tranh giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội*

4.5.1 Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội

4.5.2 Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội

4.6 *Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân*

4.6.1 Con người và bản chất con người

4.6.2 *Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân*

12. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Tổng
	Lên lớp: 45			Thực hành	Tự nghiên cứu: 135	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	4		1			5
Chương 2	6		1			7
Chương 3	8		2			10
Chương 4	6		2			8
Cộng	24		6			30

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA
CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN - 2

1. Mã học phần: PHI 1005

2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

3. Môn học tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
(Phần 1)

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

5.1. Ngô Thị Phuong: PGS.TS, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

5.2. Các giảng viên: Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

6. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản trong học thuyết Mác-Lênin về những quan hệ, quy luật kinh tế và những quan hệ, quy luật chính trị - xã hội trong quá trình vận động và phát triển của xã hội từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- *Về kiến thức:*

sinh viên hiểu được bản chất của các quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị- xã hội trong chủ nghĩa tư bản. Từ những quan hệ đó, sinh viên nắm được bản chất và tác động của các quy luật kinh tế, chính trị-xã hội chi phối sự vận động và phát triển của xã hội từ hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế -xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- *Về kỹ năng:*

Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin để nghiên cứu những vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội trong xã hội hiện đại.

Sinh viên xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, lập trường cách mạng đúng đắn trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn có hiệu quả.

- *Về thái độ:*

Sinh viên thấy được ý nghĩa, giá trị khoa học của học phần.

Xây dựng được lý tưởng, niềm tin vào sự vận động tất yếu của xã hội dẫn đến thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đi học và tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên
- Kiểm tra giữa kỳ (30%): kiểm tra tại lớp, tiểu luận, bài tập nhóm
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (60%): Thi viết hoặc vấn đáp

9. Giáo trình bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb CTQG HN.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác - Lênin*, Nxb CTQG HN.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb CTQG HN

10. Tóm tắt nội dung học học phần

Học phần *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 2)* trình bày những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn là cơ sở quyết định sự vận động của những quan hệ, những quy luật chính trị - xã hội như quy luật về cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, về chính đảng của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa... Những quy luật kinh tế và quy luật chính trị - xã hội này luận giải tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Học thuyết giá trị

1.1 Sản xuất hàng hóa

- 1.1.1 Khái niệm và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa
- 1.1.2 Điều kiện ra đời của kinh tế hàng hóa
- 1.1.3 Ưu thế và hạn chế của sản xuất hàng hóa

1.2 Hàng hóa

1.2.1 Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa

1.2.1.1 Khái niệm hàng hóa

1.2.1.2 Hai thuộc tính của hàng hóa

1.2.1.3 Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa

1.2.2 Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

1.2.2.1 Lao động cụ thể

1.2.2.2 Lao động trừu tượng

1.2.3 Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

1.2.3.1 Lượng giá trị hàng hóa

1.2.3.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

1.3 Tiền tệ

1.3.1 Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

1.3.1.1 Các hình thái giá trị

1.3.1.2 Bản chất của tiền tệ

1.3.2 Chức năng của tiền tệ

1.3.2.1 Thước đo giá trị

1.3.2.2 Phương tiện lưu thông

1.3.2.3 Phương tiện thanh toán

1.3.2.4 Phương tiện cất trữ

1.3.2.4 Tiền tệ thế giới

1.4 Quy luật giá trị

1.4.1 Nội dung của quy luật giá trị

1.4.2 Tác dụng của quy luật giá trị

1.4.2.1 Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

1.4.2.2 Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

1.4.2.3 Phân hóa những người sản xuất hàng hóa

Chương 2. Học thuyết giá trị thặng dư

2.1 Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản

2.1.1 Công thức chung của tư bản

2.1.2 Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

2.1.3 Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

- 2.1.3.1 Hàng hóa sức lao động
- 2.1.3.2 Tiền công trong chủ nghĩa tư bản
- 2.2 *Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư*
- 2.2.1 Đặc điểm của quá trình sản xuất giá trị thặng dư
- 2.2.2 Sự hình thành giá trị thặng dư
- 2.2.3 Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
- 2.2.3.1 Tỷ suất giá trị thặng dư
- 2.2.3.2 Khối lượng giá trị thặng dư
- 2.2.4 Tư bản bất biến và tư bản khả biến
- 2.2.4.1 Tư bản bất biến
- 2.2.4.2 Tư bản khả biến
- 2.2.5 Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư
- 2.2.5.1 Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối
- 2.2.5.2 Sản xuất giá trị thặng dư tương đối
- 2.2.6 Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư

bản

- 2.3 *Tích lũy tư bản*
- 2.3.1 *Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản*
- 2.3.2 *Tích tụ và tập trung tư bản*
- 2.3.3 *Quy luật chung của tích lũy tư bản*
- 2.4 *Quá trình lưu thông của tư bản*
- 2.4.1 Tuần hoàn của tư bản
- 2.4.2 Chu chuyển của tư bản
- 2.4.3 Tư bản cố định và tư bản lưu động
- 2.5 *Quá trình phân phối giá trị thặng dư*
- 2.5.1 Quá trình hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân
- 2.5.1.1 Một số khái niệm cơ bản
- 2.5.1.2 Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân
- 2.5.2. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp
- 2.5.2.1 Tư bản thương nghiệp
- 2.5.2.2 Lợi nhuận thương nghiệp
- 2.5.2.3 Chi phí lưu thông

2.5.3 Tư bản cho vay và lợi tức

2.5.3.1 Tư bản cho vay

2.5.3.2 Lợi tức cho vay

2.5.3.3 Các hình thức của tư bản cho vay

2.5.4 Tư bản kinh doanh nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa

2.5.4.1 Đặc điểm của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp

2.5.4.2 Bản chất của địa tô

2.5.4.3 Các hình thức của địa tô

Chương 3. Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.1 Chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.1 Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.2 Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.2.1 Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền

3.1.2.2 Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính

3.1.2.3 Xuất khẩu tư bản

3.1.2.4 Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền

3.1.2.5 Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc

3.1.3 Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1.3.1 Hoạt động của quy luật giá trị

3.1.3.2 Hoạt động của quy luật giá trị thặng dư

3.2 Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.1 Bản chất và nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.1.1 Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.1.2 Nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.2 Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

3.2.2.1 Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước tư sản

3.2.2.2 Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước

3.2.2.3 Sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế

3.3 Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

3.3.1 Vai trò của chủ nghĩa tư bản

3.3.2 Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Chương 4. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.1 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.1.1 Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

4.1.1.1 Khái niệm giai cấp công nhân

4.1.1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.1.2 Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.1.2.1 Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân

4.1.2.2 Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

4.1.3 Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.1.3.1 Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân

4.1.3.2 Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân

4.2 Cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.1 Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

4.2.1.1 Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.1.2 Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.2 Mục tiêu, nội dung và động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.2.1 Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.2.2 Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.2.3 Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.3 Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

4.2.3.1 Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

4.2.3.2 Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

4.3 Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa

4.3.1 Xu hướng tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

4.3.2 Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa

4.3.2.1 Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4.3.2.2 Chủ nghĩa xã hội- giai đoạn thấp của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa

4.3.2.3 Chủ nghĩa cộng sản - giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chương 5. Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa

5.1 Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

5.1.1 Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

5.1.1.1 Khái niệm dân chủ và nền dân chủ

5.1.1.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

5.1.1.3 Những đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

5.1.2 Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

5.1.2.1 Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa

5.1.2.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

5.1.2.3 Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

5.2 *Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa*

5.2.1 Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.1.1 Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.1.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.1.3 Đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.2 Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.2.1 Nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.2.2.2 Xây dựng gia đình văn hóa

5.2.2.3 Phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

5.3 Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

5.3.1 Giải quyết vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

5.3.1.1 Khái niệm dân tộc, hai xu hướng của phong trào dân tộc

5.3.1.2 Nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

5.3.2 Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

5.3.2.1 Khái niệm tôn giáo và nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

5.3.2.2 Nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Chương 6. Chủ nghĩa xã hội: hiện thực và triển vọng

6.1 Chủ nghĩa xã hội hiện thực

6.1.1 Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

6.1.1.1 Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)

6.1.1.2 Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới

6.1.2 Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

6.1.2.1 Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới

6.1.2.2 Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực

6.2 Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó

6.2.1 Sự khủng hoảng và sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết

6.2.1.1 Sự khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết

6.2.1.2 Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu

6.2.2 Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết

6.2.2.1 Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết

6.2.2.2 Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết

6.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội

6.3.1 Chủ nghĩa tư bản - không phải là tương lai của xã hội loài người

6.3.2 Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

6.3.2.1 Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội

6.3.2.2 Thành tựu trong cải cách, mở cửa, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa

6.3.2.3 Sự xuất hiện những nhân tố mới của xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia trong thế giới đương đại

12. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Tổng
	Lên lớp: 45			Thực hành	Tự nghiên cứu: 135	
	Lý thuyết 36	Bài tập	Thảo luận 9			
Chương 1	6		1			7
Chương 2	5		2			7
Chương 3	6		1			7
Chương 4	7		1			8
Chương 5	7		2			9
Chương 6	5		2			7
Cộng	36		9			45

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mã môn học: POL 1001
2. Số tín chỉ: 02
3. Môn học tiên quyết : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Thông tin về giảng viên

ST	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM, HỌC VỊ	GHI CHÚ
1	Ngô Đăng Tri	PGS.TS	Bộ môn Lịch sử Đảng, Trường ĐHKH XH&NV, ĐHQGHN GV cơ hữu; ĐT: 0913593354
2	Tập thể giảng viên		Bộ môn Lịch sử Đảng, Trường ĐHKH XH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức:

+ Nắm được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại.

+ Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.

- Về kỹ năng:

+ Rèn luyện năng lực tư duy lí luận.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lí luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lí luận.

+ Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.

- Về thái độ:

+ Góp phần củng cố trong sinh viên lòng tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao lòng tự hào dân tộc và tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Góp phần đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể ứng xử đáp ứng được yêu cầu của một xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Mục tiêu chi tiết của môn học

Mục tiêu	Bậc 1 <i>(Nhớ)</i>	Bậc 2 <i>(Hiểu)</i>	Bậc 3 <i>(Phân tích, đánh giá)</i>
Nội dung 1 <i>- Giới thiệu về môn học</i> <i>- Xem phim tư liệu về Hồ Chí Minh</i>	I.A.1. Khái quát nội dung và yêu cầu cơ bản của môn học.	I.B.1. Khái quát về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh.	
Nội dung 2 <i>Chương mở đầu</i>	II.A.1. Định nghĩa và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. II.A.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tư	II.B.1. Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. II.B.2. Vị trí, vai trò của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống	II.C.1. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.

	tưởng Hồ Chí Minh.	các môn lý luận chính trị.	
Nội dung 3 <i>Chương 1</i>	III.A.1. Các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. III.A.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ hình thành và phát triển.	III.B.1. Phương pháp kế thừa biện chứng của Hồ Chí Minh đối với các giá trị tư tưởng - văn hóa của dân tộc và nhân loại. III.B.2. Vai trò của phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh đối với sự hình thành tư tưởng của Người. III.B.3. Sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh qua các thời kỳ.	III.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.
Nội dung 4 <i>Chương 2</i>	IV.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. IV.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.	IV.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.	IV.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. IV.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.
Nội dung 5 <i>Chương 3</i>	V.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về	V.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ	V.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

	<p>chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>V.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	<p>Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	<p>và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>V.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>
<p>Nội dung 6 <i>Chương 4</i></p>	<p>VI.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>VI.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.</p>	<p>VI.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	<p>VI.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>VI.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>
<p>Nội dung 7 <i>Chương 5</i></p>	<p>VII.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.</p> <p>VII.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.</p>	<p>VII.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p>	<p>VII.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <p>VII.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết</p>

			dân tộc và đoàn kết quốc tế.
Nội dung 8 <i>Chương 6</i>	VIII.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về dân chủ. VIII.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.	VIII.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.	VIII.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. VIII.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.
Nội dung 9 <i>Chương 7</i>	IX.A.1. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa. IX.A.2. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức. IX.A.3. Các luận điểm và quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.	IX.B.1. Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.	IX.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. IX.C.2. Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
Nội dung 10 <i>Tổng hợp kiến thức môn học</i>	IX.A.1. Hệ thống luận điểm, quan điểm của Hồ Chí Minh.	IX.B.1. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc học tập,	IX.C.1. Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ

<p><i>Thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh</i></p>		<p>vận dụng, bổ sung và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay.</p>	<p>Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.</p>
---	--	--	---

4. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội ở và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.
- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

5. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh
3. Mối quan hệ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

II. Phương pháp nghiên cứu

1. Cơ sở phương pháp luận
2. Các phương pháp cụ thể

III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước
2. Thời kỳ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc
3. Thời kỳ 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam
4. Thời kỳ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng
5. Thời kỳ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

CHƯƠNG 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc
2. Giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Kết luận

CHƯƠNG III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Con đường
2. Biện pháp

Kết luận

CHƯƠNG IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

Kết luận

CHƯƠNG V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

Kết luận

CHƯƠNG VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

1. Quan niệm về dân chủ
2. Thực hành dân chủ

II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động
2. Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước
3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ
4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Kết luận

CHƯƠNG VII: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

Kết luận

7. Giáo trình bắt buộc

7.1 Giáo trình bắt buộc

1. Đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nxb. CTQG, Hà Nội.

7.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

3. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn. Nxb CTQG, H., 2003.

4. Tập trích tác phẩm của Hồ Chí Minh do Bộ môn Khoa học Chính trị, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn.

5. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb CTQG, Hà Nội.

6. Võ Nguyễn Giáp (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Nxb CTQG, Hà Nội.

7. Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh*. NXB CTQG, Hà Nội.

8. Phan Ngọc Liên, Nghiêm Văn Thái (1993), *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*. Trường ĐH Sư phạm Hà Nội I-Viện TTKHXXH, Hà Nội.

9. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*. NXB LLCT, Hà Nội.

10. Song Thành (chủ biên, 2007): *Hồ Chí Minh tiểu sử*. Nxb CTQG, Hà Nội.

11. Song Thành (1997): *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh*. Nxb CTQG, Hà Nội.

12. Vũ Ngọc Khánh (1999), *Minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. VH-TT, Hà Nội.

13. Trịnh Nhu, Vũ Dương Ninh (1996), *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh*. Nxb CTQG, Hà Nội.

14. Furuta Motoo (1997), *Hồ Chí Minh - giải phóng dân tộc và đổi mới*. Nxb CTQG, Hà Nội.

15. Vũ Viết Mỹ (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb CTQG, Hà Nội.

16. Hoàng Trang- Phạm Ngọc Anh đồng chủ biên (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Nxb LĐ, Hà Nội.

17. Mạch Quang Thắng (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản*. Nxb CTQG, Hà Nội.

18. Phùng Hữu Phú (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*. Nxb CTQG, Hà Nội.

19. Nguyễn Dy Niên (2002), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*. Nxb CTQG, Hà Nội.

20. Nguyễn Đình Lộc (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*. Nxb CTQG, Hà Nội.

21. Thành Duy chủ biên (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*. NXB CTQG, Hà Nội.

22. Đặng Xuân Kỳ chủ biên (2005): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*. NXB CTQG, Hà Nội.

23. <http://www.cpv.org.vn>

24. <http://www.dangcongsan.vn>

25. <http://www.tapchicongsan.org.vn>

26. Phim tư liệu *Hồ Chí Minh chân dung một con người*.

8. Hình thức tổ chức dạy học

8.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học			
	Lên lớp		Thực hành, thí nghiệm, điền dã	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận		
Nội dung 1	2	0	0	0
Nội dung 2	2	1	0	0
Nội dung 3	2	1	0	0
Nội dung 4	2	1	0	0
Nội dung 5	2	1	0	0
Nội dung 6	2	1	0	0

Nội dung 7	2	1	0	0
Nội dung 8	2	1	0	0
Nội dung 9	4	1	0	0
Nội dung 10	0	0	0	0
Tổng số	20	8	2	0
	30			

8.2. Lịch trình cụ thể (15 tuần, mỗi tuần 02 giờ tín chỉ)

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Tuần 1				
<i>Lý thuyết</i>	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 1	Tải xuống và nghiên cứu trước đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh từ mạng của ĐHQGHN.	
Tuần 2				
<i>Lý thuyết</i>	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 2	- Đọc HL số 2, chương mở đầu. - Xây dựng đề cương sơ lược chương mở đầu trước khi đến lớp.	
Tuần 3				
<i>Lý thuyết</i>	1 giờ trên giảng đường	Nội dung 3	- Đọc HL số 2-chương 1, số 4 (TL 7, 26, 41, 46, 48, 49, 50). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 1 trước khi đến lớp.	
Tuần 4				
<i>Thảo luận</i>	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 2 Nội dung 3	Mỗi nhóm sinh viên đọc thêm HLTK và chuẩn bị trước báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề sau: - Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư	

			<p>tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam. - Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới. 	
Tuần 5				
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc HL số 2- chương 2; HL số 4 (TL 3, 4, 5, 6, 8, 10, 14, 31, 36). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 2 trước khi đến lớp. 	
Tuần 6				
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc HL số 2 -chương 3; HL số 4 (TL 1, 2, 6, 31, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 42). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 3 trước khi đến lớp. 	
Tuần 7				
Thảo luận	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 4 Nội dung 5	<p>Mỗi nhóm sinh viên đọc thêm HLTK và chuẩn bị trước báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề sau:- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. - Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	

			- Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
Tuần 8			
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 6	- Đọc HL số 2-chương 4; HL số 4 (TL 6, 8, 9, 10, 21, 23, 26, 31, 42, 46, 48). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 4 trước khi đến lớp.
Tuần 9			
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 7	- Đọc HL số 2 –chương 5; HL số 4 (TL3, 5, 6, 9, 11, 12, 13, 18, 19, 27, 32, 33, 44). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 5 trước khi đến lớp.
Tuần 10			
Thảo luận	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 6 Nội dung 7	Mỗi nhóm sinh viên đọc thêm HLTK và chuẩn bị trước báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề sau: - Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. - Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

			- Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
Tuần 11			
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 8	- Đọc HL số 2-chương 6; HL số 4 (TL 6, 8, 15, 16, 17, 21, 22, 25, 29, 40). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 6 trước khi đến lớp.
Tuần 12			
Thảo luận	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 8	- Đọc HL số 2-chương 7; HL số 4 (TL 7, 15, 20, 21, 24, 28, 37, 43, 45, 47, 48, 49, 50). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 7 trước khi đến lớp
Tuần 13			
Lý thuyết	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 9	- Đọc HL số 2-chương 7; HL số 4 (TL 7, 15, 20, 21, 24, 28, 37, 43, 45, 47, 48, 49, 50). - Xây dựng đề cương sơ lược chương 7 trước khi đến lớp.
Tuần 14			
Thảo luận	2 giờ trên giảng đường	Nội dung 9	Mỗi nhóm sinh viên đọc thêm HLTK và chuẩn bị trước báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề sau: - Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề dân chủ. - Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề xây dựng nhà nước của

			<p>dân, do dân, vì dân.</p> <p>- Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.</p> <p>- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa.</p> <p>- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực đạo đức .</p> <p>- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xây dựng con người mới.</p> <p>- Ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.</p>	
Tuần 15				
Lý thuyết	2 giờ ở bảo tàng Hồ Chí Minh	Nội dung 10	<p>- Hoàn chỉnh đề cương các chương.</p> <p>- Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học.</p>	

8.3. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

- Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc môn học với điều kiện:
- + Có mặt ít nhất 80% tổng số giờ trên lớp.
- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học theo hướng dẫn của giảng viên.
- Sinh viên được cộng điểm vào điểm kiểm tra-đánh giá thường xuyên nếu tích cực tham gia phát biểu ý kiến và các ý kiến phát biểu có chất lượng.
- Sinh viên được xem phim tư liệu, tham quan thực tế.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra - đánh giá

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân: <i>Mục tiêu bậc 1:</i> Các vấn đề lý thuyết. Thảo luận nhóm: <i>Mục tiêu bậc 1 và 2:</i> Chủ yếu về lý thuyết, bước đầu đòi hỏi hiểu sâu.	Đánh giá khả năng <i>nhớ</i> và <i>tái hiện</i> các nội dung cơ bản của môn học. Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, khả năng trình bày, thuyết trình một vấn đề lý luận cơ bản.	10%
Kiểm tra giữa kỳ	<i>Mục tiêu bậc 1, 2 và 3:</i> Chủ yếu về lý thuyết, hiểu sâu và có liên hệ thực tế.	Đánh giá kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng trình bày.	30%
Kiểm tra cuối kỳ	<i>Mục tiêu bậc 1,2 và 3:</i> hiểu sâu lý thuyết, đánh giá được giá trị của lý thuyết trên cơ sở liên hệ lý luận với thực tế.	Đánh giá trình độ nhận thức và kỹ năng liên hệ lý luận với thực tiễn.	60%
Tổng:			100%

9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

9.2.1. Loại bài tập cá nhân (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 1)

Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này bao gồm:

- Nội dung:

+ Nắm được được nội dung cơ bản của từng chương.

+ Trình bày được đề cương sơ lược cho từng chương và toàn môn học.

+ Sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn (có thể sử dụng thêm tài liệu do người học tự tìm).

- Hình thức:

Trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và có dẫn xuất xứ, độ dài từ 01 đến 02 trang khổ A4/01 chương.

9.2.2. Loại bài tập nhóm (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 1 và 2)

Loại bài tập này được các nhóm thực hiện trước tại nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên. Mỗi nhóm cử 01 người/những người đại diện trình bày trên lớp (hoặc theo sự chỉ định của giảng viên).

Bài tập nhóm được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm, sự trình bày của đại diện nhóm và các ý kiến tham gia thảo luận.

Báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm phải thực hiện theo mẫu sau:

Báo cáo kết quả nghiên cứu nhóm

Đề tài nghiên cứu:

1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công:

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
.	Nguyễn Văn A		Nhóm trưởng
.	

2. Quá trình làm việc của nhóm (miêu tả các buổi họp, có thể có biên bản kèm theo).

3. Tổng hợp kết quả làm việc nhóm.

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Nhóm trưởng

(Kí tên)

* Lưu ý:

- Việc chia nhóm và phân công nhóm trưởng được thực hiện từ đầu khóa học.
- Các loại bài tập phải nộp cho giảng viên (có thể nộp qua email) chậm nhất 01 ngày trước buổi lên lớp.

- Điểm bài tập nhóm của mỗi sinh viên được tính theo công thức:

$$\text{Điểm bài tập nhóm} = \frac{\text{Tổng số điểm các bài tập nhóm mà sinh viên tham gia}}{\text{Tổng số bài tập mà nhóm phải thực hiện}}$$

Sinh viên không tham gia thực hiện bài tập nhóm nào thì điểm bài tập ấy của sinh viên tính điểm 0.

9.2.3. Loại bài tập lớn giữa kỳ (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 2 và 3).

Sau khi học xong chương 3, sinh viên sẽ làm bài tập lớn giữa kỳ (giảng viên cho chủ đề để sinh viên viết ở nhà, nộp bài sau 2 tuần; hoặc thi trên lớp).

Tiêu chí đánh giá đối với bài viết ở nhà:

- Nội dung:

+ *Tiêu chí 1*: Xác định đúng vấn đề cần phải giải quyết.

+ *Tiêu chí 2*: Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy lý luận tốt.

+ *Tiêu chí 3*: Có sử dụng các tài liệu, phương pháp nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn.

- Hình thức:

+ *Tiêu chí 4*: Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và có dẫn xuất xứ, độ dài từ 03 đến 04 trang khổ A4.

* Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:

Điểm	Tiêu chí
9 - 10	- Đạt cả 4 tiêu chí
7 – 8	- Đạt 2 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu, song chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận. - Tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ.
5 – 6	- Đạt tiêu chí 1. - Tiêu chí 2: sức thuyết phục của các luận cứ, luận chứng chưa thật cao, vấn đề chưa được giải quyết trọn vẹn. - Tiêu chí 3, 4: còn mắc một vài lỗi nhỏ.
Dưới 5	- Không đạt cả 4 tiêu chí.

9.2.4. Loại bài tập lớn cuối kỳ (Thi học kỳ - đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 1, 2 và 3):

- Thi viết theo hình thức đề đóng.

- Tiêu chí và biểu điểm như đối với 9.2.3.

9.3. Lịch kiểm tra, lịch thi lần 1, lịch thi lại:.....

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Mã môn học: HIS 1002
2. Số tín chỉ : 02
3. Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- 4 Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Thông tin về giảng viên

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM, HỌC VỊ	GHI CHÚ
1	Ngô Đăng Tri	PGS.TS	GV cơ hữu; ĐT: 0913593354
2	Vũ Quang Hiến	PGS.TS	GV cơ hữu; ĐT: 0913084903
3	Lê Văn Thịnh	PGS.TS	GV cơ hữu; ĐT: 0989254941
4	Nguyễn Thị Mai Hoa	PGS.TS	GV cơ hữu; ĐT: 0988683899
5	Phạm Thị Lương Diệu	TS	GV cơ hữu; ĐT: 0437613464
6	Lê Thị Quỳnh Nga	TS	GV cơ hữu; ĐT: 0983935765
7	Đỗ Thị Thanh Loan	ThS	GV cơ hữu; ĐT: 0989254941
8	Phạm Minh Thế	ThS	GV cơ hữu; ĐT: 0978573380
9	Nguyễn Quang Liệu	TS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0913536802
10	Nguyễn Huy Cát	ThS	GV thỉnh giảng; ĐT: 0912288125
11	Nguyễn Đoàn Phương	ThS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0912442429
12	Đình Xuân Lý	PGS. TS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0912005841
13	Trần Kim Đình	PGS. TS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0913247783
14	Phạm Quốc Thành	TS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0912010021
15	Nguyễn Đức Cường	TS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0912593419
16	Phạm Đức Tiến	ThS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0912039345
17	Hồ Thành Tâm	ThS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0936210886
18	Trương Bích Hạnh	ThS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0904194843
19	Hoàng Hồng Nga	ThS	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0983856051
20	Hồ Thị Liên Hương	CN	GV kiêm nhiệm; ĐT: 0984490884

- Địa chỉ Khoa phụ trách môn học: Khoa Lịch sử, Nhà B Trường ĐHKHXH&NV, 336, Nguyễn Trãi, Hà Nội

6. Mục tiêu của môn học

6.1. Mục tiêu chung

Trang bị có hệ thống các tri thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, nhất là đường lối xây dựng và bảo vệ đất nước thời kỳ đổi mới; trên cơ sở đó, nêu lên những thành tựu, ưu điểm để phát huy, những hạn chế để khắc phục và rút ra các bài học kinh nghiệm để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

6.2. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- Về kiến thức:

+ Nhớ, hiểu được các khái niệm liên quan đến môn học,
+ Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam;

+ Hình thành được hệ thống tri thức cơ bản về đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước (1945- 1975), đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1975, nhất là trong thời kỳ đổi mới, từ năm 1986 đến nay (2015)

+ Nhận thức rõ những thành công, những thắng lợi để phát huy, những hạn chế phải khắc phục, những bài học kinh nghiệm cần vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xác định và tổ chức thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn hiện tại.

- Về kỹ năng

+ Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội.

+ Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu, đường lối, chủ trương của Đảng; có kỹ năng trình bày một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

+ Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Về thái độ

+ Tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng.

+ Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện bản thân về đạo đức và trình độ chuyên môn.

7. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

7.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên

Việc kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận.

- Mục tiêu: Kiểm tra đánh giá thường xuyên nhằm củng cố tri thức và nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách dạy và học cho phù hợp.

- Tiêu chí đánh giá thường xuyên

+ Xác định được nhiệm vụ và mục đích vấn đề

+ Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn

+ Chuẩn bị bài đầy đủ.

+ Tích cực tham gia ý kiến.

7.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ

Hình thức	Nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Tỷ lệ điểm
Đánh giá thường xuyên trên lớp (phát biểu, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận)	Điểm danh Tính tích cực học tập của sinh viên	- Ý thức học tập của sinh viên - Trách nhiệm đối với học phần của sinh viên - chuẩn bị bài, đọc sách - có được thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh cách dạy và học phù hợp	10%

Bài kiểm tra giữa kỳ	Năng lực khái quát kiến thức của sinh viên	Đánh giá tổng hợp kiến thức và kỹ năng thu được sau nửa học kỳ	30%
Bài kiểm tra cuối kỳ	Năng lực phân tích, so sánh, đưa ra nhận định cá nhân của sinh viên	Đánh giá trên 3 mức: trình bày, chứng minh, phân tích, so sánh của sinh viên	60%

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb CTQG, H (Nguyễn Việt Thông, Đinh Xuân Lý, Ngô Đăng Tri, ...).

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb CTQG, Hà Nội (Lê Mậu Hãn, Mạch Quang Thắng, Ngô Đăng Tri, Vũ Quang Hiền...).

3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008): *Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, H.(Đinh Xuân Lý, Nguyễn Trọng Phúc, Ngô Đăng Tri, Đoàn Ngọc Hải,...)

4. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, H

5. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, H

6. Ngô Đăng Tri. *82 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930- 2012)*, Nxb Thông tin và truyền thông, H N, 2012

9. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Trình bày rõ bối cảnh lịch sử và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cung cấp những kiến thức cơ bản, với nguồn tư liệu xác thực đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới về một số lĩnh

vực cơ bản của đời sống xã hội; Nêu lên những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm về xác định và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng để vận dụng sáng tạo vào giai đoạn cách mạng hiện tại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

10. Nội dung chi tiết môn học:

Chương Mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu

+ Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

+ Phương pháp nghiên cứu

+ Ý nghĩa của học tập môn học

Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

1.1.2. Hoàn cảnh trong nước

1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng

1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

2.1.1. Trong những năm 1930-1935

2.1.2. Trong những năm 1936-1939

2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Chương 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954- 1975)

3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964

3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975

3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

4.1. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

4.1.1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

4.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

4.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

4.2.3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới

5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1989)

6.1.1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

6.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối

6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

6.2.1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

6.2.3. Đánh giá sự thực hiện đường lối

Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa

7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới

7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới

7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới

7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới

Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1986

8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới

8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Kết luận

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC CƠ SỞ

1. Mã học phần: INT1004

2. Số tín chỉ: 03

3. Học phần tiên quyết: Không

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác)

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Vũ Ngọc Loan
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS.
- Thời gian, địa điểm làm việc: theo giờ hành chính
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Thông tin – Thư viện, Trường ĐHKHXHNV
- Điện thoại:
- Email: vungocloan52@yahoo.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Hồng Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: ThS.
- Thời gian, địa điểm làm việc: theo giờ hành chính
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Thông tin – Thư viện, Trường ĐHKHXHNV
- Điện thoại:
- Email: vanvh01@yahoo.com

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

- Mô đun 1: “Tin học Đại cương” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, hệ thống hóa các kiến thức sinh viên đã được học ở trường phổ thông và bổ sung một số kiến thức mới.

Sau khi học xong, sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin, hiểu rõ về các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường (làm việc với hệ điều hành, soạn thảo văn bản, bảng tính, trình chiếu, tìm kiếm thông tin trên mạng...); Sử dụng thành thạo phần mềm cụ thể.

- Mô đun 2: “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”

Sau khi học xong, sinh viên có kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ và hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ; Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

7.1. Kiến thức:

Với Mô đun 1 - “Tin học Đại cương”, sau khi học xong sinh viên có:

- Các kiến thức cơ bản về thông tin (khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo tin, mã hoá thông tin, xử lý thông tin);
- Các kiến thức về công cụ xử lý thông tin (máy tính, nguyên lý máy tính, các thiết bị, các loại phần mềm....), nguyên lý Von Neumann;
- Các kiến thức cơ bản về mạng truyền thông;
- Hiểu biết một số phần mềm thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác internet);

Với Mô đun 2 - “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”, sau khi học xong sinh viên có:

- Kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ.
- Kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ.

7.2. Kỹ năng:

Với Mô đun 1 - “Tin học Đại cương”, sau khi học xong sinh viên có thể:

- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể:
- Soạn thảo tài liệu;
- Quản lý dữ liệu qua các bảng tính;
- Trình chiếu;
- Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử;
- Làm được trang web đơn giản,
- Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

Với Mô đun 2 - “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”, sau khi học xong sinh viên có thể:

- Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể.
- Có thể lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

7.3. Thái độ:

Có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

- Điểm chuyên cần: trọng số 0,1
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: trọng số 0,3
- Điểm kiểm tra cuối kỳ: trọng số 0,6

Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

+ Yêu cầu về nội dung:

- 1) Xác định được mục đích câu hỏi
- 2) Sử dụng thao tác, đúng lệnh, công thức, hàm
- 3) Có phương pháp giải tối ưu
- 4) Có kết quả đúng

+ Yêu cầu về hình thức:

- 5) Trình bày đẹp, ngắn gọn, rõ ràng dễ hiểu

9. Giáo trình bắt buộc

- [1] Bài giảng của giáo viên.
- [2] Phạm Hồng Thái, Đào Minh Thư, Lương Việt Nguyên, Dư Phương Hạnh, Nguyễn Việt Tân,. Giáo trình thực hành Tin học Cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2008.
- [3] Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy, Giáo trình Tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2006.
- [4] Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Writer tại địa chỉ :
[http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi-Docs/Writer](http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office%20tools/OpenOffice-Vi-Docs/Writer)
- [5] Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Calc tại địa chỉ :

[http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi-Docs/Calc](http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office%20tools/OpenOffice-Vi-Docs/Calc)

[6] Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Impress tại địa chỉ :

[http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi-Docs/Impress](http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office%20tools/OpenOffice-Vi-Docs/Impress)

[7] Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Base tại địa chỉ :

http://www.oooauthors.org/english/userguide3/g3/V32_published/0108GS3-GettingStartedWithBase.pdf/

10. Tóm tắt nội dung học phần

Mô đun 1- Tin học Đại cương

- Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, máy tính, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phần 2: Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ điều hành, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

Mô đun 2- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ

- Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ; rèn các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể.

- Giới thiệu lập trình quản lý thông qua macro và môđun đơn giản trong Visual Basic.

11. Nội dung chi tiết học phần

Môđun 1 - Tin học Đại cương

Phần 1- Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin

I. Thông tin và xử lý thông tin

1. Thông tin
2. Mã hoá thông tin
3. Xử lý thông tin

II. Xử lý thông tin bằng máy tính điện tử

1. Xử lý thông tin tự động bằng máy tính điện tử

2. Tin học và công nghệ thông tin

III. Máy tính điện tử

1. Nguyên lý Von Neumann
2. Kiến trúc chung của máy tính điện tử
3. Đơn vị số học - ALU
4. Đơn vị điều khiển – CU
5. Bộ nhớ
6. Bộ xử lý và cách thức thi hành lệnh
7. Các thiết bị ngoại vi

IV. Các hệ đếm thường dùng trong tin học

1. Hệ đếm
2. Hệ đếm nhị phân và hệ đếm cơ số 16
3. Đổi biểu diễn số trong các hệ đếm khác nhau

V. Một số kiến thức về đại số logic

1. Các hàm đại số logic
2. Biểu diễn hàm đại số logic
3. Áp dụng đại số logic trong việc thiết kế các mạch logic

VI. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1. Phân loại dữ liệu
2. Dữ liệu kiểu số (số dấu phẩy tĩnh, số dấu phẩy động chuẩn IEEE)
3. Dữ liệu phi số (văn bản, logic, dữ liệu đa phương tiện...)
4. Truyền tin giữa các máy tính

VII. Thuật toán xử lý thông tin

1. Khái niệm bài toán và thuật toán
2. Đặc trưng của thuật toán
3. Các phương pháp diễn đạt thuật toán
4. Sơ lược về đánh giá thuật toán

VIII. Hệ điều hành

1. Khái niệm về hệ điều hành
2. Các chức năng của hệ điều hành
3. Sự tiến triển của các hệ điều hành

IX. Phần mềm

1. Khái niệm về phần mềm
2. Phần mềm hệ thống
3. Phần mềm ứng dụng và một số loại phần mềm ứng dụng
4. Phần mềm mã nguồn mở

X. Ngôn ngữ lập trình và chương trình dịch

1. Khái niệm về ngôn ngữ lập trình
2. Các mức khác nhau của ngôn ngữ lập trình: ngôn ngữ máy, hợp ngữ (assembly) và ngôn ngữ thuật toán.
3. Khái niệm chương trình dịch

XI. Mạng máy tính

1. Mạng máy tính
2. Các mô hình xử lý cộng tác

XII. Internet

1. Lịch sử ra đời của Internet
2. Các tài nguyên và dịch vụ trên Internet
3. Công nghệ Internet (TCP/IP)

XIII. Ứng dụng của công nghệ thông tin

1. Các bài toán khoa học kỹ thuật
2. Các bài toán quản lý
3. Tự động hoá
4. Công nghệ thông tin trong hoạt động văn phòng
5. Công nghệ thông tin và giáo dục
6. Thương mại điện tử
7. Công nghệ thông tin và cuộc sống hàng ngày

XIV. Công nghệ thông tin và xã hội

1. Công nghệ thông tin và xã hội
2. An toàn thông tin và tội phạm công nghệ thông tin
3. Sở hữu trí tuệ và bản quyền phần mềm

Phần 2. Sử dụng máy tính

I. Sử dụng hệ điều hành

1. Tổ chức thông tin trên bộ nhớ ngoài: Cấu trúc cây phân cấp của hệ thống tệp và thư mục, quy ước đặt tên tệp và thư mục (MS Windows / PC Linux)
2. Các chức năng thông dụng của hệ điều hành máy tính cá nhân dùng giao diện đồ họa (MS Windows / PC Linux)
 - Giới thiệu chung, khởi động, đăng nhập và kết thúc phiên làm việc
 - Làm việc với một cửa sổ
 - Làm việc trên màn hình nền Desktop
 - Làm việc với một ứng dụng
 - Quản trị tệp và thư mục
 - Giới thiệu về một số kỹ năng nâng cao

II. Phần mềm soạn thảo văn bản

1. Bắt đầu với soạn thảo văn bản.
 - Khởi động và đóng phần mềm
 - Màn hình làm việc
 - Tạo mới, ghi, mở và đóng văn bản
2. Các phương tiện soạn thảo và sửa
 - Đánh dấu, sao chép, cắt dán
 - Tìm kiếm và thay thế
 - Môi trường tiếng Việt
3. Định dạng văn bản
 - Định dạng chữ, đoạn văn bản
 - Đánh chỉ số
 - Tạo chương, mục
4. Bảng biểu, hình vẽ và công thức
 - Tạo bảng và các thao tác với bảng
 - Vẽ hình và nhúng hình ảnh trong văn bản
 - Viết công thức
5. Định dạng trang và in ấn
 - Định dạng trang
 - In ấn

III. Phần mềm đồ họa

1. Tạo mới, mở và đóng một hình vẽ
2. Đặt màu và chọn bút vẽ
3. Vẽ tự do
4. Vẽ các hình hình học
5. Tô màu, cắt dán, sao chép
6. Đưa văn bản vào hình

IV. Bảng tính

1. Khái niệm bảng tính
2. Bắt đầu với phần mềm bảng tính
 - Khởi động
 - Màn hình làm việc
 - Tạo mới, mở đóng bảng tính
3. Các thao tác cơ bản
 - Sao chép, cắt, dán, di chuyển
 - Điều chỉnh ô, dòng, cột
 - Lên trang và in
4. Xử lý dữ liệu
 - Định dạng dữ liệu
 - Tìm kiếm, thay thế
 - Sắp xếp
5. Tính toán trên bảng
 - Công thức và hàm
 - Các hàm cơ bản
6. Biểu đồ và hình vẽ
7. Dàn trang và in ấn

V. Phần mềm trình chiếu

1. Phần mềm trình chiếu
 - Khởi động
 - Mở /đóng một trình chiếu
 - Màn hình làm việc
2. Các thao tác cơ bản với slide

- Tạo mới, chèn, xóa một slide
- Thay đổi bài trí (layout), thay đổi khuôn mẫu (template)
- Làm việc với slide master
- Làm việc với các đối tượng
 - o Đối tượng văn bản
 - o Đối tượng hình ảnh
 - o Đối tượng bảng biểu
 - o Đối tượng âm thanh

3. Các hiệu ứng và chế độ trình chiếu

VI. Internet

1. Các khái niệm cơ bản về Internet

2. E-mail

- Khái niệm về hệ thống e-mail
- Soạn, gửi và nhận e-mail
- Gửi kèm tệp, chuyển tiếp e-mail
- Quản lý mail

3. Web

- Sơ lược về siêu văn bản và hệ thống World-Wide-Web
- Trình duyệt,
- Các công cụ tìm kiếm thông tin trên web

4. Giới thiệu ngôn ngữ siêu văn bản

- HTML
- Tạo trang web đơn giản

Mô đun 2- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ

1. Mở đầu

1.1 Giới thiệu chung về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu

1.2. Bước đầu làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu

1.3. Làm việc với cơ sở dữ liệu

1.4. Thay đổi các thiết đặt cơ sở

2. Bảng (table) trong cơ sở dữ liệu

2.1. Khái niệm bảng và các thao tác chính với bảng

- 2.2. Xác định các trường khóa
- 2.3. Thiết kế, bài trí bảng
- 2.4. Quan hệ giữa các bảng
3. Sử dụng biểu mẫu (form)
 - 3.1. Khái niệm biểu mẫu, cấu trúc của biểu mẫu
 - 3.2. Tạo các biểu mẫu bằng Wizard
 - 3.3. Các loại điều khiển, hộp công cụ
 - 3.4. Hoàn chỉnh thiết kế biểu mẫu
 - 3.5. Dùng biểu mẫu để cập nhật dữ liệu từ bảng chọn
4. Truy vấn thông tin
 - 4.1. Câu lệnh Select
 - 4.2. Truy vấn nhiều bảng (Crosstable Query)
 - 4.3. Truy vấn có tham số (Parameter Query)
 - 4.4. Truy vấn hành động (Action Query)
 - 4.5. Truy vấn gộp nhóm (Aggregate Query)
5. Báo cáo
 - 5.1. Khái niệm báo cáo, công dụng của báo cáo
 - 5.2. Xây dựng một báo cáo dựa trên bảng, truy vấn
 - 5.3. Sắp xếp và tập hợp dữ liệu theo nhóm
 - 5.4. Tổng hợp dữ liệu
6. Thiết kế chương trình ứng dụng
 - 6.1. Macro
 - Công dụng của macro
 - Tạo macro đơn giản
 - Tạo macro với điều kiện
 - 6.2 Giới thiệu chung về Visual Basic (VB)
 - Cơ bản về VB
 - Chuyển đổi macro sang câu lệnh VB
 - Các mô đun

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Mã học phần: HIS 1056

2. Số tín chỉ: 3 TC

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

- *Họ và tên giảng viên 1:* Nguyễn Thị Hoài Phương

- *Chức danh, học hàm học vị:* Giảng viên, ThS.

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn VHH&LSVHVN, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Email:* phuongnguyenhoai.ls@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 2:* Đỗ Thị Hương Thảo

- *Chức danh, học hàm học vị:* Giảng viên, TS.

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn VHH&LSVHVN, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Email:* do.dohuongthao@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 3:* Đinh Đức Tiến

- *Chức danh, học hàm học vị:* Giảng viên, TS

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn VHH&LSVHVN, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Email:* tiendinhduc@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 4:* Nguyễn Bảo Trang

- *Chức danh, học hàm học vị:* Thạc sĩ

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn VHH&LSVHVN, khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Email:* baotrangnguyen@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 5:* Nguyễn Ngọc Minh

- *Chức danh:* Giảng viên

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn VHH&LSVHVN, khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Email:* nguyennhocminh.lsvh@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa và con người, môi trường tự nhiên và xã hội. Người học cũng được tìm hiểu các khái niệm có liên quan: văn minh, văn hiến, văn vật, di sản văn hóa... Học phần cung cấp những tri thức chuyên sâu về văn hóa với tư cách là sản phẩm, biểu hiện cụ thể, rõ rệt của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, về chức năng giáo dục, thẩm mỹ, về các đặc trưng của gia đình, dòng họ, làng xã... Học phần cũng cung cấp những tri thức cơ bản về tiếp xúc và giao lưu văn hóa, khái lược quá trình, đặc điểm của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở Việt Nam. Học phần cũng bước đầu giới thiệu quá trình, đặc điểm, vai trò của một số thành tố văn hóa như ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội. Học phần còn khái lược lại diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam với ba trung tâm văn hóa chính. Học phần cũng bước đầu giới thiệu lý thuyết và cách thức phân loại các không gian văn hóa ở Việt Nam.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Học phần đảm bảo người học sẽ đạt được những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến vấn đề tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở Việt Nam, cụ thể:

a. Về kiến thức:

- Người học nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa và các khái niệm có liên quan. Khái niệm văn hóa là sản phẩm, biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với môi trường sống (tự nhiên và xã hội); các tộc người, nhóm người có môi trường sống khác nhau có văn hóa khác nhau.

- Người học nắm được những đặc điểm cơ bản của một số thiết chế xã hội đặc thù ở Việt Nam, từ đó có thể phân tích, lý giải sự biến đổi của những thiết chế văn hóa này trong xã hội hiện đại.

- Người học nắm được nguồn gốc, đặc trưng của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa, khái lược tiếp xúc và giao lưu văn hóa là sự vận động tự nhiên, gắn với sự phát triển của xã hội, văn hóa.

- Người học nắm được những đặc điểm cơ bản của một số thành tố văn hóa, từ đó có thể lý giải sự vận động của những thành tố này trong đời sống xã hội hiện đại.

- Người học hiểu được diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam, bước đầu khẳng định được văn hóa Việt Nam thống nhất trong sự đa dạng.

- Người học nắm được lý thuyết và cách phân loại không gian văn hóa ở Việt Nam, từ đó hiểu được sự khác biệt trong văn hóa cùng miền.

b. Về kỹ năng:

- Người học có được các kỹ năng đọc và phân tích tài liệu.

- Người học có khả năng liên hệ, áp dụng lý thuyết chung trong từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

- Người học có khả năng độc lập nghiên cứu, thuyết trình và làm việc theo nhóm khi được phân công diễn giải về một vấn đề cụ thể của văn hóa, lịch sử văn hóa .

- Thông qua quá trình tìm hiểu, áp dụng lí thuyết nghiên cứu văn hóa nói chung, trong đó có Việt Nam, người học có thể rút ra được những đặc trưng nổi bật, căn bản của văn hóa, lịch sử văn hóa Việt Nam.

- Người học có khả năng phân tích và vận dụng kiến thức liên ngành trong quá trình nghiên cứu.

- Người học có khả năng liên hệ tới các vấn đề về tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam hiện nay.

c. Về thái độ:

- Người học có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình đọc, tham khảo, xử lý tư liệu, tích cực tham gia vào các hoạt động thảo luận, seminar và trung thực trong kiểm tra, thi cử.

- Sinh viên có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời sinh viên có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

- Sinh viên hiểu được diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam cũng như các không gian văn hóa, hiểu được quá trình thống nhất trong sự đa dạng của văn hóa Việt Nam.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

8.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên

Việc kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận.

8.1.1. Mục tiêu: Kiểm tra đánh giá thường xuyên nhằm củng cố tri thức và nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách dạy và học cho phù hợp.

8.1.2. Tiêu chí đánh giá thường xuyên

- Xác định được nhiệm vụ và mục đích vấn đề
- Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Chuẩn bị bài đầy đủ.
- Tích cực tham gia ý kiến.

8.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ

Hình thức	Nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Tỷ lệ điểm
Đánh giá thường xuyên trên lớp (phát biểu, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận)	Điểm danh Tích tích cực học tập của sinh viên	- Ý thức học tập của sinh viên - Trách nhiệm đối với học phần của sinh viên - chuẩn bị bài, đọc sách - có được thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh cách dạy và học phù hợp	10%
Bài kiểm tra giữa kỳ	Năng lực khái quát kiến thức của sinh viên	Đánh giá tổng hợp kiến thức và kỹ năng thu được sau nửa học kỳ	30%
Bài kiểm tra cuối kỳ	Năng lực phân tích, so sánh, đưa ra nhận định cá nhân của sinh viên	Đánh giá trên 3 mức: trình bày, chứng minh, phân tích, so sánh của sinh viên	60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

1. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
2. Nguyễn Thừa Hỷ, *Lịch sử văn hoá Việt Nam truyền thống giản yếu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
3. Trần Quốc Vượng (Cb), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
4. Toan Ánh, *Làng xóm Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1999.
5. Toan Ánh, *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam (2 quyển)*, *Nếp cũ hội hè đình đám (2 quyển)*, *Nếp cũ con người Việt Nam*, *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, NXB Trẻ, 2005.
6. Đặng Việt Bích, *Thờ Mẫu - tín ngưỡng truyền thống bản địa Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 1, 2005
7. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995
8. Phan Đại Doãn, *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, H., 1999.
9. Nguyễn Duy Hinh, *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb KHXH, H., 2003
10. Nguyễn Thừa Hỷ, *Văn hóa Việt Nam truyền thống – Một góc nhìn*, Nxb. Thông tin và Thông tin, H., 2011.
11. Nguyễn Hải Kế, *Tiếp cận bản sắc văn hoá dân tộc từ một chỉ dẫn của Hồ Chí Minh*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 5, 2006.
12. Nguyễn Văn Khánh, *Việt Nam trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 162, 2005.
13. Nguyễn Văn Kiệm, *Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESCO bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam, H., 2001.
14. Đinh Xuân Lâm, Vũ Trường Giang, *Quan hệ giữa Việt Nam với một số nước phương Tây thời Trung-Cận đại*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 4, 2005.
15. Lê Hồng Lý, *Truyền dạy các tri thức văn hóa dân gian qua lễ hội*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 7, 2004

16. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, 2002.
17. Phan Ngọc, *Sự tiếp xúc văn hóa Việt Nam với Pháp*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, H., 2006.
18. Nguyễn Bình Quân, *Văn hóa Chăm trong tiến trình văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Tia sáng, số 15, 2005
19. Ngô Đức Thịnh (CB), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, H., 1993.
20. Ngô Đức Thịnh, *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 2008.
21. Nguyễn Tài Thư, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết học, tập 1, H., 1993
22. Trần Nguyên Việt, *Một số đặc điểm cơ bản của tư tưởng triết học dân tộc thời kỳ đầu độc lập (Thế kỷ X)*, Tạp chí Triết học, số 1, 2006.
23. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H., 2000.
24. Trần Quốc Vượng, *Môi trường, Con người và Văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin, Viện Văn hóa, H., 2005
25. Trường ĐH KHXH & NV, Khoa Lịch sử, *Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2006.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Cơ sở Văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Những vấn đề liên quan đến hình thái, mô hình, cấu trúc và chức năng của văn hóa. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hoá Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hoá; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hoá ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây.

Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật

giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội... và diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam (văn hóa Việt Nam thời tiền sử, thiên niên kỷ đầu công nguyên, văn hóa Việt Nam thời tự chủ...). Học phần cũng giới thiệu những nét đại cương của không gian văn hóa Việt Nam, từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

Học phần ngoài giới thiệu những nội dung về văn hóa Việt Nam, từ nguồn gốc, đặc điểm, sự đa dạng, thống nhất... mà còn mở rộng, so sánh với văn hóa của những tộc người khác, người học nắm bắt được sự vận động, biến đổi của văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại, nhìn nhận về những thuận lợi và những thách thức, xu hướng phát triển của văn hóa trong bối cảnh kinh tế, xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):

Nội dung 1. Văn hoá và văn hoá học

- 1.1. Con người - chủ/ khách thể của văn hoá
- 1.2. Con người Việt Nam, chủ/ khách thể của văn hoá Việt Nam
- 1.3. Khái niệm văn hoá và các khái niệm khác (văn minh, văn hiến, văn vật)
- 1.4. Hình thái và mô hình văn hóa
- 1.5. Chức năng và cấu trúc của văn hóa

Nội dung 2. Văn hoá và môi trường tự nhiên

- 2.1. Khái niệm tự nhiên, môi trường tự nhiên
- 2.2. Tự nhiên trong ta: Bản năng
- 2.3. Thích nghi và biến đổi tự nhiên
- 2.4. Đặc điểm môi trường tự nhiên, hệ sinh thái Việt Nam
- 2.5. Môi trường tự nhiên Việt Nam với vấn đề bản sắc dân tộc, bản sắc văn

hoá Việt Nam

Nội dung 3. Văn hoá và môi trường xã hội

- 3.1. Khái niệm xã hội
- 3.2. Cá nhân và xã hội
- 3.3. Xã hội hóa cá nhân và sự nhập thân văn hóa
- 3.4. Phô hệ (cơ cấu) xã hội Việt Nam cổ truyền

- 3.4.1..Gia đình
- 3.4.2.Dòng họ
- 3.4.3.Làng
- 3.4.4..Đô thị
- 3.4.5.Từ làng đến nước
- 3.5.Biến đổi xã hội và biến đổi văn hóa

Nội dung 4. Tiếp xúc và giao lưu văn hoá

- 4.1.Khái niệm Tiếp xúc và giao lưu văn hóa
- 4.2.Giao lưu và tiếp biến trong văn hoá Việt Nam
 - 4.2.1.Cơ tầng văn hoá Đông Nam Á
 - 4.2.2.Giao lưu và tiếp biến với văn hoá Trung Hoa
 - 4.2.3.Giao lưu và tiếp biến với văn hoá Ấn Độ
 - 4.2.4.Giao lưu và tiếp biến với văn hoá phương Tây
 - 4.2.5.Giao lưu và tiếp biến trong giai đoạn hiện nay

Nội dung 5. Những thành tố của văn hoá

- 5.1.Ngôn ngữ
- 5.2.Tôn giáo
 - 5.2.1.Nho giáo¹
 - 5.2.2.Phật giáo
 - 5.2.3.Đạo giáo
 - 5.2.4.Kitô giáo
- 5.3.Tín ngưỡng
 - 5.3.1.Tín ngưỡng phồn thực
 - 5.3.2.Tín ngưỡng thờ Thành hoàng
 - 5.3.3.Tín ngưỡng thờ Mẫu
- 5.4.Lễ hội
 - 5.4.1.Lễ tiết
 - 5.4.2.Lễ hội
 - 5.4.3.Lễ thức

¹ Trường hợp số sinh viên của lớp môn học dưới 50 sinh viên, có thể học tại di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Nội dung 6. Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam

6.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sơ sử

6.2. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên

6.2.1. Văn hóa ở châu thổ Bắc bộ thời Bắc thuộc

6.2.2. Văn hóa Chămpa

6.2.3. Văn hóa Óc Eo

6.3. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ

6.3.1. Văn hóa thời Lý Trần

6.3.2. Văn hóa thời Lê

6.3.3. Văn hóa từ thế kỷ XVI đến năm 1858

6.3.4. Văn hóa từ 1858 đến 1945

6.3.5. Văn hóa từ 1945 đến nay

Nội dung 7. Đại cương về không gian văn hóa Việt Nam

7.1. Lý thuyết về không gian văn hóa Việt Nam

7.2. Phân vùng văn hóa ở Việt Nam

7.3. Tổng kết môn học

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
(Research Methods)

1. Mã học phần: *MNS1053*
2. Số tín chỉ: 3
3. Học phần tiên quyết: Không có
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Vũ Cao Đàm**
- Chức danh, học hàm, học vị: Nghiên cứu viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.35586013 Email: vc.d.precen@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách); Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH); Xã hội học Khoa học và Công nghệ, Xã hội học Môi trường...

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Đào Thanh Trường**
- Chức danh, học hàm, học vị: TS
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 6)
Khoa Khoa học quản lý, P108, Nhà B, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, P108, Nhà B, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại, email: 0913 016 429. Email: truongkhql@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

- + Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách)
- + Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH, Hệ thống đổi mới, Doanh nghiệp KH&CN)
- + Xã hội học Khoa học và Công nghệ, Xã hội học Môi trường.

Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Trịnh Ngọc Thạch**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học
- Địa chỉ liên hệ: Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, 35 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.37547567 Email: trinhngocthach@yahoo.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết Tổ chức; Quản lý nguồn nhân lực; Quản lý Giáo dục); Quản lý Khoa học và Công nghệ (Khoa học và Công nghệ luận; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH)

Giảng viên 4:

- Họ và tên: **Trần Văn Hải**
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Phòng 108 Nhà B, Khoa Khoa học Quản lý
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
- Điện thoại: 04.35586013
- Email: tranhailinhvn@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đại cương về sở hữu trí tuệ, Quyền tác giả và quyền liên quan; Quản lý kết quả nghiên cứu; Hành chính học đại cương; Chuyển giao công nghệ

Giảng viên 5:

- Họ và tên: **Phan Hồng Giang**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại: 04.35586013 Email:

giangsociology@yahoo.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết tổ chức, quản lý dự án), Quản lý Khoa học và Công nghệ (Phương pháp nghiên cứu khoa học, đánh giá nghiên cứu khoa học, Khoa học và Công nghệ luận)

Giảng viên 6:

- Họ và tên: **Đặng Kim Khánh Ly**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại: 04.38582540 Email: dkkly@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Khoa học chính sách, Xã hội học Khoa học và Công nghệ, Xã hội học Môi trường, Xã hội học (sức khỏe và y tế), Công tác xã hội nhóm, Phương pháp nghiên cứu và thực hành công tác xã hội

Giảng viên 7:

- Họ và tên: **Vũ Hải Trang**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học.

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04.35586013 Email: vuhaitrang10386@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách); Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH)

Giảng viên 8:

- Họ và tên: **Hoàng Hải Yến**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo vào giờ đầu của môn học.

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04.35586013 Email: vuhaitrang10386@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách); Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH); Đại cương về sở hữu trí tuệ,...

Giảng viên 9:

- Họ tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

- Chức danh: Cử nhân chuyên ngành Khoa học Quản lý, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Thời gian, địa điểm làm việc: từ thứ 2 – thứ 6 hàng tuần tại Viện Chính sách và Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Địa chỉ CQ: Viện Chính sách và Quản lý (IPAM)

- Địa chỉ email: quynhanhcepsta@gmail.com

- Hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách) ; Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH)

Giảng viên 10:

- Họ tên: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**

- Chức danh: Cử nhân chuyên ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Thời gian, địa điểm làm việc: từ thứ 2 – thứ 6 hàng tuần tại Viện Chính sách và Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Địa chỉ CQ: Viện Chính sách và Quản lý (IPAM)

- Địa chỉ email: ngocanhcepsta@gmail.com

- Hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách) ; Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH)

Giảng viên 11:

- Họ tên: **Nguyễn Thu Hợp**

- Chức danh: Cử nhân chuyên ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Thời gian, địa điểm làm việc: từ thứ 2 – thứ 6 hàng tuần tại Viện Chính sách và Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Địa chỉ CQ: Viện Chính sách và Quản lý (IPAM)

- Địa chỉ email: hop.cepsta@gmail.com

- Hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý (Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết quyết định, Khoa học chính sách) ; Quản lý Khoa học và Công nghệ (Quản lý R&D; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá NCKH)

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

6.1. Mục tiêu chung

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, lý thuyết nghiên cứu khoa học và các phương pháp nghiên cứu trong các khoa học khác nhau. Môn học giúp người học hiểu được bản chất logic của nghiên cứu khoa học, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu khoa học và biết cách trình bày một báo cáo khoa học. Học phần trang bị cho sinh viên không chỉ kiến thức về các phương pháp trong nghiên cứu khoa học mà còn trọng tâm vào việc rèn luyện kỹ năng làm đề cương nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình khoa học, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học.

Riêng đối với sinh viên mới vào trường, môn học giúp họ phương pháp học tập ở bậc đại học theo phong cách của người nghiên cứu khoa học.

6.2 Mục tiêu cụ thể

6.2.1. Kiến thức:

- Hiểu, phân loại, và trình bày được các khái niệm về khoa học, nghiên cứu khoa học, liên hệ và lấy được các ví dụ minh họa cho mỗi khái niệm; nhận diện được các loại hình nghiên cứu khoa học cũng như ý nghĩa ứng dụng của chúng trong thực tiễn quản lý;

- Giải thích, phân tích được bản chất của khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ (S&T Activity);

- Giải thích được sự hình thành của lý thuyết khoa học, con đường hình thành của khoa học, logic phát triển của khoa học;

- Phân tích được cấu trúc logic nghiên cứu khoa học, lý giải và xây dựng được trình tự của một nghiên cứu khoa học;

- Xác định và phát biểu được các phương pháp và kỹ thuật trong xây dựng đề cương, điều tra, khảo sát, xử lý dữ liệu và thiết kế nghiên cứu khoa học;

- Hiểu được việc thiết kế và phát triển các đề xuất nghiên cứu khoa học phải có tính logic;

- Nhận diện và đưa ra những đánh giá chính xác các lỗi trong nghiên cứu khoa học, đề xuất và trình bày được các phương án sửa lỗi trong đề cương nghiên cứu;

- Mô tả và thiết lập được quy trình tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;

- Diễn giải và thảo luận được các vấn đề có liên quan đến đạo đức khoa học, chuẩn mực khoa học.

6.2.2. Kỹ năng:

- Nhận diện và phân loại được các khái niệm khoa học, các loại hình nghiên cứu khoa học, phân biệt và nêu được ví dụ minh họa thực tế về các kết quả/sản phẩm của nghiên cứu khoa học; Liên hệ và đưa ra được lựa chọn về dạng nghiên cứu và sản phẩm nghiên cứu phù hợp với nguồn lực hiện hữu;

- Phân biệt được các khái niệm xuất hiện trong nghiên cứu như: mục đích và mục tiêu, giả thiết và giả thuyết;

- Phân tích và trình bày được phương thức lựa chọn hướng nghiên cứu; vận dụng phương thức này vào quá trình phát hiện vấn đề nghiên cứu và lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học của bản thân;

- Thiết kế được đề cương nghiên cứu khoa học từ sơ lược đến chi tiết gồm 10 nội dung cơ bản;

- Xây dựng giả thuyết nghiên cứu (luận điểm khoa học) dựa trên việc xác lập vai trò của các biến và giả thiết nghiên cứu; gắn kết với những sự kiện thực tiễn phù hợp với cấp độ nhận thức của sinh viên;

- Thực hiện các bước chứng minh giả thuyết nghiên cứu (luận điểm khoa học) và lập được kế hoạch thực hiện quá trình chứng minh này;

- Áp dụng tương đối thành thạo các phương pháp thu thập thông tin và xử lý thông tin được cung cấp trong khuôn khổ nội dung môn học; thiết kế được một số dạng bảng hỏi cơ bản và tổ chức được quá trình thu thập thông tin định tính và định lượng;

- Phân tích, đánh giá được cấu trúc logic của một nghiên cứu khoa học;

- Tổ chức và tiến hành độc lập được một nghiên cứu khoa học ở trình độ sinh viên;

- Tổ chức và thúc đẩy hiệu quả hoạt động nhóm phối hợp trong quá trình tổ chức nghiên cứu khoa học;

- Trình bày được kết quả nghiên cứu khoa học và bảo vệ được kết quả này trước hội đồng đánh giá.

- Phát hiện được các dạng lỗi căn bản trong nghiên cứu khoa học và nêu được gợi ý khắc phục trên phương diện lý thuyết;

- Định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học của bản thân hạn chế được các dạng lệch chuẩn trong nghiên cứu.

6.2.3. Thái độ:

- Hình thành phương pháp học tập ở bậc đại học theo phong cách của người nghiên cứu khoa học.

- Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu khoa học

- Tự tin ở năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Mục tiêu Nội dung	Bậc 1 (Nhớ)	Bậc 2 (Hiểu, áp dụng)	Bậc 3 (Phân tích , tổng hợp , đánh giá)
Nội dung 1 Trình bày đề cương môn học	Nhớ và nêu được các mục quan trọng nhất trong đề cương môn học	Xác định được kế hoạch học tập môn học theo đề cương môn học Viết lại được tổng quan môn học trong khoảng 150 từ	Phân tích được logic giữa các nội dung của môn học

<p>Nội dung 2.</p> <p>Tầm quan trọng của môn học, đối tượng nghiên cứu, lịch sử của môn học, các tác giả đặt nền tảng cho môn các phương pháp nghiên cứu khoa học</p>	<p>Nhớ được những điều kiện tất yếu dẫn đến sự hình thành của môn học, đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>Nhớ các mốc thời gian quan trọng gắn với quá trình hình thành và phát triển của môn học</p> <p>Liệt kê được các tác giả đặt nền tảng cho các phương pháp nghiên cứu khoa học và các tác phẩm tiêu biểu của các tác giả qua từng giai đoạn.</p> <p>Hiểu được tính thống nhất trong logic nghiên cứu giữa các khoa học</p>	<p>Tóm tắt được lịch sử của môn học</p> <p>Chứng minh được các nghiên cứu khoa học là ngành khoa học</p> <p>Phân biệt được sự hình thành luận cứ giữa các khoa học khác nhau</p> <p>Phân biệt được sự khác nhau trong phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học khác nhau</p>	<p>Phân tích ý nghĩa của việc áp dụng các phương pháp để nghiên cứu khoa học</p> <p>Phân tích tính tất yếu của việc hình thành và phát triển môn học</p> <p>Trình bày và lý giải được mối quan hệ giữa phân loại khoa học và phương pháp nghiên cứu</p>
<p>Nội dung 3.</p> <p>Đại cương về khoa học và kỹ năng NCKH</p>	<p>Nêu được các nội dung cơ bản của khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học</p> <p>Liệt kê được các tính chất, đặc điểm, phân loại khoa học, và nghiên cứu khoa học</p> <p>Nêu tên và lấy được ví dụ minh họa các sản</p>	<p>Lấy ví dụ minh họa được các khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học</p> <p>Dùng đúng thuật ngữ trong diễn đạt về sản phẩm khoa học</p> <p>Phân tích được bảng phân loại</p>	<p>Phân tích được khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học qua các ví dụ cụ thể</p> <p>Phân tích về các tính chất của các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p>

	phẩm của nghiên cứu khoa học	các sản phẩm nghiên cứu khoa học qua các tiêu chí nhất định	Làm rõ và phân tích được lỗi sai về khái niệm sản phẩm nghiên cứu trong các công trình khoa học
Nội dung 4. Kỹ năng hình thành trình tự logic của nghiên cứu khoa học (1)	Hiểu được sự kiện khoa học và các phương pháp phát hiện sự kiện khoa học Nêu được định nghĩa đề tài Trình bày được lý do nghiên cứu Hiểu được những nội dung của lịch sử nghiên cứu Biết được các cách trình bày mục tiêu nghiên cứu Hiểu được nội dung của nhiệm vụ nghiên cứu	Lấy ví dụ về vai trò của sự kiện khoa học trong nghiên cứu Nhận biết các nguồn lựa chọn đề tài Trình bày được lịch sử nghiên cứu Xây dựng được mục tiêu của một nghiên cứu cụ thể Trình bày được nhiệm vụ của nghiên cứu cụ thể	Phát hiện được sự kiện khoa học Phân tích được mâu thuẫn trong sự kiện khoa học Nhận xét về các yếu tố tác động trực tiếp đến việc lựa chọn đề tài trong nghiên cứu Mô hình hóa được cây mục tiêu trong một nghiên cứu cụ thể Phân biệt được mục tiêu và mục đích nghiên cứu
Nội dung 4. Kỹ năng hình thành trình tự logic của nghiên cứu khoa học (2)	Hiểu được các phạm vi trong nghiên cứu khoa học Nhận diện được khái niệm khách thể nghiên cứu và mẫu khảo sát Hiểu được nội dung của đặt câu hỏi nghiên cứu	Mô tả và lấy ví dụ thực tế về phạm vi nghiên cứu Lấy ví dụ minh họa được mẫu khảo sát, đối tượng khảo sát và khách thể nghiên cứu	Phân tích được khung logic nghiên cứu qua các ví dụ cụ thể. Phân biệt được khách thể nghiên cứu, đối tượng khảo sát và mẫu

	<p>cứ</p> <p>Biết được nội dung của xây dựng giả thuyết nghiên cứu</p> <p>Nhận diện được cấu trúc logic của nghiên cứu khoa học</p> <p>Chỉ ra được các phương pháp tiếp cận chứng minh luận điểm khoa học</p>	<p>Đặt được câu hỏi nghiên cứu</p> <p>Biết cách nêu giả thuyết nghiên cứu</p> <p>Lấy ví dụ minh họa cho sáu câu hỏi cấu thành trật tự logic tóm tắt của nghiên cứu khoa học</p> <p>Sơ đồ hóa trình tự nghiên cứu khoa học</p> <p>Lựa chọn được tiếp cận cho nghiên cứu</p> <p>Tìm kiếm được các luận cứ và phương pháp luận cứ qua việc làm bài tập</p>	<p>khảo sát</p> <p>Phân tích, lý giải được các hướng đa dạng hóa luận cứ dựa trên cách tiếp cận</p> <p>Phân tích ưu, nhược điểm khi sử dụng các phương pháp tiếp cận</p> <p>Nêu được ví dụ về đa dạng luận cứ dựa trên sự phong phú của cách tiếp cận</p>
<p>Nội dung 5</p> <p>Kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu</p>	<p>Hiểu được các nội dung về lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài</p> <p>Nêu được sự cần thiết xây dựng luận điểm khoa học và chứng minh luận điểm khoa học</p> <p>Liệt kê được các bước logic trong hình thành luận điểm nghiên cứu</p> <p>Liệt kê được các bước logic trong chứng</p>	<p>Biết cách đặt tên đề tài dựa trên sự kiện khoa học</p> <p>Chỉ được các lỗi có thể mắc phải trong đặt tên đề tài</p> <p>Nêu được ví dụ về hình thành luận điểm nghiên cứu</p> <p>Nêu được ví dụ về chứng minh luận điểm nghiên cứu</p> <p>Sử dụng được mô</p>	<p>Phân tích được ví dụ về đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn</p> <p>Thiết kế được đề cương chi tiết cho nghiên cứu</p> <p>Phân tích được mối liên hệ giữa hình thành và chứng minh luận điểm nghiên cứu</p>

	<p>minh luận điểm</p> <p>Hiểu và nêu được các nội dung trong đề cương sơ lược</p> <p>Hiểu và nêu được các nội dung trong đề cương chi tiết</p>	<p>hình giải thích mối liên hệ giữa hình thành và chứng minh luận điểm nghiên cứu</p> <p>Thiết kế được đề cương sơ lược của nghiên cứu khoa học</p> <p>Phân biệt được giả thiết và giả thuyết</p>	<p>Phân tích được cấu trúc khung logic theo 2 giai đoạn của nghiên cứu khoa học</p> <p>Nhận xét, đánh giá được những lỗi phổ biến khi thực hiện trình tự logic của nghiên cứu</p>
<p>Nội dung 8.</p> <p>Đại cương về thông tin trong nghiên cứu khoa học</p>	<p>Trình bày được những nội dung cơ bản của khái niệm thông tin</p> <p>Trình bày được vai trò của thông tin trong nghiên cứu khoa học.</p>	<p>Phân loại thông tin trong nghiên cứu khoa học</p> <p>Nhận biết các nguồn cung cấp thông tin</p>	<p>Lấy ví dụ mô tả về tháp thông tin trong nghiên cứu khoa học</p> <p>Lấy ví dụ về thông tin định lượng</p> <p>Lấy ví dụ về thông tin định tính</p>
<p>Nội dung 9.</p> <p>Các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học</p>	<p>Liệt kê được các phương pháp thu thập thông tin</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp nghiên cứu tài liệu</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp quan sát</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp phỏng vấn</p>	<p>Lấy ví dụ minh họa về các phương pháp thu thập thông tin</p> <p>Phân loại được các phương pháp thông tin dựa trên ví dụ minh họa cụ thể</p> <p>Chỉ ra được tính ưu nhược của mỗi phương pháp</p> <p>Nhận diện được sự khác biệt về phương</p>	<p>Lý giải được sự lựa chọn phù hợp về phương pháp thu thập thông tin cho nghiên cứu của bản thân</p> <p>Đánh giá được việc sử dụng phương pháp thu thập thông tin trong các nghiên cứu của đồng</p>

	<p>Trình bày được nội dung phương pháp điều tra bảng hỏi</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp trắc nghiệm</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp thực nghiệm</p> <p>Trình bày được nội dung phương pháp hội nghị khoa học</p> <p>Trình bày được các phương pháp đặc thù trong một số lĩnh vực</p>	<p>pháp thu thập thông tin giữa các ngành khoa học</p>	<p>ngành</p> <p>Lấy ví dụ minh họa về sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học</p>
<p>Nội dung 10.</p> <p>Xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học</p>	<p>Hiểu được khái niệm xử lý thông tin trong nghiên cứu</p> <p>Nắm được vai trò của xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học</p> <p>Mô tả được phương pháp xử lý thông tin định lượng</p> <p>Mô tả được phương pháp xử lý thông tin định tính</p> <p>Nắm được các bước phân tích</p> <p>kết quả xử lý thông tin</p> <p>Nhắc lại được cách</p>	<p>Lấy ví dụ minh họa về xử lý thông tin định lượng</p> <p>Lấy ví dụ minh họa về xử lý thông tin định tính</p> <p>Trình bày được kết quả xử lý thông tin định lượng</p> <p>Trình bày được kết quả xử lý thông tin định tính</p> <p>Nêu được khái niệm biện luận kết quả xử lý thông tin</p>	<p>Phát hiện được lỗi trong trình bày kết quả xử lý thông tin định tính và định lượng</p> <p>Tổng hợp, phân tích, đánh giá được kết quả một nghiên cứu cụ thể</p> <p>Áp dụng làm bài tập xử lý thông tin</p> <p>Biện luận được kết quả xử lý thông tin định tính và định lượng trong nghiên cứu</p>

	trình bày kết quả xử lý thông tin định lượng Nhắc lại được nội dung của trình bày kết quả xử lý thông tin định tính		
Nội dung 11. Chuẩn hóa điều kiện nghiên cứu	Hiểu được vai trò của chuẩn hóa điều kiện nghiên cứu Biết được vai trò của giả thiết trong chuẩn hóa điều kiện nghiên cứu Hiểu được các yếu tố thuộc về kỹ năng chuẩn hóa điều kiện nghiên cứu	Xây dựng được “giả thiết” trong đối tượng nghiên cứu Xây dựng được “giả thiết” trong luận điểm Xây dựng được “giả thiết” trong luận cứ Xây dựng được “giả thiết” trong phương pháp nghiên cứu	Trình bày ví dụ cụ thể về chuẩn hóa điều kiện của một nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn Lý giải được mối quan hệ giữa biện luận với giả thiết trong nghiên cứu
Nội dung 12. Trình bày kết quả nghiên cứu	Hiểu được cách viết tài liệu khoa học Nhận biết được ngôn ngữ khoa học và cách thức diễn đạt khoa học Hiểu được cách trích dẫn khoa học, ý nghĩa và nguyên tắc Xác định được nguyên tắc trình bày các văn bản khoa học	Phân loại các tài liệu khoa học Biết cách trình bày trích dẫn khoa học trong một nghiên cứu cụ thể Trình bày đúng quy cách một văn bản khoa học	Phân biệt được chỉ dẫn đề mục và chỉ dẫn tác giả Phân tích được các cách trình bày kết quả nghiên cứu trên một văn bản khoa học
Nội dung 13. Thuyết trình khoa	Nêu được vai trò của thuyết trình trong hoạt	Mô tả cấu trúc logic của một bản thuyết	Làm bài tập về thuyết trình

học	động khoa học Hiểu được bản chất logic của thuyết trình khoa học Nắm được các lưu ý khi thuyết trình khoa học	trình Vận dụng trình bày kỹ thuật thuyết trình Biết các xây dựng đề cương thuyết trình	Hình thành khả năng xử lý các tình huống thuyết trình
Nội dung 14. Quan hệ giữa nghiên cứu khoa học và đạo đức	Hiểu được khái niệm, sự cần thiết của đạo đức nghiên cứu Nhận biết được các hướng tiếp cận về đạo đức khoa học Xác định được các phương thức kiểm soát xã hội về đạo đức khoa học	Lấy được ví dụ minh họa về các hướng tiếp cận đối với đạo đức khoa học Nhận diện được đạo đức trong lựa chọn mục tiêu nghiên cứu và tính trung thực trong thu thập xử lý số liệu, sử dụng các thành tựu khoa học Phân tích được ưu nhược điểm của các phương thức kiểm soát xã hội về đạo đức khoa học	Đề xuất được những giải pháp của bản thân để giải quyết tình trạng vi phạm đạo đức khoa học Đánh giá được tình trạng lệch chuẩn đạo đức khoa học dựa trên các ví dụ cụ thể Xác định nghịch lý về đạo đức của nghiên cứu khoa học

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

8.1. Điều kiện được dự thi cuối kỳ

- Đi học đầy đủ (những sinh viên nghỉ quá 20% tổng số giờ của môn học sẽ không được dự thi và phải học lại môn học).

- Có bài kiểm tra giữa kỳ;
- * Tổng điểm của 2 mục trên đây phải đạt từ D trở lên.

8.2. Các điều kiện khác

- Áp dụng hình thức kiểm tra thường xuyên trên lớp để đánh giá khả năng nhớ và vận dụng kiến thức của sinh viên.

- Chuẩn bị bài, đọc tài liệu trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

- Những sinh viên không chuẩn bị bài theo yêu cầu được ghi trong mục 7.2. sẽ không được tham gia buổi học của tuần đó và được tính vào % số buổi học vắng mặt để xác định điều kiện dự thi.

- Các báo cáo thu hoạch và bài tập phải nộp đúng hạn, những nhóm hoặc sinh viên nộp muộn hơn quy định sẽ được tính điểm 0 vào mục này.

- Đánh giá việc đọc tài liệu thông qua bản thu hoạch được nộp tại lớp, kiểm tra ngẫu nhiên và phát biểu xây dựng bài tại lớp.

- Lớp sẽ chia thành nhóm học tập đối với các bài thảo luận và bài tập nhóm, đánh giá kết quả thông qua báo cáo kết quả thu hoạch và biên bản thảo luận (căn cứ vào biên bản ghi chất lượng ý kiến thảo luận của mỗi sinh viên để cho điểm từng sinh viên).

8.3. Mục đích và trọng số kiểm tra

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Đánh giá thường xuyên	<i>Mục tiêu bậc 1:</i> Các vấn đề lý thuyết	Đánh giá khả năng nhớ và liên hệ giữa các nội dung trong môn học	10%
Kiểm tra giữa kỳ	<i>Mục tiêu bậc 2:</i> giải thích, phân tích được lý thuyết và xử lý bài tập tình huống	Đánh giá kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng trình bày	30%
Kiểm tra cuối kỳ	<i>Mục tiêu bậc 3:</i> đánh giá, tổng hợp lý	Đánh giá khả năng tổng hợp, kỹ năng ứng dụng	60%

	thuyết, kết hợp lý luận và khả năng vận dụng vào thực tiễn	lý luận vào thực tiễn	
--	--	-----------------------	--

8.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

- Nội dung:
 - + *Tiêu chí 1:* Đặt vấn đề, xác định đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lý và lôgic.
 - + *Tiêu chí 2:* Có năng lực tư duy, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.
 - + *Tiêu chí 3:* Có sử dụng các tài liệu, phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn (có thể có giải pháp do người học đề xuất).
- Hình thức:
 - + *Tiêu chí 4:* Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và có dẫn xuất xứ.
- Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí

Điểm	Tiêu chí
9 – 10	- Đạt cả 4 tiêu chí
7 – 8	- Đạt 2 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu, song chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận. - Tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ.
5 – 6	- Đạt tiêu chí 1. - Tiêu chí 2: chưa thể hiện rõ tư duy phê phán, các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá còn kém. - Tiêu chí 3, 4: còn mắc một vài lỗi nhỏ
Dưới 5	- Không đạt cả 4 tiêu chí.

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Các phương pháp nghiên cứu khoa học*, Tập bài giảng điện tử, 2015, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý Vũ Cao Đàm,
2. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, 2015, Phòng Tư liệu, Viện Chính sách và Quản lý
3. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, *Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu khoa học dành cho các trường Cao đẳng, Đại học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013
4. Vũ Cao Đàm, *Đánh giá nghiên cứu khoa học*, NXB KH&KT, 2011, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý
5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB ĐHQGHN, in lần thứ 2, 2003, (Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội)

9.2. Học liệu tham khảo

1. L. Therese Baker, *Thực hành nghiên cứu xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, 1998
2. Donatella Della Porta and Michael Keating, *Approaches and methodologies in the social sciences – A pluralist perspective*, Cambridge University Press, 2008, ISBN: 9780521883221 – 9780521709668
3. Gordon Rugg and Marian Petre, *A gentle guide to Research Methods*, Open University Press, 2007, ISBN: 0335219276
4. Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill, *Research Methods for Business Students*, Fifth edition, Prentice Hall, 2010, ISBN: 9789810697860
5. Ranjit Kumar, *Research Methodology – A step by step guide for beginners (fourth edition)*, SAGE Publications, 2014, ISBN: 9781446269961 – 9781446269978
6. Đặng Nguyên Anh, Vũ Mạnh Lợi, Nguyễn Hữu Minh, *Sociological Research Methodology*, (Handouts), 2004

7. Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Huân, *Giáo trình SPSS (dành cho sinh viên khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*, NXB ĐHQGTPHCM, 2003
8. Helmut Kromrey, *Nghiên cứu xã hội thực nghiệm*, NXB Thế giới, 1999
9. Allan A.Glatthorn, Randy L.Joyner, *Writing the winning Thesis or Dissertation – A step by step guide*, Second edition, Corwin press, 2005, ISBN: 9780761939610
10. Alan Bond, *Your master's thesis – How to plan, draft, write and revise*, Studymates limited, 2006, ISBN: 101842850695 – 139781842850695
11. Ghava Frankfort-Nachmias David Nachmias, *Research Methods in the Social Sciences*, 4th Ed, St. Martin's Press, USA, 1992.
12. Martyn Hammersley, *Social Research – Philosophy, Politics and Practice*, SAGE Publications, 1993, ISBN: 0803988044 – 8803988052
13. Robert Bounds Burns, *Introduction to research methods*, London, Thousand Oaks, Calif:SAGE,2000, ISBN0761965920; 0761965939

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, đặc điểm và sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nội quan, ngoại quan, phân tích, tổng hợp, định tính, định lượng, thống kê, xác suất, cấu trúc và hệ thống...), và trình bày luận điểm khoa học. Học phần đặt trọng tâm vào nội dung kỹ năng hình thành trình tự logic cho nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên xây dựng nền tảng đầu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tập sự nghiên cứu), biết xây dựng khung logic cho luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học giúp sinh viên không luyện tập về logic nghiên cứu mà còn định hình được sự lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của bản thân. Bên cạnh việc rèn luyện kỹ năng làm đề cương nghiên cứu, học phần đặc biệt chú trọng

đến nội dung của chương VIII về hình thành đạo đức khoa học trong cộng đồng nghiên cứu cũng như giới thiệu các phương thức kiểm soát xã hội nhằm hạn chế hiện tượng lệch chuẩn đạo đức khoa học.

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục tiêu mục)

PHẦN 1: LOGIC CHUNG CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chương I

ĐẠI CƯƠNG VỀ KHOA HỌC VÀ KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1.1 Khoa học

1.1.1 Khái niệm khoa học

1.1.2 Phân loại khoa học

1.1.3 Lý thuyết khoa học

1.2 Nghiên cứu khoa học

1.2.1 Khái niệm nghiên cứu khoa học

1.2.2 Đặc điểm của nghiên cứu khoa học

1.2.3 Phân loại nghiên cứu khoa học

1.2.4 Sản phẩm của nghiên cứu khoa học

1.2.5 Bài tập

1.3 Kỹ năng nghiên cứu khoa học

1.3.1 Quan hệ của phân loại khoa học với phương pháp nghiên cứu

1.3.2 Tính thống nhất trong logic nghiên cứu của các khoa học

1.3.3 Sự khác biệt trong hình thành luận cứ trong các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau

1.3.4 Sự khác biệt trong phương pháp thu thập thông tin trong các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau

Chương II.

KỸ NĂNG HÌNH THÀNH TRÌNH TỰ LOGIC CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.1 Phát hiện sự kiện khoa học

2.1.1 Vai trò của sự kiện khoa học trong đề tài

2.1.2 Trình tự và kỹ năng chọn đề tài

2.1.3 Cách thức đặt tên đề tài

2.1.4 Luyện tập kỹ năng phát hiện vấn đề khoa học

2.2 Kỹ năng trình bày lý do nghiên cứu

2.2.1 Tính cấp thiết của nghiên cứu

2.2.2 Ý nghĩa lý thuyết

2.2.3 Ý nghĩa thực tiễn

2.3 Kỹ năng trình bày lịch sử nghiên cứu

2.3.1 Vai trò của phần lịch sử nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học

2.3.2 Làm rõ tác giả nào đã nghiên cứu

2.3.3 Các thành tựu mà các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả đã đạt được

2.3.4 Các mặt yếu của các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả

2.3.5 Các mặt thiếu của các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả

2.3.6 Kỹ năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học

2.4 Kỹ năng xây dựng mục tiêu nghiên cứu

2.4.1 Quan hệ mục tiêu và đối tượng nghiên cứu

2.4.2 Mô tả đối tượng nghiên cứu

2.4.3 Xác định mục tiêu cụ thể trên đối tượng đã mô tả

2.5 Nhiệm vụ nghiên cứu

2.5.1 Nhiệm vụ về lý thuyết

2.5.2 Nhiệm vụ về thực tiễn

2.6 Phạm vi nghiên cứu

2.6.1 Cách xác định phạm vi khách thể (không gian)

2.6.2 Cách xác định phạm vi thời gian diễn biến của sự kiện

2.6.3 Cách xác định phạm vi nội dung (của nhiệm vụ)

2.6.4 Luyện tập kỹ năng

2.7 Mẫu khảo sát

2.7.1 Vai trò mẫu khảo sát trong thu thập thông tin

2.7.2 Quan hệ mẫu – khách thể - đối tượng nghiên cứu

2.7.3 Các phương pháp chọn mẫu xác suất

2.7.4 Các phương pháp chọn mẫu phi xác suất

2.8 Câu hỏi nghiên cứu

- 2.8.1 Tính bắt buộc đặt câu hỏi nghiên cứu trong đề tài
- 2.8.2 Các loại câu hỏi nghiên cứu
- 2.8.3 Kỹ năng viết câu hỏi nghiên cứu đối với từng loại hình nghiên cứu khoa học

2.9 Giả thuyết nghiên cứu

- 2.9.1 Vai trò của giả thuyết trong nghiên cứu
- 2.9.2 Quan hệ logic giữa giả thuyết với câu hỏi nghiên cứu
- 2.9.2 Các loại giả thuyết nghiên cứu
- 2.9.3 Bản chất logic của giả thuyết nghiên cứu
- 2.9.4 Kỹ năng hình thành luận điểm nghiên cứu
- 2.9.5 Những trường hợp không thể viết giả thuyết nghiên cứu
- 2.9.6 Luyện tập xây dựng giả thuyết nghiên cứu

2.10 Chứng minh luận điểm nghiên cứu

- 2.10.1 Cấu trúc logic của phép chứng minh
- 2.10.2 Vai trò của luận cứ
- 2.10.3 Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ
- 2.10.4 Phân loại luận cứ
- 2.10.5 Luận cứ và các phương pháp tìm kiếm luận cứ
- 2.10.6 Vai trò tiếp cận trong hình thành luận cứ
- 2.10.7 Kỹ năng tìm kiếm luận cứ
- 2.10.8 Kỹ năng chứng minh luận điểm nghiên cứu
- 2.10.9 Luyện tập và làm bài tập về kỹ năng chứng minh luận điểm nghiên cứu

2.11 Phân loại tiếp cận trong nghiên cứu khoa học

- 2.11.1 Khái niệm tiếp cận
- 2.11.2 Vai trò của tiếp cận trong nghiên cứu khoa học
- 2.11.3. Tiếp cận định tính/định lượng
- 2.11.4. Tiếp cận nội quan/ngoại quan
- 2.11.5. Tiếp cận logic/ lịch sử
- 2.11.6. Tiếp cận hệ thống/cấu trúc
- 2.11.7. Tiếp cận từ dưới/từ trên (bottom up/top down)
- 2.11.8. Tiếp cận cá biệt/so sánh
- 2.11.9. Tiếp cận phân tích/tổng hợp

2.11.10 Luyện tập kỹ năng lựa chọn các tiếp cận phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu và từng loại hình đề tài

2.12 Kỹ năng làm phong phú luận cứ

2.12.1 Vai trò của tiếp cận trong xây dựng luận cứ

2.12.2 Vai trò tiếp cận trong logic của luận cứ

2.12.3 Vai trò tiếp cận trong tính phong phú của luận cứ

2.12.4 Kỹ năng lựa chọn các tiếp cận phù hợp với từng loại hình nghiên cứu và từng loại hình đề tài

2.13 Kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu

2.13.1 Cấu trúc chung của đề cương nghiên cứu

2.13.2 Thiết kế đề cương nghiên cứu sơ bộ

2.13.3 Thiết kế đề cương nghiên cứu chi tiết

2.13.4 Kỹ năng xây dựng và thiết kế đề cương

2.13.5 Luyện tập

PHẦN 2. SỰ KHÁC BIỆT VỀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN GIỮA CÁC KHOA HỌC

Chương III

CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1 Thông tin trong nghiên cứu khoa học

3.1.1 Khái niệm thông tin và vai trò của thông tin trong nghiên cứu khoa học

3.1.2 Các loại vật mang thông tin

3.2 Phân loại thông tin trong nghiên cứu khoa học

3.2.1 Thông tin định tính

3.2.2 Thông tin định lượng

3.2.3 Nguồn cung cấp thông tin

3.3. Phân loại phương pháp thu thập thông tin

3.3.1 Các tiêu chí phân loại phương pháp

3.3.2 Phương pháp nghiên cứu tài liệu

3.3.3 Phương pháp thực nghiệm

3.3.4 Phương pháp phi thực nghiệm

3.3.5 Phương pháp trắc nghiệm

3.4. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

3.4.1 Mục đích của nghiên cứu tài liệu

3.4.2 Phương pháp và kỹ năng thu thập tài liệu

3.4.3 Phương pháp phân tích tài liệu

3.4.4 Phương pháp tổng hợp tài liệu

3.4.5 Kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu

3.4.6 Luyện tập và làm bài tập về phân tích, tổng hợp tài liệu

3.5 Phương pháp quan sát

3.5.1 Mục đích của quan sát

3.5.2 Phân loại quan sát

3.5.3 Phương pháp và trình tự tổ chức quan sát

3.5.4 Phương pháp quan sát tham dự (participant observation/research)

3.5.5 Phương pháp quan sát không tham dự

3.5.6 Kỹ năng quan sát

3.5.7 Luyện tập và làm bài tập

3.6 Phương pháp chọn mẫu (sampling)

3.6.1 Nghiên cứu tổng thể và nghiên cứu phi tổng thể

3.6.2 Nghiên cứu trường hợp

3.6.3 Nghiên cứu chọn mẫu

3.6.4 Vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu chọn mẫu

3.6.5 Kích cỡ mẫu và sai số

3.6.6 Chọn mẫu ngẫu nhiên

3.6.7 Chọn mẫu theo tỷ lệ

3.6.8 Chọn mẫu hệ thống

3.6.9 Chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng

3.6.10 Chọn mẫu hệ thống phân tầng

3.6.11 Chọn mẫu cụm

3.6.12 Kỹ năng chọn mẫu

3.6.13 Luyện tập và làm bài tập

3.7 Phương pháp phỏng vấn

- 3.7.1 Mục đích của phỏng vấn
- 3.7.2 Phân loại phỏng vấn
- 3.7.3 Phỏng vấn thường (phỏng vấn bằng bảng hỏi)
- 3.7.4 Kỹ năng tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi
- 3.7.5 Kỹ năng tiến hành phỏng vấn sâu
- 3.7.6 Các lưu ý khi tiến hành phỏng vấn
- 3.7.7 Một số phương pháp phỏng vấn đặc thù
- 3.7.8 Luyện tập và làm bài tập

3.8 Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu khoa học

- 3.8.1 Vai trò và ý nghĩa của bảng hỏi trong nghiên cứu khoa học
- 3.8.2 Bố cục của bảng hỏi trong nghiên cứu khoa học
- 3.8.3 Kỹ năng logic của bảng hỏi
- 3.8.4 Các loại câu hỏi được sử dụng trong bảng hỏi
- 3.8.5 Các lưu ý khi đặt câu hỏi trong bảng hỏi
- 3.8.6 Kỹ thuật thao tác hóa khái niệm
- 3.8.7 Luyện tập và làm bài tập

3.9 Phương pháp trắc nghiệm

- 3.9.1 Vai trò và ý nghĩa của trắc nghiệm
- 3.9.2 Phân loại trắc nghiệm
- 3.9.3 Cách thức tổ chức trắc nghiệm
- 3.9.4 Các lưu ý khi tiến hành phương pháp trắc nghiệm
- 3.9.5 Luyện tập và làm bài tập

3.10 Phương pháp thực nghiệm

- 3.10.1 Vai trò và ý nghĩa của thực nghiệm khoa học
- 3.10.2 Phân loại thực nghiệm
- 3.10.3 Cách thức tiến hành thực nghiệm thử và sai
- 3.10.4 Cách thức tiến hành thực nghiệm Heuristic
- 3.10.5 Cách thức tiến hành thực nghiệm mô hình
- 3.10.6 Các lưu ý khi tiến hành phương pháp thực nghiệm
- 3.10.7 Luyện tập và làm bài tập

3.11 Hội nghị khoa học

- 3.11.1 Vai trò và ý nghĩa của hội nghị khoa học
- 3.11.2 Các loại hội nghị khoa học
- 3.11.3 Cách thức tổ chức hội nghị khoa học
- 3.11.4 Kỹ yếu hội nghị khoa học
- 3.11.5 Các kỹ thuật sử dụng trong hội nghị khoa học
- 3.11.6 Các lưu ý khi tiến hành phương pháp hội nghị khoa học
- 3.11.7 Luyện tập và làm bài tập

3.12 Giới thiệu một số phương pháp đặc thù của một số lĩnh vực

- 3.12.1 Phương pháp tự luận trong các khoa học tiền nghiệm
- 3.12.2 Phương pháp thực chứng trong các khoa học hậu nghiệm
- 3.12.3 Phương pháp quan trắc
- 3.12.4 Phương pháp xử lý thông tin hồi cố
- 3.12.5 Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu công nghệ

Chương IV

XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4.1 Vai trò của xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học

- 4.1.1 Khái niệm xử lý thông tin
- 4.1.2 Vai trò của xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học

4.2 Các phương pháp xử lý thông tin định lượng

- 4.2.1 Nguyên tắc chung
- 4.2.2 Các cấp độ xử lý thông tin định lượng
- 4.2.3 Giới thiệu phần mềm máy tính xử lý thông tin định lượng
- 4.2.4 Chương trình SPSS

4.3 Các phương pháp xử lý thông tin định tính

- 4.3.1 Nguyên tắc chung
- 4.3.2 Giới thiệu các phương pháp xử lý thông tin định tính
- 4.3.3 Giới thiệu các phần mềm máy tính xử lý thông tin định tính
- 4.3.4 Chương trình Ethno

4.4 Biện luận kết quả xử lý thông tin

- 4.4.1 Khái niệm
- 4.4.2 Giả thiết nghiên cứu

4.4.3 Sai số trong xử lý thông tin

4.4.4. Phân tích kết quả xử lý thông tin

4.5 Trình bày kết quả xử lý thông tin

4.5.1 Trình bày kết quả xử lý thông tin định lượng

4.5.2 Trình bày kết quả xử lý thông tin định tính

4.5.3 Bài tập

Chương V

CHUẨN HOÁ ĐIỀU KIỆN NGHIÊN CỨU

5.1 Kỹ năng chuẩn hoá điều kiện nghiên cứu

5.1.1 Vai trò của “chuẩn hoá điều kiện nghiên cứu”

5.1.2 Vai trò của “giả thiết” trong chuẩn hóa điều kiện nghiên cứu

5.1.3 Kỹ năng xây dựng “giả thiết” trong đối tượng nghiên cứu

5.1.4 Kỹ năng xây dựng “giả thiết” trong luận điểm

5.1.5 Kỹ năng xây dựng “giả thiết” trong luận cứ

5.1.6 Kỹ năng xây dựng “giả thiết” trong phương pháp nghiên cứu

5.2 Biện luận kết quả nghiên cứu khoa học

5.2.1 Lý do biện luận

5.2.2 Môi quan hệ biện luận với giả thiết

5.2.3 Nội dung biện luận

5.2.4 Phương pháp biện luận

PHẦN 3. TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chương VI

KỸ NĂNG VIẾT TÀI LIỆU KHOA HỌC

6.1 Ngôn ngữ khoa học

6.1.1 Văn phong khoa học

6.1.2 Ngôn ngữ khoa học

6.1.3 Trích dẫn khoa học

6.1.4. Ngôn ngữ toán học

6.1.5 Luyện tập và làm bài tập

6.2 Trích dẫn khoa học

6.2.1 Công dụng trích dẫn

- 6.2.2. Nguyên tắc trích dẫn
- 6.2.3. Ý nghĩa của trích dẫn
- 6.2.4. Cách thức ghi trích dẫn
- 6.2.5. Mẫu ghi trích dẫn

6.3 Đặc điểm của công trình nghiên cứu khoa học

- 6.3.1 Đặc điểm cấu trúc công trình khoa học
- 6.3.2 Đặc điểm định lượng và định tính trong văn bản khoa học

6.4 Trình bày văn bản khoa học

- 6.4.1 Nguyên tắc trình bày các văn bản khoa học
- 6.4.2 Kỹ năng trình bày văn bản khoa học
- 6.4.3 Luyện tập và làm bài tập

Chương VII

THUYẾT TRÌNH KHOA HỌC

7.1 Thuyết trình trong hoạt động khoa học

- 7.1.1 Vai trò của thuyết trình trong hoạt động khoa học
- 7.1.2 Cấu trúc logic của một bản thuyết trình
- 7.1.3 Vai trò của luận cứ trong thuyết trình khoa học

7.2 Kỹ năng thuyết trình khoa học

- 7.2.1 Nguyên tắc của thuyết trình khoa học
- 7.2.2 Ngôn ngữ của thuyết trình khoa học
- 7.2.3 Xác định vấn đề thuyết trình
- 7.2.4 Phép lập luận trong thuyết trình khoa học
- 7.2.5 Phương pháp thuyết trình khoa học
- 7.2.6 Kỹ năng sử dụng luận cứ trong thuyết trình khoa học
- 7.2.7 Kỹ năng chuẩn bị và sử dụng power point trong thuyết trình khoa học
- 7.2.8 Kỹ năng xử lý các tình huống khi thuyết trình khoa học
- 7.2.9 Bài tập

Chương VIII

QUAN HỆ GIỮA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐẠO ĐỨC

8.1 Lý luận về đạo đức khoa học

- 8.1.1 Khái niệm chung về đạo đức khoa học

8.1.2 Các hướng tiếp cận về đạo đức khoa học

8.2 Đạo đức trong lựa chọn mục tiêu nghiên cứu

8.2.1 Xác định mục tiêu nghiên cứu chính đáng

8.2.2 Đánh giá mục tiêu nghiên cứu

8.3 Tính trung thực trong thu thập và xử lý số liệu

8.3.1 Sai số trong nghiên cứu

8.3.2 Một số trường hợp thiếu trung thực trong thu thập và xử lý số liệu

8.4 Đạo đức trong sử dụng các thành tựu khoa học

8.4.1 Trích dẫn khoa học

8.4.2 Tôn trọng quyền tác giả

8.4.3 Một số trường hợp vi phạm khi sử dụng các thành tựu khoa học

8.5 Phương thức kiểm soát xã hội về đạo đức khoa học

8.5.1 Luật SHTT

8.5.2 Luật đạo đức nghề nghiệp (Professional codes of ethics)

8.5.3 Thảo luận

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Tâm lý học đại cương

1. Mã môn học/chuyên đề: PSY 1051

2. Số tín chỉ: 03

3. Môn học tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

5.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trương Thị Khánh Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, PGS, TS

- Đơn vị công tác: : Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

5.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Lượ

- Chức danh, học hàm, học vị: TS

- Thời gian, địa điểm làm việc: thứ 2, 4 tại P.102 nhà D

- Đơn vị công tác: : Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của môn học

- *Về kiến thức*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm được bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của các hiện tượng Tâm lý, hiểu khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý ý thức của con người. Nêu được khái niệm, đặc điểm và các qui luật của các quá trình nhận thức, các phẩm chất và các thuộc tính Tâm lý của nhân cách, phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người.

- *Kỹ năng:*

Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng giao tiếp với cá nhân, với nhóm trong quá trình làm việc, thảo luận nhóm; Kỹ năng nhận dạng các vấn đề Tâm lý

đại cương trong thực tiễn cuộc sống; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc khi học tập môn học này.

- *Thái độ*

Tinh thần tự học, làm chủ bản thân trong quá trình học tập môn học.

7. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học

7.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* Thời gian: thường xuyên.

* Hình thức: - Điểm danh.

- Làm bài tập.

- Thảo luận nhóm.

7.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* Hình thức: Bài thi trắc nghiệm/Bài làm viết về nhà.

* Thời gian: tuần 7.

* Nội dung: Các nội dung đã học từ tuần 1- tuần 6.

7.3. Lịch thi, kiểm tra (trọng số 60%)

*Hình thức: Vấn đáp/tiểu luận.

* Nội dung: Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* Thời gian: Theo lịch thi chung của Nhà trường.

8. Giáo trình bắt buộc

1. Tập thể tác giả (2013),, ***Bài giảng Tâm lý học đại cương***, Khoa Tâm lý học, Đại học KHXH&NV.

2. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên). ***Tâm lý học đại cương***. NXB ĐHQG HN. 1998. Thư viện ĐHQG. Phòng tư liệu khoa Tâm lý học.

3. Douglas Bernstein, Louis A. Penner, Alison Clarke – Stewart & Edward J.Roy, ***Psychology***, Houghton Mifflin Compay, 2003.

9. Tóm tắt nội dung môn học

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý; khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các

quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Tâm lý học là một khoa học

- 1.1 Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học.
- 1.2 Sơ lược về sự hình thành và phát triển khoa học Tâm lý học
- 1.3 Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học.

Chương 2: Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng Tâm lý

- 2.1. Bản chất
- 2.2. Chức năng
- 2.3. Phân loại

Chương 3: Cơ sở tự nhiên của Tâm lý người

- 3.1. Não và Tâm lý
- 3.2. Vấn đề định khu chức năng Tâm lý trong não
- 3.3. Phản xạ có điều kiện và Tâm lý
- 3.4. Hệ thống tín hiệu thứ hai và Tâm lý
- 3.5. Các qui luật hoạt động thần kinh cấp cao và Tâm lý

Chương 4: Cơ sở xã hội của Tâm lý người

- 4.1. Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và Tâm lý con người
- 4.2. Hoạt động và sự hình thành, phát triển Tâm lý người.
- 4.3. Giao tiếp và sự hình thành, phát triển Tâm lý người.

Chương 5: Cảm giác và tri giác

5.1. *Cảm giác*

- 5.1.1. Khái niệm cảm giác
- 5.1.2. Vai trò của cảm giác
- 5.1.3. Các qui luật của cảm giác
- 5.1.4. *Cơ sở sinh lý thần kinh của cảm giác*

5.2. *Tri giác*

- 5.2.1. Khái niệm tri giác
- 5.2.2. Vai trò của tri giác
- 5.2.3. Các qui luật của tri giác

Chương 6: Tư duy và tưởng tượng

6.1. Tư duy

6.1.1. Khái niệm tư duy

6.1.2. Các giai đoạn của tư duy

6.2. Tưởng tượng

6.2.1. Khái niệm tưởng tượng

6.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng

Chương 7: Trí nhớ

7.1. Khái niệm trí nhớ

7.2. Vai trò của trí nhớ

7.3. Các giai đoạn của trí nhớ

7.4. *Cơ sở sinh lý thần kinh của trí nhớ*

Chương 8: Đời sống tình cảm

8.1. *Khái niệm xúc cảm, tình cảm*

8.2. Các mức độ của đời sống tình cảm

8.3. Các qui luật của tình cảm

8.4. *Cơ sở sinh lý thần kinh của tình cảm*

Chương 9: Ý chí và hành động ý chí

9.1. Khái niệm ý chí

9.2. Các phẩm chất ý chí

9.3. Hành động ý chí

9.4. Hành động tự động hóa

Chương 10: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách

10.1. Khái niệm chung về nhân cách

10.2. Cấu trúc của nhân cách

10.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LÔGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: PHI1054

2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

5.1. Nguyễn Thuý Vân: PGS, TS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

5.2. Nguyễn Anh Tuấn: PGS, TS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

5.3. Vũ Thị Thu Hương: ThS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

Và nhiều giảng viên khác của Bộ môn Lôgic học

6. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức:* trang bị cho sinh viên hiểu biết đầy đủ, nâng cao về lôgic học đại cương, nội dung chủ yếu của các hình thức và quy luật của tư duy lôgic.

- *Kỹ năng:* Học phần nhằm thiết lập cho sinh viên kỹ năng tư duy đúng đắn, rất chính xác, nhất quán, phi mâu thuẫn, có cơ sở; thực hiện và vận dụng tốt các thao tác tư duy khái niệm, phán đoán, suy lý trong lập luận và trình bày những vấn đề của lôgic học và ngành chuyên môn của sinh viên.

- *Thái độ:* Học phần hướng đến xây dựng ở sinh viên sự tự tin trong suy nghĩ dựa chắc trên các kiến thức lôgic học cơ bản, từ đó có khả năng nhìn nhận sai lầm trong suy nghĩ của mình và những người đối thoại để sửa chữa cho bản thân và phản biện, phê phán người khác.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- *Về kiến thức:* Nắm được đối tượng nghiên cứu của khoa học lôgic đại cương; Nắm vững các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, sự thể hiện của tư tưởng thông qua những hình thức này; Hiểu được sự tác động của các quy luật lôgic cơ bản của tư duy hình thức; Hình dung được một cách khái quát sự tác động của tư duy lôgic trong nhận thức và hoạt động

thực tiễn; Nhận dạng được những lỗi logic tư duy mắc phải khi vi phạm các quy tắc và quy luật của tư duy đúng đắn; Hình thành và rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, chính xác, khoa học tiến đến xây dựng *văn hoá* tư duy. Nắm được một cách khá sâu sắc và có hệ thống những hình thức và quy luật của tư duy logic trong quá trình phản ánh đúng đắn đối tượng ở trạng thái xác định của nó.

- *Về kỹ năng*: Giải thành thạo và có sáng tạo các bài tập liên quan đến nội dung môn học; Xử lý được các tình huống nhận thức và hoạt động thực tiễn phức tạp khi có yêu cầu tư duy phải tuân thủ các quy luật logic; Có khả năng tìm kiếm, phát hiện và khắc phục những lỗi tư duy tương đối tinh vi khi vi phạm vào các quy luật và quy tắc của tư duy đúng đắn; Xây dựng được cho mình phương pháp tư duy chính xác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn; Vận dụng được những tri thức và phương pháp đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- *Về thái độ người học*: Có được hứng thú, sự say mê môn học; Thấy được giá trị thực tiễn và sự ứng dụng hiệu quả của học phần; Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học; Có được tư duy logic chặt chẽ, đúng đắn, khoa học.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

+ Điểm chuyên cần chấm theo thang điểm 10 có trọng số 10%,

Yêu cầu và cách thức đánh giá: - Đi học đầy đủ: 5%.

- Tích cực tham gia phát biểu, chữa bài tập: 5%.

+ Bài kiểm tra giữa kỳ có trọng số 30%; hình thức làm bài kiểm tra trên lớp (50 phút) hoặc sinh viên có số lần phát biểu đạt bình quân mỗi giờ học 1 lần;

+ Thi cuối kỳ có trọng số 60%; Hình thức Viết (90 phút) hoặc vấn đáp.

9 Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn: Logic học đại cương, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2013.

2. Nguyễn Anh Tuấn: *Hỏi và Đáp Logic học hình thức*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2011.

2. Tài liệu tham khảo thêm

3. Vương Tất Đạt: Logic học đại cương, Nxb Đại học Quốc gia, H, 2000

4. Vương Tất Đạt, Bùi Văn Quân, Nguyễn Thị Vân Hà: Phương pháp giải các bài tập logic học, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, H, 2006
5. Nguyễn Đức Dân: Logic và tiếng Việt, Nxb Giáo dục, 1996
6. Nguyễn Đức Dân: Nhập môn logic hình thức, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2003
7. Hoàng Chúng: Logic học phổ thông, Nxb Giáo dục, 1993
8. Nguyễn Anh Tuấn, Tô Duy Hợp: Logic học hình thức, Nxb Đồng Nai

10. Tóm tắt nội dung học học phần

Lôgic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn. Nội dung của học bao gồm các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. nắm được các nội dung đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lôgic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Phần bài tập và câu hỏi trên lớp giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lôgic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đứng im tương đối (mặt hình thức) của nó mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là môn học đã đang và nên là môn học phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Nhập môn lôgic học

1.1. Thuật ngữ lôgic

1.2. Lôgic học - khoa học về hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn

1.2.1. Khái niệm tư duy với tư cách là đối tượng nghiên cứu của lôgic học

1.2.2. Khái niệm tư duy đúng đắn. Phân biệt tính chân thực và tính đúng đắn của tư duy

1.2.3. Khái niệm hình thức - nội dung của tư duy, tính chân thực và tính đúng đắn của tư duy

1.2.4. Khái niệm quy luật của tư duy, sự phân biệt quy luật của các loại tư duy khác nhau.

1.3. Lô gíc học đại cương

1.3.1. Lô gíc học đại cương là khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy phản ánh đúng đắn đối tượng trong trạng thái đứng im tương đối.

1.3.2. Lô gíc học đại cương là khoa học cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung.

1.4. Phương pháp nghiên cứu của lô gíc học

1.4.1. Phương pháp mô hình hoá

1.4.2. Phương pháp hình thức hoá

1.5. Mối quan hệ giữa tư duy và ngôn từ, lô gíc học và ngôn ngữ học

1.6. ý nghĩa của lô gíc học

1.6.1. ý nghĩa xã hội và các chức năng cơ bản của lô gíc học

1.6.2. Vai trò của lô gíc học trong việc định hình văn hoá lô gíc ở con người

Chương 2. Khái niệm

2.1. Quan niệm chung về khái niệm

2.1.1. Định nghĩa khái niệm

2.1.2. Mối quan hệ giữa khái niệm và từ

2.1.3. Các phương pháp cơ bản thành lập khái niệm

2.2. Cấu trúc lô gíc của khái niệm

2.2.1. Nội hàm của khái niệm

2.2.2. Ngoại diên của khái niệm, hình thức tồn tại hay biểu hiện của đối tượng được khái niệm phản ánh

2.2.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm

2.3. Phân loại khái niệm

2.3.1. Phân loại theo nội hàm

2.3.2. Phân loại theo ngoại diên

2.3.3. Bài tập

2.4. Quan hệ giữa các khái niệm

2.4.1. Quan hệ điều hoà: quan hệ đồng nhất, quan hệ bao hàm, quan hệ giao nhau

2.4.2. Quan hệ không điều hoà: quan hệ ngang hàng, quan hệ đối lập, quan hệ mâu thuẫn

2.4.3. Bài tập

2.5. *Các thao tác đối với khái niệm*

2.5.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm

2.5.2. Phép định nghĩa khái niệm

2.5.3. Phép phân chia khái niệm

2.5.4. Bài tập

2.6. *Các phép toán trên ngoại diên khái niệm*

Chương 3. Phán đoán

3.1. *Định nghĩa và các đặc điểm của phán đoán*

3.1.1. Định nghĩa

3.1.2. Đặc điểm của phán đoán

3.2. *Phán đoán đơn*

3.2.1. Cấu tạo, phân loại phán đoán đơn

3.2.2. Tính chất chu diên của các thuật ngữ logic trong phán đoán đơn

3.2.3. Quan hệ giữa các phán đoán đơn trên hình vuông logic

3.2.4. Phủ định của phán đoán đơn

3.2.4. Bài tập

3.3. *Phán đoán phức*

3.3.1. Các loại phán đoán phức cơ bản: phán đoán liên kết (hội); phán đoán phân liệt (tuyển); phán đoán điều kiện (kéo theo); phán đoán tương đương; phán đoán điều kiện. (khái niệm về phán đoán, cấu trúc logic, liên từ logic và quy tắc tính giá trị logic).

3.3.2. Phán đoán đa phức hợp: cách tính giá trị logic, lập bảng giá trị logic và phát biểu câu có nghĩa từ các công thức hằng đúng

3.3.3. Đẳng trị của các phán đoán phức: công thức và cách phát biểu

3.3.4. Phủ định của phức hợp cơ bản

3.3.5. Bài tập

Chương 4. Các quy luật lôgic hình thức cơ bản

4.1. Định nghĩa và các đặc điểm của quy luật lôgic

4.1.1. Tính khách quan, tất yếu, bản chất

4.1.2. Tính phổ biến

4.1.3. Phạm vi tác động của các quy luật lôgic hình thức

4.2. Các quy luật lôgic hình thức cơ bản của tư duy

4.2.1. Quy luật đồng nhất

4.2.1.1. Cơ sở khách quan

4.2.1.2. Nội dung và công thức của quy luật

4.2.1.3. Các yêu cầu của quy luật

4.2.1.4. Các lỗi tư duy mắc phải khi vi phạm các yêu cầu

4.2.2. Quy luật phi mâu thuẫn

4.2.2.1. Cơ sở khách quan

4.2.2.2. Nội dung và công thức của quy luật

4.2.2.3. Các yêu cầu của quy luật

4.2.2.4. Các lỗi tư duy mắc phải khi vi phạm các yêu cầu

4.2.3. Quy luật bài trung.

4.2.3.1. Cơ sở khách quan

4.2.3.2. Nội dung và công thức của quy luật

4.2.3.3. Các yêu cầu của quy luật

4.2.3.4. Các lỗi tư duy mắc phải khi vi phạm các yêu cầu

4.2.4. Quy luật lý do đầy đủ.

4.2.4.1. Cơ sở khách quan

4.2.4.2. Nội dung và công thức của quy luật

4.2.4.3. Các yêu cầu của quy luật

4.2.4.4. Các lỗi tư duy mắc phải khi vi phạm các yêu cầu

4.2.5. Thảo luận

Chương 5. Suy luận

5.1. Định nghĩa và đặc điểm cấu tạo của suy luận

5.1.1. Định nghĩa suy luận

5.1.2. Cấu trúc lôgic của suy luận

5.1.3. Điều kiện để có một suy luận đúng, về mối liên hệ giữa nội dung và hình thức, tính chân thực và tính đúng đắn của tư duy

5.2. *Phân loại suy luận*: diễn dịch, quy nạp và loại suy

5.2.1. Suy luận Diễn dịch

5.2.1.1. Diễn dịch trực tiếp

+ Diễn dịch trực tiếp có tiền đề là phán đoán đơn (5 kiểu)

+ Diễn dịch trực tiếp có tiền đề là phán đoán phức (theo các công thức đẳng trị của phán đoán tiền đề)

+ Bài tập

5.2.1.2. Diễn dịch gián tiếp

+ Diễn dịch gián tiếp có tiền đề là phán đoán đơn:

* Tam đoạn luận đơn

* Tam đoạn luận rút gọn, cách thức khôi phục về dạng đầy đủ và biện luận về hình thức suy luận đúng sai

+ Diễn dịch gián tiếp từ các phán đoán phức

* Suy luận điều kiện

* Suy luận lựa chọn

* Suy luận lựa chọn điều kiện (song đề)

+ Bài tập

5.2.2. Suy luận quy nạp

5.2.2.1. Bản chất, vai trò và cấu trúc của quy nạp

5.2.2.2. Phân loại suy luận quy nạp

+ Quy nạp hoàn toàn

+ Quy nạp không hoàn toàn

* Quy nạp phổ thông

* Quy nạp khoa học

5.2.2.3. Các phương pháp nghiên cứu quy nạp khoa học

5.2.2.4 Những lỗi logic cơ bản trong suy luận quy nạp.

5.2.2.5. Bài tập

5.2.3. Suy luận loại suy

5.2.3.1. Bản chất, vai trò và cấu trúc của loại suy

5.2.3.2. Các dạng loại suy và quy tắc của chúng

Chương 6. Chứng minh

6.1. Định nghĩa và đặc điểm cấu tạo của chứng minh

6.1.1. Định nghĩa

6.1.2. Cấu trúc logic của chứng minh

6.2. Phân loại chứng minh

6.2.1. Chứng minh và bác bỏ

6.2.2 Chứng minh trực tiếp và gián tiếp, chứng minh phản chứng

6.2.3. Các loại chứng minh theo loại hình suy luận

6.3. Các quy tắc chứng minh

6.3.1. Quy tắc đối với luận đề

6.3.2. Quy tắc đối với luận cứ

6.3.3. Quy tắc đối với luận chứng

6.4. Các lỗi thường mắc trong chứng minh

6.5. Bài tập

12. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Tổng
	Lên lớp: 45			Thực hành	Tự nghiên cứu: 135	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	3	0	1			4
Chương 2	7	2	1			10
Chương 3	6	3	1			10
Chương 4	4	0	1			5
Chương 5	8	3	1			12
Chương 6	3	1	0			4
Cộng	31	9	5			45

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

1. Mã học phần: HIS1053

2. Số tín chỉ: 3 TC

3. Học phần tiên quyết: không

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

- *Họ và tên giảng viên 1:* PGS.TS. Nguyễn Văn Kim

- *Đơn vị công tác:* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* (+84) 0915.502.198

- *Email:* nguyenvankimls@fpt.vn; nguyenvankimls@yahoo.com

- *Họ và tên giảng viên 2:* PGS.TS. Đặng Xuân Kháng

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* (+84) 0912.398.648

- *Email:* khangdx@vnu.edu.vn

- *Họ và tên giảng viên 3:* Nguyễn Văn Ánh

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* (+84)

- *Email:*

- *Họ và tên giảng viên 4:* TS. Trần Thiện Thanh

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 047 325 037 / 0919 341 546

- *Email:* ttthanh.ls@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 5:* TS. Lý Tường Vân

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 0983082898

- Email: tuongvanly.1975@gmail.com

- Họ và tên giảng viên 6: TS. Đinh Tiến Hiếu

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 0913.153.639

- Email: hieudt1978@gmail.com

- Họ và tên giảng viên 7: Nguyễn Mạnh Dũng

- Chức danh: TS

- Đơn vị công tác: Viện Chính sách và Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 0983212569

- Email: nguyendunghsr@gmail.com

- Họ và tên giảng viên 8: TS. Phạm Văn Thủy

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 047 325 073 / 0919 341 546

- Email: phamthuyl@yahoo.com

- Họ và tên giảng viên 9: ThS. NCS. Nguyễn Nhật Linh

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 0987.593.168

- Email: linhussh@yahoo.com ; linhussh@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Học phần hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại, phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về văn hóa, văn minh Từ đó, học phần giúp người học có nhận thức đúng và đánh giá khách quan về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại, ó tư duy độc lập

trong phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Học phần đảm bảo người học sẽ đạt được những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu Lịch sử Văn minh thế giới, bao gồm:

a. Về kiến thức:

- Đảm bảo cho người học có kiến thức nền tảng trong nghiên cứu lịch sử văn minh thế giới bao gồm những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại, lịch sử và những thành tựu chủ yếu của các nền văn minh trên thế giới.
- Người học có được phương pháp và những lý thuyết cơ bản về nghiên cứu các nền văn hóa, văn minh.

b. Về kỹ năng:

- Người học có được các kỹ năng đọc và phân tích tài liệu.
- Người học có khả năng liên hệ, áp dụng lý thuyết chung trong từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.
- Người học có khả năng độc lập nghiên cứu, thuyết trình và làm việc theo nhóm khi được phân công diễn giải về một vấn đề lịch sử văn minh cụ thể .
- Người học có tư duy độc lập trong phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.

c. Về thái độ:

- Người học có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình đọc, tham khảo, xử lý tư liệu, tích cực tham gia vào các hoạt động thảo luận, seminar và trung thực trong kiểm tra, thi cử.
- Người học có nhận thức cơ bản và chuẩn xác về việc nghiên cứu cũng như các lý thuyết nghiên cứu lịch sử các nền văn minh trên thế giới, các vấn đề tồn tại, những mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại.
- Người học có nhận thức đúng và đánh giá khách quan về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

8.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên

Việc kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận.

8.1.1. Mục tiêu: Kiểm tra đánh giá thường xuyên nhằm củng cố tri thức và nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách dạy và học cho phù hợp.

8.1.2. Tiêu chí đánh giá thường xuyên

- Xác định được nhiệm vụ và mục đích vấn đề
- Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Chuẩn bị bài đầy đủ.
- Tích cực tham gia vào bài học.

8.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ

Hình thức	Nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Tỷ lệ điểm
Đánh giá thường xuyên trên lớp (phát biểu, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận)	Điểm danh Tích tích cực học tập của sinh viên	- Ý thức học tập của sinh viên - Trách nhiệm đối với học phần của sinh viên - chuẩn bị bài, đọc sách -có được thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh cách dạy và học phù hợp	10%
Bài kiểm tra giữa kỳ	Năng lực khái quát kiến thức của sinh viên	Đánh giá tổng hợp kiến thức và kỹ năng thu được sau nửa học kỳ	30%
Bài kiểm tra cuối kỳ	Năng lực phân tích, so sánh, đưa ra nhận định cá nhân	Đánh giá trên 3 mức: trình bày, chứng minh, phân tích, so sánh của sinh viên	60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

1. Vũ Dương Ninh (cb), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb GD, H, 2002.
2. Nguyễn Văn Ánh, *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb GD, H, 2015.

3. Nguyễn Văn Tân, Hoàng Minh Hoa, Phạm Hồng Việt, *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb GD, H, 1997.
4. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú, *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb ĐH & GDCN, H., 1990
5. Carane Brinton, John Christopher, Robert Lee Wolff, *Lịch sử phát triển văn hóa văn minh nhân loại*, Nguyễn Văn Lượng dịch, Nxb VHTT, 2004.
- Tập 1: Văn minh Phương Tây
- Tập 2: Văn minh Phương Đông.
6. Will Durant: *Lịch sử văn minh ấn Độ*, Nxb VHTT, 2000.
7. Will Durant: *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, Nxb VHTT, 2000.
8. Will Durant: *Lịch sử văn minh A Rập*, Nxb VHTT, 2000.
9. *Almanach những nền văn minh thế giới*, Nxb VHTT, 1999.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

- Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX...

-Đối với mỗi nền văn minh, học phần giới thiệu và cung cấp kiến thức, thông tin về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

-Học phần trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học –kỹ thuật, tôn giáo...

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):

Bài Mở đầu:

1. Văn minh là gì?

-*Sự xuất hiện của khái niệm văn minh*

-*Nội dung của khái niệm văn minh*

-*So sánh văn minh và văn hóa*

2. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn LSVM Thế giới

-Đối tượng nghiên cứu

-Phương pháp nghiên cứu

-ý nghĩa nghiên cứu LSVM Thế giới

Chương I: Văn minh Ai Cập

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình văn minh

3. Thành tựu:

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Trình độ phát triển kinh tế

3.3. Chữ viết

3.4. Văn học

3.5. Tôn giáo

3.6. Nghệ thuật điêu khắc-kiến trúc

3.7. Khoa học tự nhiên

Chương II: Văn minh Lưỡng Hà

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình Văn minh

3. Thành tựu

3.1. Thể chế chính trị

3.2. Kinh tế

3.3. Luật pháp

3.4. Chữ viết - Văn học

3.5. Tôn giáo

3.6. Nghệ thuật Kiến trúc

3.7. Khoa học tự nhiên

Chương III: Văn minh Ấn Độ

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình văn minh

3. Thành tựu:

3.1. Thể chế chính trị

3.2. *Trình độ phát triển kinh tế*

3.3. *Tôn giáo*

3.4. *Triết học*

3.5. *Khoa học tự nhiên*

Chương IV: Văn minh Trung Quốc

1. Điều kiện tự nhiên

2. Tiến trình văn minh

3. Thành tựu:

3.1. *Thế chế chính trị*

3.2. *Kinh tế*

3.3. *Tư tưởng*

3.4. *Những thành tựu văn hoá khác*

3.4.1. *Chữ viết - Văn học*

3.4.2. *Triết học*

3.4.3. *Tôn giáo*

3.4.4. *Khoa học tự nhiên*

3.5. *Bốn phát minh lớn của Trung Quốc*

Chương V: Văn minh A rập Hồi giáo

1. Điều kiện tự nhiên

2. Sự hình thành Nhà nước và đạo Hồi

3. Nội dung và Giáo lý cơ bản của đạo Hồ:

4. Quá trình phát triển và truyền bá đạo Hồi:

5. Thành tựu văn minh A Rập Hồi giáo:

5.1. *Sự phát triển của kinh tế thương nghiệp.*

5.2. *Triết học*

5.3. *Văn học - nghệ thuật*

5.4. *Khoa học tự nhiên*

5.5. *Vai trò trung gian truyền bá văn hóa*

Chương VI: Văn minh Đông Nam á

1. Điều kiện hình thành

-Điều kiện tự nhiên

-Nền tảng văn hóa Nam á

-Tiếp thu ảnh hưởng văn hóa văn minh ấn Độ và Trung Quốc trên nhiều lĩnh vực: chính trị, xã hội, văn hóa...

2. Tiến trình văn minh

3. Thành tựu văn minh

3.1. Tín ngưỡng, tôn giáo

3.2. Nghệ thuật

3.3. Chữ viết và văn học

3.4. Lễ hội

Chương VII: Văn minh Hy Lạp - La Mã

1. Điều kiện hình thành

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.2. Tiếp thu văn minh phương Đông

2. Sơ lược tiến trình văn minh Hy Lạp-La Mã

3. Những thành tựu tiêu biểu:

3.1. Sự phát triển của nền dân chủ cổ đại

3.2. Sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp và chế độ nô lệ

3.3. Thần thoại:

3.4. Tôn giáo

3.5. Chữ viết

3.6. Pháp luật, văn học-nghệ thuật, triết học, sử học và khoa học tự nhiên.

Chương VIII: Văn minh Tây Âu Trung đại

1. Văn minh Tây Âu sơ kỳ trung đại (thế kỷ V-X):

1.1. Sự hình thành chế độ phong kiến ở Tây Âu và những đặc điểm cơ bản của chế độ phong kiến

1.2. Sự suy thoái về văn hóa và ảnh hưởng của đạo Cơ đốc

2. Văn minh Tây Âu thế kỷ XI-XIV

2.1. Sự ra đời của thành thị, hoạt động kinh tế và vai trò của thành thị đối với xã hội phong kiến châu Âu

2.2. Văn hoá Tây Âu thế kỷ XI-XIV

2. Văn minh Tây Âu thế kỷ XV-XVII

3.1. Bối cảnh lịch sử.

3.2. Các phát kiến địa lý và sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới cuối thế kỷ XV-đầu thế kỷ XVI:

3.3. Phong trào cải cách tôn giáo và sự hình thành đạo Tin lành

3.4. Phong trào văn hóa Phục hưng

Chương IX: Văn minh công nghiệp (cuối thế kỷ XVII-XIX)

1. Sơ lược về tiến trình lịch sử văn minh

2. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII-XIX (tiền đề, diễn biến và hậu quả của cách mạng công nghiệp)

3. Các trào lưu tư tưởng thế kỷ XVIII-XIX”

4. Một số thành tựu về khoa học, văn học, nghệ thuật...

Chương X: Văn minh thế kỷ XX

1. Đặc điểm lịch sử thế kỷ XX (hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai; chủ nghĩa tư bản hiện đại; sự hình thành hệ thống XHCN, sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc; chiến tranh lạnh và sự kết thúc của chiến tranh lạnh, thế giới sau chiến tranh lạnh...)

2. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX (nguyên nhân, diễn biến và hệ quả).

Bài Tổng kết: Những nhận xét rút ra từ LSVM Thế giới

-Đặc điểm LSVM: Sự phát triển theo xu thế ngày càng cao của văn minh.

-Những tương đồng và khác biệt giữa văn minh phương Đông và văn minh phương Tây.

-Xu hướng hòa nhập giữa các nền văn minh trong thời đại ngày nay.

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Mã số học phần: THL 1057
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: không
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên:

5.1. Giảng viên 1

Họ và tên: Nguyễn Minh Tuấn

Chức danh khoa học, học vị: TS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

5.2. Giảng viên 2

Họ và tên: Mai Văn Thắng

Chức danh khoa học, học vị: TS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

5.3. Giảng viên 3

Họ và tên: Phạm Thị Duyên Thảo

Chức danh khoa học, học vị: TS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

5.4. Giảng viên 4

Họ và tên: Lê Thị Phương Nga

Chức danh khoa học, học vị: TS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

5.5. Giảng viên 5

Họ và tên: Phan Thị Lan Phương

Chức danh khoa học, học vị: ThS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

5.6. Giảng viên 6

Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài Phương

Chức danh khoa học, học vị: ThS. Giảng viên

Thời gian làm việc: Giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần

Địa điểm làm việc, địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, Bộ môn Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

a. Kiến thức

- Nắm được đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học nhà nước và pháp luật đại cương.

- Nắm vững và hiểu những khái niệm, phạm trù của môn học

b. Về kỹ năng:

- Trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung môn học.
- Xây dựng được cho mình phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn.
- Vận dụng được những tri thức và phương pháp của môn học để luận giải các vấn đề cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành.

c. Về thái độ người học:

- Có được hứng thú, sự say mê môn học.
- Hiểu được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học, ứng dụng vào việc học tập và cuộc sống
- Góp phần nâng cao ý thức pháp luật, ý thức đạo đức.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành môn học này, học viên cần đạt được các mục tiêu sau đây:

7.1. Về kiến thức

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật, hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên phương pháp tiếp cận, phương pháp tư duy các vấn đề pháp lý, mối quan hệ giữa các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật với các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa.

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, phương pháp tiếp cận quy luật hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật; hệ thống các khái niệm, phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật. Môn học trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển của các hiện tượng, quá trình của đời sống nhà nước và pháp luật.

Môn học cung cấp phương pháp tiếp cận xu hướng phát triển của đời sống nhà nước và pháp luật, hệ thống các kiến thức cơ bản, hiện đại về pháp luật: thuộc tính, chức năng, hình thức, nguồn và nguyên tắc pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước với các phương tiện điều chỉnh, thiết chế xã hội khác; nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Nội dung môn học còn bao gồm các vấn đề cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật; mối quan hệ giữa xây dựng và thực hiện, áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật.

7.2. Về kỹ năng

Môn học trang bị cho người học kỹ năng phát hiện, đánh giá phân tích các vấn đề cơ bản của đời sống nhà nước và pháp luật ; kỹ năng làm việc nhóm về phân tích các hiện tượng nhà nước và pháp luật trong mối quan hệ biện chứng với nhau và với các hiện tượng xã hội khác.

Có phương pháp tiếp cận khoa học, kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề pháp luật - xã hội - pháp lý. Sinh viên được trang bị kỹ năng vận dụng các quy luật chung, các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật vào đời sống thực tiễn.

7.3. Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức nhân văn, đạo đức nghề nghiệp của luật gia, có ý thức, lối sống đạo đức, tôn trọng và chấp hành pháp luật.

- Có ý thức tham gia quản lý nhà nước góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền..
- Có bản lĩnh nghề nghiệp, mạnh dạn tranh luận, bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.
- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần làm việc hợp tác, phối hợp với người khác và trong tập thể.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số tính điểm
Bài tập cá nhân (các bài tập được giao có kiểm tra, đánh giá, các bài tóm tắt những tài liệu đã đọc, các thu hoạch đã làm ở nhà và các nội dung sưu tầm, ứng dụng của môn học)	Kiểm soát việc chuẩn bị bài và năng lực tổng hợp vấn đề từ các kênh thông tin liên quan đến môn học.	Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc độc lập. Đánh giá khả năng tổng hợp và trình bày các kiến thức thu nhận được từ các nguồn tài liệu và từ bài giảng.	20%
Bài tập lớn/ Tiểu luận môn học (Tiểu luận do sinh viên lựa chọn trên cơ sở danh mục gợi ý GV đưa ra từ đầu môn học)	Đánh giá kỹ năng nghiên cứu trọn vẹn một vấn đề thuộc nội dung môn học.	Đánh giá kỹ năng triển khai các vấn đề nghiên cứu và học tập chung.	20%
Thi hết môn	Hình thức thi là : Thi Viết	Đánh giá kiến thức, năng lực tư duy và khả năng triển khai và ứng dụng vấn đề trong thực tiễn.	60%

9. Giáo trình bắt buộc:

- 9.1. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên). Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà nội. Giáo trình lý luận chung nhà nước và pháp luật. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 2005.
- 9.2. Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên), Giáo trình nhà nước và pháp luật đại cương, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 1997.

10. Tóm tắt nội dung học phần

Nhà nước và pháp luật đại cương là môn học bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là môn học nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra nhà nước và pháp luật đại cương cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là môn học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục)

A. Phần thứ nhất: Nhà nước

Bài 1. Khái luận về môn học nhà nước và pháp luật

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu**
- 1.2. Phương pháp nghiên cứu**
- 1.3. Tình hình nghiên cứu và ý nghĩa môn học**

Bài 2. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò của Nhà nước

2.1. Nguồn gốc Nhà nước

- Học thuyết Mác - Lê nin và các học thuyết khác về nguồn gốc Nhà nước
- Quá trình hình thành Nhà nước

2.2. Bản chất Nhà nước và đặc trưng của nhà nước

- Tính giai cấp của Nhà nước
- Vai trò xã hội của Nhà nước
- Các đặc trưng của Nhà nước

2.3. Các kiểu lịch sử của Nhà nước

- Khái niệm kiều nhà nước và qui luật thay thế các kiều nhà nước
- Các kiều nhà nước trong lịch sử

2.4.Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam
- Đặc trưng cơ bản của nhà nước CHXHCN Việt Nam

Bài 3: Chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và chế độ chính trị:

3.1.Chức năng Nhà nước

- Khái niệm chức năng của Nhà nước
- Chức năng kinh tế của nhà nước CHXHCN Việt Nam
- Chức năng x• hội của nhà nước CHXHCN Việt Nam

3.2.Bộ máy nhà nước:

- Khái niệm Bộ máy Nhà nước
- Bộ máy nhà nước CHXHCNVN

3.3.Hình thức nhà nước, chế độ chính trị

- Hình thức nhà nước
- Hình thức chính thể
- Hình thức cấu trúc nhà nước
- Hình thức chính thể và hình thức cấu trúc nhà nước Cộng hòa x• hội chủ nghĩa Việt Nam
- Chế độ chính trị

B. Phần thứ 2: Pháp luật

Bài 4. Nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu pháp luật, các mối liên hệ của pháp luật

- 4.1.Nguồn gốc của pháp luật
- 4.2.Bản chất và các thuộc tính cơ bản của pháp luật
- 4.3.Chức năng của pháp luật
- 4.4.Hình thức của pháp luật
- 4.5.Các mối liên hệ của pháp luật

Bài 5. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ x• hội

- 5.1.Khái niệm cơ chế điều chỉnh của pháp luật

5.2. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật

5.3. Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật

5.4. Quan hệ pháp luật

5.5. Ý thức pháp luật và pháp chế

5.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Bài 6. Hệ thống pháp luật Việt nam

6.1. Khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam

6.2. Những căn cứ phân định hệ thống pháp luật thành những ngành luật

6.3. Giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: SOC1051
2. Số tín chỉ: 3
3. Học phần tiên quyết:
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
Giảng viên:
 - Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hoa
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức xã hội học đại cương một cách cơ bản, hệ thống, cập nhật.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học đại cương trong việc phân tích, nghiên cứu đời sống xã hội.
 - *Thái độ:* Học phần xây dựng thái độ khách quan, khoa học cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu xã hội từ góc nhìn xã hội học.
7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức xã hội học đại cương một cách cơ bản, hệ thống, cập nhật.
 - *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học đại cương trong việc phân tích, nghiên cứu đời sống xã hội.
 - *Thái độ:* Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu xã hội.
8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:
Kiểm tra đánh giá thường xuyên
 - Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
 - Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
 - Thời gian: trong suốt quá trình học tập*Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ*
 - Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần

- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. *Học liệu*

Học liệu bắt buộc:

1. Khoa Xã hội học, Xã hội học đại cương, NXB ĐHQGHN, 2016
2. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Xã hội học*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội Hà Nội, 1997.
3. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học*, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002

Học liệu tham khảo

1. Anthony Giddens, *Sociology*, Polity Press, Cambridge, 2009.
2. John Macionis, *Sociology*, Prentice Hall, New Jersey, 2008.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần được kết cấu thành 10 chương. Mười chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nội dung thứ nhất bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học, chức năng của xã hội học, và mối quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác. Nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nội dung cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên lô gích: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiêu mục...):

Chương 1. Đối tượng, cơ cấu, chức năng của xã hội học

1.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.2. Góc nhìn xã hội học

1.3. Mối quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác

1.4. Cơ cấu, chức năng của xã hội học

1.5. Các con đường nghề nghiệp sau khi học xã hội học

Chương 2. Sơ lược lịch sử và lý thuyết xã hội học

- 2.1. Điều kiện tiên đề của sự ra đời và phát triển xã hội học
- 2.2. Lịch sử tư tưởng xã hội học
- 2.3. Đóng góp của các nhà xã hội học kinh điển
- 2.4. Cách tiếp cận lý thuyết quan trọng trong xã hội học
- Chương 3. Phương pháp nghiên cứu xã hội học
 - 3.1. Lựa chọn chủ đề nghiên cứu
 - 3.2. Tổng quan tài liệu
 - 3.3. Nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
 - 3.4. Xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu
 - 3.5. Xây dựng câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu
 - 3.6. Thao tác khái niệm, xác định các chỉ báo
 - 3.7. Các phương pháp thu thập thông tin
 - 3.8. Phân tích dữ liệu và viết báo cáo
- Chương 4. Hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội
 - 4.1. Hành động xã hội
 - 4.2. Tương tác xã hội
 - 4.3. Quan hệ xã hội
 - 4.4. Vị trí, vị thế, vai trò xã hội
- Chương 5. Cấu trúc xã hội
 - 5.1. Nhóm xã hội
 - 5.2. Mạng lưới xã hội
 - 5.3. Tổ chức xã hội
 - 5.4. Thiết chế xã hội
 - 5.5. Cộng đồng
- Chương 6. Quyền lực, bất bình đẳng, phân tầng xã hội, di động xã hội
 - 6.1. Quyền lực
 - 6.2. Bất bình đẳng
 - 6.3. Phân tầng xã hội
 - 6.4. Di động xã hội
- Chương 7. Lệch chuẩn, tuân thủ và kiểm soát
 - 7.1. Lệch chuẩn và tội phạm
 - 7.2. Tuân thủ và kiểm soát xã hội
 - 7.3. Lịch sử ra đời và phát triển của lý thuyết tội phạm và lệch chuẩn
- Chương 8. Văn hóa
 - 8.1. Khái niệm văn hoá

8.2. Những đặc điểm của văn hoá

8.3. Các đặc trưng cơ bản của văn hoá

8.4. Cấu trúc của văn hoá

8.5. Các loại hình văn hoá

8.6. Chức năng của văn hoá

Chương 9. Xã hội hóa

9.1. Bản chất của con người

9.2. Khái niệm xã hội hoá

9.3. Quá trình xã hội hoá

9.4. Mục đích của xã hội hoá

9.5. Môi trường xã hội hóa

9.6. Một số quan điểm lý thuyết về quá trình xã hội hóa

9.7. Mối quan hệ giữa xã hội, nhân cách và văn hoá trong quá trình xã hội hoá

Chương 10. Biến đổi xã hội

10.1. Định nghĩa biến đổi xã hội

10.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội

10.3. Nguyên nhân dẫn đến biến đổi xã hội

10.4. Hiện đại hóa

10.5. Toàn cầu hóa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: INE 1014
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Không
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
 - PGS. TS. Phí Mạnh Hồng, Trường ĐHKT, ĐHQGHN
 - TS. Vũ Thị Đậu, Trường ĐHKT, ĐHQGHN
 - TS. Bùi Thành Nam, Trường ĐHKHXH và NV
 - ThS. Nguyễn thị Thanh Nga, HV Chính sách phát triển
 - Th.S. Nguyễn Thị Giang, HV Ngân hàng
 - Th.S. Nguyễn Tuấn Hùng, HV Ngân hàng
 - Th.S. Lê Thị Anh, HV Ngân hàng
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản ở mức tối thiểu về kinh tế học, nhằm giúp họ có được những khái niệm cơ bản về kinh tế học để bước đầu hiểu được sự vận hành của một nền kinh tế thị trường.
 - Kỹ năng: Hình thành ở sinh viên kỹ năng nhận biết, phân tích, và bước đầu có thể giải thích các hiện tượng kinh tế căn bản của nền kinh tế thị trường và chính sách của chính phủ trên cơ sở các mô hình kinh tế đơn giản
 - Thái độ: Hình thành ở sinh viên thái độ nghiêm túc, khoa học trong học tập và công việc, có thái độ xã hội tích cực trong việc tìm hiểu, đánh giá các vấn đề thực tiễn.
7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức*: Kết thúc môn học, sinh viên được kỳ vọng có được những kiến thức về kinh tế học nền tảng từ mức 1 (có khả năng tái hiện) đến mức 3 (có khả năng lập luận) như sau:
 - + Hiểu phạm vi và nội dung nghiên cứu của kinh tế học.

+ Hiểu và vận dụng được mô hình cung – cầu để giải thích sự hoạt động của một thị trường hàng hóa hay dịch vụ.

+ Hiểu được mục tiêu và các yếu tố cơ bản chi phối hành vi lựa chọn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

+ Hiểu, biết tính toán các thước đo (biến số) kinh tế vĩ mô cơ bản như GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp cũng như bước đầu hiểu được các yếu tố quyết định các biến số này thông qua một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản.

+ Hiểu được vai trò và tác động chính sách của nhà nước đối với hoạt động của nền kinh tế, trước hết là các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu như chính sách tài khóa, tiền tệ.

- *Kỹ năng nghề nghiệp*: Thông qua môn học, sinh viên có điều kiện để phát triển các kỹ năng cá nhân, góp phần tạo nền tảng chung cho việc hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Cụ thể:

+ Biết vận dụng các khái niệm và nguyên lý cơ bản của kinh tế học để hiểu và giải thích các biến số kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường (xu hướng vận động của giá cả và sản lượng trên một thị trường; các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như GDP, tỷ lệ lạm phát, thất nghiệp...)

+ Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn thông qua việc tìm kiếm, thu thập, phân tích các tài liệu, thông tin, tư liệu liên quan đến lĩnh vực kinh tế học.

- *Kỹ năng và Thái độ xã hội*: Thông qua các hoạt động như nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập ..., sinh viên được khuyến khích và yêu cầu phát triển các kỹ năng và thái độ xã hội từ mức 1 đến mức 3 như: Khả năng làm việc nhóm; giao tiếp; kỹ năng trình bày, thuyết trình; thái độ công dân tích cực và chủ động.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

Tham dự, chuyên cần: 10%

Kiểm tra giữa kỳ: 30%

Thi hết môn: 60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

- Nguyễn Ái Đoàn. *Kinh tế học đại cương*, Trường ĐHBKHN, H, 2002

- Nguyễn Thị Hiền (chủ biên). *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, NXB Công an nhân dân, H, 2002 .

- Phí Mạnh Hồng, *Giáo trình Kinh tế vi mô*. Nhà XB ĐHQGHN, 2009

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Kinh tế học Đại cương là một môn học bổ trợ, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong các chương trình đào tạo thuộc các khối ngành tự nhiên và xã hội - nhân văn. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về sự vận hành của nền kinh tế thị trường với 2 mảng kiến thức 1) Kinh tế học vi mô: giới thiệu một cách tổng quát cơ chế vận hành của một thị trường điển hình và hành vi lựa chọn của doanh nghiệp; 2) Kinh tế học vĩ mô: Trình bày những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu và các yếu tố quyết định chúng qua một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản. Qua đó, người học có thể hiểu được tầm quan trọng của các chính sách kinh tế của Chính phủ trong việc điều tiết hoạt động của nền kinh tế.

11. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA XÃ HỘI VÀ KINH TẾ HỌC HIỆN ĐẠI

1.1. Những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế

1.1.1. Nhu cầu và sản xuất

1.1.2. Quy luật khan hiếm nguồn lực và giới hạn khả năng sản xuất của xã hội

1.1.3. Ba vấn đề cơ bản của tổ chức hoạt động kinh tế. Các hệ thống kinh tế

1.2. Kinh tế học hiện đại - khoa học về sự lựa chọn kinh tế của xã hội

1.2.1. Kinh tế học hiện đại - khái niệm và sự phát triển

1.2.2. Các bộ phận khác nhau của kinh tế học hiện đại

1.2.3. Các phương pháp và công cụ của kinh tế học hiện đại

Chương 2

CẦU, CUNG, GIÁ CẢ VÀ SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG THỊ TRƯỜNG

2.1. Cầu, cung và giá cả cân bằng

2.1.1. Cầu về hàng hoá và dịch vụ

2.1.2. Cung về hàng hoá và dịch vụ

2.1.3. Cân bằng thị trường và giá cả cân bằng

2.1.4. Sự co dãn của cầu và cung

2.2. Thực chất của sự điều tiết bằng thị trường và những tác động của Chính phủ vào hệ thống thị trường

2.2.1. Thị trường và thực chất sự điều tiết bằng thị trường

2.2.2 Sự tác động của Chính phủ vào hệ thống thị trường

Chương 3

HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP

3.1. Sản xuất và chi phí

3.1.1. Doanh nghiệp và mục tiêu của doanh nghiệp

3.1.2. Hàm sản xuất và quy luật sản phẩm biên (MP) giảm dần

3.1.3. Chi phí sản xuất

3.1.4. Tổng doanh thu (TR), doanh thu biên (MR) và lợi nhuận

3.2. Mô hình tổng quát về sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp

3.2.1. Mô hình lựa chọn sản lượng tối ưu của doanh nghiệp

3.2.2. Mô hình lựa chọn các yếu tố đầu vào tối ưu của doanh nghiệp

3.3. Cấu trúc của thị trường và ảnh hưởng của nó đến hành vi của doanh nghiệp

3.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo và đặc điểm của nó

3.3.2. Thị trường độc quyền thuần túy

3.3.3. Thị trường độc quyền nhóm

3.3.4. Thị trường cạnh tranh có tính độc quyền

Chương 4.

TỔNG CẦU, TỔNG CUNG VÀ SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

4.1. Tổng cầu (AD), tổng cung (AS) và cân bằng kinh tế vĩ mô

4.1.1. Tổng cầu

4.1.2. Tổng cung

4.1.3. Cân bằng kinh tế vĩ mô

4.2. Đo lường sản lượng quốc gia

4.2.1. Dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô

4.2.2. Ba phương pháp tính sản lượng quốc gia

4.2. 3. Các thước đo sản lượng quốc gia: GDP và GNP

Chương 5

CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

5.1. Chính sách tài khoá

- 5.1.1. Các công cụ của chính sách tài khoá
- 5.1.2. Tác động của chính sách tài khoá đến sản lượng quốc gia
- 5.1.3. Cân bằng và thâm hụt ngân sách

5.2. Chính sách tiền tệ

- 5.2.1. Cơ chế hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ
- 5.2.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương

5.3. Chính sách ngoại thương

- 5.3.1. Nguồn gốc của thương mại quốc tế
- 5.3.2. Các công cụ của chính sách ngoại thương
- 5.3.3. Ảnh hưởng của ngoại thương đến tổng cầu và sản lượng quốc gia

Chương 6

THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT

6.1. Thất nghiệp

- 6.1.1. Các khái niệm cơ bản:
- 6.1.2. Nguyên nhân và tác động của thất nghiệp
- 6.1.3. Các giải pháp hạn chế thất nghiệp

6.2. Lạm phát

- 6.2.1. Lạm phát là gì
- 6.2.2. Tác động của lạm phát
- 6.2.3. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục lạm phát

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN

11. Mã học phần: EVS1001
12. Số tín chỉ: 2 (26/4/0)
13. Học phần tiên quyết: Không
14. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
15. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Xuân Cự Chức danh, học vị: PGS, TS.
Đơn vị công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Email: cunx@vnu.edu.vn

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Loan Chức danh, học vị: TS.
Đơn vị công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Email: mwjloan@yahoo.com

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Thị Tuyết Thu Chức danh, học vị: PGS, TS.
Đơn vị công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Email: tranthituyetthu@hus.edu.vn

Giảng viên 4:

Họ và tên: Hoàng Anh Lê Chức danh, học vị: TS.
Đơn vị công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Email: anhle1977@yahoo.com

Giảng viên 5:

Họ và tên: Lưu Minh Loan Chức danh, học vị: ThS.
Đơn vị công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Email: luminhloan@yahoo.com

16. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

6.1. Mục tiêu kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các vấn đề môi trường, các quá trình phát triển và mối liên hệ giữa môi trường, phát triển và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó nâng cao nhận thức môi trường và bảo vệ môi trường cho người học.

6.2. Mục tiêu kỹ năng:

Hình thành kỹ năng tiếp cận vấn đề, khai thác thông tin và làm quen với việc nghiên cứu các vấn đề môi trường và phát triển. Mô tả được các mối quan hệ giữa các vấn đề xã hội quan trọng ảnh hưởng đến môi trường, phát triển và bảo tồn, phân tích các quan điểm khác nhau về nguồn gốc, hậu quả và quản lý tiềm năng của môi trường và đánh giá những cơ hội và thách thức của chiến lược khác nhau, ảnh hưởng của các quá trình phát triển đến môi trường và ngược lại.

6.3. Mục tiêu khác (Thái độ học tập...):

Yêu cầu sinh viên tham gia học tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên; có thái độ trung thực trong học tập. Khuyến khích sinh viên tham gia tích cực trong quá trình học tập thông qua thảo luận, trao đổi và tìm hiểu các vấn đề thực tiễn liên quan đến môn học; biết định hướng thay đổi lối sống, xây dựng đạo đức môi trường, góp phần bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững trong lĩnh vực học tập và nghiên cứu của mình.

17. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

7.1. Về kiến thức:

Sinh viên sau khi học môn học này có nhận thức đúng về vai trò và tầm quan trọng của môi trường trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Nắm được các khái niệm cơ bản nhất về môi trường, tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Hiểu được các vấn đề môi trường toàn cầu, nguyên nhân và các giải pháp chủ yếu gây ra các vấn đề môi trường hiện nay. Có khả năng nhận biết về sự liên quan giữa các quá trình phát triển với các vấn đề môi trường. Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học trong thực tiễn góp phần bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững của xã hội loài người.

7.2. Về kỹ năng:

Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; có khả năng nhận biết các vấn đề môi trường, nguyên nhân và hệ quả từ các vấn đề thực tiễn. Có khả năng vận dụng các kiến thức về môi trường trong cuộc sống hàng ngày với cách nhìn nhận, đánh giá các tác động của quá trình phát triển đến các yếu tố môi trường. Bước đầu ứng dụng kiến thức đã

học để nhận dạng và ứng xử thích hợp đối với các vấn đề môi trường, các tai biến thiên nhiên ở Việt Nam.

7.3. Về thái độ xã hội:

Nhận thức được vị trí của môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới có thái độ và các hành vi đúng mức đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Có ý thức và trách nhiệm phát huy các ứng xử thân thiện có lợi cho môi trường, cùng nhau tuyên truyền, bảo vệ môi trường cho sự phát triển chung của đất nước và của từng cộng đồng.

18. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Hình thức kiểm tra, đánh giá có thể áp dụng theo các hình thức: Bài tập, tiểu luận, trình bày, thi vấn đáp hoặc thi viết tùy theo điều kiện cụ thể của từng lớp học; bao gồm các kỳ đánh giá như sau:

- Điểm đánh giá thường xuyên: 20%
- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: 20%
- Thi - đánh giá cuối kỳ: 60%

19. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

- *Học liệu bắt buộc:*

1. Tài liệu học tập do giảng viên cung cấp
2. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan. Môi trường và Con người, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2010
3. Lê Văn Khoa (chủ biên). Khoa học môi trường. Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 2004.

- *Học liệu tham khảo:*

4. Nguyễn Đình hòe. Môi trường và phát triển bền vững, Nxb. Giáo dục, 2006
5. Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam
6. UN Documents, Our Common Future, Chapter 2: Towards Sustainable Development, From A/42/427. Report of the World Commission on Environment and Development [<http://www.un-documents.net/wced-ocf.htm>]

20. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối

quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội. Môn học cũng đề cập đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.

Một nội dung quan trọng khác được giới thiệu trong môn học là công tác bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, môn học cũng có nội dung mở dựa trên các vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành khoa học khác nhau và gắn liền với tình hình thực tiễn trong các buổi thảo luận theo chủ đề trên lớp.

21. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):

Mở đầu

Chương 1. Tổng quan các vấn đề về môi trường và tài nguyên thiên nhiên (10 giờ)

1.1. Khái niệm về môi trường và tài nguyên thiên nhiên

1.2. Những vấn đề chung về ô nhiễm môi trường

1.2.1. Khái niệm, nguồn gốc, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường

1.2.2. Tổng quan về ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước

1.3. Những vấn đề chung tài nguyên thiên nhiên

1.3.1. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với con người

1.3.2. Tổng quan về tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (sinh vật, đất, nước, không khí)

1.3.3. Nguyên nhân dẫn đến suy thoái tài nguyên thiên nhiên

1.3.3. Những nguyên tắc chủ yếu trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

1.4. Một số vấn đề môi trường toàn cầu

1.4.1. Suy thoái tầng ôzôn

1.4.2. Hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên của khí hậu Trái đất

1.4.3. Biến đổi khí hậu toàn cầu

1.4.4. Suy giảm đa dạng sinh học

1.4.5. Sa mạc hóa đất đai

Chương 2. Các lĩnh vực phát triển chủ yếu và vấn đề môi trường (8 giờ)

2.1. Dân số và môi trường

2.1.1. Tổng quan chung về sự gia tăng dân số trên thế giới và ở Việt nam

2.2.1. Dân số và môi trường

- 2.2. Các lĩnh vực phát triển và môi trường
 - 2.2.1. Nông nghiệp và môi trường
 - 2.2.2. Đô thị hóa và môi trường
 - 2.2.3. Công nghiệp hóa và môi trường
 - 2.2.4. Phát triển khoa học, công nghệ và môi trường
 - 2.2.5. Sản xuất, thương mại, dịch vụ và môi trường
 - 2.2.5. Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và môi trường
- 2.3. Toàn cầu hóa với môi trường và phát triển
 - 2.3.1. Khái niệm về toàn cầu hóa
 - 2.3.2. ý nghĩa và những tác động của toàn cầu hóa đối với phát triển
 - 2.3.3. Mặt trái của toàn cầu hóa

Chương 3: Bảo vệ môi trường (4 giờ)

- 3.1. Tổng quan về công tác bảo vệ môi trường
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Sự phát triển trong công tác bảo vệ môi trường
- 3.2. Các công cụ bảo vệ môi trường
 - 3.2.1. Công cụ pháp lí trong bảo vệ môi trường
 - 3.2.2. Công cụ kinh tế bảo vệ môi trường
 - 3.2.3. Vai trò của khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường
- 3.3. Đạo đức môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường
 - 3.3.1. Đạo đức môi trường
 - 3.3.2. Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

Chương 4: Phát triển bền vững (4 giờ)

- 4.1. Các mô hình phát triển
 - 4.1.1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế
 - 4.1.2. Các mô hình phát triển trên thế giới
 - 4.1.3. Tăng trưởng xanh
- 4.2. Phát triển bền vững
 - 4.2.1. Khái niệm về phát triển bền vững
 - 4.2.2. Con đường hình thành phát triển bền vững

4.2.3. Mục tiêu của phát triển bền vững

4.2.4. Các chỉ số của phát triển bền vững (Kinh tế-Xã hội-Môi trường)

Phần bài tập và thảo luận trên lớp (4 giờ)

Bài tập, trao đổi và thảo luận về những vấn đề môi trường và phát triển liên quan đến các ngành học của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
THỐNG KÊ CHO KHOA HỌC XÃ HỘI
(Các khoa thuộc Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN)

1. Mã môn học: MAT1078

2. Số tín chỉ: 2

3. Học phần tiên quyết: Không

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác)

❖ Họ và tên: Trịnh Quốc Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, TS

- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Xác suất – Thống kê Toán học, Phòng 307 nhà T3, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

❖ Họ và tên: Phạm Đình Tùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Xác suất – Thống kê Toán học, Phòng 307 nhà T3 Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

- Người học thấy được ứng dụng thực tiễn của Thống kê.

- Người học thấy được sự cần thiết của việc đưa ra các căn cứ khoa học cho một nhận định, một đánh giá nào đó trong xã hội. Từ đó người học thấy được việc cần phải tránh các kết luận mang tính cảm tính, thiếu cơ sở khoa học.

- Người học có tác phong làm việc ghi chép thông tin và có tư duy phân tích thông tin theo cơ sở khoa học thống kê.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

- Người học nắm được các kết quả cơ bản của Thống kê: biểu diễn số liệu, các đặc trưng của số liệu, kiểm định các giả thuyết trên số liệu.

- Người học biết vận dụng những kết quả thống kê trong phân tích/đánh giá/giải quyết một vấn đề xã hội.

- Người học có kỹ năng nhận biết vấn đề thống kê, phân tích vấn đề thống kê, kỹ năng tính toán khoa học và chính xác.
- Người học biết làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập thông tin.
- Thái độ, chuyên cần: người học hình thành tác phong làm việc tỉ mỉ, chi tiết; tránh lười học, làm việc đại khái: chỉ nghe, chỉ xem, không chịu làm cụ thể.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- Điểm thường xuyên, bài tập: 20%
- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: 60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

Đào Hữu Hồ, Giáo trình Thống kê Xã hội học, NXB Giáo dục Hà nội, 2007

10. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học trang bị cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục...)

Giới thiệu môn học: sự cần thiết của môn học, đặc điểm môn học, yêu cầu và cách học

Chương 1: Một số khái niệm của Xác suất (LT: 6; BT: 2)

- 1.1. Phép thử và biến cố
- 1.2. Định nghĩa Xác suất dạng cổ điển và tính chất
- 1.3. Biến ngẫu nhiên
- 1.4. Phân phối Xác suất
- 1.5. Kỳ vọng
- 1.6. Phương sai
- 1.7. Mode
- 1.8. Một vài phân phối cần dùng

Chương 2: Thống kê xã hội (LT: 14; BT: 8)

- 2.1. Giới thiệu bài toán

2.2. Lý thuyết mẫu

2.2.1. Một vài phương pháp lấy mẫu đơn giản

2.2.2. Mẫu đại diện

2.2.3. Cách thu gọn và biểu diễn số liệu

2.2.4. Các đặc trưng mẫu

2.2.5. Cách tính \bar{X} và s^2

2.2.6. Sai số trong lấy mẫu

2.3. Một vài ước lượng đơn giản

2.3.1. Ước lượng điểm cho kỳ vọng, Median, Mode, phương sai và Xác suất

2.3.2. Ước lượng khoảng cho kỳ vọng và xác suất

2.4. Một số bài toán kiểm định giả thiết đơn giản

2.4.1. Đặt bài toán

2.4.2. Kiểm định giả thiết về giá trị trung bình

2.4.3. Kiểm định giả thiết về tỷ lệ

2.4.4. So sánh hai giá trị trung bình

2.4.5. So sánh hai tỷ lệ

2.4.6. Tiêu chuẩn phù hợp χ^2

2.4.7. Kiểm tra tính độc lập

2.4.8. So sánh nhiều tỷ lệ

2.5. Tương quan và hồi quy đơn

2.5.1. Hệ số tương quan

2.5.2. Đường hồi quy bình phương trung bình tuyến tính

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
MÔN: THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT

1. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Chính
- Chức danh, học vị: PGS. TS
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV
336 Nguyễn Trãi Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 091559133
- Email: chinhnv@vnu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Anh Thi
- Chức danh, học vị: PGS. TS
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV
336 Nguyễn Trãi Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 0916124833
- Email: giadinhthi@yahoo.com

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thùy
- Chức danh, học vị: TS
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV
336 Nguyễn Trãi Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 0979191636
- Email: thuy81np@yahoo.com
- Các giảng viên khác cùng giảng môn học này do Bộ môn Ngôn ngữ học Ứng dụng sắp xếp.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học : Thực hành văn bản tiếng Việt
- Mã môn học: LIN 1050
- Số tín chỉ: 02
- Môn học:
- Các môn học tiên quyết: không
- Số giờ tín chỉ : 30 trong đó :
 - + Lý thuyết: 20
 - + Thực hành: 10
 - + Tự học :0
- Địa chỉ của khoa phụ trách môn học: Khoa Ngôn ngữ học, T3, Nhà A, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

3. Mục tiêu môn học

Học xong môn này, sinh viên có được :

3.1. Kiến thức:

- Cung cấp các kiến thức cần yếu về văn bản tiếng Việt: Các đặc trưng của văn bản tiếng Việt; đơn vị của văn bản; cấu trúc của văn bản; phân loại văn bản. Trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp nhận văn bản và cách thực tạo lập văn bản (văn bản khoa học).

3.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng phân tích văn bản, nhận biết kết cấu của các dạng văn bản cụ thể, xác lập chủ đề văn bản, nhận biết tính mạch lạc trong văn bản, lập đề cương nghiên cứu, trình bày văn bản (Văn bản khoa học, văn bản hành chính – công vụ)
- Kỹ năng viết các kiểu loại đoạn văn; nhận biết các liên kết trong đoạn văn, kỹ năng tách đoạn, liên kết đoạn và chuyển đoạn.
- Kỹ năng viết câu tiếng Việt, thực hành một số phép biến đổi câu trong văn bản, nhận biết và sửa chữa các lỗi thông thường về câu.
- Nắm vững yêu cầu về việc dùng từ, rèn luyện kỹ năng dùng từ, nhận biết và sửa chữa một số lỗi thông thường về dùng từ.
- Nắm các quy tắc chính tả tiếng Việt, nhận biết và sửa chữa các lỗi thường gặp.

3.3. Nhận thức:

- Thấy được vai trò, đặc điểm của văn bản tiếng Việt và có kỹ năng xử lý thành thạo các loại văn bản
- Thấy được tác dụng của việc tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt hoàn chỉnh .

3.4. Mục tiêu khác:

- Rèn luyện tính cẩn thận, khách quan và minh xác trong quá trình tạo ngôn và tiếp ngôn.

4. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

- Tiếp nhận và soạn thảo văn bản tiếng Việt.
- Nhận diện và xây dựng đoạn văn tiếng Việt
- Nhận diện và viết các loại câu tiếng Việt. Chữa các lỗi về câu.
- Các quy tắc dùng từ, hiểu các lỗi thông thường trong dùng từ và cách sửa chữa.
- Các quy tắc chính tả tiếng Việt. Các lỗi thông thường về chính tả.

5. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Các quy tắc chính tả tiếng Việt.

1. Giản yếu về chính tả.
2. Các quy tắc chính tả tiếng Việt.
3. Chữa các lỗi thường gặp về chính tả.
4. Bài tập thực hành.

Bài 2. Quy tắc dùng từ tiếng Việt.

1. Giản yếu về từ tiếng Việt
2. Yêu cầu của việc dùng từ. Một số thao tác dùng từ, rèn luyện cách dùng từ.
3. Các lỗi thông thường về dùng từ, cách nhận biết và sửa chữa.
4. Bài tập thực hành.

Bài 3. Viết câu tiếng Việt

1. Giản yếu về câu
2. Viết các loại câu.
3. Một số phép biến đổi câu trong văn bản.
4. Phát hiện và chữa lỗi câu.
5. Bài tập thực hành

Bài 4: Viết đoạn văn

1. Giảm yếu về đoạn văn
2. Cấu trúc đoạn văn. Liên kết trong đoạn văn.
3. Viết các đoạn văn.
4. Tách đoạn, chuyển đoạn và liên kết đoạn văn.
5. Bài tập thực hành.

Bài 5: Tiếp nhận và tạo lập văn bản

1. Giảm yếu về văn bản
2. Tiếp nhận văn bản khoa học.
3. Lập đề cương nghiên cứu.
4. Trình bày một văn bản khoa học.
5. Trình bày văn bản hành chính – công vụ.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

1. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp : Tiếng Việt thực hành- NXB ĐHQGHN-1996.
2. Nguyễn Thị Ly Kha: Dừng từ, viết câu và soạn thảo văn bản tiếng Việt. NXB GD 2007
3. Trần Trí Dõi: Bài tập tiếng Việt thực hành- NXB ĐHQGHN- 2000.

6.2. Tài liệu tham khảo bổ sung:

4. Nguyễn Đức dân: Tiếng Việt (thực hành)- NXB ĐHTHtpHCM-1995.
5. Nguyễn Đức Dân: Câu sai và câu mơ hồ- NXB GD-1992
6. Trần Ngọc Thêm: Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt- NXB KHXH-1985.
7. Bùi Minh Toán – Lê A – Đỗ Việt Hùng: Tiếng Việt thực hành – NXB GD -2008
8. Phan Thiều: Rèn luyện ngôn ngữ Tập1, tập 2- NXB GD 1998

-Chỉ dẫn: các tài liệu này có ở Thư viện ĐHQG, Thư viện Trường ĐH KHXH&NV, Phòng tư liệu khoa Ngôn ngữ học.

7. Chính sách đối với môn học

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học.
- Tham dự lớp học đầy đủ (không nghỉ học quá 20% tổng số giờ làm việc trên lớp).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học.

8.1 Hình thức kiểm tra và trọng số

T	Hình thức kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Trọng số
1.	Kiểm tra đánh giá thường xuyên	- Tham gia lớp học, thái độ học tập. - Công việc chuẩn bị ở nhà cho bài học	10%
2	Kiểm tra định kì	- Các nội dung thông báo trước	30%
3.	Thi hết môn	- Các nội dung chính của môn học.	60%
	Điểm môn học		100 %

8.2 Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, bài kiểm tra

T	Loại bài tập / kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
1.	Bài tập	1. Nội dung đáp ứng yêu cầu của bài tập. 2. Hình thức trình bày rõ ràng, khoa học. 3. Có bằng chứng đã làm tư liệu và đọc tài liệu.
2.	Thảo luận nhóm	1. Nội dung chuẩn bị đáp ứng yêu cầu của phần tham gia thảo luận. 2. Hình thức trình bày miệng rõ ràng, khoa học. 3. Có bằng chứng đã làm tư liệu và đọc tài liệu. 4. Có bằng chứng là kết quả làm việc theo nhóm.
3.	Bài kiểm tra / thi	Đánh giá theo yêu cầu cụ thể của đáp án

8.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập

Bài tập viết ở nhà của cá nhân

Loại bài tập này dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn theo một nội dung hoặc kiểm tra khả năng nắm bắt, ứng dụng một cách thức phân tích, miêu tả nhất định.

Hình thức thực hiện: Viết giản dị, trích dẫn hợp lệ (nếu có), không dài quá 3 trang A4).

Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

Loại bài tập làm chung theo nhóm (nếu giảng viên có yêu cầu)

Ngoài những yêu cầu như trên đây về mặt nội dung của bài tập cá nhân, phải có thuyết minh về công việc của nhóm làm việc theo mẫu sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA NHÓM

Tên của vấn đề nghiên cứu.....

1) Danh sách nhóm sinh viên và các nhiệm vụ được phân công.

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
.	(Nhóm trưởng)
.

2) Quá trình làm việc của nhóm

3) Nội dung, kết quả nghiên cứu.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

NHẬP MÔN NĂNG LỰC THÔNG TIN

1. Mã học phần: LIB1050

2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt

5. Giảng viên: Nghiêm Xuân Huy, Tiến sĩ, Ban KHCN ĐHQGHN)

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học “Nhập môn Năng lực thông tin” cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết và quan trọng trong việc khai thác, tổ chức và sử dụng thông tin một cách hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực khoa học, đạo đức và pháp luật nhằm nâng cao kết quả học tập và sự sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời của người học.

7. Chuẩn đầu ra của môn học

7.1. Về mặt kỹ năng

- Sinh viên hiểu rõ được sự đa dạng của các nguồn thông tin khác nhau và có khả năng xác định được nguồn phù hợp và hữu ích nhất đối với mỗi vấn đề học tập và nghiên cứu

- Sinh viên biết cách triển khai một chiến lược tìm kiếm thông tin hiệu quả trên các hệ thống tra cứu khác nhau thông qua các kỹ năng: nhận diện nhu cầu thông tin của bản thân; lập danh mục từ khóa cho mỗi yêu cầu thông tin; phối hợp các từ khóa để tìm kiếm thông tin; sử dụng phù hợp các công cụ tra cứu thông tin khác nhau (đặc biệt là các công cụ tra cứu trực tuyến) và tính năng tra cứu nâng cao của các công cụ tra cứu đó; sử dụng các toán tử logic để giới hạn hoặc mở rộng các kết quả tìm kiếm.

- Sinh viên biết cách đánh giá và so sánh thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Cụ thể, sinh viên biết cách xác định được độ tin cậy, tính hợp thức, tính chính xác, tác quyền, tính cập nhật, quan điểm thiên kiến, định kiến của mỗi nguồn thông tin tìm được thông qua sử dụng thành thạo các tiêu chí đánh giá thông tin khác nhau.

- Sinh viên có thể tổ chức các danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách trong các bài tập hoặc công trình nghiên cứu thông qua sự hiểu biết và kỹ năng trình bày danh

mục tài liệu tham khảo theo các chuẩn trích dẫn phổ biến trên thế giới; hiểu được các thành phần mô tả nội dung và hình thức ấn phẩm khoa học trong các danh mục nguồn tài liệu khác nhau.

- Sinh viên bước đầu có thể sử dụng những tính năng cơ bản của một số phần mềm quản lý tài liệu tham khảo (reference management) phổ biến như Endnote, Mendeley.

- Sinh viên có kỹ năng trình bày nội dung khoa học đúng cách để tránh bị coi là đạo văn (cách trích dẫn; cách dẫn ý trong các bài viết khoa học).

7.2. Về mặt kiến thức

- Sinh viên nắm được các đặc điểm đặc thù của các loại hình thông tin khác nhau và sự phù hợp của các loại hình thông tin đó với mỗi nhu cầu thông tin, nhu cầu học tập và nghiên cứu khác nhau.

- Sinh viên hiểu rõ cơ chế làm việc của các hệ thống và công cụ tìm kiếm thông tin để có thể thực hiện việc tìm kiếm hiệu quả.

- Sinh viên hiểu rõ các phương thức, quy tắc xác định từ khóa, kết hợp từ khóa trong việc tìm kiếm thông tin phục vụ học tập và sinh hoạt.

- Sinh viên hiểu rõ bản chất của các tiêu chí đánh giá, đối sánh các nguồn và loại hình thông tin khác nhau.

- Sinh viên hiểu được các khía cạnh học thuật, đạo đức, pháp luật, xã hội trong việc khai thác và sử dụng thông tin.

7.3. Về mặt hành vi, thái độ

- Sinh viên có tâm thế chủ động và sẵn sàng trong việc tiếp cận và sử dụng các loại hình và nguồn thông tin khác nhau phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt hàng ngày.

- Sinh viên thể hiện được tư duy phản biện trong việc đánh giá độ tin cậy, tính chính xác, tính cập nhật, mức độ thiên kiến của các nguồn thông tin tìm kiếm và khai thác được.

- Sinh viên có thái độ trung thực trong khai thác sử dụng thông tin phục vụ các hoạt động nghiên cứu, học tập cũng như trong cuộc sống.

- Sinh viên có tinh thần và thái độ tích cực trong học tập và công tác. Có ý thức rèn luyện khả năng học tập độc lập và tự học suốt đời

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Tỷ lệ đánh giá	Đặc điểm đánh giá
	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi học đầy đủ, đúng giờ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ môn học). - Các bài tập cá nhân phải nộp đúng hạn. - Đọc tài liệu và chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp theo hướng dẫn của giảng viên. - Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học. - Đọc tài liệu và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tích cực phát biểu xây dựng bài 	10%	Cá nhân
	Kiểm tra giữa kỳ: đánh giá lại các kiến thức và kỹ năng thu được sau khi học xong nội dung: 1,2 đạt yêu cầu	30%	Nhóm
	<p>Kiểm tra cuối kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu một điểm thành phần (bài tập, kiểm tra giữa kỳ) thì không có điểm hết môn. - Đánh giá các mục tiêu môn học đặt ra đạt yêu cầu thông qua các hình thức: làm thi hết môn; bài tiểu luận; hoặc, bài thi vấn đáp. 	60%	Cá nhân

9. Giáo trình bắt buộc

1. Một số giáo trình/bài giảng chuyên ngành của khoa liên quan đến tìm kiếm, khai thác thông tin
2. Nghiêm Xuân Huy, 2006, *Kiến thức thông tin với giáo dục đại học*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Kiến thức thông tin năm 2006

3. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, *Kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin trên Internet*, truy cập tại < http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Danh_gia_tai_lieu_tren_mang.ppt >
4. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, *Kỹ năng trích dẫn tài liệu*, truy cập tại < http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Ky_nang_trich_dan_tai_lieu27122010.ppt
5. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, *Kỹ năng trích dẫn tài liệu*, truy cập tại < http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Referencing_skills_v4.pdf >
6. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, *Tìm kiếm thông tin trên Internet*, truy cập tại < http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Internet_searching_v5.pdf >
7. Phần mềm Mendeley, 2015, download tại < <https://www.mendeley.com/download-mendeley-desktop/> >
8. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Mendeley, 2015, truy cập tại < <http://community.mendeley.com/guides/videos> >
9. Joe Landsberger, 2015, *Cẩm nang và chiến lược dành cho học tập*, truy cập tại < <http://www.studygs.net/vietnamese/> >
10. Joe Landsberger, 2015, *Tổ chức nghiên cứu và tránh đạo văn*, truy cập tại < <http://www.studygs.net/vietnamese/writing/plagiarism.htm> >
11. Nghiêm Xuân Huy (dịch), 2012, *Đánh giá thông tin trên Internet*, truy cập tại < <http://vietnamlib.net/chuyen-mon-nghiep-vu/dao-tao-nguoi-dung-tin/danh-gia-thong-tin-tren-internet> >

10. Tóm tắt nội dung môn học

Năng lực thông tin giúp các cá nhân có thể xử lý, giải quyết và làm chủ các vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng thông tin trong bối cảnh bùng nổ thông tin và xã hội thông tin hiện nay. Cần lưu ý rằng, sự thành thạo về sử dụng công nghệ không đồng nghĩa với việc sử dụng và khai thác thông tin hiệu quả. Do đó, cần có những giải pháp để ứng

phó và giải quyết những vấn đề do sự bùng nổ thông tin gây ra. Việc dễ dàng công bố, đăng tải, và truy cập thông tin, đặc biệt là thông tin trên Internet, khiến cho người sử dụng thông tin bị quá tải, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong việc xác định, lựa chọn, tìm kiếm và đánh giá các nguồn thông tin phù hợp, đáng tin cậy, phục vụ cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh sống. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những nêu trên, giúp người học nâng cao hiệu quả học tập và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

11. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Khái niệm về năng lực thông tin

1.1.1. Khái niệm thông tin

1.1.1. Các nguyên nhân ra đời của năng lực thông tin

1.1.2. Các định nghĩa về năng lực thông tin

1.1.3. Các khung chuẩn về năng lực thông tin trên thế giới

1.2. Vai trò của năng lực thông tin đối với sinh viên

1.2.1. Năng lực thông tin và việc học tập

1.2.2. Năng lực thông tin và hoạt động nghiên cứu khoa học

1.2.3. Năng lực thông tin và sự chuẩn bị cho công việc tương lai

1.2.4. Năng lực thông tin và các nhu cầu sống thường ngày

1.3. Vai trò của các bên liên quan trong việc phát triển năng lực thông tin cho sinh viên

1.3.1. Sinh viên

1.3.2. Giảng viên

1.3.3. Cán bộ thư viện

1.3.4. Các nhà quản lý đào tạo

CHƯƠNG 2. KHAI THÁC THÔNG TIN

2.1. Xác định nhu cầu thông tin

2.1.1. Định nghĩa nhu cầu thông tin

2.1.2. Nhận diện yêu cầu thông tin

2.1.3. Xây dựng danh mục từ khóa mô tả yêu cầu thông tin

2.2. Xây dựng các biểu thức tìm kiếm thông tin

2.2.1. Lựa chọn từ khóa chính

2.2.2. Kết hợp từ khóa và từ khóa thay thế

2.2.3. Sử dụng toán tử logic để xây dựng biểu thức tìm kiếm

2.3. Sử dụng các công cụ tra cứu thông tin

2.3.1. Tìm kiếm trực tuyến trên các máy tìm tin Internet (Google, Bing ...). Sử dụng các công cụ tìm kiếm nâng cao.

2.3.2. Tìm kiếm trên các mục lục tra cứu của thư viện

2.3.3. Tra cứu trên các kho tài liệu dạng mở của thư viện

2.3.4. Tìm kiếm trên các cơ sở dữ liệu trực tuyến

2.3.5. Khai thác thông tin trên các hệ thống chia sẻ trực tuyến và mạng xã hội

2.4. Đặc điểm các loại nguồn thông tin

2.4.1. Các nguồn thông tin trực tuyến

2.4.2. Báo và tạp chí khoa học

2.4.3. Sách tham khảo và chuyên khảo

2.4.4. Các loại nguồn thông tin khác

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN

2.5. Vì sao cần đánh giá thông tin?

2.5.1. Internet và việc tự do cung cấp thông tin trên các hệ thống chia sẻ trực tuyến.

2.5.2. “Thế giới phẳng” và mặt trái của thông tin không có kiểm soát

2.5.3. Sự bùng nổ thông tin

2.6. Các tiêu chí đánh giá nội dung thông tin

2.6.1. Tính cập nhật

2.6.2. Tính chính xác

2.6.3. Diện bao phủ

2.6.4. Tính hợp thức và tác quyền

2.6.5. Độ tin cậy

2.6.6. Tính khách quan

2.7. Các tiêu chí đánh giá hình thức thông tin

2.7.1. Đối với nguồn tin trực tuyến

2.7.2. Đối với nguồn tin dạng in ấn

2.8. Quy trình đánh giá thông tin

2.8.1. Bước 1: đánh giá hình thức để chọn lọc ban đầu

2.8.2. Bước 2: áp dụng các tiêu chí đánh giá nội dung

2.8.3. Bước 3: lập danh mục tài liệu đã được thẩm định, sắp xếp thứ tự ưu tiên theo sự phù hợp với yêu cầu thông tin

2.8.4. Bước 4: Lựa chọn nguồn thông tin đưa vào sử dụng

CHƯƠNG 4. SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐÚNG CÁCH, HỢP ĐẠO ĐỨC VÀ PHÁP LUẬT

4.1. Các khái niệm về bản quyền và đạo văn

4.1.1. Bản quyền

4.1.2. Sở hữu trí tuệ

4.1.3. Đạo văn

4.1.4. Thông lệ quốc tế và Việt Nam trong ứng xử với vấn đề đạo văn

4.1.5. Các hình thức vi phạm quy định về trung thực trong sử dụng thông tin học thuật

4.2. Trích dẫn và vấn đề phòng chống đạo văn

4.2.1. Trích dẫn trực tiếp

4.2.2. Trích dẫn gián tiếp

4.2.3. Các quy định về trích dẫn trong nghiên cứu khoa học

4.3. Tổ chức danh mục tài liệu tham khảo

4.3.1. Các chuẩn mô tả tài liệu tham khảo trong lĩnh vực KH XH&NV phổ biến trên thế giới (APA, Havard)

4.3.2. Các quy định về tổ chức danh mục tài liệu tham khảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.3.3. Sử dụng phần mềm Mendeley để quản lý và tổ chức danh mục tài liệu tham khảo.

4.4. Các khía cạnh đạo đức và an toàn trong sử dụng và công bố thông tin

4.4.1. Thông tin cá nhân và quyền riêng tư

4.4.2. Văn hóa chia sẻ và sử dụng thông tin trên các mạng xã hội

4.4.3. Các hình thức tội phạm thông tin trên Internet hiện nay

4.4.4. Các tác động đối với sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của việc khai thác và sử dụng thông tin trên Internet.

4.4.5. Văn hóa đọc với đời sống tinh thần của thanh niên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CÔNG TÁC XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG
(Introduction to Social work)

1. Mã học phần: SOW1100

2. Số tín chỉ: 3

3. Học phần tiên quyết: Không

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Hồi Loan
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Bộ môn CTXH, Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

Giảng dạy cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng (khối ngành Khoa học xã hội) và các học viên đang công tác, học tập trong lĩnh vực CTXH. Truyền thụ cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề CTXH- một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội.

Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các chức năng xã hội của ngành, nghề. Trang bị cho người học một số nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp riêng mang tính đặc thù của CTXH. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng một số phương pháp và kỹ năng cơ bản làm việc theo nhóm trong thực hành CTXH hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

Về thái độ

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với đồng loại, góp phần xây dựng một ngành học lấy cộng đồng làm trọng tâm, chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của bộ môn xã Công tác xã hội đại cương, nắm được các khái niệm cơ bản trong Công tác xã hội, một số quan điểm lý thuyết, thực hành, mô hình can thiệp đặc thù của Công tác xã hội tại Việt Nam.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng xã hội từ góc độ Công tác xã hội

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học Công tác xã hội đại cương, vai trò của Công tác xã hội trong đời sống xã hội. Có ý thức hình thành cách thức làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, nắm được cách thức tiếp cận cơ bản và những kiến thức nhập môn về các lĩnh vực can thiệp của ngành.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc môn học

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc môn học chiếm 60% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Khoa Xã hội học (2014), “Giáo trình Công tác xã hội đại cương”, Nxb. ĐHQGHN

- Khoa Xã hội học (2014), “ Công tác xã hội với người khuyết tật“, NXBĐHQGHN.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên Thế giới và Việt Nam.. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của CTXH cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

CHƯƠNG I- SƠ LƯỢC VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CTXH.

BÀI 1 - Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của CTXH trên T/giới

1.1.CTXH giai đoạn tiền khoa học

1.2.CTXH hình thành như một khoa học.

BÀI 2 - Quá trình hình thành và phát triển CTXH ở Việt nam.

2.1. Giai đoạn tiền khoa học

2.2. Sự ra đời và phát triển các mô hình CTXH chuyên nghiệp

2..2.1. Mô hình CTXH chuyên nghiệp ở Việt Nam và vai trò của Hội chữ thập đỏ Pháp.

2.2.2. Mô hình CTXH trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

CHƯƠNG II- CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CTXH CHUYÊN NGHIỆP.

BÀI 3. Đối tượng và chức năng của Công tác xã hội.

3.1. Định nghĩa về CTXH

3.2. Đối tượng của CTXH

3.3. Chủ thể của CTXH

3.4. Chức năng của CTXH

BÀI 4- Môi quan hệ giữa CTXH và một số ngành học.khác

4.1. Tâm lý học với CTXH

4.2. Xã hội học với CTXH

4.3. An sinh xã hội với CTXH

4.4. Chính sách xã hội với CTXH

BÀI 5- Một số lý thuyết và khái niệm cơ bản của Công tác xã hội.

5.1. Một số lý thuyết chủ đạo của CTXH.

5.1.1. Lý thuyết Tâm động học.

5.1.2. Lý thuyết hành vi.

5.1.3. Lý thuyết cấp tiến và Macxít.

5.2. Một số khái niệm cơ bản của CTXH.

5.2.1. Cộng đồng

5.2.2. Hành vi thuận xã hội

5.2.3. Cá nhân và xã hội

5.2.4. Nhóm yếu thế

5.2.5. Trợ giúp xã hội

5.2.6. Bảo vệ xã hội

5.2.7. Hỗ trợ xã hội

5.2.8. Nhu cầu của con người

5.2.9. Nhân viên CTXH

BÀI 6- Quan điểm giá trị và các nguyên tắc, quy chuẩn đạo đức của CTXH.

6.1. Quan điểm giá trị của CTXH

6.2. Các nguyên tắc, quy chuẩn đạo đức của CTXH

CHƯƠNG III- MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI .

BÀI 7. Hành vi lệch chuẩn - đối tượng của CTXH.

7.1. Lệch chuẩn và nguyên nhân của hành vi lệch chuẩn

7.2. Những biểu hiện của hành vi lệch chuẩn

7.3. Sự khống chế của xã hội với các hành vi lệch chuẩn

BÀI 8- Công tác xã hội với các nhóm xã hội đặc thù.

8.1. CTXH với người khuyết tật

8.2. CTXH với trẻ em

8.3. CTXH với thanh niên

8.4. CTXH với người cao tuổi

8.5. CTXH với gia đình.

CHƯƠNG IV- PHƯƠNG PHÁP & KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI

BÀI 9 - Phương pháp chung và phương pháp riêng của Công tác xã hội.

9.1. Phương pháp chung

9.2. Phương pháp riêng mang tính đặc thù của CTXH

9.2.1. Phương pháp CTXH với cá nhân

9.2.2. Phương pháp CTXH với nhóm

9.2.3. Phương pháp CTXH với cộng đồng

9.2.4. Quản trị CTXH, một phương pháp CTXH thực hành

BÀI 10- Một số kỹ năng thực hành của Công tác xã hội.

10.1. Giải quyết các vấn đề xã hội

10.2. Hoạt động tham vấn

10.3. Hỗ trợ xử lý khủng hoảng

10.4. Một số kỹ năng nghề nghiệp của nhân viên CTXH

BÀI 11 . Hoạt động nghiên cứu, đào tạo và thực hành kỹ năng CTXH ở Việt Nam hiện nay, xu hướng phát triển.

11.1. Một số hoạt động nghiên cứu, đào tạo CTXH.

11.1.1. Nội dung nghiên cứu và đào tạo CTXH.

11.1.2. Một số hình thức đào tạo nhân viên, cán bộ xã hội.

11.2. Thực hành kỹ năng CTXH thông qua các phong trào xã hội .

11.2.1. Nội dung thực hành CTXH.

11.2.2. CTXH gắn liền với các phong trào xã hội.

NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: ANT1100.
2. Số tín chỉ: 03.
3. Học phần tiên quyết:
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt.
5. Giảng viên:
 - Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
 - Giảng viên 2: GVC. Phạm Văn Thành, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
 - Giảng viên 3: Ths. Đinh Thị Thu Huyền, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Giảng viên 4: Ths. Lương Thị Minh Ngọc, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
 - Giảng viên 5: Ths. Trần Thùy Dương, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Mục tiêu học phần :
 - Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành Nhân học, cụ thể là về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học và một số chủ đề quan trọng của ngành học như chủng tộc, tộc người, ngôn ngữ, giới và giới tính, gia đình, thân tộc, hôn nhân, cư trú, tôn giáo.
 - Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của nghiên cứu nhân học, như quan sát tham gia, phỏng vấn, các kỹ năng về mô tả dân tộc học, v.v.
 - Về thái độ: Có quan điểm tương đối văn hóa, chống chủ nghĩa vị chủng, định kiến, v.v.
7. Chuẩn đầu ra của học phần:
 - Về kiến thức: Hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ:
 - + Có những tri thức cơ bản về ngành Nhân học, một khoa học nghiên cứu về con người.

- + Hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết (bao gồm các khái niệm, cách tiếp cận và các lập luận lý thuyết), phương pháp nghiên cứu (gồm các kỹ thuật thu thập tài liệu, phân tích, xử lý và trình bày tài liệu) và tri thức cơ bản về một số chủ đề quan trọng của ngành học.
- Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng thực hành ở mức độ cơ bản ban đầu phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học.
- Về thái độ: Sinh viên được rèn luyện quan điểm nghiên cứu và tiếp cận từ góc độ nhân học, biết vận dụng các tri thức và kỹ năng đã học vào quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- *Kiểm tra và tiêu chí đánh giá*:
 - + Điểm đánh giá thường xuyên: Được chấm dựa trên các cơ sở sau: đến lớp đều đặn, đúng giờ; chuẩn bị bài tốt; tích cực tham gia thảo luận, lắng nghe và phản hồi sinh viên khác thảo luận. Riêng phần thảo luận có liên quan đến phương pháp nghiên cứu trong nhân học, nên sinh viên có thể sẽ được yêu cầu làm một bài tập quan sát tham gia.
 - + Điểm thi giữa kỳ: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của sinh viên đã tích lũy được cho đến thời điểm thi. Sinh viên sẽ được thông báo trước 01 tuần về những nội dung để chuẩn bị.
 - + Điểm thi hết môn: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của môn học trong học kỳ. Sinh viên sẽ được thông báo về nội dung ôn tập để chuẩn bị.
- *Phân bố điểm*:

TT	Loại điểm	Tỷ lệ %	Ghi chú
1)	Đánh giá thường xuyên	10	
2)	Thi giữa kỳ	30	
3)	Thi hết môn	60	Sinh viên chỉ được tham gia thi hết môn nếu có đủ 2 điểm đánh giá thường xuyên và giữa kỳ đạt từ điểm D trở lên.
	Tổng cộng	100	

9. Giáo trình bắt buộc:

- Emily Schultz and Robert Lavenda 2001. *Nhân học: Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Grant Evans (chủ biên) 2001. *Bức khám văn hóa châu Á: Tiếp cận nhân học*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Conrad Phillip Kottak 2006. *Hình ảnh nhân học: Lược khảo nhập môn nhân chủng học văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Lê Sỹ Giáo (chủ biên), *Dân tộc học đại cương*. Nxb Giáo Dục.
- Đặng Cảnh Khanh – Lê Thị Quý 2007. *Gia đình học*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Đặng Nghiêm Vạn 2003. *Cộng đồng các quốc gia dân tộc Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- *Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội – một cách tiếp cận liên ngành*. Nxb Thế giới, 2006.
- *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Quyển 1 và 2.
- Nguyễn Văn Sửu, “Một số nhận xét về tên gọi, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học” (Trong: *Một chặng đường nghiên cứu Lịch sử (2006-2011)*). Nxb Thế giới, tr.87-102).
- Nguyễn Văn Chính, “Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt” (*Tạp chí Xã hội học*, 1999, số 3&4)
- Mai Huy Bích, “Vài nhận xét về vai trò chăm sóc và dạy dỗ của người cha” (*Tạp chí Xã hội học*, 2003, số 2)

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Nhân học đại cương giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành Nhân học, giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hóa và xã hội mình và các xã hội, nền văn hóa khác trên thế giới. Tham gia môn học này, sinh viên sẽ được tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu, sự phân ngành, lịch sử phát triển của ngành nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu điển dã dân tộc học. Các bài giảng cũng bao quát một số chủ đề quan trọng của ngành học như: ngôn ngữ, chủng tộc, tộc người, giới và giới tính, gia đình và thân

tộc, hôn nhân và cư trú, tôn giáo với những ví dụ minh họa từ Việt Nam và các nền văn hóa đa dạng trên thế giới. Hoàn thành môn học này, sinh viên có những tri thức cơ bản về ngành Nhân học, có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Nhân học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.

11. Nội dung chi tiết học phần: Nội dung của môn học được chia thành các bài tương ứng với các vấn đề cơ bản của Nhân học.

Bài 1: Tiếp cận Nhân học: Một số vấn đề chung

1. Khái niệm Nhân học
2. Sự phân ngành trong Nhân học
 - 2.1. Nhân chủng học
 - 2.2. Khảo cổ học
 - 2.3. Nhân học ngôn ngữ
 - 2.4. Nhân học văn hóa và xã hội
 - 2.5. Nhân học ứng dụng
3. Diên dã dân tộc học và các phương pháp nghiên cứu nhân học
4. Vài nét về lịch sử và lý thuyết nhân học

Bài 2: Ngôn ngữ

1. Khái niệm ngôn ngữ
2. Phân biệt khả năng ngôn ngữ của con người và ngôn ngữ của loài vật
3. Sự phát triển của ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu ngôn ngữ
4. Các lĩnh vực nghiên cứu nhân học ngôn ngữ
 - 4.1. Ngôn ngữ mô tả
 - 4.2. Ngôn ngữ lịch sử
 - 4.3. Ngôn ngữ xã hội
 - 4.4. Ngôn ngữ tộc người
5. Ngôn ngữ phi âm thanh

Bài 3: Chủng tộc

1. Khái niệm chủng tộc
2. Phân loại chủng tộc
3. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc

Bài 4: Tộc người

1. Khái niệm tộc người, tính tộc người, quá trình tộc người và quan hệ tộc người
2. Vấn đề tộc người ở Việt Nam
 - 3.1. Đặc điểm dân số
 - 3.2. Tộc người và phân loại tộc người: tiêu chí, quá trình, kết quả

Bài 5: Giới và giới tính

1. Phân biệt giới và giới tính
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Vai trò giới
 - 1.3. Khuôn mẫu giới
 - 1.4. Phân tầng giới
2. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò giới
 - 2.1. Thân tộc
 - 2.2. Hệ tư tưởng
 - 2.3. Các nguồn lực kinh tế
3. Tình dục
 - 3.1. Khái niệm tình dục
 - 3.2. Các quan điểm về ứng xử tình dục của con người
 - 3.3. Hấp dẫn và ứng xử tình dục
 - 3.4. Ngăn cấm tình dục

Bài 6: Gia đình và thân tộc

1. Gia đình
 - 1.1. Khái niệm gia đình và hộ gia đình
 - 1.2. Các hình thức gia đình
 - 1.3. Chức năng của gia đình
2. Thân tộc
 - 2.1. Khái niệm thân tộc
 - 2.2. Mã số thân tộc
 - 2.3. Cấu trúc thân tộc

2.4. Chức năng thân tộc

Bài 7: Hôn nhân và cư trú

1. Hôn nhân

1.1. Khái niệm hôn nhân

1.2. Các quy định hôn nhân: Nội hôn và ngoại hôn

1.3. Các nghi lễ trong hôn nhân: Sự đa dạng của các nền văn hóa

1.4. Các hình thức và chức năng của hôn nhân

2. Cư trú

Bài 8: Tôn giáo

1. Định nghĩa về tôn giáo

2. Sự đa dạng trong niềm tin tôn giáo

3. Sự đa dạng trong thực hành tôn giáo

4. Tính phổ biến của tôn giáo

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TÔN GIÁO HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: PHI1050

2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

3. Môn học tiên quyết: PHI1004

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

5.1. Trần Thị Kim Oanh: PGS, TS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

5.2. Nguyễn Hữu Thụ: TS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

5.3. Vũ Văn Chung: ThS., Khoa Triết học – Trường Đại học Khoa học XH và NV (ĐHQGHN)

6. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất tôn giáo: nguồn gốc ra đời, bản chất, các đặc điểm, nội dung giáo lý của một số tôn giáo thế giới lớn và sự hiện diện của chúng ở Việt Nam.

- *Kỹ năng:* Nhằm xây dựng ở sinh viên kỹ năng nhìn nhận đúng những vấn đề của niềm tin tôn giáo, phân biệt được các quan điểm khác nhau về tôn giáo cũng như các tôn giáo với nhau

- *Thái độ:* cư xử đúng mực với các hiện tượng tôn giáo trong xã hội, đánh giá khách quan về chúng

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- *Về kiến thức:* Nắm được một cách cơ bản phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học.

Hiểu được bản chất, nguồn gốc, kết cấu và một số chức năng cơ bản của tôn giáo cũng như tiến trình ra đời và phân loại tôn giáo.

Nắm được một số tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam (Sự ra đời, đặc trưng, sự thờ cúng, v.v.); sự ra đời, giáo lý cơ bản của một số tôn giáo thế giới cũng như sự du nhập của nó vào Việt Nam như: Phật giáo, Kitô giáo, Islam.

Nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay và những nội dung cơ bản của chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

- *Về kỹ năng*: Có thể vận dụng kiến thức đã học để khảo sát một tín ngưỡng, tôn giáo cụ thể.

Có thể vận dụng lý luận để giải thích về những vấn đề thực tiễn cụ thể của tôn giáo thuộc những khía cạnh cơ bản của tôn giáo học.

Có thể nhận diện những giá trị và hạn chế của tôn giáo và xác định được vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội.

Có thể phân tích, đánh giá việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo ở một địa phương cụ thể.

- *Về thái độ*: Có thái độ khách quan khoa học đối với tôn giáo.

Có thái độ trân trọng những giá trị của tôn giáo và phê phán sự lợi dụng tôn giáo cùng mê tín hủ tục.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

+ Điểm chuyên cần chăm theo thang điểm 10 có trọng số 10%,

Yêu cầu và cách thức đánh giá: - Đi học đầy đủ: 5%.

- Tích cực tham gia phát biểu, thảo luận trên lớp: 5%.

+ Bài kiểm tra giữa kỳ có trọng số 30%; hình thức làm bài kiểm tra trên lớp (50 phút) hoặc sinh viên có số lần phát biểu đạt bình quân mỗi giờ học 1 lần;

+ Thi cuối kỳ có trọng số 60%; Hình thức Viết (90 phút) hoặc vấn đáp.

9. Giáo trình bắt buộc

1. Trần Đăng Sinh và Đào Đức Doãn, *Giáo trình tôn giáo học*, Nxb Đại học Sư phạm, 2005.

2. Nguyễn Hữu Vui và Trương Hải Cường, *Tập bài giảng Tôn giáo học*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.

3. Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2012.

10. Tóm tắt nội dung học học phần

Tôn giáo học là một khoa ngành học, song ở đây mới dừng lại ở chỗ coi nó là một môn học mang tính đại cương, do vậy nội dung của môn học mới chỉ dừng lại ở những vấn đề cơ bản và chung nhất của Tôn giáo học, cụ thể gồm:

1. Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo
2. Kết cấu và chức năng xã hội của tôn giáo của tôn giáo hiện đại
3. Sự ra đời tôn giáo, các kiểu tôn giáo trong lịch sử, lí giải quá trình xuất hiện và sự phát triển của tôn giáo với một số kiểu, hình thức tôn giáo.
4. Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, tìm hiểu về một số hình thức tín ngưỡng tiêu biểu của người Việt và về đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo.
5. Phật giáo và Phật giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Phật. Sự du nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử.
6. Kitô giáo và Kitô giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Kitô, sự phân hóa trong đạo Kitô. Sự du nhập và phát triển của Kitô giáo (Công giáo, Tin Lành) ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử.
7. Islam và Islam ở Việt Nam, tìm hiểu về sự ra đời, giáo lí cơ bản của Islam. Sự du nhập Islam vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam.

10. Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về tôn giáo

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Nhập môn Tôn giáo học

1.1. Đối tượng nghiên cứu của Tôn giáo học

1.1.1. Khái lược về lịch sử nghiên cứu tôn giáo

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu tôn giáo của Tôn giáo học

1.2. Phương pháp nghiên cứu tôn giáo của Tôn giáo học

1.2.1. Phương pháp biện chứng duy vật

1.2.2. Phương pháp lịch sử cụ thể

1.2.3. Phương pháp cấu trúc chức năng

1.2.4. Phương pháp tiếp cận từ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo

1.2.5. Sự thống nhất trong nghiên cứu tôn giáo về mặt xã hội học và mặt triết học

1.2.6. Một số phương pháp khác

1.3. Nội dung nghiên cứu của Tôn giáo học

1.3.1. Những vấn đề chung về lí luận tôn giáo

1.3.2. Một số tín ngưỡng, tôn giáo cụ thể

Chương 2. Bản chất và nguồn gốc của tôn giáo

2.1. Bản chất của tôn giáo

2.1.1. Khái niệm tôn giáo

2.1.2. Một số định nghĩa khác nhau về tôn giáo

2.1.3. Định nghĩa của Ph. Ăngghen về tôn giáo

* Cấp độ của bản chất tôn giáo

2.2. Nguồn gốc của tôn giáo

2.2.1. Nguồn gốc xã hội

2.2.2. Nguồn gốc nhận thức

2.2.3. Nguồn gốc tâm lý

* Một số khía cạnh của văn hóa tôn giáo và *nguồn gốc văn hóa* của tôn giáo

* Vấn đề sự tồn tại của tôn giáo trong giai đoạn hiện nay

Chương 3. Kết cấu và chức năng xã hội của tôn giáo

3.1. Kết cấu của tôn giáo hiện đại

* Khái niệm tôn giáo hiện đại

3.1.1. ý thức tôn giáo

3.1.2. Sự thờ cúng tôn giáo

3.1.3. Tổ chức tôn giáo

3.2. Chức năng xã hội của tôn giáo

* Khái niệm chức năng, vai trò, sự tác động

3.2.1. Chức năng thế giới quan

3.2.2. Chức năng đền bù hư ảo

3.2.3. Chức năng điều chỉnh

3.2.4. Chức năng giao tiếp

3.2.5. Chức năng liên kết

* Một số chức năng khác của tôn giáo

Chương 4. Sự ra đời tôn giáo. Các kiểu tôn giáo trong lịch sử

4.1. Sự ra đời tôn giáo

4.1.1. Sự ra đời tôn giáo từ góc nhìn triết học duy vật về lịch sử

4.1.2. Một số ngành khoa học chứng minh sự ra đời tôn giáo

4.2. Các kiểu tôn giáo trong lịch sử

* Khái niệm kiểu tôn giáo và hình thức (loại) tôn giáo

4.2.1. Kiểu tôn giáo nguyên thủy

4.2.2. Kiểu tôn giáo hiện đại

Chương 5. Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam

5.1. Tín ngưỡng Việt Nam

5.1.1. Phân loại tín ngưỡng Việt Nam

5.1.2. Một số loại hình tín ngưỡng tiêu biểu

5.2. Tôn giáo Việt Nam

* Một số vấn đề về tôn giáo nội sinh và tôn giáo ngoại nhập

5.2.1. Đạo Cao Đài

5.2.2. Đạo Hòa Hảo

Chương 6. Đạo Phật và Đạo Phật ở Việt Nam

6.1. Đạo Phật

6.1.1. Tiền đề ra đời đạo Phật

6.1.2. Giáo lí cơ bản của đạo Phật

6.2. Đạo Phật ở Việt Nam

6.2.1. Sự truyền bá Phật giáo vào Việt Nam

6.2.2. Phật giáo ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử

Chương 7. Đạo Kitô và đạo Kitô ở Việt Nam

7.1. Đạo Kitô

7.1.1. Tiền đề ra đời đạo Kitô

7.1.2. Giáo lí cơ bản của đạo Kitô

7.1.3. Sự phân hóa trong đạo Kitô

7.2. Đạo Kitô ở Việt Nam

7.2.1. Công giáo ở Việt Nam (Sự du nhập, các giai đoạn phát triển)

7.2.2. Tin lành ở Việt Nam (Sự du nhập, các giai đoạn phát triển)

Chương 8. Islam và Islam ở Việt Nam

8.1. Islam

8.1.1. Tiền đề ra đời Islam

8.1.2. Giáo lí cơ bản của Islam

8.2. Islam ở Việt Nam

8.2.1. Sự du nhập Islam vào Việt Nam

8.2.2. Cộng đồng người Chăm ở Việt Nam với Islam

Chương 9. Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về tôn giáo

9.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng

9.1.1. Các giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng

9.1.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng

9.2. Đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng

9.2.1. Đường lối chính sách của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng

9.2.2. Pháp luật của nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng

12. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Tổng
	Lên lớp: 45			Thực hành	Tự nghiên cứu: 135	
	Lý thuyết 36	Bài tập	Thảo luận 9			
Chương 1	4		1			5
Chương 2	3		1			4
Chương 3	3		1			4
Chương 4	3		1			4
Chương 5	4		1			5
Chương 6	6		1			7
Chương 7	6		1			7
Chương 8	4		1			5
Chương 9	3		1			4
Cộng	36		9			45

TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

Social Psychology

1. Mã môn học/chuyên đề: PSY2023

2. Số tín chỉ: 03

3. Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY1051)

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

5.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hoàng Mộc Lan

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG HN

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trịnh Thị Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: TS

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG HN

6. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này sinh viên sẽ:

1.1. Về kiến thức

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và các cơ chế nảy sinh hiện tượng tâm lý xã hội

+ Nắm được các hiện tượng tâm lý trong xã hội và các hiện tượng tâm lý trong nhóm nhỏ

+ Nắm được các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội để nghiên cứu một vấn đề tâm lý xã hội cụ thể .

1.2. Kỹ năng:

+ Có kỹ năng giao tiếp xã hội và nhận biết người khác

+ Có kỹ năng hợp tác giải quyết vấn đề tâm lý xã hội

+ Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp nghiên cứu để phân tích các vấn đề tâm lý xã hội.

1.3. Thái độ:

Góp phần hình thành ở sinh viên tinh thần tích cực, chủ động khám phá bản thân, nhận thức, chấp nhận người khác.

7. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học

7.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* Thời gian: thường xuyên.

* Hình thức:

- Điểm danh.
- Làm bài tập.
- Thảo luận nhóm.

7.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* Hình thức: Thi viết tự luận

* Thời gian: tuần 7.

* Nội dung: Các nội dung đã học từ tuần 1- tuần 5

7.3. Lịch thi, kiểm tra (trọng số 60%)

* Hình thức: Thi viết tự luận, tiểu luận

* Nội dung: Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* Thời gian: Theo lịch thi chung của Nhà trường.

8. Giáo trình bắt buộc

1. Trần Hiệp (chủ biên), Tâm lý học xã hội, NXBKHXH, HN 1997,
2. Trần Thị Minh Đức (chủ biên), Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội, NXBĐHQG, Hà Nội 2010
3. Hoàng Mộc Lan, Bài giảng tâm lý học xã hội, ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN 2013
4. Knud S Larsen, Lê Văn Hảo, Tâm lý học xã hội, NXB Từ điển Bách khoa
5. Vũ Dũng (chủ biên), Tâm lý học xã hội, NXBKHXH, HN 2000

9. Tóm tắt nội dung môn học

Tâm lý học xã hội cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của số đông người, như: hiện tượng liên hệ xã hội, tri giác xã hội, ảnh hưởng xã hội, khuôn mẫu, định kiến xã hội, hành vi xã hội thường xảy ra trong xã hội và các hiện tượng tâm lý thường xảy ra trong nhóm nhỏ, như sự hình thành các mối quan hệ trong nhóm

nhỏ, chuẩn mực, cố kết nhóm, xung đột, lãnh đạo nhóm. Người học cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng về các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học xã hội.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội

- 1.1. Đối tượng của tâm lý học xã hội
- 1.2. Khái niệm tâm lý xã hội
- 1.3. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học xã hội
- 1.4. Mối quan hệ của tâm lý học xã hội với các khoa học khác
- 1.5. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội

Chương 2: Liên hệ xã hội.

- 2.1. Khái niệm liên hệ xã hội
- 2.2. Quá trình hình thành mối liên hệ xã hội
- 2.3. Những hình thức của liên hệ xã hội
- 2.4. Các mức độ của liên hệ xã hội
- 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến liên hệ xã hội
- 2.6. Trao đổi xã hội trong các mối liên hệ xã hội

Chương 3: Ảnh hưởng xã hội

- 3.1. Khái niệm về ảnh hưởng xã hội
- 3.2. Các hình thức ảnh hưởng xã hội
- 3.3. Các cơ chế ảnh hưởng xã hội
- 3.4. Ảnh hưởng của thiểu số đến đa số

Chương 4: Tri giác xã hội

- 4.1. Khái niệm về tri giác xã hội
- 4.2. Các cơ chế của tri giác xã hội
- 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tri giác xã hội
- 4.4. *Tri giác bản thân*

Chương 5: Khuôn mẫu và định kiến xã hội

- 5.1. Khái niệm khuôn mẫu
- 5.2. Khái niệm định kiến xã hội
- 5.3 Các cơ chế ảnh hưởng đến khuôn mẫu và định kiến xã hội

5.4. Mối quan hệ của khuôn mẫu và định kiến xã hội

Chương 6: Cái tôi xã hội

6.1. Khái niệm về cái tôi

6.2. Cấu trúc của cái tôi

6.3. Chức năng tổ chức của cái tôi

6.4. Cơ chế ảnh hưởng đến cái tôi

Chương 7: Nhóm xã hội.

7.1. Khái niệm về nhóm xã hội

7.2. Các giai đoạn phát triển nhóm

7.3. Các hiện tượng tâm lý cơ bản trong nhóm

7.4. Lãnh đạo nhóm

Chương 8: Thái độ và hành vi xã hội

8.1. Khái niệm thái độ và hành vi xã hội

8.2. Sự hình thành thái độ và hành vi xã hội

8.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi xã hội

8.4. Mối quan hệ giữa thái độ và hành vi xã hội

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIA ĐÌNH HỌC
(Family Study)

1. Mã học phần: SOW2003

2. Số tín chỉ: 02

3. Học phần tiên quyết: không

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

Họ và tên: Lê Thái Thị Băng Tâm

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Giới và Gia đình, Khoa XHH,
Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học về gia đình, tiếp cận lý thuyết nghiên cứu gia đình, phương pháp nghiên cứu gia đình.

Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của nghiên cứu gia đình, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu gia đình và biết trình bày một đề cương nghiên cứu gia đình.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức

- Giải thích, phân tích được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu gia đình như gia đình, cơ cấu gia đình, chức năng gia đình, chu trình sống của gia đình, điều kiện sống của gia đình, hình thái gia đình, lối sống gia đình.
- Vận dụng được các tiếp cận lý thuyết vào trong nghiên cứu những vấn đề cụ thể về gia đình Việt Nam trong sự phát triển của xã hội Việt Nam như lý thuyết vai trò, lý thuyết trao đổi, lý thuyết mâu thuẫn, lý thuyết cấu trúc-chức năng, thuyết nữ quyền phương Tây và quan điểm giới, lý thuyết phát triển đường đời, lý thuyết hiện đại hoá..
- Phân tích được những hiện tượng, quá trình gia đình trong đời sống xã hội Việt Nam

- Xác định và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu của một số ngành khoa học xã hội (xã hội học, tâm lý học và dân tộc học) vào nghiên cứu gia đình

Về kỹ năng

- Nhận diện được vấn đề nghiên cứu thuộc đối tượng của gia đình
- Thiết kế được một nghiên cứu khoa học với một vấn đề cụ thể của gia đình Việt Nam
- Trình bày được kết quả nghiên cứu một vấn đề cụ thể của gia đình Việt Nam

Về thái độ

- Hình thành phương pháp học tập nghiên cứu về xã hội học gia đình theo phong cách của người nghiên cứu khoa học
- Hình thành thái độ khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu về xã hội học gia đình
- Tự tin ở năng lực nghiên cứu xã hội học gia đình của bản thân.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

8.1. Mục đích và trọng số kiểm tra

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Đánh giá thường xuyên	Các vấn đề lý thuyết	Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ	5%
Bài tập cá nhân	Một số vấn đề lý thuyết, vận dụng lý thuyết vào mục đích nghiên cứu	Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc độc lập	10%
Bài tập nhóm	Chủ yếu về thực hành và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm	10%
Bài tập lớn	Kết hợp lý luận và ứng dụng	Đánh giá kỹ năng nghiên cứu	10%

	thực tiễn	cứu độc lập và kỹ năng trình bày	0%
Bài kiểm tra giữa kỳ	Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề	15%
Bài thi hết môn	Kết hợp lý luận và khả năng ứng dụng	Đánh giá khả năng ứng dụng vào thực tế nghiên cứu của sinh viên	50%

8.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

* Bài tập viết cá nhân/tuần

Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

Nội dung:

1. Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lý
2. Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các vấn đề nghiên cứu
3. Có bằng chứng cho việc sử dụng tài liệu do giảng viên hướng dẫn

Hình thức:

4. Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với quy định của giảng viên

Ngoài ra tùy loại vấn đề mà giảng viên có tiêu chí đánh giá riêng

* Loại bài tập nhóm/tháng

Do yêu cầu đặc thù của bài tập này nên tiêu chí đánh giá có thể được thực hiện qua báo cáo mà nhóm phải thực hiện

* Loại bài tập lớn

Các tiêu chí chung

Nội dung:

1. Đặt vấn đề, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lý và logic
2. Có bằng chứng rõ rệt về năng lực tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu, các công nghệ, phương pháp, giải pháp do giáo viên hướng dẫn

Hình thức:

4. Bố cục hợp lý, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày đúng quy cách

Điểm	Tiêu chí
9-10	Đạt cả 4 tiêu chí
7-8	Đạt 2 tiêu chí đầu Tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu xong chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận Tiêu chí 4: Còn mắc vài lỗi nhỏ
5-6	Đạt tiêu chí 1 Tiêu chí 2: chưa thể hiện rõ tư duy phê phán, các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá còn kém Tiêu chí 3,4: Còn mắc vài lỗi nhỏ
Dưới 5:	Không đạt cả 4 tiêu chí

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Lê Trường An, “Tìm hiểu tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước”, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2004
- Mai Huy Bích, “Xã hội học gia đình”, NXB KHXH, Hà Nội, 2003
- Vũ Quang Hà biên dịch, “Tương lai của gia đình”, NXB ĐHQG, 2001
- Robert Lowie, “Luận về xã hội học nguyên thủy” NXB ĐHQG HN, 2001

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Môn gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng học phần, các khái niệm cơ bản, lịch sử về gia đình, quá trình phát triển và biến đổi của gia đình, quan hệ với các thiết chế khác, các loại gia đình và quan hệ trong nội bộ gia đình. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tiếp cận và những phương pháp của việc nghiên cứu gia đình.

Học phần này giúp cho sinh viên biết thiết kế một đề cương nghiên cứu nhỏ về gia đình. Qua đó giúp cho sinh viên hình thành phong cách tư duy và phương pháp nghiên cứu khoa học.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiêu mục...):

CHƯƠNG I. LỊCH SỬ CỦA GIA ĐÌNH

1.1. Nguồn gốc của gia đình

1.2. Những quan điểm trong nghiên cứu gia đình hiện đại

1.3. Những nghiên cứu gia đình ở Việt Nam

CHƯƠNG II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA GIA ĐÌNH HỌC

2.1. Khái niệm gia đình

2.2. Gia đình trong nghiên cứu của các ngành khác

2.3. Quan hệ của gia đình với các thiết chế tôn giáo, chính trị, kinh tế và văn hoá

CHƯƠNG III. HỌ HÀNG VÀ HÔN NHÂN (21)

3.1. Họ hàng, gia đình và thế hệ

3.2. Loạn luân

3.3. Ngoại hôn và sự trao đổi trực tiếp

3.5. Thân tộc ở Việt Nam

CHƯƠNG IV. GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRUYỀN THÔNG

4.1. Cách hiểu về gia đình Việt Nam truyền thống

4.2. Đặc điểm của gia đình Việt Nam truyền thống

4.3. Gia đình- họ hàng- làng nước

4.4. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam-những hình thái gia đình trong lịch sử.

CHƯƠNG V. CÁC TIẾP CẬN TRONG NGHIÊN CỨU GIA ĐÌNH

5.1. Tiếp cận thiết chế

5.2. Tiếp cận nhóm

5.3. Tiếp cận hệ thống

5.4. Tiếp cận lý thuyết tương tác biểu trưng

5.5. Tiếp cận lý thuyết cơ cấu chức năng

5.6. Tiếp cận lý thuyết xung đột

5.7. Quan điểm nữ quyền phương Tây

CHƯƠNG VI. XÃ HỘI HOÁ GIA ĐÌNH VÀ QUÁ TRÌNH TƯƠNG TÁC (*Talcott Parsons and Robert F. Bales. The Sociology of the Family. M.C. Elmer*)

- 6.1. Một số quan điểm về chức năng xã hội hóa của gia đình
- 6.2. Mỗi quan hệ của gia đình với cá nhân và cấu trúc xã hội
- 6.3. Cấu trúc gia đình và sự xã hội hoá đứa trẻ
- 6.4. Sự phát triển của cá nhân (*The Sociology of the Family by M.C. Elmer*)
- 6.5. Nội dung giáo dục trong gia đình Việt Nam ngày nay
- 6.6. Mỗi quan hệ giữa gia đình trường học và các thiết chế khác (*The Sociology of the Family by M.C. Elmer*)

CHƯƠNG VII. SỰ KIỂM SOÁT XÃ HỘI CỦA GIA ĐÌNH (*The sociology of the family- M.C. ELMER*)

- 7.1. Các thủ tục của kiểm soát xã hội
- 7.2. Gia đình và Luật pháp
- 7.3. Gia đình và Tôn giáo
- 7.4. Gia đình và mức sinh (*The Sociology of the Family by M.C.Elmer*)

CHƯƠNG VIII. GIA ĐÌNH HẠT NHÂN

- 8.1. Chu trình sống của gia đình hạt nhân
- 8.2. Gia đình trẻ
- 8.3. Vai trò của các thành viên trong gia đình
- 8.4. Các loại quan hệ trong gia đình

CHƯƠNG IX, GIA ĐÌNH MỞ RỘNG

- 9.1. Cấu trúc họ hàng
- 9.2. Vị trí của phụ nữ
- 9.3. Tần suất của mỗi quan hệ
- 9.4. Chức năng của gia đình mở rộng

CHƯƠNG X. TƯƠNG LAI GIA ĐÌNH

- 10.1. Các mẫu hình lịch sử của sự thay đổi gia đình
- 10.2, Gia đình trong lòng cộng đồng và nhà nước
- 10.3. Các quan hệ sau ly hôn
- 10.4, Sự trì hoãn việc sinh con và sự không có con gia tăng

10.5. Tương lai của gia đình

CHƯƠNG XI. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU GIA ĐÌNH

11.1. Giới thiệu nghiên cứu gia đình

11,2. Giới thiệu những phương pháp nghiên cứu gia đình: xã hội học, tâm lý học, dân tộc học

11.2. Thiết kế nghiên cứu

11.3. Đo lường

11.7. Trình bày kết quả nghiên cứu

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
SỬ DỤNG PHẦN MỀM XỬ LÝ DỮ LIỆU
(Use of SPSS)

1. Mã học Phần : SOC1100
2. Số tín chỉ : 02
3. Học phần tiên quyết: không
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên :

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thái Thị Băng Tâm
- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Thạc sỹ
- Đơn vị công tác : Bộ môn – Giới và gia đình - Khoa Xã hội học.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Xã hội học

Điện thoại, email:

+ Tel: 09128.869.888

+ E-mail: tamlebang@gmail.com

Giảng viên 2

- Họ và tên: Mai Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0936 668 385

Email: mailinh232000@yahoo.co.uk

6. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu chung

Môn học giúp sinh viên hiểu được quy trình xử lý dữ liệu bằng phần mềm ứng dụng SPSS. Trên cơ sở kiến thức thống kê trong khoa học xã hội, sinh viên nắm được bản chất của phân tích dữ liệu định lượng và biết cách thực hiện và kiểm chứng kết quả nghiên cứu bằng phần mềm SPSS. Từ đó sinh viên biết được cách sử dụng kết quả phân

tích dữ liệu để trình bày báo cáo khoa học, khoá luận hay nghiên cứu khoa học trong công việc tương lai của họ

- *Về kiến thức*

Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm được tổng quan kiến thức cơ bản về dữ liệu, về mối quan hệ giữa các biến số. Sinh viên còn hiểu được cách thức thực hiện việc mô tả dữ liệu và quan trọng hơn cả là có thể kiểm định và được mức độ phù hợp của dữ liệu mẫu và dữ liệu tổng thể thông qua việc tính toán, đo lường và suy luận từ các tham số.

Ngoài ra sinh viên còn nắm được một cách căn bản những ứng dụng của SPSS để sử dụng thành thạo cho công việc nghiên cứu của mình

- *Về kỹ năng*

Sinh viên có kỹ năng kiểm tra toàn bộ dữ liệu bằng một số thủ tục của SPSS. Sinh viên có kỹ năng trình bày dữ liệu bằng bảng, biểu. Sinh viên có kỹ năng thực hiện các thao tác trên máy tính bằng SPSS để mô tả, kiểm chứng mức độ phù hợp của dữ liệu cũng như suy luận kết quả của tổng thể từ kết quả đo được của mẫu. Sinh viên biết cách viết một báo cáo nghiên cứu khoa học trên cơ sở dữ liệu đã được xử lý.

- *Về thái độ*

Học môn học này, sinh viên học được thái độ khách quan, chân thực, chính xác khi xử lý và phân tích dữ liệu. Sinh viên có thể làm việc độc lập với hệ thống dữ liệu có sẵn hoặc thu thập được từ khảo sát xã hội học.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức*: Sinh viên có được kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến xử lý các loại dữ liệu: Mã hóa và xử lý trên biên, tóm tắt và trình bày dữ liệu, trình bày kết quả bằng biểu đồ và kiểm tra dữ liệu, kiểm định mối quan hệ giữa 2 biến định tính, tương quan và hồi quy đơn tuyến tính, kiểm định thang đo, phân tích nhân tố khám phá và hồi quy bội, viết báo cáo nghiên cứu định lượng

- *Kỹ năng*: Sinh viên nắm được tính năng của phần mềm dùng xử lý dữ liệu, có kỹ năng sử dụng, thao tác thành thạo trên máy tính nhằm khai thác các tính năng của phần mềm chuyên dụng xử lý dữ liệu, có kỹ năng đọc số liệu kết quả đã xử lý.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ nghiêm túc học lý thuyết và chăm chỉ thực hành trên máy, trung thực, đảm bảo tính trung lập, khách quan, không thêm bớt đối với dữ liệu sẽ và đã được xử lý.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* *Thời gian:* thường xuyên.

* *Hình thức:*

- Điểm danh, bài tập về nhà và trên lớp.

8.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* *Hình thức:* Vấn đáp

* *Thời gian:* tuần 9.

* *Nội dung:* Các nội dung đã học từ tuần 1- tuần 8.

8.3. Lịch thi, kiểm tra (trọng số 60%)

* *Hình thức:* Vấn đáp.

* *Nội dung:* Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* *Thời gian:* Theo lịch thi chung của Nhà trường.

9. Học liệu

Bắt buộc:

1. Lê Minh Tiên (2016), Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

2. Hoàng Trọng-Chu Nguyên Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức, Tập 1

3. Hoàng Trọng-Chu Nguyên Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức, Tập 2

Tham khảo:

1. Andy Field (2009), Discovering Statistics Using Spss, 3rdedition, Sage Publications Ltd.

2. Susan B. Gerber, Kristin Voelkl Finn (2005), Using Spss for Window: Data Analysis and Graphics, 2nd edition, Springer

10. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học giúp sinh viên làm quen với một phần mềm xử lý dữ liệu định lượng chuyên dụng phổ biến nhất hiện nay. Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS ở bậc cơ sở, tạo cho sinh viên một cách nhìn tổng quát về các phương pháp phân

tích nhị biến. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng mô tả dữ liệu, kiểm định giả thiết về mối quan hệ giữa các biến của tổng thể, kiểm định sự khác biệt giữa các trung bình của tổng thể. Môn học trang bị cho sinh viên cách thức phân tích dữ liệu để viết báo cáo nghiên cứu khoa học hoặc báo cáo khảo sát xã hội học.

11. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung 1: Mã hóa và xử lý trên biến

- 1.1 .Phân loại dữ liệu
- 1.2 . Khai báo thuộc tính của biến (mã hóa dữ liệu)
- 1.3 . Nhập dữ liệu
- 1.4 . Một số xử lý trên biến

Nội dung 2: Tóm tắt và trình bày dữ liệu

- 2.1. Lập bảng tần số và tính toán các đại lượng thống kê mô tả
- 2.2. Thống kê mô tả với thủ tục Explore
- 2.3. Thiết lập bảng kết hợp các biến định tính

Nội dung 3: Trình bày kết quả bằng biểu đồ và kiểm tra dữ liệu

- 3.1. Trình bày kết quả bằng biểu đồ trên SPSS
- 2.4. Trình bày kết quả bằng biểu đồ trên Excel
- 3.2.. Kiểm tra dữ liệu (làm sạch dữ liệu)
- 3.3. Kết xuất kết quả

Nội dung 4: Kiểm định mối quan hệ giữa 2 biến định tính

- 4.1. Logic của kiểm định ý nghĩa thống kê
- 4.2. Lý thuyết của kiểm định khi bình phương
- 4.3. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến định tính

Nội dung 5: Kiểm định trị trung bình của tổng thể

- 5.1. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của một tổng thể (One Samples T-Test)
- 5.2. Kiểm định giả thiết về trị trung bình của 2 tổng thể- trường hợp mẫu độc lập (Independent Samples T-test)
- 5.3. Kiểm định trị trung bình của 2 mẫu phối hợp từng cặp (Paired-samples T-Test)
- 5.4. Phân tích phương sai ANOVA (Analysys of Variance)

Nội dung 6: Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn

6.1. Tương quan

6.2. Hồi quy tuyến tính

6.3. Xây dựng phương trình của mô hình hồi quy tuyến tính từ dữ liệu mẫu

6.4. Phiên giải

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG

1. Mã học phần: HIS 1100

2. Số tín chỉ: 3 TC

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

- *Họ và tên giảng viên 1:* **Phạm Đức Anh**

- *Chức danh, học hàm học vị:* Tiến sĩ

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* (+84) 0983322180

- *Email:* anhducls@yahoo.com

- *Họ và tên giảng viên 2:* **Nguyễn Ngọc Phúc**

- *Chức danh:* ThS

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* , *Mobile:* 0904191741

- *Email:* fu_lsu@yahoo.com

- *Họ và tên giảng viên 3:* **Đỗ Thị Thùy Lan**

- *Chức danh:* TS

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- *Điện thoại:* 01684478834

- *Email:* lansuu@gmail.com

- *Họ và tên giảng viên 4:* **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

- Chức danh: TS

- Đơn vị công tác: Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: 0914320932

- Email: hanhnm321@gmail.com

- Họ và tên giảng viên 5: **Trần Viết Nghĩa**

- Chức danh, học hàm học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: (+84) 0986376599

- Email: vietnghia_77@yahoo.com

- Họ và tên giảng viên 6: **Trương Thị Bích Hạnh**

- Chức danh: ThS

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội..

- Điện thoại: (+84) 0904194843

- Email: tbhanh0809@yahoo.com

- Họ và tên giảng viên 7: **Hoàng Thị Hồng Nga**

- Chức danh: ThS

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội..

- Điện thoại: (+84) 0983856051

- Email: hoanghongnga84@gmail.com

Họ và tên giảng viên 8: **Hồ Thành Tâm**

- Chức danh: ThS

- *Đơn vị công tác:* Bộ môn Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội..

- *Điện thoại:* (+84) 0936210886

- *Email:* hothanhtamktol@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Những sự kiện, vấn đề, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam sẽ được lần lượt trình bày, phân tích, đánh giá. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận nhiều môn khoa học thuộc các lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn. Môn học rèn luyện sinh viên khả năng biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu; rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

a. Về kiến thức:

- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay.

b. Về kỹ năng:

- Nâng cao khả năng lập luận; nhìn nhận, đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau.

- Biết sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu lịch sử; vận dụng quan điểm mác xít khi nhìn nhận, đánh giá lịch sử.

c. Về thái độ:

- Có cách nhìn nhận khách quan, khoa học về lịch sử.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên

Việc kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện để kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua các giờ thảo luận.

8.1.1. Mục tiêu: Kiểm tra đánh giá thường xuyên nhằm củng cố tri thức và nắm được thông tin phản hồi để điều chỉnh cách dạy và học cho phù hợp.

8.1.2. Tiêu chí đánh giá thường xuyên

- Xác định được nhiệm vụ và mục đích vấn đề
- Đọc và sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Chuẩn bị bài đầy đủ.
- Tích cực tham gia ý kiến.

8.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ

Hình thức	Nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Tỷ lệ điểm
Đánh giá thường xuyên trên lớp (phát biểu, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận)	Điểm danh Tích tích cực học tập của sinh viên	- Ý thức học tập của sinh viên - Trách nhiệm đối với học phần của sinh viên - chuẩn bị bài, đọc sách - có được thông tin phản hồi từ sinh viên để điều chỉnh cách dạy và học phù hợp	10%
Bài kiểm tra giữa kỳ	Năng lực khái quát kiến thức của sinh viên	Đánh giá tổng hợp kiến thức và kỹ năng thu được sau nửa học kỳ	30%
Bài kiểm tra cuối kỳ	Năng lực phân tích, so sánh, đưa ra nhận định cá nhân của sinh viên	Đánh giá trên 3 mức: trình bày, chứng minh, phân tích, so sánh của sinh viên	60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

A. Phần cổ trung đại

1. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.

2. Trương Hữu Quỳnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh: *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.

3. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1961.

4. Phan Huy Lê: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960.

5. Phan Huy Lê, Vương Hoàng Tuyên, Chu Thiên, Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1965.

6. Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.

B. Phần cận đại

7. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.

8. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

9. Nguyễn Văn Khánh: *Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời thuộc địa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.

10. Dương Kinh Quốc: *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988

11. Phạm Xanh: *Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

C. Phần hiện đại

12. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.

13. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998.

14. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

15. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997

16. Bộ Quốc phòng: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991.

17. Lưu Văn Lợi: *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1998.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Đây là học phần cơ sở của nhiều ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Bao trùm toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam là những nội dung lớn như: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ... Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

11. Nội dung chi tiết học phần (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):

Phần I: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (từ nguồn gốc đến 1858)

Nội dung 1: Việt Nam thời tiền sử và sơ sử

1.1 Thời kỳ nguyên thủy

1.1. Thời đại đồ đá

Thời đá cũ và dấu vết người vượn ở Việt Nam

Thời đá mới

1.2 Thời đại kim khí

Thời đại đồ đồng

Thời đại đồ sắt

1.2 Thời kỳ dựng nước

1.2.1 Những chuyển biến về kinh tế-xã hội

Những chuyển biến về kinh tế

Những chuyển biến về xã hội

1.2.2 Nhà nước Văn Lang

Tiền đề xuất hiện nhà nước

- Tình hình phân hoá xã hội
- Nhu cầu trị thủy, thủy lợi
- Nhu cầu tự vệ, chống ngoại xâm

Vài nét về nhà nước Văn Lang

- Thời điểm ra đời, thời gian tồn tại
- Không gian lãnh thổ
- Tổ chức bộ máy nhà nước

Đặc trưng, tính chất và ý nghĩa

1.2.3 **Nền văn minh Việt cổ - Văn minh sông Hồng**

Quá trình hình thành

Những thành tựu chủ yếu

Một số đặc trưng

1.2.4 **Nước Âu Lạc thời An Dương Vương**

Nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương

Cuộc kháng chiến chống Tần của người Việt

Nhà nước Âu Lạc ra đời

Kinh đô Cổ Loa và triều đình Âu Lạc

Cuộc xâm lược của nhà Triệu và thất bại của An Dương Vương

Nội dung 2: Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (179 TCN-938)

2.1 Trên lãnh thổ Âu Lạc cũ (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ)

2.1.1 Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc

Chính sách về chính trị

Chính sách về kinh tế

Chính sách về văn hoá, xã hội

2.1.2 Những chuyển biến về kinh tế, xã hội và văn hoá

Những chuyển biến về kinh tế

Những chuyển biến về xã hội

Những chuyển biến về văn hoá

2.1.3 Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43)

Khởi nghĩa Bà triệu (248)

Khởi nghĩa Lý Bí và nhà nước Vạn Xuân (542-602)

Khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687)

Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722)

Khởi nghĩa Phùng Hưng (766-791)

Họ Khúc dựng nền tự chủ

Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

2.2 Vương quốc cổ Chăm pa

2.2.1 Quá trình ra đời

Văn hoá Sa Huỳnh

Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Chăm pa

Nhà nước Chăm pa

2.2.2 Tình hình kinh tế

2.2.3 Tình hình văn hoá, xã hội

2.3 Vương quốc cổ Phù Nam

2.3.1 Quá trình ra đời

Văn hoá Óc Eo

Nhà nước Phù Nam hình thành

Thời kỳ cực thịnh và suy vong

2.3.2 Tình hình kinh tế

2.3.3 Tình hình văn hoá, xã hội

Nội dung 3: Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ X

3.1 Việt Nam cuối thế kỷ X

3.1.1 Diễn biến chính trị

Triều Ngô (938-965)

Triều Đinh (967-980)

Triều Tiền Lê (980-1009)

3.1.2 Tình hình kinh tế

3.1.3 Tình hình văn hoá, xã hội

3.2 Việt Nam từ đầu thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XV

- 3.2.1 **Các vương triều Lý-Trần-Hồ**
 - Triều Lý (1009-1225)
 - Triều Trần (1226-1400)
 - Triều Hồ (1400-1407)
- 3.2.2 **Kinh tế Đại Việt thời Lý-Trần-Hồ**
 - Nông nghiệp
 - Thủ công nghiệp
 - Thương nghiệp
- 3.2.3 **Cải cách của Hồ Quý Ly**
 - Hoàn cảnh
 - Nội dung
 - Đánh giá
- 3.2.4 **Văn hoá Đại Việt thời Lý-Trần-Hồ**
 - Tiền đề phát triển
 - Tôn giáo, tín ngưỡng
 - Giáo dục, khoa cử
 - Văn học-nghệ thuật
 - Khoa học-kỹ thuật
 - Đặc điểm
- 3.2.5 **Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm**
 - Kháng chiến chống Tống (1075 - 1077)
 - Ba lần kháng chiến chống Nguyên - Mông (1258, 1285, 1288)
 - Nhà Hồ kháng chiến chống Minh (1406-1407)

Nội dung 4: Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVIII

- 4.1 **Việt Nam thế kỷ XV**
 - 4.1.1 **Chính sách đô hộ của nhà Minh**
 - Về chính trị
 - Về kinh tế
 - Về văn hoá
 - 4.1.2 **Khởi nghĩa Lam Sơn**

Phong trào đấu tranh trước khởi nghĩa Lam Sơn
Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ và giành thắng lợi

4.1.3 **Vương triều Lê sơ**

Tình hình chính trị

Tình hình kinh tế

Đời sống văn hoá tư tưởng

4.2 **Việt Nam đầu thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVIII**

4.2.1 **Tình hình chính trị**

Nhà Lê sơ sụp đổ, nhà Mạc ra đời

Triều Lê Trung hưng và cục diện Nam - Bắc triều

Chiến tranh Trịnh - Nguyễn và cục diện Đàng Trong - Đàng Ngoài

4.2.2 **Tình hình kinh tế**

Kinh tế nông nghiệp (Đàng Ngoài và Đàng Trong)

Sự phát triển của kinh tế hàng hoá và đô thị

- Sản xuất thủ công nghiệp

- Nghề khai mỏ

- Tình hình nội thương

- Buôn bán với nước ngoài

- Sự hưng khởi của đô thị

4.2.3 **Tình hình văn hoá, xã hội**

Sự chuyển biến về tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo

Giáo dục và khoa cử

Văn học-nghệ thuật

Khoa học-kỹ thuật

Nội dung 5: Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX

5.1 **Tình hình chính trị**

5.1.1 **Khủng hoảng kinh tế, xã hội và khởi nghĩa nông dân**

Cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội

- Khủng hoảng ở Đàng Ngoài

- Khủng hoảng ở Đàng Trong

- Phong trào khởi nghĩa nông dân
- 5.1.2 **Khởi nghĩa Tây Sơn**
 - Khởi nghĩa Tây Sơn
 - Triều đại Tây Sơn
- 5.1.3 **Vương triều Nguyễn**
 - Thiết lập và xây dựng vương triều
 - Nhà nước, quân đội, lập pháp...
- 5.2 **Tình hình kinh tế**
 - Nông nghiệp
 - Thủ công nghiệp
 - Thương nghiệp
- 5.3 **Tình hình xã hội và văn hóa**
 - 5.3.1 **Đời sống nhân dân và phong trào nông dân khởi nghĩa**
 - 5.3.2 **Những chuyển biến về văn hoá, tư tưởng**
 - Tôn giáo, tín ngưỡng
 - Giáo dục-khoa cử
 - Văn học-nghệ thuật
 - Khoa học-kỹ thuật

Phần II: Lịch sử Việt Nam cận đại (1858-1945)

Nội dung 6: Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX

- 6.1 **Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp**
 - 6.1.1 Cuộc khủng hoảng suy vong của chế độ phong kiến nhà Nguyễn
 - 6.1.2 Âm mưu xâm lược của thực dân Pháp
- 6.2 **Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những năm 1858-1884**
 - 6.2.1 Xâm lược của thực dân Pháp
 - Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ
 - 6.2.2 Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873-1874)
 - Kháng chiến chống thực dân Pháp
 - 6.2.3 Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần 2 (1882-1883).
 - Kháng chiến chống thực dân Pháp

Đầu hàng của triều đình Huế - đất nước rơi vào tay thực dân Pháp

6.3 Phong trào Cần vương (1885-1896)

6.3.1 Sự bùng nổ của phong trào Cần vương

6.3.2 Hai giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương:

Giai đoạn thứ nhất (1858-1888)

Giai đoạn thứ hai (1888-1896)

Nội dung 7: Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cuối chiến tranh thế giới thứ nhất

7.1 Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất

7.1.1 Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914)

7.1.2 Sự chuyển biến trong cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX

7.2 Phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX

7.2.1 Điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc

7.2.2 Diện mạo phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX

7.3 Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất

7.3.1 Chính sách cai trị thời chiến của thực dân Pháp và những tác động tới xã hội Việt Nam

7.3.2 Phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất

Nội dung 8: Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1930

8.1 Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

8.1.1 Tình hình chính trị

8.1.2 Tình hình kinh tế

8.1.3 Tình hình xã hội

8.1.4 Tình hình văn hóa tư tưởng

8.2 Phong trào đấu tranh dân tộc (1919-1925)

8.2.1 Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

8.2.2 Phong trào yêu nước của tư sản, tiểu tư sản

8.2.3 Phong trào công nhân

8.3 Phong trào đấu tranh dân tộc (1925-1930)

8.3.1 Các đảng phái chính trị ở Việt Nam trước khi thành lập Đảng

8.3.2 **Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời**

Ba tổ chức Cộng sản

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Ý nghĩa thành lập Đảng

Nội dung 9: Việt Nam trong những năm 1930-1945

9.1 Tình hình Việt Nam và phong trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939

9.1.1 Việt Nam trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933

9.1.2 Cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh

9.1.3 Cách mạng Việt Nam 1932-1935

9.1.4 Cuộc vận động dân chủ 1936-1939

Nội dung 10: Việt Nam trong những năm 1930-1945 (tiếp)

9.2 Tình hình Việt Nam trong những năm 1939-1945

9.2.1 Những thay đổi trên chính trường Việt Nam

9.2.2 Tình hình kinh tế-xã hội

9.2.3 Tình hình văn hóa-tư tưởng

9.3 Cuộc vận động cách mạng tháng Tám (1939-1945)

9.3.1 Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

9.3.2 Những cuộc khởi nghĩa mở đầu thời kỳ mới

9.3.3 Mặt trận Việt minh và công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa

9.3.4 Cao trào kháng Nhật cứu nước

9.3.5 Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời

Phần III: Lịch sử Việt Nam hiện đại (1945 - 2005)

Nội dung 11: Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xây dựng nền dân chủ cộng hòa (1945-1954)

10.1 Xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ cộng hòa (1945 - 1946)

10.1.1 Đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ

10.1.2 Mở rộng khối đoàn kết, xây dựng nền dân chủ cộng hòa

10.1.3 Đấu tranh chống lại âm mưu xâm lược

10.2 Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946 - 1950)

10.2.1 Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

10.2.2 Xây dựng nền dân chủ cộng hòa

10.2.3 Chiến đấu trên mặt trận quân sự

10.3 Tiến trình kháng chiến trong những năm 1951-1954

10.3.1 Đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ kéo dài chiến tranh Đông Dương

10.3.2 Sự lớn mạnh của nền dân chủ cộng hòa

10.3.3 Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951-1954)

Nội dung 12: Việt Nam thời kỳ xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975)

11.1 Xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ-Diệm ở miền Nam (1954 - 1960)

11.1.1 Miền Bắc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa

- Khôi phục kinh tế (1954-1957)

- Cải tạo XHCN (1958 -1960)

11.1.2 Đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam

- Đấu tranh giữ gìn lực lượng cách mạng

- Phong trào “Đồng khởi”

11.2 Xây dựng XHCN ở miền Bắc, chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961 - 1965)

11.2.1 Thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng miền Bắc

- Kinh tế, văn hoá, xã hội

- Củng cố quốc phòng

11.2.2 Chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965)

Nội dung 13: Việt Nam thời kỳ xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975) (tiếp)

11.3 Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ”, chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH ở miền Bắc (1965 - 1968)

11.3.1 Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ

- Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”
- Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” trên chiến trường miền Nam.
- 11.3.2 **Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại, xây dựng CNXH, thực hiện nghĩa vụ hậu phương**
 - Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc
 - Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại, thực hiện nghĩa vụ hậu phương
- 11.4 **Chiến đấu chống “Việt Nam hóa” chiến tranh và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc (1969 - 1973)**
 - 11.4.1 **Chống “Việt Nam hóa”, “Đông Dương hóa” chiến tranh (1969 - 1973)**
 - Mỹ tiến hành “Việt Nam hóa” và “Đông Dương hóa” chiến tranh
 - Chiến đấu chống “Việt Nam hóa”, phối hợp với Lào và Campuchia chống “Đông Dương hóa” chiến tranh

Nội dung 14: Việt Nam thời kỳ xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975) (tiếp)

- 11.4.2 Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mỹ
- 11.4.3 Đấu tranh ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh
- 11.5 **Khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975)**
 - 11.5.1 Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam
 - 11.5.2 Đấu tranh chống “bình định lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến lên giải phóng miền Nam
 - 11.5.3 Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc
 - 11.5.4 Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi

Nội dung 15: Việt Nam xây dựng đất nước theo định hướng XHCN (1975-2005)

- 12.1 **Việt Nam xây dựng lại đất nước (1975 - 1986)**
 - 12.1.1 **Việt Nam năm đầu sau đại thắng mùa xuân (1975 - 1976)**

- Tình hình hai miền
- Ổn định tình hình miền Nam, khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế
 - Hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước
- 12.1.2 Đất nước bước đầu đi lên CNXH (1976-1986)
- 12.1.3 Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975-1979)
- 12.2 Đất nước trên đường đổi mới (1986 - 2005)**
 - 12.2.1 Việt Nam bắt đầu thực hiện đổi mới (1986-1990)
 - 12.2.2 Tiếp tục thực hiện đổi mới, đưa đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1991 - 1995)
 - 12.2.3 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh; kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và 2001-2005

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
DÂN SỐ HỌC ĐẠI CƯƠNG
(General Population)

1. Mã học phần: SOW1101
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương - SOC1051
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hoa

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần:

- + Nội dung kiến thức: Giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên các trường đại học những kiến thức cơ bản về dân số học bao gồm mức sinh, mức chết và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết; di dân và đô thị hoá; chính sách dân số và dự báo dân số.
- + Về kỹ năng: Trang bị kiến thức chung về các phương pháp điều tra dân số, cách tính các công thức tính tỷ suất gia tăng, mức sinh, mức chết, di dân của dân số, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, biết cách tính toán, đọc số liệu dân số.
- + Về thái độ người học cần đạt được: Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Nâng cao kiến thức, tích cực tuyên truyền công tác dân số nhằm nâng cao chất lượng dân số và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần Dân số học đại cương, nắm được các khái niệm cơ bản về dân số học, các học thuyết về dân số, vận dụng được các lý thuyết để giải thích các vấn đề dân số (mức sinh, mức chết, di dân, đô thị hóa).

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, có khả năng vận dụng các công thức để tính toán các vấn đề của dân số học, có kỹ năng tổng hợp và đánh giá các chính sách dân số, các phương pháp dự báo dân số.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần Dân số học đại cương, ý nghĩa xã hội của việc nghiên cứu, phân tích và đánh giá cơ cấu dân số, chất lượng dân số, chính sách dân số.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

* Đánh giá thường xuyên và thái độ học tập: 10%

* Đánh giá giữa học phần: 30%

* Đánh giá hết học phần: 60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Nguyễn Thị Kim Hoa (2015) *Giáo trình dân số học*, Khoa Xã hội học.
- Tổng Văn Đường (Chủ biên) (1998) *Giáo trình dân số học* (dùng cho sinh viên ngoài ngành dân số), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Nguyễn Kim Hồng (2000), *Dân số học đại cương*, NXB Giáo dục, TPHCM.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dân số học bao gồm đối tượng và phương pháp nghiên cứu dân số, các tỷ suất gia tăng dân số, tình hình gia tăng dân số trên thế giới và Việt Nam, các học thuyết dân số, cơ cấu dân số. Học phần giúp cho sinh viên hiểu và biết cách tính toán các công thức tính mức sinh, mức chết, và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu quá trình di dân và đô thị hoá ở Việt Nam, các phương pháp dự báo dân số và chính sách dân số ở một số nước và Việt Nam

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DÂN SỐ HỌC

1.1. KHÁI NIỆM DÂN SỐ HỌC VÀ DÂN SỐ

1.1.1. Khái niệm dân số học

1.1.2. Khái niệm dân số

1.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA DÂN SỐ HỌC

1.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN TRONG DÂN SỐ HỌC

- 1.3.1. Tổng điều tra dân số
- 1.3.2. Thống kê dân số định kỳ
- 1.3.3. Điều tra mẫu
- 1.3.4. Phương pháp quan sát
- 1.3.5. Phương pháp phỏng vấn

1.4. Ý NGHĨA MÔN DÂN SỐ HỌC

Chương 2. CÁC HỌC THUYẾT DÂN SỐ

2.1. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ DÂN SỐ

- 2.1.1. Các quan điểm thần bí, mơ hồ về dân số
- 2.1.2. Quan điểm dân số phát triển theo chu kỳ

2.2. CÁC TƯ TƯỞNG VỀ DÂN SỐ

2.2.1. Tư tưởng dân số thời thượng cổ

- 2.2.1.1. *Platon (428 - 348 trước Công nguyên)*
- 2.2.1.2. *Aristote (384 – 322 trước Công nguyên)*
- 2.2.1.3. *Khổng Tử (551 - trước Công nguyên)*

2.2.2. Tư tưởng dân số thời trung cổ (từ thế kỷ V đến XV)

2.2.3. Tư tưởng dân số từ thời Phục hưng (thế kỷ XV- XVI) ở Châu Âu đến Cách mạng tư sản

dân quyền Pháp (1789-1799)

- 2.1.3.1. *Tư tưởng dân số của chủ nghĩa trọng thương*
- 2.1.3.2. *Tư tưởng dân số của chủ nghĩa trọng nông*
- 2.1.3.3. *Các tư tưởng dân số ở Anh và trào lưu tư tưởng trước Malthus*

2.3. CÁC HỌC THUYẾT VỀ DÂN SỐ

- 2.3.1. Học thuyết Malthus
- 2.3.2. Khuynh hướng Malthus
- 2.3.3. Khuynh hướng chống Malthus

2.3.4. Lý thuyết quá độ dân số (Mô hình quá độ dân số)

Chương 3. DÂN SỐ THẾ GIỚI

3.1. SỰ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

3.2. PHÂN BỐ DÂN SỐ THẾ GIỚI

Chương 4. DÂN SỐ VIỆT NAM

4.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VIỆT NAM

4.2. CÁC YẾU TỐ CỦA DÂN SỐ VIỆT NAM

4.2.1. Quy mô hộ và dân số

4.2.2. Phân bố dân số và tỷ lệ tăng dân số

4.2.3. Mật độ dân số

4.2.4. Dân số thành thị và nông thôn

4.3. CƠ CẤU THEO GIỚI TÍNH VÀ ĐỘ TUỔI

4.4 TỶ SỐ GIỚI TÍNH

Chương 5. MỨC CHẾT CỦA DÂN SỐ

5.1. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CỦA MỨC CHẾT

5.1.1. Một số khái niệm

5.1.1.1. Chết

5.1.1.2. Chết bào thai

5.1.1.3. Chết không tuổi

5.1.2. Các chỉ tiêu cơ bản của mức chết

5.1.2.1. Tỷ suất chết thô (CDR)

5.1.2.2. Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi (ASDR)

5.1.2.3. Tỷ suất chết không tuổi (IMR)

5.1.2.4. Tỷ suất chết bào thai muộn

5.1.2.5. Triển vọng sống trung bình

5.2. BẢNG SỐNG

5.3. XU THẾ BIẾN ĐỘNG, CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

VÀ ĐẶC TRUNG VỀ CHẾT

5.3.1. Xu hướng biến động của chết

5.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới mức chết

5.3.3. Các đặc trưng của chết

5.3.3.1. Đặc trưng về chết theo tuổi

5.3.3.2. Đặc trưng chết theo giới

5.3.3.3. Khác biệt về chết giữa thành thị và nông thôn

5.3.3.4. Khác biệt về chết

theo trình độ văn hoá, nghề nghiệp

5.3.3.5. Khác biệt về nguyên nhân chết

Chương 6. MỨC SINH VÀ CÁC LOẠI TỶ SUẤT SINH

6.1. KHÁI NIỆM MỨC SINH VÀ Ý NGHĨA TỶ SUẤT SINH

6.1.1. Khái niệm mức sinh

6.1.2. Ý nghĩa tỷ suất sinh

6.2. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA MỨC SINH

6.2.1. Tỷ suất sinh thô (CBR)

6.2.2. Tỷ suất sinh chung (GFR)

6.2.3. Tỷ suất sinh đặc thù theo lứa tuổi (ASBR)

6.2.4. Tổng tỷ suất sinh (TFR)

6.2.5. Tỷ suất tái sinh sản thô (GRR)

6.2.6. Tỷ suất tái sinh sản tinh (NRR)

6.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỘNG MỨC SINH

6.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh

6.3.1.1. Một số lý thuyết về

các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh

6.3.1.2. Các yếu tố tác động đến mức sinh

6.3.2. Xu hướng và sự khác biệt mức sinh

Chương 7. DI DÂN VÀ ĐÔ THỊ HOÁ

7.1. DI DÂN

7.1.1. Khái niệm di dân

7.1.2. Các chỉ tiêu đo lường về di dân

7.1.3. Nguyên nhân của di dân

7.1.4. Các loại hình di dân

7.1.5. Di dân ở các nước trong khu vực và thế giới

7.1.6. Ảnh hưởng của di dân đến phát triển KT-XH

7.1.7. Các phương pháp nghiên cứu di dân

7.2. ĐÔ THỊ HOÁ

7.2.1. Các khái niệm

7.2.2. Đặc trưng của quá trình đô thị hoá

7.2.3. Tiêu chí và phân loại đô thị Việt Nam

7.2.4. Các vấn đề cần giải quyết trong quá trình đô thị hoá ở Việt Nam

7.2.5. Các mục tiêu đô thị hoá ở Việt Nam

7.2.6. Quan điểm và định hướng đô thị hoá trong tương lai gần

Chương 8. DỰ BÁO DÂN SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

8.1. DỰ BÁO DÂN SỐ

8.1.1. Khái niệm và phân loại dự báo dân số

8.1.2. Các phương pháp dự báo

8.1.2.1. Phương pháp toán học

8.1.2.2. Dự báo bằng phương pháp thành phần

8.2. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

8.2.1 Định nghĩa

8.2.2 Mục tiêu, biện pháp của chính sách dân số

8.2.3. Phân loại chính sách dân số

8.2.4. Chính sách dân số ở một số nước châu Á

8.2.5. Chính sách dân số Việt Nam

8.2.5.1. Lịch sử chính sách dân số Việt Nam

8.2.5.2. Giai đoạn từ năm 2001 đến nay

8.3. KẾT LUẬN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Tâm lý học giao tiếp/ Communication Psychology

Số tín chỉ: 02

1. Mã môn học/chuyên đề: PSY1100

2. Số tín chỉ: 02

3. Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY1051)

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: *Nguyễn Hạnh Liên*

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Phòng 102, tầng 1, nhà D, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: *Bùi Thị Hồng Thái*

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Phòng 102, tầng 1, nhà D, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

6. Mục tiêu

- *Kiến thức:* Học viên cần nắm được kiến thức về các lý thuyết giao tiếp, hành vi, kỹ năng giao tiếp và các đặc điểm giao tiếp của các nhóm xã hội và những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến giao tiếp.

- *Kỹ năng:* - Học viên có một số kỹ năng giao tiếp cơ bản nhất như: nói, viết, nghe, thuyết phục, điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng giao tiếp với cá nhân, với nhóm, kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông, ngoại giao, giao tiếp với công chúng, kỹ năng phân tích đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp.

- *Thái độ:* - Có thái độ khách quan, tích cực trong khoa học tâm lý học nghiên cứu về giao tiếp và trong các tình huống giao tiếp của đời sống hàng ngày.

7. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học

7.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* Thời gian: thường xuyên.

* Hình thức: - Điểm danh.

- Làm bài tập.

- Thảo luận nhóm.

7.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* Hình thức: Thi viết tự luận

* Thời gian: tuần 7.

* Nội dung: Các nội dung đã học từ tuần 1- tuần 6

7.3. Lịch thi, kiểm tra (trọng số 60%)

* Hình thức: Thi viết tự luận

* Nội dung: Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* Thời gian: Theo lịch thi chung của Nhà trường.

8. Giáo trình bắt buộc

1. Hoàng Anh (chủ biên), Giáo trình Tâm lý học giao tiếp, NXBĐHSP HN 2004
2. Nguyễn Đồng, Tâm lý học giao tiếp, Nxb Chính trị - Hành chính 2011
3. Trần Trọng Thủy (chủ biên), Khoa học giao tiếp, Nxb GD, Hà Nội 2000
4. Allan Pease, Ngôn ngữ của cử chỉ, NXB Đà Nẵng, 1994,

9. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Tâm lý học giao tiếp cung cấp cho người học các tri thức thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp: hành vi giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường xã hội, kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Bên cạnh các tri thức lý huận, môn học Tâm lý học Giao tiếp còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong giao tiếp thông qua các bài tập thực hành, luyện tập. Thông qua các tri thức và các kỹ năng về giao tiếp do môn học này cung cấp, sinh viên được trang bị cho mình những phương pháp lý luận cũng như tăng cường khả năng giao tiếp hiệu quả trong công việc nói riêng và cuộc sống nói chung - đây chính là chìa khóa của thành công cho mỗi người.

10. Nội dung chi tiết môn học, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Những vấn đề chung của tâm lý học giao tiếp

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của Tâm lý học giao tiếp

1.1.1. Khái niệm giao tiếp và tâm lý học giao tiếp

1.1.2. Đối tượng

1.1.3. Nhiệm vụ

1.1.4. Vai trò của giao tiếp và tâm lý học giao tiếp

1.2. Các lý thuyết nghiên cứu về giao tiếp

1.3. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giao tiếp

Chương 2. Sự hình thành và phát triển giao tiếp của cá nhân

2.1. Đặc điểm giao tiếp của trẻ em và người trưởng thành

2.2. Giao tiếp ngôn ngữ và giao tiếp phi ngôn ngữ

2.3. Một số khía cạnh tâm lý trong văn hoá giao tiếp

2.4. Các yếu tố tâm lý - xã hội ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển giao tiếp của nhân cách

Chương 3. Giao tiếp liên nhân cách

3.1. Khái niệm giao tiếp liên nhân cách

3.2. Hành vi giao tiếp liên nhân cách

3.3. Các giai đoạn trong quá trình giao tiếp

3.4. Các yếu tố tâm lý - xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp liên nhân cách

Chương 4. Giao tiếp nhóm và cộng đồng

4.1. Khái niệm giao tiếp nhóm

4.2. Giao tiếp trong tổ chức

4.3. Giao tiếp trong cộng đồng

4.4. Các yếu tố tâm lý - xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp nhóm

Chương 5. Kỹ năng giao tiếp

5.1. Khái niệm kỹ năng giao tiếp

5.2. Một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp

5.2.1. Kỹ năng tự nhận thức bản thân và sự cởi mở trong giao tiếp

5.2.2. Kỹ năng lắng nghe

5.2.3. Kỹ năng thuyết trình

5.2.4. Kỹ năng viết

5.2.5. Kỹ năng biểu cảm trong giao tiếp

5.2.6. Kỹ năng thiết lập và phát triển mối quan hệ giao tiếp

5.3. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Tâm lý học phát triển/ Developmental Psychology

Số tín chỉ: 03

1. Mã môn học/chuyên đề: PSY2083

2. Số tín chỉ: 03

3. Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương PSY1051

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Thị Khánh Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, PGS, TS

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Tầng 1, Nhà D, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Thông tin về giảng viên 2

- Họ và tên: Trịnh Thị Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: TS

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Tầng 1, Nhà D, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

6.1. Kiến thức:

- Hiểu các khái niệm cơ bản của TLHPT, trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, cũng như các lý thuyết trong tâm lý học về sự phát triển tâm lý con người.

- Hiểu bản chất, cơ chế, đặc điểm của sự phát triển tâm lý con người;

- Biết sử dụng các cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý

- Hiểu cơ sở phân định các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi và các thành tựu phát triển tâm lý chủ yếu trong từng lứa tuổi từ thời kỳ thai nhi đến tuổi già của con người.

- Hiểu rõ sự phát triển tâm lý con người luôn gắn liền với quá trình hình thành nhân cách và chịu sự tác động của môi trường văn hoá xã hội mà cá nhân đang sống.

- Đánh giá ưu điểm và nhược điểm các lý thuyết về sự phát triển tâm lý người.

- Phân tích vai trò của hoạt động chủ đạo trong từng giai đoạn phát triển.

- *Hiểu bản chất và vai trò của các giai đoạn khủng hoảng tâm lý đối với sự phát triển.*

- Vận dụng kiến thức để tiến hành nghiên cứu sự phát triển một hiện tượng tâm lý cụ thể
- Đọc một tài liệu mới bằng tiếng Anh về tâm lý học phát triển. Trình bày và phân tích điểm mới trong tài liệu.

6.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong nghiên cứu tài liệu.
- Giải thích đúng các hiện tượng tâm lý cơ bản trong quá trình phát triển tâm lý con người.
- Trình bày logic các vấn đề trong giờ thảo luận và xemina.
- Kỹ năng phân tích ưu điểm, nhược điểm và đóng góp của một lý thuyết trong Tâm lý học phát triển
- Kỹ năng đánh giá sự phát triển tâm lý của cá nhân cụ thể

6.3. Thái độ:

- Hình thành thái độ đúng đắn đối với những biến đổi tâm lý ở những giai đoạn lứa tuổi khác nhau, cũng như ở những giai đoạn khủng hoảng tâm lý trong tiến trình phát triển của con người
- Hình thành thái độ tôn trọng và yêu thương con người, có tinh thần phát triển cộng đồng.

7. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học

7.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* Thời gian: Thường xuyên.

* Hình thức: Kiểm tra bằng điểm danh, kiểm tra các bài chuẩn bị ở nhà, tính tích cực trong các giờ thảo luận.

* Tiêu chí: Nghiên cứu trước nội dung mỗi bài học trước khi đến lớp. Làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm. Chuẩn bị và thuyết trình theo nhóm một vấn đề trong nội dung môn học

+ Tổng hợp, khái quát tài liệu tốt, đầy đủ nội dung, đảm bảo tính khoa học.

+ Thuyết trình rõ ràng, có sự phối hợp tốt giữa các thành viên trong nhóm, trả lời tốt các câu hỏi.

+ Hiểu rõ nội dung bài học và đưa ra các câu hỏi cần thảo luận.

7.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* *Hình thức:*

* *Thời gian:* Trong tuần thứ 7

7.3. Lịch thi, kiểm tra cuối kỳ (trọng số 60%)

* *Hình thức:* Vấn đáp/ Viết

* *Nội dung:* Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* *Thời gian:* Theo lịch thi chung của Nhà trường.

8. Giáo trình bắt buộc

1. Trương Thị Khánh Hà (2013), *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
2. Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên, 2008). *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học sư phạm
3. Phan Trọng Ngọ (chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*. NXB Đại học sư phạm
4. Phạm Ánh Tuyết (2000), *Tâm lý học trẻ em*. NXB GD, Hà nội
5. Feldman R. (2004), *Tâm lý học căn bản*. Chương 10: Tiến trình phát triển của con người, tr. 413 – 470

9. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học phát triển
- 1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học phát triển
- 1.3. Các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học phát triển
- 1.4. Các cách thiết kế nghiên cứu trong Tâm lý học phát triển

Chương 2: Các quan điểm và các lý thuyết

- 2.1. Những quan điểm về động lực của sự phát triển tâm lý
- 2.2. Một số lý thuyết về sự phát triển tâm lý người

Chương 3: Bản chất của sự phát triển tâm lý người

- 3.1. Sự phát triển tâm lý người
- 3.2. Đặc điểm của sự phát triển tâm lý người
- 3.3. Cơ chế của sự phát triển tâm lý người
- 3.4. Các giai đoạn phát triển tâm lý cá nhân

Chương 4: Giai đoạn bào thai và sự ra đời của trẻ

- 4.1. Sự phát triển trong bào thai
- 4.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển bào thai và trẻ sơ sinh
- 4.3. Quá trình sinh con
- 4.4. Gia đình có thành viên mới

Chương 5: Sự phát triển tâm lý của trẻ từ khi sinh đến 1 tuổi

- 5.1. Hai tháng đầu tiên (trẻ sơ sinh)
- 5.2. Quan hệ gắn bó mẹ con
- 5.3. Sự phát triển tâm lý của trẻ từ 2 tháng đến 1 tuổi
- 5.4. Khủng hoảng 1 tuổi

Chương 6: Sự phát triển tâm lý trẻ em từ 1 đến 3 tuổi

- 6.1. Sự phát triển thể chất và hoạt động
- 6.2. Sự phát triển nhận thức và ngôn ngữ
- 6.3. Cảm xúc, động cơ và các mối quan hệ giao tiếp
- 6.4. Xuất hiện khả năng tự ý thức
- 6.5. Chuyển sang giai đoạn mới – khủng hoảng 3 tuổi

Chương 7: Sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo (3 đến 6 tuổi)

- 7.1. Sự phát triển thể chất và hoạt động
- 7.2. Sự phát triển nhận thức và ngôn ngữ
- 7.3. Cảm xúc, động cơ và các mối quan hệ giao tiếp
- 7.4. Sự phát triển tự ý thức
- 7.5. Sự tiếp thu các khái niệm và các chuẩn mực xã hội

Chương 8: Sự phát triển tâm lý của tuổi nhi đồng (6 đến 11 tuổi)

- 8.1. Những thay đổi về thể chất và hoạt động
- 8.2. Hoạt động học tập
- 8.3. Sự phát triển nhận thức và ngôn ngữ
- 8.4. Tự đánh giá và các mối quan hệ giao tiếp
- 8.5. Sự tiếp thu những chuẩn mực đạo đức xã hội

Chương 9: Sự phát triển tâm lý và những khó khăn của thiếu niên

- 9.1. Sự phát triển thể chất
- 9.2. Các mối quan hệ giao tiếp
- 9.3. Sự phát triển nhận thức của thiếu niên
- 9.4. Sự phát triển tự ý thức của thiếu niên
- 9.5. Hình thành biểu tượng đồng nhất về bản thân
- 9.6. Những khó khăn của tuổi thiếu niên

Chương 10: Vấn đề lựa chọn đường đời và sự phát triển tâm lý tuổi thanh niên

- 10.1. Sự phát triển thể chất
- 10.2. Tự xác định ở tuổi thanh niên
- 10.3. Chọn nghề, tìm việc và học việc
- 10.4. Các mối quan hệ giao tiếp và quan hệ thân tình
- 10.5. Sự phát triển nhận thức và hình thành thế giới quan
- 10.6. Một số đặc điểm tâm lý của thanh niên sinh viên

Chương 11: Gia đình, sự nghiệp và sự phát triển tâm lý tuổi trưởng thành

- 11.1. Khái niệm tuổi trưởng thành
- 11.2. Sự phát triển thể chất
- 11.3. Sự phát triển nhận thức
- 11.4. Các mối quan hệ tình cảm giai đoạn tuổi trưởng thành
- 11.5. Sự phát triển tâm lý xã hội ở tuổi trưởng thành
- 11.6. Những nhiệm vụ phát triển của con người tuổi trưởng thành

Chương 12: Đánh giá lại các giá trị và sự phát triển tâm lý tuổi trung niên

- 12.1. Khái niệm tuổi trung niên
- 12.2. Sự phát triển thể chất

12.3. Sự phát triển thể chất và vấn đề sức khỏe ở tuổi trung niên

12.4. Đánh giá lại các giá trị ở tuổi trung niên

12.5. Các mối quan hệ giao tiếp tuổi trung niên

12.6. Những nhiệm vụ phát triển của con người ở tuổi trung niên

Chương 13: Sự thay đổi thể chất, tâm lý và các mối quan hệ xã hội của người cao tuổi

13.1. Khái quát về người cao tuổi

13.2. Sự thay đổi thể chất của người cao tuổi

13.3. Sự thay đổi các khả năng nhận thức ở người cao tuổi

13.4. Sự phát triển tâm lý xã hội của người cao tuổi

13.5. Các mối quan hệ gia đình và cá nhân của người cao tuổi

13.6. Tính ổn định cảm xúc ở người cao tuổi

13.7. Cái chết và sự kết thúc cuộc sống

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ
MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

(Human Behavior and the Social environment)

1.Mã học phần: SOW2004

2.Số tín chỉ: 03

3.Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương - SOW1100

4.Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5.Giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Hồi Loan
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Bộ môn CTXH, Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6.Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

Hoàn thành môn học sinh viên nắm được các khái niệm, định nghĩa, nêu được các quan điểm, lý thuyết, phương pháp, các nguyên tắc nghiên cứu hành vi con người trong môi trường xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên biết nhận xét, đánh giá các ưu, nhược điểm trong tiếp cận nghiên cứu hành vi con người. Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các cách tiếp cận, các kiến thức đã học khi phân tích hành vi con người trong các nhóm đối tượng yếu thế.

Về kỹ năng

Môn học giúp cho sinh viên bước đầu hình thành các kỹ năng phân tích hành vi của con người nói chung và của nhóm người yếu thế nói riêng. Sinh viên bước đầu có kỹ năng xây dựng chương trình hỗ trợ, phát triển cho nhân viên công tác xã hội tại cơ sở về phân tích hành vi của đối tượng yếu thế tại cơ sở Trung tâm bảo trợ xã hội.

Về thái độ

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần và phương pháp thực hành tiếp cận theo các lý thuyết khác nhau. Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề, không ngừng

rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm nhằm mang lại lợi ích và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các nhóm xã hội yếu thế.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần Hành vi con người và môi trường xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu hành vi con người. Hiểu và áp dụng một số quan điểm lý thuyết, thực hành, mô hình can thiệp đặc thù trong nghiên cứu hành vi con người và các tác động của môi trường xã hội.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng về hành vi con người và các yếu tố của môi trường xã hội

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần hành vi con người, vai trò của nghiên cứu hành vi các tác động của xã hội với hành vi trong công tác xã hội.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc môn học

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc môn học chiếm 60% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Đại học mở bán công TP. HCM. Hành vi con người và Môi trường xã hội; Tài liệu tập huấn, 1997, Đại học Fordham – Hoa Kỳ
- Nguyễn Thị Hồng Nga, Hành vi con người và môi trường xã hội, NXB LĐXH, 2010

- Patricia H.Miler, Các lý thuyết về tâm lý học phát triển, NXB VHNT, HN 2003
- Trần Đình Tuấn, Công tác xã hội, Lý thuyết và Thực hành, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. 2009

10.Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội gồm có 3 chương : chương 1 : Cung cấp những kiến thức cơ bản về HVCN và MTXH (các khái niệm hành vi, hành vi xã hội của con người, hành vi lệch chuẩn và môi trường, môi trường xã hội và ảnh hưởng của nó đến hành vi con người). Đồng thời chương 1 đề cập đến một số khái niệm liên quan như : hệ thống, sinh thái, sơ đồ sinh thái, cùng các mối quan hệ, tương tác của nó với hành vi con người. Chương 2 : Các lý thuyết nghiên cứu HVCN từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Chương 3 : Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng xã hội dễ bị tổn thương.. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp.

11.Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội

- 1.1. Khái niệm và đặc điểm và phân loại hành vi con người
- 1.2. Hệ thống và hệ thống xã hội
- 1.3. Sinh thái và hệ thống sinh thái
- 1.4. Mối quan hệ giữa tương tác giữa hệ thống xã hội vĩ mô, trung mô và vi mô
- 1.5. Môi trường xã hội và ảnh hưởng của môi trường xã hội đến hành vi con người.
- 1.6. Một số yếu tố và các cơ chế tâm lý chi phối hành vi của con người.

Chương 2: Một số lý thuyết nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội

- 2.1. Lý thuyết hành vi cổ điển và hành vi mới của Oát xon và các học trò
- 2.2. Lý thuyết phân tâm của S. Freud
- 2.3. Lý thuyết nhận thức của Piagie
- 2.4. Lý thuyết phát triển tâm lý xã hội

- 2.5. Lý thuyết nhu cầu của Maslow
- 2.6. Thuyết tương tác xã hội của G. H. Mead và thuyết liên các nhân của R. Sears
- 2.7. Lý thuyết gắn bó của John Bowlby
- 2.8. Thuyết siêu đẳng và bù trừ của Alfred Adler
- 2.9. Lý thuyết cái tôi của Carl Roger
- 2.10. Lý thuyết Lo lắng của Karen Horney
- 2.11. Lý thuyết chạy trốn tự do của Erich Fromm
- 2.12. Lý thuyết hoạt động của A.N. Leonchiev
- 2.13. Lý thuyết tâm linh ở Việt Nam (tín ngưỡng và tôn giáo)

Chương 3: Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội

- 3.1. Các giai đoạn phát triển tâm sinh lý của con người và sự tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người
- 3.2. Vai trò của văn hóa và môi trường văn hóa (gia đình, nhóm, cộng đồng) đến hành vi của cá nhân và nhóm
- 3.3. Vai trò và nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương (người già, người tâm thần, trẻ em lang thang ...)

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
(Community Development)

1. Mã học phần: SOW1102

2. Số tín chỉ: 03

3. Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương SOW1100, Lý thuyết công tác xã hội SOW3032, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội SOW3033

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

Họ và tên: Trịnh Văn Tùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

Trang bị cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề Phát triển cộng đồng - một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội và nhân văn.

Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích xã hội, vận dụng một số phương pháp và kỹ năng cơ bản làm việc theo nhóm trong thực hành Phát triển cộng đồng. Từ đó hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

Về thái độ

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, góp phần xây dựng một triết lý phát triển dựa trên cộng đồng, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần Phát triển cộng đồng, nắm được các khái niệm cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng, các quan

điểm lý thuyết phổ biến, thực hành ứng dụng một số bước trong tiến trình phát triển cộng đồng.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, tiếp cận cộng đồng, lập kế hoạch, tập triển khai kế hoạch, giám sát thực hiện, lượng giá và chuyển giao.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần Phát triển cộng đồng, vai trò của nghiên cứu lý thuyết và thực hành các bước của tiến trình phát triển cộng đồng thường gặp.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: điểm danh, làm bài tập, thảo luận nhóm
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: bài tập nhóm
- Thời gian: tuần 9 - 10

Kiểm tra kết thúc môn học

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc môn học chiếm 60% tổng số điểm của môn học
- Hình thức: thi viết
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

10. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang, 2000. Phát triển cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng. Nxb Văn hoá – Thông tin. Hà Nội
- Nguyễn Thị Oanh, 1995. Phát triển cộng đồng. Khoa Phụ nữ học, Đại học Mở bán công Tp. Hồ Chí Minh.

3- Trịnh Văn Tùng và Mai Tuyết Hạnh trong Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (đồng chủ biên), *Công tác xã hội đại cương*. 2015. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4- Susan Kenny, 1999. Developing communities to the future: Community Development in Australia. Second Edition. Nelson Thomson Learning.

11. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần này gồm bốn nhóm nội dung cơ bản. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến cơ sở lí luận và nguyên tắc của phát triển cộng đồng. Nhóm nội dung thứ hai đề cập đến các phương pháp thu thập và xử lí thông tin nhằm xây dựng kế hoạch can thiệp cộng đồng. Nhóm nội dung thứ ba liên quan đến việc học hành các bước cụ thể để xây dựng và thực hiện một kế hoạch phát triển cộng đồng. Nhóm nội dung cuối cùng liên quan đến việc sinh viên trình bày kết quả nghiên cứu can thiệp của bản thân trước lớp, trao đổi và thống nhất với giảng viên.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

(1) Nội dung 1. Cộng đồng là gì

- Cộng đồng là gì
- Cộng đồng thể - Cộng đồng tính
- Phân loại cộng đồng
- Đặc tính cộng đồng
- Các tiểu hệ thống thường thấy trong cộng đồng
- Các chức năng của cộng đồng + các thành phần cộng đồng tham gia mỗi chức năng
- Các khía cạnh đời sống cộng đồng

(2) Nội dung 2. Phát triển cộng đồng là gì

- Phát triển là gì
- Tổ chức cộng đồng là gì
- Phát triển cộng đồng là gì

(3) Nội dung 3. Các quan điểm lý thuyết về phát triển cộng đồng

- Các quan điểm về phát triển bền vững
 - Các nguyên lý phát triển cộng đồng
 - Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng

(4) Nội dung 4. Tác viên phát triển cộng đồng

- o Tác viên cộng đồng là gì?

- Vai trò của tác viên cộng đồng
- Phẩm chất cần có của tác viên cộng đồng
- Những yếu tố tâm lý, văn hóa ảnh hưởng đến tiến trình vận động sự tham gia của người dân trong phát triển cộng đồng

- Những quy tắc dùng cho tác viên phát triển cộng đồng

(5) Nội dung 5. Tiến trình phát triển cộng đồng

- Một số tiến trình phát triển cộng đồng thường gặp
- Các bước cơ bản trong một tiến trình phát triển cộng đồng:

Bước 1. Tiếp cận cộng đồng

Bước 2. Tìm hiểu cộng đồng

- ✓ Tổng quan cộng đồng
- ✓ Các vấn đề và nhu cầu cộng đồng
- ✓ Tiềm năng và hạn chế của cộng đồng

Bước 3. Khái quát thông tin về cộng đồng

Bước 4. Lập kế hoạch

- ✓ Xác định mục đích, mục tiêu
- ✓ Xác định nguồn lực, trở ngại (ứng với mục đích, mục tiêu dự án)
- ✓ Xác định rủi ro và phương án dự phòng
- ✓ Xây dựng bảng kế hoạch dự án

Bước 5. Triển khai kế hoạch và giám sát thực hiện

Bước 6. Lượng giá và chuyển giao

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Tâm lý học sức khỏe

Health psychology

Số tín chỉ: 02

1. Mã môn học/chuyên đề: PSY1151

2. Số tín chỉ: 02

3. Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY1051)

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên

Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hằng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ Tâm lý học

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Giảng viên 2

- Họ và tên: Đặng Hoàng Ngân

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Mục tiêu môn học

6.1. Về kiến thức:

- Hiểu một số khái niệm cơ bản của Tâm lý học sức khỏe như sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm lý và sức khỏe xã hội của con người

- Hiểu bản chất sự ảnh hưởng của các yếu tố như nhận thức về bệnh tật và sức khỏe; sự nhạy cảm, tính cách hướng nội, lối sống của cá nhân; hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng; môi trường sống;... đến sức khỏe của con người.

- Phân tích được sự ảnh hưởng của các đặc điểm nhân cách và lối sống của cá nhân đến hành vi sức khỏe của họ

- Lý giải được các cơ chế tâm lý duy trì hành vi nguy cơ của cá nhân

- Nắm được được các phương pháp tiếp cận trong công tác dự phòng sức khỏe tâm lý và sức khỏe xã hội cho một trong các nhóm xã hội sau: học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, công nhân lao động trong các doanh nghiệp, những người già cô đơn...

6.2. Về kỹ năng:

- Nhận diện các vấn đề về và hành vi nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe tâm lý, sức khỏe xã hội của bản thân, của người khác hoặc của một nhóm người;

- Sử dụng được một vài phương pháp đánh giá sức khỏe tâm lý cho cá nhân

- Đưa ra được cách giải quyết phù hợp cho một bài tập tình huống về nhận diện các hành vi nguy cơ của cá nhân và nhóm.

- Có kỹ năng tư vấn về cách thức nhận diện và phòng ngừa các hành vi nguy cơ cho cá nhân và nhóm.

6.3. Về thái độ:

- Bày tỏ thái độ quan tâm đối với các hành vi sức khỏe và hành vi nguy cơ của bản thân và người khác.

- Có sự điều chỉnh về thái độ đối với các hành vi sức khỏe và hành vi nguy cơ của bản thân

7. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học

7.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên:

- Hình thức:

+ Mức độ chuyên cần (tham dự đầy đủ các giờ học trên lớp)

+ Chuẩn bị bài đầy đủ

+ Tích cực tham gia ý kiến trong khi thảo luận

- Điểm và tỷ trọng: 10% tổng điểm cả môn học

7.2. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ

- Hình thức: tiểu luận

- Điểm và tỷ trọng: 30% tổng điểm cả môn học

- Thời gian: tuần thứ 7

7.3. Thi hết môn học

- Hình thức: bài viết

- Điểm và tỷ trọng: 60% tổng điểm cả môn học
- Thời gian: theo lịch thi chung của trường.

8. Giáo trình bắt buộc

1. Bài giảng của giảng viên

2. Andrew Baum Tracey A. Revenson Jerome E. Singer. *Handbook of Health Psychology*. Lawrence Erlbaum Associates Publishers. Mahwah, New Jersey London, 2001.

9. Tóm tắt nội dung môn

Môn học cung cấp cho người học hệ thống khái niệm của Tâm lý học sức khỏe: sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và sức khỏe xã hội; các tiêu chí để phân loại chúng; vấn đề sức khỏe và đặc điểm nhân cách, sức khỏe và lối sống; sức khỏe của con người và các giai đoạn phát triển tâm lý và chăm sóc, dự phòng đối với các “đại dịch” hiện nay như HIV/AIDS, nghiện; hoạt động trợ giúp sức khỏe tinh thần ở các giai đoạn phát triển tâm lý của con người. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng một số công cụ chẩn đoán, đánh giá sức khỏe của con người.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Những vấn đề chung của Tâm lý học sức khỏe

1.1. Lịch sử phát triển và hiện trạng

1.1.1. Lịch sử phát triển

1.1.2. Hiện trạng

1.2. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.3. Mối liên hệ giữa TLHSC với các khoa học khác

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe/bệnh tật

1.4.1. Các yếu tố độc lập

1.4.2. Các yếu tố tập nhiễm

1.4.3. Các yếu tố thúc đẩy

1.5. Nhân cách bình thường và bệnh lý. Các tiêu chí cơ bản của một nhân cách khỏe mạnh.

Chương 2: Sức khoẻ thể chất, tâm lý và xã hội

2.1. Sức khoẻ thể chất

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các thành tố của sức khoẻ thể chất

2.1.3. Đánh giá và tự đánh giá về sức khoẻ thể chất

2.2. Sức khoẻ tâm lý

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Sức khoẻ và sự hài hoà của nhân cách

2.2.3. Sức bền tâm lý như một chỉ báo của sức khoẻ tâm lý

2.2.4. Những khía cạnh cá nhân - loại hình nhân cách của sức khoẻ tâm lý

2.3. Sức khoẻ xã hội

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Cấu trúc xã hội và sức khoẻ

2.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sức khoẻ xã hội

2.3.4. Sức khoẻ nghề nghiệp

2.3.5. Hệ thống chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

Chương 3: Văn hoá, tôn giáo và sức khoẻ tâm lý

3.1. Quan niệm về sức khoẻ tâm lý trong văn hoá Âu-Mỹ

3.2. Quan niệm về sức khoẻ tâm lý trong văn hoá phương Đông và Việt Nam

3.3. Ảnh hưởng của lối sống đến sức khoẻ tâm lý

3.4. Văn hoá tình dục và sức khoẻ tâm lý.

3.5. Quan niệm của các tôn giáo về sức khoẻ tâm lý

Chương 4: Sức khoẻ tâm lý ở các giai đoạn phát triển khác nhau của cá nhân

4.1. Sức khoẻ tâm lý giai đoạn bào thai

4.1.1. Ảnh hưởng của việc thụ thai đến sức khoẻ mẹ và thai nhi

4.1.2. Ảnh hưởng của quá trình thai nghén đến sức khoẻ mẹ và thai nhi

4.1.3. Ảnh hưởng của việc sinh đẻ đến mẹ và hài nhi

4.2. Sức khoẻ trẻ em từ 0 đến 6 tuổi

4.2.1. Phát hiện và trị liệu tâm lý sớm

4.2.2. Trợ giúp xã hội-sư phạm

4.2.3. Chương trình trợ giúp và can thiệp sớm trong các trường mẫu giáo

4.3. Sức khỏe của trẻ em và thanh thiếu niên từ 7 – 18 tuổi

4.3.1. Những đặc điểm lứa tuổi của sức khỏe trẻ em và thanh thiếu niên

4.3.2. Vai trò của các yếu tố tâm lý cá nhân trong việc hình thành bức tranh bên trong về sức khỏe

4.3.3. Vai trò của gia đình

4.4. Sức khỏe người trưởng thành

4.5. Sức khỏe người cao tuổi

4.3.1. Một số khái niệm lão khoa

4.3.2. Những dấu hiệu về sự già tâm lý

4.3.3. Dự phòng sự già và tuổi già

Chương 5: Dự phòng tâm lý đối với các chất gây nghiện và HIV/AIDS

5.1. Các chất gây nghiện hợp pháp và bất hợp pháp

5.2.1. Thuốc lá

5.2.2. Rượu

5.2.3. Dược phẩm

5.2.4. Ma túy

5.2. Các dạng nghiện khác: nghiện games, nghiện internet/mạng xã hội, nghiện shopping.

5.3. Dự phòng nghiện

5.3.1. Dự phòng đối với các chất gây nghiện

5.3.2. Dự phòng các dạng nghiện khác

5.4. Những vấn đề tâm lý về HIV/AIDS

5.3.1. Những yếu tố tâm lý tiềm ẩn của nhân cách và các hành vi nguy cơ

5.3.2. Các mô hình dự phòng đối với HIV/AIDS

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Chính sách xã hội

1. Mã học phần: SOC3024
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Thu Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Văn hóa và Giáo dục, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: ThS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến chính sách xã hội; kiến thức có tính hệ thống về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách xã hội, và phân tích chính sách xã hội. Học phần cũng đặt mục tiêu giúp sinh viên hiểu sâu một số chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- *Kỹ năng*: Học phân trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện, phân tích chính sách sách xã hội, và kỹ năng nghiên cứu thực tế chính sách xã hội ở Việt Nam.

- *Thái độ*: Học phân giúp xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu chính sách xã hội, tổ chức thực hiện chính sách xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức*: Sinh viên có được kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến chính sách xã hội; kiến về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách xã hội và một số chính sách xã hội cơ bản ở Việt Nam hiện nay.

- *Kỹ năng*: Sinh viên có kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện, phân tích chính sách xã hội, và kỹ năng nghiên cứu thực tế chính sách xã hội ở Việt Nam.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu chính sách xã hội và tổ chức thực hiện chính sách xã hội.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Tiệp (2011), Giáo trình chính sách xã hội, NXB Lao động xã hội
2. Mai Ngọc Cường (2013), Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia – Sự thật.
3. Lê Ngọc Hùng (2017), Chính sách xã hội, Nhà xuất bản Thế giới 2017

Học liệu tham khảo:

1. Bùi Đình Thanh, Xã hội học và Chính sách xã hội, Nhà xuất bản KHXH 2004
2. Kendall Diana (2004), Social Problems in a Diverse Society, Pearson

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần được cấu trúc thành 4 chương. Chương thứ nhất bàn về khái niệm vấn đề xã hội, chính sách xã hội; chức năng, yêu cầu, quy trình chính sách xã hội; các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách xã hội và cơ cấu hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam. Chương 2 tập trung vào hai nội dung lớn: hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Chương 3 bàn về phân tích chính sách xã hội. Chương 4 thảo luận mười một chính sách xã hội quan trọng của Việt Nam hiện nay. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên lô gích: gắn lý thuyết với thực tiễn, kết nối chính sách xã hội với sự vận động của thực tế đời sống xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiêu mục...):

Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách xã hội

- 1.1. Khái niệm vấn đề xã hội, những quan điểm lý thuyết nghiên cứu vấn đề xã hội
- 1.2. Khái niệm chính sách xã hội, lịch sử phát triển chính sách xã hội
- 1.3. Chức năng, yêu cầu đối với chính sách xã hội
- 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành chính sách xã hội
- 1.5. Quy trình của chính sách xã hội
- 1.6. Cơ cấu hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam

Chương 2. Hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội

- 2.1. Khái niệm hoạch định chính sách
- 2.2. Cơ sở của hoạch định chính sách
- 2.3. Quy trình hoạch định chính sách

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện chính sách

2.5. Các điều kiện cần thiết để thực thi chính sách

2.6. Nội dung của tổ chức thực hiện chính sách

Chương 3. Phân tích chính sách xã hội

1. Tìm hiểu vấn đề xã hội cần giải quyết

2. Xác định mục đích giải quyết vấn đề xã hội

3. Xác định chính sách cụ thể giải quyết vấn đề xã hội

4. Tìm hiểu quá trình thực hiện chính sách xã hội

5. Lượng giá chính sách

Chương 4. Khái quát về hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay

4.1 Chính sách dân số

4.2. Chính sách việc làm

4.3. Chính sách phân phối thu nhập

4.4. Chính sách giảm nghèo, trợ giúp xã hội

4.5. Chính sách xã hội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

4.6. Chính sách y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

4.7. Chính sách bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình

4.8. Chính sách phòng chống tệ nạn xã hội

4.9. Chính sách bảo vệ và chăm sóc trẻ em

4.10. Chính sách chăm sóc người cao tuổi

4.11. Chính sách đối với người có công

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG VÀ DƯ LUẬN XÃ HỘI
(Sociology of Mass Communication and Public Opinion)

1. Mã học phần: SOC3006
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết:
 - Xã hội học đại cương - SOC1051
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quý Thanh

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Xã hội học,
Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

6. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

Sinh viên nắm được các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của truyền thông đại chúng và tác động của nó đến dư luận xã hội, các hướng nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội

Về kỹ năng

- Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu về truyền thông và dư luận;
- Có kỹ năng áp dụng kiến thức trong các chiến dịch IEC và BCC

Về thái độ

Có thái độ phù hợp để xử lý những tình huống xã hội nảy sinh trong hoạt động của các phương tiện truyền thông đại chúng và dư luận xã hội

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản và tổng hợp, phân tích được các cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau về TTĐC và XHHTTĐC, phân tích được các tác động của DLXH đến tâm lý, hành vi của con người

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu DLXH vào thực tế.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, các chức năng của truyền thông đại chúng và tác động của nó đến dư luận xã hội

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

8.1. Đánh giá thường xuyên

Việc đánh giá này nhằm kịp thời điều chỉnh cả việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng cho từng giờ học. Giảng viên cũng có thể phân loại các đối tượng học để có những tác động tích cực đến nhóm và từng cá nhân.

8.2. Kiểm tra và đánh giá định kỳ

+ Tham gia học tập trên lớp : 5%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ
- Chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài.

+ Phần tự học, tự nghiên cứu : 20%

- Nhằm đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc độc lập. Sinh viên nộp đủ 2 bài tập cá nhân trong môn học này (được viết trong thời gian tự học) vào thời điểm cuối tuần 5 và tuần 11.
- Tiêu chí đánh giá loại bài tập này:
- Bài tập phải đảm bảo quy định của giảng viên về số trang (không quá 10 trang, không dưới 8 trang A4, cơ chữ 12, dẫn dòng đơn). (mỗi bài 10% điểm)
- Đánh giá khả năng nhận thức, phân tích, tổng hợp và đề xuất vấn đề trong đánh giá có sự tham gia.
- Xác định đúng trọng tâm câu hỏi.
- Có nhiều cố gắng trong việc đọc và nghiên cứu tài liệu.
- Ngôn ngữ trong sáng, chữ viết cẩn thận, ít lỗi chính tả.
- Nộp đúng thời hạn.

Thông qua các bài tập sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn. Ví dụ những đề tài loại này:

+ Hoạt động theo nhóm: 15%

- Đánh giá trên kết quả nghiên cứu của nhóm, ý thức tổ chức kỷ luật và tính năng động nhóm và các cá nhân.
- Các tiêu chí đánh giá cho hoạt động này (i) nhóm phải xây dựng được lịch trình chi tiết, cụ thể tới từng cá nhân. Theo dõi, điểm danh nghiêm túc các buổi sinh hoạt nhóm; (ii) Nêu cao được ý thức tổ chức kỷ luật, an toàn và có tinh thần đoàn kết trong nhóm; (iii) Chất lượng báo cáo tốt, nhiều thông tin mới, phù hợp; (iv) Có nhiều công phu, thể hiện được tính sáng tạo trong nội dung và hình thức trình bày đề tài; (iv) Có sản phẩm của Nhóm, nộp đúng thời hạn; (v) Điểm của Nhóm được tiếp tục xếp loại A,B,C (tương ứng với số điểm) tùy theo mức độ tham gia của mỗi thành viên. Giáo viên quy định điểm: A= 15 % . B = 10% C= 5 % .

+ Kiểm tra cuối kỳ (tiểu luận hết môn): 60%

Tiêu chí đánh giá: (i) Thể hiện khả năng nhận thức khá hệ thống và đầy đủ những Nội dung cơ bản của môn học; (ii) Có khả năng phân tích một vấn đề thuộc lĩnh vực TTĐC và DLXH. Đề xuất được những giải pháp ứng dụng nguyên tắc TTĐC và DLXH mang tính khả thi; (iii) Thể hiện được khả năng thu thập, xử lý tài liệu thông qua các kênh thông tin; (iv) Ngôn ngữ trong sáng, lập luận chặt chẽ, trình bày đẹp, không sai lỗi chính tả.

9. Giáo trình bắt buộc

10. Học liệu bắt buộc

1) Mai Quỳnh Nam, Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, Tạp chí Xã hội học, số 1, năm 1996

2) Mai Quỳnh Nam, Mấy vấn đề về dư luận xã hội trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Xã hội học, số 2, năm 1996

3) Nguyễn Quý Thanh, Xã hội học về dư luận xã hội, NXB ĐHQGHN, năm 2006

11. Học liệu tham khảo

1) Văn hóa truyền thông trong thời kỳ hội nhập, Hội thảo khoa học, Hội Nhà báo Việt Nam, Hà Nội, năm 2012

2) Viện Dư luận Xã hội – Ban văn hóa tư tưởng trung ương, Mấy vấn đề nghiên cứu về CLXH, Hà Nội, 1989,127 trang

- 3) Walter Lippman. Public Opinion. Free Press, 1997
- 4) Moris Janowitz and Paul M. Hirsch. Reader in Public opinion and Communication. Rudledge, 1997
- 5) Mai Quỳnh Nam, Dư luận xã hội – Mấy vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu, Tạp chí Xã hội học, số 2, 1996
- 6) Mai Quỳnh Nam, Mấy vấn đề về Dư luận xã hội trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Xã hội học, số 2, năm 1996
7. Lưu Hồng Minh (2009) (Chủ biên), Truyền thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, NXB dân trí
8. Michael Schudson (2003) Sức mạnh của tin tức truyền thông, NXB chính trị quốc gia

10. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần gồm hai chương kiến thức có liên quan đến nhau nhưng không phải là một. Trong phần thứ nhất sinh viên sẽ được giới thiệu về các mô hình của truyền thông và truyền thông đại chúng, các chức năng của nó, các hướng nghiên cứu trong xã hội học về truyền thông đại chúng. Trong chương thứ hai sinh viên sẽ được làm quen với những lý thuyết về dư luận xã hội, vấn đề bản chất, chức năng và mối quan hệ của truyền thông và dư luận cũng như quá trình hình thành và biến đổi của dư luận. Học phần này cũng giới thiệu với sinh viên những phương pháp cũng như các tổ chức nghiên cứu về các phương pháp và các tổ chức nghiên cứu về TTĐC và DLXH

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

CHƯƠNG 1: XÃ HỘI HỌC VỀ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

1.1. Đối tượng, vị trí, ý nghĩa của các nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng

- Đối tượng các nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng
- Vị trí của xã hội học về truyền thông đại chúng trong hệ thống các chuyên ngành
- Ý nghĩa của các nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng

1.2. Chức năng và các xu thế của của truyền thông đại chúng

- Các chức năng xã hội của truyền thông đại chúng
- Các chức năng tâm lý-xã hội của truyền thông đại chúng
- Các chức năng tâm ký của truyền thông đại chúng

1.3. Lịch sử các nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng

- Giai đoạn trước năm 1910
- Giai đoạn từ 1910 đến những năm 20-30 của thế kỷ XX
- Giai đoạn chiến tranh thế giới thứ II
- Giai đoạn sau chiến tranh thế giới II đến những năm 60 của thế kỷ XX
- Giai đoạn hiện đại (những năm 60 đến nay)

1.4. Các hướng nghiên cứu về nhà truyền thông, kênh dẫn, công chúng, nội dung thông tin.

- Nghiên cứu về nhà truyền thông
- Nghiên cứu về kênh dẫn truyền
- Nghiên cứu về nội dung thông tin
- Nghiên cứu về công chúng

1.5. Vấn đề hiệu quả của các chiến dịch truyền thông và truyền thông đại chúng

- Khái niệm hiệu quả truyền thông
- Những nghiên cứu về các giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông

CHƯƠNG 2. XÃ HỘI HỌC VỀ DƯ LUẬN XÃ HỘI

2.1. Các hướng tiếp cận và chức năng của việc nghiên cứu về dư luận xã hội

- Một số định nghĩa về khái niệm dư luận xã hội
 1. Định nghĩa
 2. Chủ thể của dư luận xã hội
 3. Khách thể của dư luận xã hội
 4. Đặc tính của dư luận xã hội
- Một số hướng tiếp cận chính
 1. Tiếp cận Xã hội học
 2. Tiếp cận Tâm lý học xã hội
 3. Tiếp cận của khoa học chính trị
- Chức năng của những nghiên cứu về dư luận xã hội
 1. Nhận thức xã hội
 2. Nghiên cứu dư luận xã hội và vấn đề dự báo xã hội.

3. Nghiên cứu dư luận xã hội và công tác quản lý xã hội.
4. Nghiên cứu dư luận xã hội và các hoạt động sản xuất kinh doanh
5. Nghiên cứu dư luận xã hội và công tác tư tưởng.

2.2. Sơ lược lịch sử các quan điểm khoa học về dư luận xã hội

- Thời kỳ trước những năm 30 của thế kỷ 19

1. Quan điểm của Hê ghen
2. Quan điểm của Rút xô
3. Quan điểm của Mác, Ăng-ghe-n

- Từ những năm 30 của thế kỷ 19 đến 1922

4. Sự phát triển của các cuộc trưng cầu ý kiến
5. Các quan điểm của các nhà xã hội học cổ điển

- Từ 1922 đến trước thế chiến lần thứ 2

1. Quan điểm của F. Tonnies
2. Quan điểm của W. Lipmann

- Từ chiến tranh thế giới 2 đến nay

1. Những nghiên cứu của trường phái Yale
2. Các quan điểm của các nhà khoa học Đức

- Một số quan điểm phương đông và Việt nam

1. Một số quan điểm thời trung quốc cổ đại
2. Quan điểm của Hồ chủ tịch

2.3. Bản chất của dư luận xã hội

- Dư luận xã hội và tin đồn.

1. Khái niệm các qui luật lan toả của tin đồn
2. Những khác biệt của dư luận xã hội và tin đồn

- Dư luận xã hội và chuẩn mực xã hội.

1. Khái niệm chuẩn mực xã hội
2. Những điểm giống và khác nhau giữa chuẩn mực xã hội và dư luận xã hội
3. Tác động qua lại giữa dư luận xã hội và chuẩn mực xã hội

- Dư luận xã hội và dư luận của xã hội

1. Khái niệm dư luận của xã hội

2. Phân biệt dư luận của xã hội với dư luận xã hội

2.4. Chức năng của dư luận xã hội

- Vấn đề chức năng của dư luận xã hội

1. Định nghĩa chung về chức năng

2. Chức năng tích cực và phản chức năng của dư luận xã hội

- Mô hình tác động của dư luận xã hội đến hành vi của cá nhân và nhóm

1. Tác động của điều kiện thực tế

2. Tác động của tiểu môi trường xã hội

3. Tác động của dư luận xã hội

- Phân loại một số chức năng của dư luận xã hội

1. Chức năng đánh giá

2. Chức năng điều hoà

3. Chức năng giáo dục

4. Chức năng kiểm soát

5. Chức năng cố vấn.

6. Chức năng giải toả những căng thẳng xã hội

2.5. Quá trình hình thành dư luận xã hội

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành dư luận xã hội

1. Những yếu tố tâm lý học.

2. Tác động của gia đình và nhóm xã hội

3. Những yếu tố xã hội.

- Cấu trúc của thái độ và dư luận xã hội.

- Quá trình hình thành dư luận xã hội

1. Quá trình hình thành dư luận xã hội là quá trình biện chứng

2. Các con đường hình thành dư luận xã hội

3. Các giai đoạn của quá trình hình thành dư luận xã hội

4. Quá trình vật chất hoá dư luận xã hội

5. Dư luận xã hội chín muồi (trưởng thành)

2.5. Các tổ chức nghiên cứu về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội trên thế giới và Việt Nam

- Những đảm bảo về kinh tế - chính trị cho các nghiên cứu xã hội học về dư luận xã hội

1. Những đảm bảo về kinh tế

2. Những đảm bảo về chính trị

- Đặc điểm các tổ chức nghiên cứu dư luận xã hội ở thế giới và Việt Nam

1. Phân loại các tổ chức nghiên cứu

2. Một vài đặc điểm cơ bản của các tổ chức nghiên cứu về dư luận xã hội ở châu Âu, Mỹ, Nhật Bản.

3. Các tổ chức nghiên cứu dư luận xã hội ở Việt Nam

2.6. Các phương pháp nghiên cứu truyền thông đại chúng và dư luận xã hội

- Các biện pháp hành chính

1. Phân tích các nghị quyết

2. Phân tích các kiến nghị tập thể

3. Phân tích nội dung thư từ đến các cơ quan chức năng

- Trưng cầu ý kiến.

1. Các vấn đề của trưng cầu ý kiến.

2. Các dạng trưng cầu ý kiến

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO
(Social work with People with Poverty)

1. Mã học phần: SOW3045

1. Số tín chỉ: 3

2. Học phần tiên quyết: (SOW 1100) Công tác xã hội đại cương

3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

4. Giảng viên

5.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Bộ môn CTXH, Khoa XHH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

5. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về nghèo đói, xoá đói giảm nghèo và công tác xã hội với người nghèo.

Về kỹ năng

Vận dụng những kiến thức, sử dụng những phương tiện và phương pháp và cách thức công tác xã hội với người trong xoá đói giảm nghèo ở cơ sở và cộng đồng

Về thái độ

Hình thành ý thức, trách nhiệm, tích cực tham gia công tác xoá đói giảm nghèo ở cộng đồng

6. *Chuẩn đầu ra của học phần* (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của bộ môn Công tác xã hội với người nghèo, nắm được chủ trương chính sách của nhà nước, các mô hình làm việc với người nghèo và các mô hình giảm nghèo.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng xã hội nảy sinh từ đói nghèo.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần Công tác xã hội với người nghèo, vai trò của Công tác xã hội trong làm việc với người nghèo. Có ý thức đạo đức, tuân thủ nguyên tắc nghề nghiệp khi trợ giúp người nghèo.

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

8. Giáo trình bắt buộc.

1. Tài liệu tập huấn cán bộ làm xoá đói giảm nghèo - Bộ lao động - Thương binh xã hội - 2004 - Hà Nội.
2. Xoá đói giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế - NXB LĐXH - 1997 - Hà nội.
3. Vấn đề nghèo ở Việt Nam - NXB Chính trị quốc gia - 1996 - Hà Nội.

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghèo đói - xoá đói giảm nghèo và công tác xã hội với người nghèo: lý luận chung về nghèo đói và xoá đói giảm nghèo, phạm vi công tác xã hội với người nghèo. Các kiến thức của học phần mở ra khả năng bổ sung lý thuyết và phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng. Học phần gắn kết giữa ý tưởng với thực tiễn tạo ra cho người học có điều kiện, ý thức và trách nhiệm với người nghèo, với cộng đồng - quốc gia - dân tộc hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng - dân chủ.

10. Nội dung chi tiết học phần.

Chương 1: Một số lý luận chung về nghèo đói

Bài 1:

1. Nghèo đói và giải quyết vấn đề nghèo đói là một vấn đề xã hội quan trọng và bức xúc của thế giới hiện nay.

1.1. Vấn đề nghèo đói.

1.1.1. Nghèo đói và lạc hậu là sự kìm hãm phát triển xã hội.

1.1.2. Nghèo đói và phân tầng xã hội

1.1.3. Nghèo đói với luật bình đẳng xã hội

1.1.4. Nghèo đói với kinh tế, văn hoá, xã hội và lối sống.

1.1.5. Nghèo đói cản trở sự nghiệp dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ của cách mạng Việt Nam.

1.2. Mục tiêu thiên niên kỷ, xoá đói giảm nghèo của hội nghị thượng đỉnh Cô - pen - ha - ghen.

2. Tình hình nghèo đói trên thế giới và ở Việt Nam.

3. Khái niệm nghèo đói và một số khái niệm liên quan.

3.1. Khái niệm của ESCAP

3.2. Khái niệm của Hội nghị Cô - pen - ha - ghen

3.3. Khái niệm của ABAPIA SEN (Nô ben 1998)

3.4. Nghèo đói và đói gay gắt.

3.5. Nghèo tuyệt đối và tương đối.

3.6. Hộ nghèo.

3.7. Xã nghèo.

3.8. Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

4. Nghiên cứu về nghèo đói.

4.1. Trên thế giới

4.2. Ở Việt Nam.

Bài 2:

5. Phương pháp xác định chuẩn mực nghèo đói và chuẩn mực nghèo đói (nhận diện nghèo đói).

5.1. Phương pháp xác định chuẩn mực nghèo đói (nhận diện nghèo đói).

5.1.1. Ngân hàng thế giới: - Phương pháp ATLAS.

- Phương pháp P. P. P

5.1.2. Liên hiệp quốc: Chỉ số phát triển con người (HDI)

5.1.3. Hội đồng phát triển, tiếp cận theo xã hội học của phát triển đưa ra chỉ số chất lượng sống (PQLI).

5.1.4. Kết hợp: GDP, HDI, PQLI.

5.1.5. Theo lượng Calo/ ngày

5.1.6. Thu nhập.

5.2. Chuẩn mực nghèo đói (nhận diện nghèo đói) Biến động theo không gian và thời gian.

5.2.1. Thế giới - Ngân hàng thế giới.

5.2.2. Việt Nam - Giai đoạn 1993 - 1995

- Giai đoạn 1996 - 2000

- Giai đoạn 2001 - 2005

- Giai đoạn 2006 - 2010

6. Sự đa dạng biểu hiện nghèo đói.

6.1. Nghèo đói và dinh dưỡng

6.2. Nghèo đói và môi trường sống

6.3. Nghèo đói và bình đẳng xã hội.

6.4. Nghèo đói và môi trường pháp lý.

6.5. Nghèo đói với thị trường lao động và nắm bắt thời cơ vận hội.

6.6. Nghèo đói và vấn đề xã hội.

6.7. Nghèo đói và phát triển.

Chương II: Công tác xã hội với người nghèo trong xóa đói giảm nghèo

Bài 3:

1. Khái niệm công tác xã hội với người nghèo.

2. Đối tượng công tác xã hội với người nghèo.

3. Vị trí của công tác xã hội với người nghèo: là cầu nối giữa người nghèo với xã hội để biến khả năng thành hiện thực XĐGN

4. Vai trò của công tác xã hội với người nghèo.

4.1. Vai trò của cơ quan công tác XDGN với người nghèo.

- Người đại diện cho thể chế, thiết chế đảm nhận giải quyết nghèo đói - XDGN.
- Đại diện cho người nghèo.

4.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội với người nghèo.

- Là cố vấn cho cơ quan công tác XDGN với người nghèo.
- Là người hướng dẫn, giáo dục, thuyết phục người nghèo tự tìm kiếm giải pháp hữu hiệu cho họ trong việc khai thác các tài nguyên bên ngoài của xã hội kết hợp với tài sản bên trong vốn có của người nghèo.

5. Chức năng của công tác xã hội với người nghèo.

5.1. Chức năng chữa trị

5.2. Phục hồi

5.3. Phát triển

5.4. Phòng ngừa tái phát.

6. Nhiệm vụ:

- Nâng đỡ, tạo dựng niềm tin cho người nghèo.
- Đem lại cuộc sống tốt.
- Cải thiện vị thế, vai trò trong cộng đồng.

7. Quan điểm công tác xã hội với người nghèo:

7.1. Phát huy nỗ lực của đối tượng: "tự cứu"

7.2. Quan điểm xã hội hoá.

8. Nguyên tắc:

8.1. Tất cả vì đối tượng

8.2. Bình đẳng

8.3. Tạo niềm tin cho đối tượng

8.4. Chấp nhận và thích ứng với hoàn cảnh của đối tượng, tôn trọng, yêu mến đối tượng.

9. Phương châm: 3 kết hợp Nhà nước - Cộng đồng - đối tượng nghèo.

Chương III: Các giải pháp của xã hội với tư cách là tài nguyên bên ngoài kết hợp với "tài sản bên trong" của người nghèo

Bài 4:

1. Các giải pháp "tài nguyên bên ngoài" của xã hội.

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xoá đói giảm nghèo.

1.2. Các chính sách vĩ mô đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn lực xoá đói giảm nghèo.

1.2.1. Tạo môi trường sản xuất - kinh doanh bình đẳng và hiệu quả, thu hút vốn đầu tư.

1.2.2. Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

1.2.3. Cải cách hành chính.

1.3. Các chính sách trực tiếp cho người nghèo.

1.3.1. Tín dụng cho người nghèo.

1.3.2. Chính sách y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình.

1.3.3. Chính sách giáo dục, đào tạo nghề.

1.3.4. Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc gặp khó khăn.

1.3.5. Trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

1.3.6. Hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho người nghèo.

1.3.7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

1.3.8. Chính sách an sinh xã hội.

1.3.9. Hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông - lâm - ngư - diêm và ngành nghề truyền thống. Chuyển giao khoa học - kỹ thuật.

1.3.10. Thực hiện hiệu quả định canh, định cư, xây dựng kinh tế mới.

1.3.11. Hỗ trợ văn hoá, thông tin, nâng cao dân trí cho người nghèo.

Bài 5: 1.4. Các dự án cho người nghèo.

1.4.1. Dự án chung cho người nghèo.

* Dự án tín dụng ưu đãi.

* Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn.

* Dự án mô hình người nghèo thoát nghèo.

1.4.2. Dự án cho các xã ngoài chương trình 135.

* Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

* Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển nghề.

* Dự án đào tạo cán bộ làm công tác xã hội với người nghèo - XĐGN

* Dự án định canh, định cư, xây dựng kinh tế mới.

- 1.5. Các nhóm giải pháp tổ chức thực hiện với người nghèo.
 - 1.5.1. Tổ chức hệ thống công tác XĐGN và làm việc với người nghèo.
 - 1.5.2. Tuyên truyền, vận động xã hội.
 - 1.5.3. Huy động nguồn lực, quỹ xoá đói giảm nghèo, nhà tình thương.
 - 1.5.4. Nâng cao năng lực, tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác với người nghèo.
 - 1.5.5. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.
 - 1.5.6. Thực hiện hiệu quả việc bồi dưỡng điển hình và nhân điển hình XĐGN thoát nghèo.
 - 1.5.7. Cơ chế lồng ghép.
 - 1.5.8. Kiểm tra, giám sát và lượng giá.
 - 1.5.9. Phân công, phân nhiệm, phân cấp thực hiện.
 - 1.5.10. Huy động tổng lực hệ thống chính trị - cộng đồng xã hội trong XĐGN.

Bài 6:

2. Khai thác "các tài sản bên trong" của cá nhân người nghèo.
 - 2.1. Thức dậy ý chí, ý thức làm chủ bản thân của người nghèo trong XĐGN (niềm tin vào bản thân).
 - 2.2. Tự nói rõ mặt mạnh, mặt yếu của bản thân.
 - 2.3. Sự lựa chọn về giải pháp.
 - 2.4. Chấp nhận điều kiện, giải pháp của xã hội.
 - 2.5. Đưa ra các nguồn lực cho bản thân.
 - 2.6. Đề ra kế hoạch cho bản thân từ kế hoạch chung của cơ sở, của cộng đồng.
 - 2.7. Đề xuất các chỉ tiêu và tự đánh giá.
 - 2.8. Thiết lập quan hệ nhóm nghèo cùng nhau thoát nghèo.

3. Xây dựng kế hoạch hoá công việc XĐGN

- 3.1. Xây dựng kế hoạch
- 3.2. Giao kế hoạch
- 3.3. Thực hiện kế hoạch.

Bài 7:

4. Lượng giá XĐGN

- 4.1. Chỉ tiêu và hệ thống chỉ tiêu lượng giá trong công tác XĐGN.

4.2. Phạm vi và phương pháp lượng giá: 2 phía người nghèo và cộng đồng.

5. Phương pháp và kinh nghiệm điều tra, thu thông tin về XĐGN.

5.1. Nhận dạng, phân loại, đánh giá mức độ nghèo. Lập danh sách hộ nghèo và theo dõi diễn biến.

5.2. Các phương pháp thu thông tin.

5.3. Điều tra định kỳ: đầu kỳ, cuối kỳ.

5.4. Biểu bảng.

Chương IV: Phương pháp tác nghiệp PRA và ngân hàng chính sách xã hội

Bài 8:

1. Phương pháp P. R. A

1.1. Phương pháp đánh giá nhanh R. R. A và sự hạn chế

1.2. Phương pháp P. R. A

2.1. Khái niệm

2.2. Triết lý của vấn đề P. R. A

1.3. Vận hành phương pháp P. R. A

1.3.1. Những ưu điểm của P. R. A

1.3.2. Đặc điểm của P. R. A

1.3.3. Nguyên tắc của P.R.A

1.3.4. Kỹ năng làm việc của P.R.A

1.3.5. P.R.A với người nghèo và cộng đồng

1.3.6. Các bước triển khai P.R.A.

1.37. Tác nghiệp P.R.A với người nghèo và cộng đồng.

Bài 9: 2. Ngân hàng chính sách xã hội với tín dụng cho người nghèo (hộ nghèo)

2.1. Cơ cấu tổ chức ngân hàng chính sách xã hội

2.2. Vai trò của ngân hàng CSXH với tín dụng cho hộ nghèo.

2.3. Đối tượng cho vay

2.4. Nguồn vốn của ngân hàng

2.5. Quy định hiện nay và sử dụng của người nghèo.

2.6. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.

Chương V: Biện pháp thực hiện CTXH PRA với người nghèo trong Xóa đói giảm nghèo

1. Thực hiện phương pháp P.R.A

1.1. Mục đích

1.2. Yêu cầu

1.3. Thực hiện của người làm công tác xã hội và người nghèo.

2. Tham quan mô hình XĐGN của người nghèo.

2.1. Mục đích

2.2. Yêu cầu

2.3. Nội dung tham quan

3. Báo cáo viên về công tác Xã hội với người nghèo trong XĐGN (người nghèo và cơ quan làm việc).

3.1. Mục đích

3.2. Yêu cầu

3.3. Nội dung

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ VÀ LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC

1. Mã học phần: SOC3039
2. Số tín chỉ: 5
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương SOC1051
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Văn Quyết
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử xã hội học và các lý thuyết quan trọng của xã hội học.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học và kiến thức lịch sử xã hội học trong nghiên cứu đời sống xã hội đương đại.
 - *Thái độ:* Học phần xây dựng cho sinh viên thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu lịch sử xã hội học, trong quá trình tiếp thu và vận dụng các lý thuyết xã hội học.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử xã hội học và các lý thuyết quan trọng của xã hội học.
- *Kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được kiến thức lịch sử và lý thuyết xã hội học để nghiên cứu đời sống xã hội đương đại.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu lịch sử xã hội học, trong quá trình tiếp thu và vận dụng các lý thuyết xã hội học.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học*. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
2. Endruweit, Guter (chủ biên). *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nhà xuất bản Thế giới, 1999
3. Vũ Quang Hà. *Các lý thuyết xã hội học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

Học liệu tham khảo

1. Ritzer, George. *Contemporary Sociological Theory and its Classical Roots*, McGrawHill, 2003.
2. Ritzer, George and Douglas J Goodman. *Classical Sociological Theory*. McGraw-Hill, 2004

3. Ritzer, George. *Modern Sociological Theory*. McGraw-Hill, 2008.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần có hai nội dung chính. Nội dung thứ nhất bàn về lịch sử phát triển của xã hội học. Trong phần này, ngoài việc đề cập đến bối cảnh xã hội, tiền đề tư tưởng và khoa học của sự ra đời và phát triển xã hội học, các giai đoạn phát triển của xã hội học sẽ được thảo luận sâu. Nội dung thứ hai của học phần tập trung vào các lý thuyết quan trọng của xã hội học. Ba nhóm lý thuyết xã hội học sẽ được thảo luận sâu, bao gồm: lý thuyết xã hội học kinh điển, lý thuyết xã hội học hiện đại, và lý thuyết xã hội học hậu hiện đại. Như vậy, cấu trúc của học phần dựa trên lô gích gắn kết giữa lịch sử và lý thuyết, giữa các giai đoạn phát triển của lý thuyết xã hội học.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. Lịch sử phát triển của xã hội học qua các thời kỳ

1.1. Dẫn nhập

1.2. Bối cảnh xã hội của sự phát triển xã hội học

1.3. Tiền đề tư tưởng, khoa học của sự ra đời xã hội học

1.4. Giai đoạn hình thành xã hội học

1.5. Xã hội học trong thế kỷ 19

1.6. Xã hội học trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21

Chương 2. Các lý thuyết kinh điển vĩ mô

2.1. Lý thuyết xã hội học của Emile Durkheim

2.2. Lý thuyết xã hội học của Karl Marx

2.3. Lý thuyết xã hội học của Marx Weber

2.4. Lý thuyết xã hội học của George Simmel

Chương 3. Các lý thuyết kinh điển về đời sống hàng ngày

3.1. Lý thuyết hành động xã hội

3.2. Lý thuyết hành vi xã hội

3.3. Lý thuyết liên kết

3.4. Lý thuyết tương tác biểu trưng

Chương 4. Các lý thuyết hiện đại vĩ mô

- 4.1. Lý thuyết cấu trúc chức năng
- 4.2. Lý thuyết xung đột
- 4.3. Lý thuyết hệ thống tổng quát
- 4.4. Lý thuyết tân Mác xít
- 4.5. Lý thuyết hiện đại hóa và xã hội rủi ro

Chương 5. Các lý thuyết hiện đại về đời sống hàng ngày

- 5.1. Lý thuyết tương tác biểu trưng
- 5.2. Lý thuyết giao tiếp/tình huống thường ngày
- 5.3. Lý thuyết trao đổi
- 5.4. Lý thuyết lựa chọn duy lý

Chương 6. Các lý thuyết tích hợp hiện đại

- 6.1. Lý thuyết trao đổi tích hợp
- 6.2. Lý thuyết cấu trúc hóa
- 6.3. Lý thuyết cấu trúc tinh thần
- 6.4. Lý thuyết nữ quyền tích hợp

Chương 7. Các lý thuyết vĩ mô hậu hiện đại

- 7.1. Lý thuyết chuyển đổi từ xã hội công nghiệp sang hậu công nghiệp
- 7.2. Lý thuyết hậu hiện đại
- 7.3. Lý thuyết về xã hội tiêu dùng
- 7.4. Lý thuyết về toàn cầu hóa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

Research method in Sociology

1. Mã học phần: SOC3040

2. Số tín chỉ: 4

3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, SOC1051

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Văn Quyết

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS TS

- Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Mục tiêu chung: Thông qua các công việc thiết kế nghiên cứu, tổ chức điều tra điền dã, xử lý và phân tích thông tin trong một nghiên cứu xã hội học, học phần cung cấp cho người học toàn bộ kiến thức, kỹ năng về việc vận dụng tri thức xã hội học cho việc giải quyết một vấn đề xã hội cụ thể của thực tế xã hội.

Về kiến thức: Nắm được các kiến thức về việc thiết kế nghiên cứu xã hội học, về tổ chức hiện thực hóa bản thiết kế trong thu thập thông tin và giải quyết một vấn đề xã hội cụ thể.

Về kỹ năng: Người học cần đạt được các kỹ năng, tay nghề của nhà xã hội học trong việc thiết kế một cuộc điều tra khảo sát, biết cách tổ chức thu thập thông tin trên địa bàn và có được kỹ năng trong xử lý, phân tích thông tin và viết báo cáo kết quả của một nghiên cứu xã hội học.

Về thái độ: Có thái độ ứng xử phù hợp với vấn đề nghiên cứu, với đối tượng tiếp xúc điều tra khảo sát; có ý thức, trách nhiệm cao, có tính khoa học và đặc biệt có đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quy trình của một nghiên cứu xã hội học

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Chuẩn đầu ra về kiến thức:

- Sinh viên cần có được kiến thức về nội dung các bước và đặc tính của nghiên cứu xã hội học; phân biệt được các loại nghiên cứu định tính, định lượng, nghiên cứu mô tả và nghiên cứu giải thích, nghiên cứu theo lát cắt ngang và nghiên cứu lịch đại, panel trong XHH;

- Nắm vững được phương pháp phát hiện, xác định và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu, biết vận dụng lý thuyết xã hội học để phân tích, lý giải một vấn đề của hiện thực xã hội, từ đó hình thành khung lý thuyết cho việc tiếp cận vấn đề đó;

- Hiểu được bản chất và sự cần thiết của việc thao tác hóa các khái niệm của đề tài, vận dụng các kiến thức đó để thiết kế bộ công cụ cho việc thu thập thông tin thực nghiệm nhằm giải quyết vấn đề đặt ra trong một đề tài nhất định;

- Nắm vững và lý giải được nội dung, bản chất các phương pháp chọn mẫu được áp dụng trong nghiên cứu xã hội học; vận dụng để thiết kế mẫu nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể;

- Hiểu kỹ bản chất các phương pháp, kỹ thuật thu thập thông tin trong nghiên cứu xã hội học; có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đó cho việc xác định các phương pháp của một đề tài cụ thể và biết tổ chức thực hiện một cuộc điều tra thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu của đề tài.

- Nắm vững và vận dụng được kiến thức về đo lường và thang đo trong nghiên cứu XHH; vận dụng để hình thành hệ thống thang đo, qua đó thực hiện việc xử lý, phân tích thông tin và làm báo cáo cho một nghiên cứu XHH với một vấn đề xã hội cụ thể.

Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- Sinh viên cần đạt được các kỹ năng, tay nghề của nhà chuyên môn trong việc thiết kế, tổ chức một nghiên cứu xã hội học từ khâu đầu tiên: xác định vấn đề nghiên cứu, định hướng nghiên cứu đến khâu lựa chọn phương pháp nghiên cứu, xây dựng các công cụ, lựa chọn phương án xử lý, phân tích thông tin nhằm giải quyết vấn đề đặt ra.

- Sinh viên có kỹ năng nắm bắt, phát hiện và phân tích các vấn đề của hiện thực xã hội, biết cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu, biết cách phân tích và giải quyết một vấn đề của thực tế xã hội.

- Nắm bắt và thực hành được các kỹ năng liên quan đến việc xây dựng bộ công cụ cho việc thu thập thông tin. Đó là các kỹ năng xây dựng khung lý thuyết: xác định và triển khai các biến số, liên kết các biến số, kỹ năng xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin định tính và định lượng;

- Biết cách phân tích vấn đề và khách thể nghiên cứu, từ đó đưa ra cách chọn mẫu phù hợp; qua đây người học có được kỹ năng cần thiết cho việc thiết kế mẫu nghiên cứu cho từng đề tài nghiên cứu cụ thể;

- Có kỹ năng phân tích vấn đề, phân tích đặc điểm của các phương pháp thu thập thông tin, để từ đó biết cách tổ chức, lựa chọn các phương pháp thu thập thông tin, phù hợp với từng đề tài cụ thể.

- Người học nắm và vận dụng được các kỹ năng, kỹ xảo cho việc xử lý, phân tích thông tin và cách trình bày một báo cáo cho một nghiên cứu cụ thể.

Chuẩn đầu ra về năng lực

Sau khi học xong học phần này người học đạt được năng lực:

- Vận dụng lý thuyết xã hội học để xem xét, lựa chọn một vấn đề nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành;

- Phân tích, đánh giá và thiết kế một nghiên cứu đối với một vấn đề xã hội cụ thể

- Xác định được phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập thông tin phù hợp với đề tài nhất định

- Xử lý, phân tích thông tin thực nghiệm nhằm giải quyết vấn đề đã xác định.

Chuẩn đầu ra về thái độ

- Có ý thức, trách nhiệm cao, có tính khoa học với các nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu xã hội học nói riêng

- Tạo lập tính trung thực trong thiết kế nghiên cứu, thiết kế các công cụ thu thập thông tin và nói chung tính trung thực trong nghiên cứu khoa học

- Qua các chương trình nghiên cứu của các đề tài, dự án đã, đang được thực hiện biết tôn trọng kết quả nghiên cứu của những nhà nghiên cứu nghiêm túc, nhưng cũng có cái nhìn phê phán với những công trình nghiên cứu không được chuẩn bị chu đáo, thiếu tính chặt chẽ.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên</i>	Các vấn đề lí thuyết trong các buổi giảng	Đánh giá sự chuẩn bị bài của cá nhân, khả năng nhớ và	10%

	lý thuyết, các buổi thảo luận	phản xạ trí tuệ	
<i>Kiểm tra đánh giá giữa kỳ</i>	Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề	30%
<i>Kiểm tra kết thúc học phần</i>	Kết hợp lí luận và khả năng ứng dụng	Đánh giá kĩ năng ứng dụng vào thực tế NCKH của sinh viên	60%

12. Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận

13. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình

Tài liệu bắt buộc:

- 1) Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, (tái bản 2011).
- 2) Capitonov, *Xã hội học thế kỷ XX* (Nguyễn Quý Thanh-biên dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- 3) Beker, Th. L, *Thực hành nghiên cứu xã hội* (Tô Văn, Hồng Quang, Lê Mai tuyển chọn và dịch). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

Các tài liệu tham khảo:

- 4) Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005.
- 5) Osipov, G.V. (Chủ biên), 1988. *Những cơ sở nghiên cứu xã hội học* (Cabursa, dịch). NXB Tiến bộ Motskva và NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 6) Luc Pauwels, *Reframing Visual Social Science – Towards a More Visual Sociology and Anthropology*, Cambridge University Press, 2015
- 7) Durkheim, E., 1895. *Những quy tắc phương pháp xã hội học* (Nguyễn Gia Lộc, dịch). Hà Nội, 1994.
- 8) Đào Hữu Hồ, 1999. *Xác suất thống kê*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 9) Kromney, H., 1999. *Nghiên cứu xã hội học thực nghiệm* (Đặng Cảnh Khanh, Nguyễn An Lịch, Trịnh Duy Luân, tuyển chọn và biên dịch). Nxb Thế giới, Hà Nội.
- 10) Jane Ritchie and Jane Lewis, *Qualitative Research Practice - A Guide for Social Science Students and Researchers*, SAGE Publications London, Thousand Oaks, New Delhi, 2003

10. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế, tổ chức thực hiện một nghiên cứu XHH với một vấn đề xã hội cụ thể: Các bước tiến hành một cuộc nghiên cứu xã hội học; cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế một cuộc nghiên cứu xã hội học từ khâu xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin; xác định mẫu nghiên cứu; kỹ năng sử dụng và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể; kỹ năng xử lý, phân tích thông tin và trình bày kết quả nghiên cứu trong một báo cáo khoa học.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiêu mục...):

Chương 1. Phương pháp nghiên cứu xã hội học và các đặc trưng của nghiên cứu XHH

1.1. Các khái niệm cơ sở

1.1.1 Định nghĩa phương pháp nghiên cứu xã hội học

1.1.2 Phương pháp luận và phương pháp hệ

1.2. Một số dạng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu XHH

1.2.1. Phương pháp nghiên cứu mô tả và nghiên cứu giải thích

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng

1.2.3. Việc kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng trong nghiên cứu xã hội học

1.3. Các giai đoạn của nghiên cứu XHH

1.3.1. Cơ sở để phân chia các giai đoạn

- Các quan điểm về sự phân chia các giai đoạn của nghiên cứu XHH
- Mô hình nhận thức khoa học của W. Wallace

1.3.2. Các giai đoạn chủ yếu một cuộc nghiên cứu XHH

- Giai đoạn 1, những công việc chuẩn bị cho nghiên cứu
- Giai đoạn 2, tổ chức thực hiện nghiên cứu
- Giai đoạn 3, xử lý phân tích thông tin và viết báo cáo kết quả
- Mối quan hệ giữa các giai đoạn của nghiên cứu

1.4. Những đặc tính của nghiên cứu xã hội học

1.4.1 Tính thực nghiệm của nghiên cứu

1.4.2 Tính khoa học của nghiên cứu

1.5. Các dạng thông tin thực nghiệm với sự phát triển của xã hội học

1.5.1. Thông tin của cơ quan thống kê

1.5.2. Thông tin của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội

1.5.3. Thông tin của các phương tiện truyền thông đại chúng

1.5.4. Thông tin thực nghiệm từ các khoa học xã hội khác

1.5.5. Thông tin của nghiên cứu xã hội học

1.6. Những yêu cầu phương pháp luận của nghiên cứu xã hội học

1.6.1. Những yêu cầu của phương pháp luận của hệ thống lý thuyết xã hội học

1.6.2. Ấn tượng cá nhân và vấn đề đạo đức nghề nghiệp của nhà xã hội học trong nghiên cứu XHH.

Chương 2. Xây dựng khung lý thuyết cho một nghiên cứu xã hội học

2.1. Đề tài và mục tiêu nghiên cứu

2.1.1 Phát hiện và lựa chọn vấn đề nghiên cứu

2.1.2 Hình thành đề tài nghiên cứu

2.1.3 Xây dựng mục tiêu nghiên cứu

2.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.2.1. Câu hỏi nghiên cứu

2.2.2. Vai trò của giả thuyết trong nghiên cứu XHH

2.2.3. Những yêu cầu với việc xây dựng giả thuyết

2.2.4. Các loại giả thuyết của nghiên cứu XHH

2.3. Xây dựng khung lý thuyết

1.3.1. Khung lý thuyết và xây dựng mô hình lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu

1.3.2. Xác định các biến số và liên kết các biến số

1.3.3. Hình thành sơ đồ khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu

Chương 3. Định nghĩa và thao tác hoá các khái niệm

3.1. Định nghĩa khái niệm

3.1 Định nghĩa thực

3.2 Định nghĩa danh nghĩa

3.3 Định nghĩa thao tác

3.2. Sự cần thiết phải thao tác hoá các khái niệm của đề tài

3.3. Cơ sở lý thuyết của việc thao tác hoá khái niệm

3.3.1 Cơ sở của quá trình nhận thức xã hội học

3.3.2 Cơ sở của định nghĩa thao tác khái niệm

3.4. Cách thao tác hoá một khái niệm

3.4.1 Xác định và hình thành hệ thống các chỉ báo của khái niệm

3.4.2 Tác dụng của hệ thống các chỉ báo trong việc gắn kết lý thuyết với các thông tin thực nghiệm

3.4.3 Thực hành thao tác hoá một số khái niệm thường gặp

Chương 4. Xây dựng bảng hỏi cho việc thu thập thông tin

4.1. Vai trò của bảng hỏi trong nghiên cứu xã hội học

4.1.1. Bảng hỏi là gì?

4.1.2. Sự cần thiết của bảng hỏi trong nghiên cứu xã hội học

4.2 Các loại câu hỏi và việc sử dụng chúng

4.2.1 Câu hỏi theo nội dung

4.2.2 Câu hỏi theo hình thức/cấu trúc

4.2.3 Câu hỏi theo chức năng

4.2.4 Các trường hợp đặc biệt

4.3 Những yêu cầu chung với các câu hỏi trong bảng hỏi

4.3.1 Câu hỏi phải phù hợp với mục tiêu, đề tài

4.3.2 Câu hỏi phải dễ hiểu

4.3.3 Câu hỏi phải có tính trung lập

4.3.4 Câu hỏi ghép hợp lý

4.3.5 Hình thức câu hỏi

4.4. Cấu trúc của bảng hỏi và việc xếp đặt các câu hỏi trong bảng hỏi

4.4.1. Bố cục của bảng hỏi

4.4.2. Các nguyên tắc xếp đặt các câu hỏi trong bảng hỏi

4.5. Những điểm cần chú ý trong thiết kế bảng hỏi.

Chương 5. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu XHH

5.1. Một số khái niệm cơ sở

5.1.1. Tính đại diện của thông tin

5.1.2. Tổng thể và nghiên cứu tổng thể

5.1.3. Trường hợp và nghiên cứu trường hợp/điển hình

5.1.4. Mẫu, khung mẫu và nghiên cứu chọn mẫu

5.2. Thiết kế mẫu trong nghiên cứu XHH

5.2.1. Xác định kích thước mẫu

5.2.2. Các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên/xác suất

- Chọn mẫu ngẫu nhiên thuần túy
- Chọn ngẫu nhiên hệ thống
- Chọn ngẫu nhiên phân tầng
- Chọn ngẫu nhiên theo cụm
- Chọn ngẫu nhiên nhiều mức độ

5.2.3. Một số phương pháp chọn mẫu phi xác suất

- Với chọn mẫu đại diện
- Với chọn mẫu theo mục tiêu

5.3. Sai số chọn mẫu và khắc phục sai số chọn mẫu

Chương 6. Các phương pháp thu thập thông tin

6.1. Sự phân loại các phương pháp

6.2. Phương pháp quan sát trong nghiên cứu XHH

6.2.1. Đặc điểm của quan sát trong XHH

6.2.2. Phân loại quan sát

6.2.3. Những vấn đề cần chú ý của quan sát trong XHH

6.2.4. Phương pháp quan sát và trường phái XHH trực quan

6.3. Phương pháp điều tra

6.3.1. Phương pháp phỏng vấn

- Đặc điểm của phỏng vấn trong điều tra XHH
- Các loại phỏng vấn
- Những điểm cần chú ý trong phỏng vấn

6.3.2. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi tự ghi

- Đặc điểm của trưng cầu ý kiến
- Các loại trưng cầu ý kiến

6.4. Phương pháp phân tích tài liệu

- Tài liệu và đặc điểm của phân tích tài liệu
- Các loại phân tích tài liệu
- Phân tích nội dung trong nghiên cứu XHH

6.5. Phương pháp thực nghiệm XHH

- Đặc điểm của thực nghiệm XHH
- Yêu cầu lý thuyết với một thực nghiệm XHH
- Các loại thực nghiệm XHH

6.6. Các phương pháp khác

- Nghiên cứu quỹ thời gian
- Trắc nghiệm

Chương 7. Xử lý thông tin và báo cáo kết quả nghiên cứu

7.1. Đo lường và thang đo trong XHH

7.1.1. Khái niệm đo lường và những vấn đề đo lường trong XHH

7.1.2. Thang đo và việc tạo lập thang đo trong nghiên cứu XHH

7.2. Tiến hành xử lý thông tin

7.2.1. Sự cần thiết phải xử lý thông tin

- 7.2.2. Các bước thực hiện xử lý thông tin
- 7.3. *Phân tích thông tin*
 - 7.3.1. Mô tả và phân tích biến đơn
 - 7.3.2. Mô tả và phân tích tương quan đa biến
- 7.4. *Báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu*

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC QUẢN LÝ

Sociology of management

1. Mã học phần: SOC.3009
2. Số tín chỉ: 3
3. Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
 - Giảng viên 1:*
 - Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Giảng viên 2:*
 - Họ và tên: Nguyễn Thị Lan
 - Chức danh, học vị: Nguyễn Thị Lan
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học quản lý từ cổ điển đến hiện đại.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học quản lý trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hoạt động quản lý.
 - *Thái độ:* Học phần giúp sinh viên xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học quản lý.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức*: Sinh viên có được kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học quản lí.

- *Kỹ năng*: Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học quản lí quan trọng trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hoạt động quản lí.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học quản lí nói riêng.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

14. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần

15. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận và tham gia vào học phần

16. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

17. Điểm kiểm tra/đánh giá giữa học phần chiếm 30% tổng số điểm của học phần

18. Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

19. Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

20. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

21. Hình thức: Chọn một trong các hình thức sau: thi vấn đáp, thi viết, thi trắc nghiệm hoặc làm tiểu luận

22. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình

Học liệu bắt buộc

1. Vũ Hào Quang, *Xã hội học quản lí*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.

2. Trịnh Văn Tùng, 2011, Jean-Daniel Reynaud: Lý thuyết điều hoà xã hội và khả năng ứng dụng phân tích hành vi quản lý tổ chức, *Tạp chí Xã hội học*, số 4, 2011

3. Phạm Ngọc Thanh (chủ biên), *Đổi mới văn hóa lãnh đạo và quản lý: Lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động, Hà Nội 2011.

Học liệu tham khảo

1. Charlene Solomon, Michael Schell, *Quản lý xuyên văn hóa* (Bản dịch của Nguyễn Thọ Nhân, NXB Tổng hợp TPHCM, 2010
2. Nguyễn Văn Dung, Phan Đình Quyền, Lê Việt Hưng, *Văn hóa tổ chức và lãnh đạo*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội 2010
3. Lê Ngọc Hùng, Quản lý xã hội, quản trị xã hội từ góc độ lý thuyết hệ thống, *Tạp chí Công sản*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2018/48949/Quan-ly-xa-hoi-quan-tri-xa-hoi-tu-goc-do-ly.aspx>
4. Lê Ngọc Hùng, Lãnh đạo quản lý từ góc độ xã hội học sáng tạo, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 11-2015
5. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Ngọc Anh, Một số vấn đề xây dựng xã hội học lãnh đạo, quản lý trong điều kiện mới, *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (112), 2010.
10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần bao gồm ba nhóm nội dung chính. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến lý thuyết xã hội học quản lý. Nhóm nội dung thứ hai bàn đến các phương pháp nghiên cứu trong xã hội học quản lý. Nhóm nội dung cuối cùng giới thiệu và phân tích một số nghiên cứu về xã hội học quản lý nổi tiếng trên thế giới (đặc biệt là ở Pháp và Mỹ) và ở Việt Nam. Ba nội dung này được lồng ghép trong các mô hình quản lý được sắp xếp theo phương pháp lịch đại.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương và tiểu mục)

Chương 1. Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học quản lý

1.1. Đối tượng

1.2. Chức năng

1.3. Nhiệm vụ

1.4. Xã hội học và khoa học quản lý

Chương 2. Max Weber và quản lý quan liêu

- 2.1. Các hình thức quyền lực
- 2.2. Mô hình lí thuyết duy lí
- 2.3. Mô hình quản lí quan liêu
- 2.4. Phương pháp luận “điển hình lí tưởng” (“ideal-type”)
- 2.5. Một vài minh họa

Chương 3. Các khía cạnh xã hội trong mô hình quản lí dựa vào “quan hệ nhân văn”

- 3.1. Các lí thuyết nhu cầu
- 3.2. Mô hình quản lí dựa vào “quan hệ nhân văn”
- 3.3. Một vài minh họa

Chương 4. Mô hình quản lí hài hòa giữa hệ thống kĩ thuật và hệ thống con người

- 4.1. Bối cảnh
- 4.2. Mô hình quản lí hài hòa giữa hệ thống kĩ thuật và hệ thống con người
- 4.3. Một vài minh họa

Chương 5. Michel Crozier và mô hình phân tích “tác nhân chiến lược”

- 5.1. Bối cảnh
- 5.2. Mô hình phân tích “tác nhân chiến lược”
- 5.3. Một vài minh họa

Chương 6. Văn hóa quản lí và tổ chức dưới góc nhìn xã hội học

- 6.1. Bối cảnh
- 6.2. Văn hóa quản lí cấp độ vi mô
- 6.3. Văn hóa quản lí cấp độ vĩ mô
- 6.4. Một vài minh họa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC VỀ GIỚI
Sociology of Gender

1. Mã học phần: SOC304
2. Số tín chỉ: 02
3. Học phần tiên quyết: SOC1051: Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): PGS.TS. Hoàng Bá Thịnh

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các khuôn mẫu, chuẩn mực giới, nguồn gốc của bất bình đẳng giới trong bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hoá cụ thể.

Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về giới từ cách tiếp cận xã hội học. với những khái niệm, lý thuyết xã hội học được vận dụng vào nghiên cứu giới. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu mối quan hệ giới trong một số lĩnh vực: giáo dục, lao động, sức khoẻ, quản lý, v.v. Giúp cho người học có được quan điểm giới trong học tập, nghiên cứu và trong đời sống xã hội.

Về kỹ năng

Giúp sinh viên kỹ năng phân tích giới trong nghiên cứu, trong các dự án phát triển. Cách thức viết/trình bày một vấn đề giới trong nghiên cứu, trong khai thác tư liệu, v.v. Có thể vận dụng kiến thức vào trong cuộc sống, công việc.

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc các tư liệu xã hội học, phân tích, đánh giá các sự kiện xã hội từ quan điểm giới

Thái độ:

- Hình thành phương pháp học tập nghiên cứu về xã hội học giới theo phong cách của người nghiên cứu khoa học
- Hình thành thái độ khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu về xã hội học giới. Tự tin ở năng lực nghiên cứu xã hội học giới

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Nội dung Mục tiêu

 Kiến thức Kỹ năng Thái độ

Nội dung 1

Khái niệm Giới tính (Sex) và Giới (Gender)

- Nắm được các đặc điểm của giới tính (Sex)
- Nắm được các đặc điểm của giới (Gender)
- Xác định được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần
- Phân biệt được ý nghĩa của giới tính theo quan điểm xã hội học
- Làm rõ được vai trò của Xã hội học Giới trong giai đoạn phát triển đất nước hiện nay
- Tôn trọng những khác biệt về giới tính

Nội dung 2

Đặc thù giới ở Việt Nam

- Biết được những nét đặc thù giới ở Việt Nam
- Nắm được nội dung chính về quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng nam nữ
- Phân tích được đặc thù giới và ảnh hưởng của nó đến quá trình phát triển
- Vận dụng được quan điểm của Đảng trong công việc/cuộc sống Tôn trọng và ủng hộ những đặc thù về giới trong quá trình phát triển

Nội dung 3

Bản sắc giới - Vai trò giới

- Nắm được khái niệm bản sắc giới, vai trò giới
- Nắm được khái niệm bất bình đẳng giới
- Vận dụng vào giải tích một số quan hệ giới trong thực tế
- Có thể giải thích được các hiện tượng bất bình đẳng giới
- Có quan điểm khách quan trong nhìn nhận, đánh giá vai trò giới và bất bình đẳng giới

Nội dung 4

Giới và Giáo dục

- Nắm được khái niệm giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển phụ nữ.
- Nhận diện được những khía cạnh khác biệt giới trong giáo dục
- Phân tích được tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển phụ nữ
 - Cần ưu tiên và tạo điều kiện cho trẻ em gái và phụ nữ tiếp cận giáo dục

Nội dung 5

Giới và Lao động

- Biết được khái niệm lao động
 - Sự tham gia của phụ nữ trong thị trường lao động
- Nhận biết được một số khía cạnh bất bình đẳng giới trong lao động
- Phân tích được cơ cấu ngành nghề theo giới

- Phân tích được nguyên nhân của bất bình đẳng giới trong lao động
- Cần tránh thái độ phân biệt, đối xử theo giới trong lao động

Nội dung 6

Giới và Sức khoẻ

- Biết được Khái niệm sức khoẻ
- Nhận diện được sự khác biệt giới trong chăm sóc sức khoẻ/bệnh tật.
- Nhận diện được các hoạt động của phụ nữ trong chăm sóc sức khoẻ
- Đánh giá được sự bất bình đẳng giới trong tiếp cận dịch vụ y tế
- Phân tích được vai trò quan trọng của phụ nữ trong chăm sóc sức khoẻ
- Cần tránh sự thiên vị giới trong chăm sóc sức khoẻ

Nội dung 7

Giới và Môi trường

- Biết được các nét chính về quan hệ giới với môi trường
- Biết được tác động của môi trường đến sức khoẻ phụ nữ và nam giới
- Phân tích được khía cạnh văn hoá – xã hội của quan hệ giới và môi trường
- Có thái độ đúng đắn khi nhìn nhận vai trò giới trong bảo vệ môi trường

Nội dung 8

Giới và quản lý, lãnh đạo

- Biết được thực trạng tham gia của phụ nữ vào quản lý
- Nhận diện được thực trạng bất bình đẳng giới trong quản lý
- Nhận diện được những rào cản đối với phụ nữ tham gia quản lý
- Không nên đánh giá thấp năng lực lãnh đạo, quản lý của phụ nữ.
- Cần tạo điều kiện để phụ nữ tham chính

Nội dung 9

Quan hệ giới trong gia đình

- Nắm được các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình
- Biết được sự phân công lao động theo giới trong gia đình
- Biết khái niệm, loại hình bạo lực gia đình
- Phân tích được nguyên nhân của sự phân công lao động theo giới trong gia đình
- Phân tích được các yếu tố tác động đến bạo lực giới trong gia đình hiện nay
- Có cái nhìn công bằng, khách quan trong đánh giá về giá trị của lao động gia đình

Nội dung 10

Phân tích giới

- Biết được những nét cơ bản của phân tích giới trong một nghiên cứu
- Biết một số công cụ phân tích giới

- Có thể thực hiện được phân tích giới trong nghiên cứu, dự án
- Có thái độ khách quan, trung thực trong nghiên cứu khoa học

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:.

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

* Thời gian: thường xuyên.

* Hình thức:

- Điểm danh.

- Làm bài tập.

- Thảo luận nhóm.

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (trọng số 30%)

* Hình thức: Bài thi trắc nghiệm/Bài làm viết về nhà.

* Thời gian: tuần 7.

* Nội dung: Các nội dung đã học từ tuần 1- tuần 7.

Lịch thi, kiểm tra (trọng số 60%)

* Hình thức: Vấn đáp.

* Nội dung: Những nội dung đã học từ tuần 1- tuần 15.

* Thời gian: Theo lịch thi chung của Nhà trường.

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc:

1. Hoàng Bá Thịnh (2008, 2014): Giáo trình Xã hội học Giới

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học, NXB ĐHQGHN

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

3. Hoàng Bá Thịnh (2002): Vai trò của người phụ nữ nông thôn trong công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn; Nxb CTQG, Hà Nội

Học liệu tham khảo:

1. Lê Thị Nhâm Tuyết (1973, 1975): Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại, Nxb KHXH, Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Lê Ngọc Hùng - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2001): Xã hội học Giới và phát triển; Nxb ĐHQGHN

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Xã hội học giới, bao gồm: đối tượng, phương pháp, các khái niệm, và các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học Giới.

Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: giáo dục, lao động, chính trị.v.v.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Nội dung 1: Khái niệm Giới tính (Sex) và Giới (Gender)

1.1. Giới tính (Sex)

1.2. Giới (Gender)

1.3. Phân biệt giới tính và giới và ý nghĩa của nó

1.4. Các đặc trưng của giới tính và giới

Nội dung 2. Đặc thù giới ở Việt Nam

2.1. Vài nét về đặc thù giới ở Việt Nam

2.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới

2.3. Bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay

Nội dung 3. Bản sắc giới - Vai trò giới

3.1. Bản sắc giới, Nam tính và nữ tính

3.2. Khái niệm vai trò giới và các vai trò cơ bản của giới

3.3. Xã hội hoá vai trò giới

3.4. Một vài quan điểm về bất bình đẳng giới

Nội dung 4: Giới và Giáo dục

4.1. Vai trò của phụ nữ trong giáo dục

4.2. Sự khác biệt giới trong giáo dục

Nội dung 5: Giới và Lao động

5.1. Sự tham gia của phụ nữ trên thị trường lao động

5.2. Sự khác biệt giới trong lao động

Nội dung 6: Giới và Sức khoẻ

6.1. Sự khác biệt về sức khoẻ và bệnh tật theo giới

6.2. Sự khác biệt giới trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ

6.3. Bạo lực giới và ảnh hưởng của nó đến sức khoẻ

Nội dung 7: Giới và Môi trường

7.1. Khác biệt giới trong các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường

7.2. Khác biệt giới trong giữ gìn và bảo vệ môi trường

7.3. Tác động của môi trường đến sức khỏe của phụ nữ và nam giới

Nội dung 8: Giới và quản lý, lãnh đạo

8.1. Sự tham gia của phụ nữ vào lĩnh vực quản lý, lãnh đạo

8.2. Sự khác biệt giới trong quản lý, lãnh đạo

Nội dung 9: Quan hệ giới trong gia đình

9.1. Giới và phân công lao động trong gia đình

9.2. Bạo lực giới trong gia đình

Nội dung 10: Phân tích giới trong nghiên cứu

10.1. Phân tích giới là gì?

10.2. Một vài lưu ý khi phân tích giới

10.3. Các công cụ phân tích giới

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC GIA ĐÌNH
(The Sociology of Family)

1. Mã học phần: SOC3007

2. Số tín chỉ: 02

3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học.

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hoàng Bá Thịnh

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS

- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Giới và Gia đình, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thái Thị Băng Tâm

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

- Đơn vị công tác:

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Kiến thức:

- Giải thích, phân tích được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu xã hội học gia đình như gia đình, cơ cấu gia đình, chức năng gia đình, chu trình sống của gia đình, điều kiện sống của gia đình, hình thái gia đình, lối sống gia đình.

- Vận dụng được các tiếp cận lý thuyết xã hội học hiện đại vào trong nghiên cứu những vấn đề cụ thể về gia đình Việt Nam trong sự phát triển của xã hội Việt Nam như lý thuyết vai trò, lý thuyết trao đổi, lý thuyết mâu thuẫn, lý thuyết cấu trúc-chức năng, thuyết nữ quyền phương Tây và quan điểm giới, lý thuyết phát triển đường đời, lý thuyết hiện đại hoá..
- Phân tích được những hiện tượng, quá trình gia đình trong đời sống xã hội Việt Nam
- Xác định và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học vào nghiên cứu gia đình

Kỹ năng:

- Nhận diện được vấn đề nghiên cứu thuộc đối tượng của xã hội học gia đình
- Thiết kế được một nghiên cứu khoa học với một vấn đề cụ thể của gia đình Việt Nam
- Trình bày được kết quả nghiên cứu một vấn đề cụ thể của gia đình Việt Nam

- Thái độ:

- Hình thành phương pháp học tập nghiên cứu về xã hội học gia đình theo phong cách của người nghiên cứu khoa học
- Hình thành thái độ khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu về xã hội học gia đình
- Tự tin ở năng lực nghiên cứu xã hội học gia đình của bản thân.

.7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- Kiến thức: sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học gia đình, hiểu được các khái niệm cơ bản và lý thuyết xã hội học gia đình. Biết được các vấn đề liên quan đến gia đình ở Việt Nam

- Kỹ năng: có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, quan sát, phân tích sự kiện về gia đình

- Thái độ: có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến gia đình từ góc độ xã hội học. Góp phần tuyên truyền, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc.

8 Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua thảo luận, trao đổi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: một trong các hình thức: thi vấn đáp, viết hoặc tiểu luận, bài tập nhóm
- Thời gian: theo lịch chung của trường

Kiểm tra kết thúc học phần

23. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

24. Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận

25. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh. 2001. Phương pháp nghiên cứu xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

2. Mai Huy Bích. 2011. Xã hội học gia đình. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

3. Trương Lai (chủ biên, 1996). Những nghiên cứu xã hội học và gia đình ở Việt Nam, tập 2 NXB KHXH, Hà Nội

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

Học liệu tham khảo

1. Hoàng Bá Thịnh (chủ biên, 2005). Bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam và vai trò truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ; Nxb Thế giới, Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Luật phòng, chống bạo lực gia đình, 2007

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Xã hội học gia đình là một học phần chuyên ngành của khoa học xã hội học. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học gia đình là những sự kiện, hiện tượng mang tính qui luật của hôn nhân gia đình, phản ánh sự biến đổi của xã hội qua các thời kỳ phát triển.

Xã hội học gia đình quan tâm đến những vấn đề của gia đình truyền thống khi xem xét nó trong sự liên hệ với sự biến đổi của gia đình đương đại.

Xã hội học gia đình nghiên cứu các quá trình hôn nhân, biến đổi cơ cấu và chức năng gia đình

Xã hội học gia đình nghiên cứu các mối liên hệ vững chắc từ cấp độ vĩ mô giữa gia đình và xã hội; giữa gia đình, cá nhân và xã hội; giữa gia đình, họ hàng và xã hội thông qua việc nghiên cứu chức năng gia đình cũng như sự kiểm soát xã hội của gia đình.

Xã hội học gia đình tìm hiểu các mối liên hệ vững chắc từ cấp độ vi mô khi đề cập đến những biến đổi vai trò trong gia đình, những xung đột và liên hệ bền vững của gia đình thông qua việc nghiên cứu cấu trúc gia đình.

11. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I. CƠ SỞ XÃ HỘI HỌC TRONG NGHIÊN CỨU GIA ĐÌNH

1.1.1. Ý nghĩa của xã hội học của gia đình

1.1.2. Nguồn gốc của gia đình

1.1.3. Gia đình như một thiết chế xã hội. Nhu cầu xã hội của gia đình

1.1.4. Chức năng xã hội của gia đình

1.1.5. Gia đình như một đơn vị xã hội hoá

1.1, 6. Lịch sử của nghiên cứu xã hội học về gia đình

1.3. Định nghĩa gia đình và đối tượng nghiên cứu của Xã hội học gia đình

1.3.1. Nguồn gốc của tổ chức gia đình

1.3.2. Họ hàng, gia đình và thế hệ

1.3.3. Định nghĩa gia đình

1.3.4. Gia đình trong nghiên cứu của các khoa học khác

1.3.5. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học gia đình

1.4. Các tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu gia đình

1.4.1. Tiếp cận lý thuyết trao đổi xã hội

1.4.2. Tiếp cận lý thuyết mâu thuẫn

1.4.3. Tiếp cận lý thuyết cấu trúc chức năng

1,4,4, Tiếp cận lý thuyết tương tác biểu trưng

1.4.5. Tiếp cận lý thuyết nữ quyền phương Tây và quan điểm giới

1.4.6. Tiếp cận lý thuyết hiện đại hoá

1.4.7. Tiếp cận gia đình-thiết chế xã hội và gia đình-nhóm xã hội

1.4. Một số khái niệm trong nghiên cứu của xã hội học gia đình

1.4.1. Điều kiện sống của gia đình

1.4.2. Cơ cấu gia đình

1.4.3. Chức năng gia đình

1.4.4. Các giai đoạn trong chu trình sống của gia đình

1.4.5. Hôn nhân

CHƯƠNG II. HỌ HÀNG VÀ HÔN NHÂN

- 2.1. Họ hàng, gia đình và thế hệ
- 2.2. Vấn đề loạn luân
- 2.3. Họ hàng tạm thời
- 2.4. Môi quan hệ thân tộc ở Việt Nam

CHƯƠNG III. GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

- 3.1. Cách hiểu về gia đình Việt Nam truyền thống
- 3.2. Đặc điểm của gia đình Việt Nam truyền thống
- 3.3. Gia đình- họ hàng- làng nước
- 3.4. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam-những hình thái gia đình trong lịch sử.

CHƯƠNG IV. SỰ KIỂM SOÁT XÃ HỘI CỦA GIA ĐÌNH

- 4.1. Các thủ tục của kiểm soát xã hội
 - 4.1.1, Gia đình và nhóm rộng hơn
 - 4.1.2. Gia đình và sức mạnh xã hội
 - 4.1.3. Các thủ tục của kiểm soát xã hội
 - 4.1.4. Sự kiểm soát gia đình của các thành viên của nó
 - 4.1.5, Tiêu chuẩn của kiểm soát
 - 4.1.6, Sự phản hồi của kiểm soát nhóm
 - 4.1.7. Cộng đồng và kiểm soát xã hội
 - 4.1.8, Đoàn kết gia đình
 - 4.1.9. Tục ngữ như một chỉ số của kiểm soát xã hội
- 4.2. Gia đình và Luật pháp
 - 4.2.1. Gia đình trong các Luật thời phong kiến
 - 4.2.2, Luật Hôn nhân gia đình
 - 4.2.3, Luật Bình đẳng giới
 - 4.2.4, Luật Phòng chống bạo lực gia đình
 - 4.2.4. Pháp lệnh dân số
- 4.3. Gia đình và Tôn giáo
 - 4.3.1. Tôn giáo và chuẩn mực
 - 4.3.2. Tôn giáo và kiểm soát xã hội
 - 4.3.3. Quan điểm hiện đại liên quan đến tôn giáo và gia đình
 - 4.3.4. Tôn giáo và gia đình thông qua Chu trình sống
- 4.4. Gia đình và mức sinh
 - 4.4.1. Phương pháp lựa chọn
 - 4.4.2. Sự điều chỉnh có ý thức và không có ý thức

4.4.3. Lịch sử của sự kiểm soát sinh

4.4.4. Luật pháp và kiểm soát sinh

4.4.5. Sự làm mất khả năng sinh đẻ của con người

CHƯƠNG V. SỰ HÌNH THÀNH GIA ĐÌNH VÀ SỰ TAN RÃ

5.1. Sự lựa chọn bạn đời

5.1.1. Môi trường lựa chọn bạn đời

5.1.2. Tương tác trước hôn nhân

5.1.3. Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của thanh niên

5.1.4. Sự biến đổi trong quyết định hôn nhân

5.2. Hôn nhân và sự điều chỉnh lựa chọn hôn nhân

5.2.1. Khái niệm chung về hôn nhân

5.2.2. Cơ sở luật pháp của quan hệ hôn nhân

5.2.3. Quan điểm của tôn giáo về hôn nhân

5.2.4. Sự điều chỉnh hôn nhân

5.3. Ly hôn và tái hôn

5.3.1. Sự phổ biến của ly hôn

5.3.2. Nguyên nhân của ly hôn

5.3.3. Hậu quả của ly hôn

5.3.4. Tái hôn

CHƯƠNG VI. BIÊN ĐỔI CƠ CẤU GIA ĐÌNH

6,1, Phân công vai trò giữa vợ và chồng trong gia đình

6.1.1. Vai trò của vợ và chồng trong các hoạt động sống của gia đình

6.1.2. Quyền quyết định trong gia đình

6.1.3. Tiếp cận các nguồn lực phát triển của gia đình

6,2, Vai trò của chủ hộ

6.2.1. Vai trò của chủ hộ trong gia đình

6.2.3. Sự biến đổi của vai trò chủ hộ

6.2.3. Cấu trúc của chủ hộ

6.2.4. Hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ

6.3. Quy mô gia đình và hình thái gia đình

6.3.1. Quy mô gia đình

6.3.2. Nguyên nhân của biến đổi quy mô gia đình

6.3.3. Các hình thái gia đình trong xã hội hiện đại

6.3.4. Sự biến đổi của các hình thái gia đình Việt Nam

6,4, Mô hình nơi ở

6.4.1. Sự lựa chọn nơi ở của người già

6.4.2. Nhu cầu tình cảm của người già

CHƯƠNG VII. XÃ HỘI HOÁ GIA ĐÌNH VÀ QUÁ TRÌNH TƯƠNG TÁC

7.1. Một số quan điểm về chức năng xã hội hóa của gia đình

7.2. Môi quan hệ của gia đình với cá nhân và cấu trúc xã hội

7.3. Cấu trúc gia đình và sự xã hội hoá đứa trẻ

7.4. Sự phát triển của cá nhân

7.5. Nội dung giáo dục trong gia đình Việt Nam ngày nay

7.6. Môi quan hệ giữa gia đình trường học và các thiết chế khác

CHƯƠNG VIII. GIA ĐÌNH VÀ SỰ SINH ĐẼ

8.1. Một vài nhân tố ảnh hưởng đế sinh đẻ

8.1.1. Sức ép về con cái đối với các cặp vợ chồng

8.1.2. Sức ép về tuổi kết hôn

8.1.3. Khoảng cách giữa các lần sinh

8.1.4. Trình độ học vấn và giáo dục

8.1.5. Chi phí cho con cái

8.1.6. Việc làm

8.1.7. Chính sách kinh tế-xã hội

8.1.8. Các dịch vụ tránh thai

8.2. Hiện trạng về mức sinh và sức khoẻ sinh sản

8.2.1. Hiện trạng về mức sinh

8.2.2. Sử dụng biện pháp tránh thai

8.2.3. Quan hệ tình dục

8.2.4. Về việc nạo, phá thai

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG HỘ GIA ĐÌNH

9.1. Những đặc trưng của hộ gia đình nông dân

9.1.1. Đất đai

9.1.2. Lao động

9.1.3. Nguồn vốn sản xuất kinh doanh

9.1.4. Hệ thống công cụ sản xuất

9.2. Cơ cấu sản xuất kinh doanh

9.3. Kỹ thuật canh tác

9.4. Môi trường sản xuất kinh doanh

9.5. Thu nhập

9.6. Phân công lao động trong gia đình

CHƯƠNG X. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU GIA ĐÌNH

- 10.1. Giới thiệu nghiên cứu gia đình
- 10.2. Thiết kế nghiên cứu
- 10.3. Đo lường
- 10.4. Phương pháp lấy mẫu
- 10.5. Thu thập dữ liệu
- 10.6. Phân tích dữ liệu
- 10.7. Trình bày kết quả nghiên cứu

HỌC PHẦN **XÃ HỘI HỌC NÔNG THÔN** **Rural Sociology**

1. Mã học phần: SOC 3042
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
Giảng viên 1:
 - Họ và tên: Nguyễn Đức Truyền
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
 - Đơn vị công tác: Viện Xã hội học.*Giảng viên 2:*
 - Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức:

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất môn xã hội học nông thôn, cung cấp cho sinh viên những tri thức về quá trình biến đổi nông thôn Việt Nam cũng như các chủ đề chính trong môn xã hội học nông thôn. Với những kiến thức cơ bản được trang bị, sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các vấn đề nghiên cứu thuộc xã hội học nông thôn.

Về kỹ năng:

- Sinh viên biết cách tự tìm hiểu và xác định một vấn đề nghiên cứu cụ thể,
- Biết vận dụng tri thức xã hội học (lý thuyết) vào tìm hiểu và lý giải một chủ đề nghiên cứu,
- Biết vận dụng những tri thức, kỹ năng của phương pháp xã hội học vào nghiên cứu một đề tài cụ thể,
- Nâng cao tác phong tự học và thực hành nghiên cứu khoa học.

Về thái độ:

- Tạo cho sinh viên động cơ say mê nghiên cứu khoa học,
- Tạo ra tinh thần lao động khoa học nghiêm túc,
- Biết cách trau dồi những tri thức văn hóa để hỗ trợ cho những nghiên cứu về xã hội nông thôn, nhìn nhận đúng về sự biến đổi của nông thôn Việt Nam trong quá trình Đổi mới.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức

Học xong học phần, sinh viên phải nắm được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học nông thôn, hiểu về nông thôn với tư cách là một tiểu hệ thống xã hội lịch sử đặc thù trong xã hội tổng thể, hiểu về cơ cấu xã hội nông thôn, cơ chế hoạt động của các chủ thể xã hội nông thôn, các thể chế xã hội nông thôn, các quá trình xã hội nông thôn và sự vận hành của hệ thống xã hội nông thôn, các khái niệm nghiên cứu xã hội học nông thôn cơ bản.

- Về kỹ năng:

Sinh viên phải có kỹ năng nhớ, hiểu, phân tích một cách khoa học các kiến thức chung của học phần xã hội học nông thôn, đặc biệt phải biết vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu một vấn đề xã hội cụ thể ở nông thôn.

8. - *Về thái độ:*

Có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến nông thôn từ góc độ xã hội học. Góp phần tư vấn cho các cơ quan chức năng hoạch định chính sách xây dựng và quản lý nông thôn một cách khoa học nhằm phát triển nông thôn một cách bền vững.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

- Kiểm tra và đánh giá định kỳ: 10%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, làm đầy đủ các bài tập trên lớp

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ : 30%

Sinh viên làm 1 bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm vào thời điểm tuần thứ 7 của học kỳ. Thông qua các bài tập cá nhân và nhóm, sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích, thuyết trình và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn.

+ Kiểm tra cuối kỳ: 60%

Bằng các hình thức thi như: viết tự luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc viết tiểu luận có thể đánh giá đầy đủ nhận thức của sinh viên đối với nội dung học phần

9. **Giáo trình bắt buộc** (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Tổng văn Chung (2001). *Xã hội học nông thôn*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội,

2. Tô Duy Hợp (chủ biên) (1997). *Xã hội học nông thôn*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

3. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Phương pháp nghiên cứu xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001

Học liệu tham khảo

1. Baker, Hans and Winson, Anthony. Rural Sociology, in Contemporary Sociology: Critical Perspectives, Li, Peter S. and B. Singh Bolaria (eds.), 1993, Copp Clark Pitman.

2. Hilliard, Sam. *The Sociology of Rural Life*. Berge, 2007.

3. Nguyễn Tuấn Anh and Annuska Derks. 2011. "Toàn cầu hóa và bản sắc làng Việt ở miền Bắc" Trong: *Những vấn đề xã hội học trong sự biến đổi xã hội*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Nguyễn Tuấn Anh. 2010. *Kinship as Social Capital: Economic, Social and Cultural Dimensions of Changing Kinship Relations in a Northern Vietnamese Village*. Doctoral

dissertation. Vrije Universiteit Amsterdam, The Netherlands. ISBN/EAN: 978-90-5335-271-1. 278 pages.

5. Nguyễn Đức Truyền, Kinh tế hộ nông dân và các quan hệ xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng, Hà nội, Nxb KHXH, 2003.

6. Nguyen Tuan Anh, Jonathan Rigg, Luong Thi Thu Huong and Dinh Thi Dieu. 2012. "Becoming and being urban in Hanoi: Rural-urban migration and relations in Viet Nam". *Journal of Peasant Studies*, Issue 5(39): 1103-1131.

7. Ritzer, George. *Contemporary Sociological Theory and its Classical Roots*, McGrawHill, 2003.

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Xã hội học Nông thôn giúp cho người học hiểu được xã hội nông thôn với tư cách là một hệ thống xã hội đặc thù, với những hình thức tồn tại, những cấu trúc và xu hướng biến đổi đặc thù. Xã hội học nông thôn cung cấp cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu cho phép phát hiện các xu hướng tồn tại và phát triển, có tính phổ quát hay đặc thù chi phối các quan hệ xã hội ở nông thôn. Học phần này cũng cung cấp những khái niệm phản ánh những khía cạnh khác nhau của hệ thống xã hội nông thôn như kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa, vv, các nhóm, các tổ chức, các cộng đồng xã hội nông thôn, mối quan hệ của các cộng đồng (đơn vị xã hội) với xã hội tổng thể và Nhà nước. Từ đó, xã hội học Nông thôn cho phép tìm hiểu các động thái biến đổi của nông thôn Việt Nam trong quá trình Đổi mới, cũng như trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

11. Nội dung chi tiết học phần (*chương, mục, tiểu mục...*):

Phần I: Nhập môn xã hội học nông thôn

Bài 1: Đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và chức năng của xã hội học nông thôn

1.1 . Về sự cần thiết của xã hội học nông thôn.

1.2 . Xã hội học nông thôn với tư cách là chuyên ngành xã hội học.

1.3 . Đối tượng nghiên cứu của xã hội học nông thôn

1.4 . Phạm vi nghiên cứu của xã hội học nông thôn. Mối liên hệ của XHH NT với các chuyên ngành xã hội học và các khoa học xã hội khác.

Bài 2: Phương pháp nghiên cứu trong xã hội học nông thôn

2.1. Các cách tiếp cận của XHH NT

2.2. Các lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu về xã hội nông thôn.

2.3 .Các phương pháp xã hội học đ trong nghiên cứu về nông thôn.

2.4. Đơn vị nghiên cứu trong xã hội học nông thôn: hộ gia đình,làng, vùng và miền

Bài 3: Xã hội nông thôn, một bộ phận cấu thành của xã hội tổng thể

3.1. Khái niệm nông thôn

3.2. Những dấu hiệu phân biệt xã hội nguyên thủy, xã hội nông thôn và xã hội đô thị

3.3. Hệ sinh thái và mô hình cư trú nông thôn

Phần II:

Bài 4: Sự biến đổi của xã hội Việt nam

4.1. Lý thuyết xã hội học về biến đổi xã hội

4.2. Quá độ từ một xã hội nông thôn nông nghiệp truyền thống sang một xã hội đô thị công nghiệp hiện đại

4.3. Tóm tắt lịch sử xã hội Việt nam

Bài 5 : Sự biến đổi về dân cư

5.1. Sự biến đổi mức sinh

5.2. Sự di cư nông thôn đô thị

5.3. Dân cư nông thôn và dân cư đô thị

5.4. Dân cư nông thôn nông nghiệp và dân cư nông thôn phi nông

5.5. Lực lượng lao động

Bài 6: Sự biến đổi về kinh tế

6.1. Thời kỳ khôi phục kinh tế 1954-1957

6.2. Thời kỳ tập thể hóa 1958- 1980

6.3. Thời kỳ Đổi mới 1981 đến nay

Bài 7 : Kinh tế hộ nông dân trong nông nghiệp trước 1960

7.1. Kinh tế hộ nông dân và sản xuất tự cung tự cấp

7.2. Tổ chức của kinh tế hộ nông dân

7.3. Kinh tế hộ nông dân và nguyên tắc tương trợ cộng đồng

7.4. Tinh thần cộng đồng và vai trò của tổ đổi công trong thời kỳ khôi phục kinh tế

Bài 8 : Kinh tế hộ nông dân trong thời kỳ tập thể hóa 1960- 1980

8.1. Hợp tác xã và quá trình tập thể hóa các tư liệu sản xuất

8.2. Mô hình quản lý sản xuất nông nghiệp theo kiểu công nghiệp

8.3. Hiệu quả thấp của kinh tế tập thể và vai trò của kinh tế phụ gia đình

8.4. Các chính sách khoán trong nông nghiệp và hiệu quả sản xuất
thời kỳ 1981-1985

Bài 9 : Kinh tế hộ nông dân trong kinh tế thị trường từ 1987 đến nay

9.1. Nghị quyết 10 và sự khôi phục kinh tế hộ nông dân

9.2. Luật đất đai 1993 sự thừa nhận quyền sử dụng đất của hộ nông dân

9.3. Kinh tế thị trường và những trở ngại của kinh tế hộ nông dân

9.4. Kinh tế hộ nông dân trước các mô hình phát triển kinh tế nông thôn

Bài 10 : Sự biến đổi của cấu trúc xã hội :

10.1. Biến đổi cấu trúc của gia đình

10.2. Cấu trúc của gia đình qua các thời kỳ :

Bài 11: Sự biến đổi của cấu trúc xã hội :

11.1. Biến đổi cấu trúc của họ hàng

11.2. Cấu trúc của họ hàng qua các thời kỳ :

Bài 12 : Sự biến đổi của cấu trúc xã hội

12.1. Cấu trúc xã hội nông thôn : cộng đồng làng xã

12.2. Cấu trúc cộng đồng làng xã trước 1945

12.3. Cấu trúc cộng đồng làng xã thời kỳ 1945-1960

12.4. Cấu trúc cộng đồng làng xã thời kỳ 1960- 1986

12.5. Cấu trúc cộng đồng làng xã từ 1987 đến nay

Bài 13: Sự biến đổi của Văn hóa

13.1. Quan niệm xã hội học về văn hoá

13.2. Văn hóa là biểu hiện của lối sống (văn hóa phi vật thể)

13.3. Văn hóa là hành vi thể hiện bản sắc (văn hóa phi vật thể)

13.4. Văn hóa là tập hợp các công trình được đề cao (văn hóa vật thể)

Phần III :

14. Xã hội Việt nam hiện nay

14.1. Cấu trúc xã hội : từ cộng đồng làng xã đồng nhất và khép kín sang một xã hội nông thôn ngày càng đa dạng hóa, cởi mở và hội nhập. Làng xóm không còn lũy tre mà hướng ra mặt đường giao thông.

14.2. Biến đổi văn hóa :

14.2.1. Quá độ từ xã hội nông thôn truyền thống sang xã hội đô thị công nghiệp hiện đại

14.2.2. Thảo luận : Một số vấn đề xã hội trong nông thôn Việt Nam hiện nay

HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ
(Urban Sociology)

1. Mã học phần : SOC 3002
2. Số tín chỉ : 02
3. Học phần tiên quyết : Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên:

Giảng viên 1:

+ Họ tên: Trịnh Văn Tùng

+ Chức danh: PSG.TS, Giảng viên Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

Giảng viên 2:

+ Họ tên: Trần Xuân Hồng

+ Chức danh: ThS. Bộ môn XHH Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

6. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức:

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất môn xã hội học đô thị, cung cấp cho sinh viên những tri thức về quá trình đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam cũng như các chủ đề chính trong môn xã hội học đô thị. Với những kiến thức cơ bản được trang bị, sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các vấn đề nghiên cứu thuộc xã hội học đô thị.

- Về kỹ năng:

Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và làm việc theo nhóm, biết cách phát hiện các vấn đề nghiên cứu và tổ chức thực hiện các nghiên cứu đó cũng như cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu.

- Về thái độ:

Sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cũng như đạo đức nghề nghiệp góp phần vào việc xây dựng ngành học xã hội học đô thị.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (*kiến thức, kỹ năng, thái độ*):

- Về kiến thức:

Học xong học phần, sinh viên phải nắm được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học đô thị, Một số lý thuyết kinh điển về xã hội học đô thị, Một số lý thuyết đương đại về xã hội học đô thị, Các phạm trù nghiên cứu cơ bản như đô thị hóa, lối sống đô thị, quản lý đô thị.

- Về kỹ năng:

Sinh viên phải có kỹ năng nhớ, hiểu phân tích một cách khoa học các kiến thức chung của học phần xã hội học đô thị, đặc biệt phải biết vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu một vấn đề xã hội cụ thể ở đô thị

- Về thái độ:

Có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến đô thị từ góc độ xã hội học. Góp phần tư vấn cho các cơ quan chức năng hoạch định chính sách xây dựng và quản lý đô thị một cách khoa học nhằm phát triển đô thị một cách bền vững.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

- Kiểm tra và đánh giá định kỳ: 10%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, làm đầy đủ các bài tập trên lớp

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ : 30%

Sinh viên làm 1 bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm vào thời điểm tuần thứ 7 hoặc 8 của học kỳ. Thông qua các bài tập cá nhân và nhóm, sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích, thuyết trình và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn.

+ Kiểm tra cuối kỳ: 60%

Bằng các hình thức thi như: viết tự luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc viết tiểu luận có thể đánh giá đầy đủ nhận thức của sinh viên đối với nội dung học phần

9. Giáo trình bắt buộc:

Học liệu bắt buộc

1. Trịnh Duy Luân (2004), *Xã hội học đô thị*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội,

2. Trịnh Duy Luân (2004), *Tìm hiểu môn Xã hội học đô thị*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Trịnh Duy Luân và Hans Shenk (Chủ biên), 2000, *Nơi ở và cuộc sống của cư dân Hà Nội*. Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin. Hà Nội.

Học liệu tham khảo

1. Hoàng Bá Thịnh, 2011, Những quan điểm cơ bản của Đảng và Chính phủ về quy hoạch đô thị và đô thị hoá, *Tạp chí Xã hội học*, 2011, *Tạp chí Xã hội học*, số 4, 2013.
2. Trịnh Duy Luân, 2013, Nhận thức của giới chuyên môn về Phát triển đô thị bền vững, *Tạp chí xã hội học*, số 1, 2013
3. Trương Minh Dục, Lê Văn Định (2013), *Lối sống đô thị Việt Nam trong quá trình đô thị hoá (sách chuyên khảo)*. Nxb Chính trị quốc gia
4. Nguyễn Minh Hoà (2012), *Đô thị học (Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn)*. Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5. Phó Đức Tùng (2014), Những bài học từ lịch sử Xã hội học đô thị cho việc bảo tồn Phố Cổ Hà Nội, truy cập tại trang <http://ashui.com/mag/tuongtac/phanbien/10759-nhung-bai-hoc-tu-lich-su-xa-hoi-hoc-do-thi-cho-viec-bao-ton-pho-co-ha-noi.html>
6. Nguyễn Hữu Minh, Nguyễn Xuân Mai (2004). Nghiên cứu nghèo khổ đô thị ở Việt Nam trong thập niên 90: Kết quả và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Xã hội học* số 3 (87).
7. Nguyễn Hữu Minh (2002). Đô thị hóa ở Việt Nam những năm 90: Một số đặc trưng kinh tế - xã hội cơ bản. *Tạp chí Xã hội học* số 1 (77).
8. Nguyễn Duy Thắng (2003). Nghèo khổ đô thị: Các nguyên nhân và yếu tố tác động. *Tạp chí Xã hội học* số 1 (81).
9. Nguyễn Duy Thắng (2004). Tác động của đô thị hóa đến nghèo khổ và phân tầng xã hội: Nghiên cứu trường hợp vùng ven đô Hà Nội. *Tạp chí Xã hội học* số 3 (87).
10. Trịnh Duy Luân, Những yếu tố xã hội của sự phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3/2000. Hà Nội

10. Tóm tắt nội dung học phần.

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học đô thị, trong đó giới thiệu về đối tượng, và sự hình thành xã hội học đô thị, một số cách tiếp cận và khái niệm cơ bản của xã hội học đô thị. Học phần này cung cấp cho sinh viên những cách tiếp cận kinh điển và đương đại của môn xã hội học đô thị. Bên cạnh đó, một số vấn đề nghiên cứu trong xã hội học đô thị cũng được giới thiệu như: đô thị hóa, cơ cấu xã hội đô thị, lối sống đô thị và nhà ở đô thị, quản lý đô thị. Qua đó, sinh viên sẽ có những tri thức về các vấn đề xã hội học đô thị ở Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (*chương, mục, tiểu mục...*):

Phần 1: Những vấn đề chung của xã hội học đô thị

Chương 1 : Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học đô thị

1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học đô thị
2. Khái quát về sự hình thành bộ môn xã hội học đô thị
3. Đô thị và các yếu tố cấu thành đô thị

Chương 2 : Một số lý thuyết xã hội học đô thị

1. Một số quan điểm xã hội học kinh điển
 - 1.1. Karl Marx và F. Engels
 - 1.2. Emile Durkheim
 - 1.3. Simmel
 - 1.4. Max Weber
2. Một số quan điểm xã hội học đương đại
 - 2.1. Trường phái Chicago
 - 2.2. Sinh thái học đô thị

Phần 2: Một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học đô thị

Chương 3: Các phạm trù nghiên cứu cơ bản của xã hội học đô thị

1. Phân phối không gian của cư dân đô thị
2. Thực hành xã hội trong môi trường đô thị
3. Tổ chức đô thị: hành động Nhà nước và hành động tư nhân

Chương 4: Đô thị hóa

1. Khái niệm
2. Đô thị hóa ở các nước đang phát triển
3. Đô thị hóa ở Việt Nam

Chương 5: Cơ cấu xã hội đô thị

1. Cộng đồng dân cư đô thị
2. Cơ cấu của cộng đồng đô thị ở Việt Nam

Chương 6: Lối sống đô thị

1. Khái niệm lối sống, lối sống đô thị
2. Những đặc trưng của lối sống đô thị

Chương 7: Nhà ở và không gian chung ở đô thị Việt Nam

1. Chính sách nhà ở
2. Một số chiều cạnh của vấn đề nhà ở
3. Không gian chung ở đô thị

Chương 8: Quản lý đô thị

1. Các nhân tố liên kết đô thị
2. Đô thị như là một không gian mâu thuẫn
3. Đô thị như là một không gian đối tác

XÃ HỘI HỌC DÂN SỐ

Sociology of Population

1. Mã học phần: SOC3011

2. Số tín chỉ: 3 tín chỉ

3. Học phần tiên quyết:

- Xã hội học đại cương - SOC1051
- Lịch sử và lý thuyết xã hội học – SOC3039
- Phương pháp nghiên cứu xã hội học – SOC3040

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Hoa.**
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Nhung**
- Chức danh, học hàm, học vị: TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học dân số học, nắm được các khái niệm cơ bản về dân số, các học thuyết về dân số, vận dụng được các lý thuyết để giải thích các vấn đề dân số.

- *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, có khả năng vận dụng các công thức để tính toán các vấn đề của dân số, có kỹ năng tổng hợp và đánh giá các chính sách dân số, các phương pháp dự báo dân số..

- *Thái độ:* Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần xã hội học, ý nghĩa xã hội của việc nghiên cứu, phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa dân số với kinh tế, giáo dục, y tế và môi trường.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Sinh viên nắm rõ những kiến thức cơ bản về học phần Xã hội học dân số

- *Kỹ năng:* Sinh viên hiểu và biết vận dụng những lý thuyết và phương pháp điều tra, nghiên cứu về dân số, chọn mẫu trong điều tra dân số. Sinh viên nhận diện những vấn đề

dân số đang diễn ra, kỹ năng phân tích, tiến hành nghiên cứu dân số theo hướng tiếp cận xã hội học.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, chủ động về những vấn đề dân số. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đối với công tác dân số

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ: 30%

Kiểm tra kết thúc học phần: 60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản)

Học liệu bắt buộc

1. Đặng Nguyên Anh (2007), Xã hội học dân số, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội

2. Phạm Bích San (1998), Giáo trình Phương pháp xã hội học trong nghiên cứu dân số và kế hoạch hoá gia đình.

3. Nguyễn Hữu Minh, Đặng Nguyên Anh, Vũ Mạnh Lợi (Đồng chủ biên) (2009), *Dân số Việt Nam qua các nghiên cứu xã hội học*, NXB KHXH

Học liệu tham khảo

1. Phạm Văn Quyết (2007), *Tôn giáo và biến đổi mức sinh (Từ trường hợp thiên chúa giáo xứ đạo Bùi Chu – Nam Định)*, NXB ĐHQGHN

2. Nguyễn Quốc Anh (2003), *Hoàn thiện hệ thống thông tin Quản lý dân số ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.

3. Nguyễn Minh Thắng, *Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu xã hội học và dân số*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. 1998

4. Thủ tướng chính phủ, *Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020*. 2011

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học dân số. Học phần này đi sâu vào một số kiến thức chung về dân số như: Sự phân bố và thành phần dân cư; Sự biến đổi dân số và các lý thuyết; Mức sinh, mức chết; Di dân và Đô thị hoá. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu về mối quan hệ giữa dân số và các điều kiện kinh tế xã hội như giáo dục, y tế, môi trường, kinh tế. Phần cuối của học phần này, chúng tôi dành một chương để giới thiệu về chất lượng

dân số, bao gồm cách tính chỉ số để đo chất lượng dân số Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dân số Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

CHƯƠNG I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA XÃ HỘI HỌC DÂN SỐ

- 1.1. Sự cần thiết của tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu dân số
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học dân số
- 1.3. Các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu dân số
 - 1.3.1. Điều tra dân số
 - 1.3.2. Phương pháp chọn mẫu

CHƯƠNG II. SỰ PHÂN BỐ VÀ THÀNH PHẦN DÂN SỐ

- 2.1. Sự phân bố dân số diễn ra không đồng đều giữa các vùng địa lý - kinh tế
 - 2.1.1 Mô hình chung về sự phân bố dân số toàn cầu
 - 2.1.2. Các yếu tố của sự phân bố dân số ở Việt Nam
- 2.2. Cơ cấu theo giới tính và độ tuổi

CHƯƠNG III. SỰ BIẾN ĐỔI DÂN SỐ VÀ CÁC LÝ THUYẾT VỀ SỰ BIẾN ĐỔI DÂN SỐ

- 3.1. Sự biến đổi dân số thế giới
- 3.2. Các lý thuyết về sự biến đổi dân số
 - 3.2.1. Malthus và các học thuyết dân số ở thế kỷ XIX
 - 3.2.2. Lý thuyết quá độ dân số (Mô hình quá độ dân số)
 - 3.2.3. Lý thuyết sinh đẻ

CHƯƠNG IV. MỨC SINH CỦA DÂN SỐ: MÔ HÌNH VÀ XU HƯỚNG

- 4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu của mức sinh
 - 4.1.1. Tỷ suất sinh thô (CBR - Crude birth rate)
 - 4.1.2. Tỷ suất sinh chung: (GFR - General fertility rate)
 - 4.1.3. Tỷ suất sinh đặc thù theo lứa tuổi
 - 4.1.4. Tổng tỷ suất sinh (tỷ suất sinh tổng quát hay tỷ suất sinh tổng cộng) (TFR- Total Fertility Rate)
 - 4.1.5. Tỷ suất tái sinh sản thô (GRR- Gross Reproduction Rate)
 - 4.1.6. Tỷ suất tái sinh sản tinh (thuần túy) (NRR- Net Reproduction Rate)
- 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng và xu hướng biến động mức sinh
 - 4.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh
 - 4.2.2. Xu hướng và sự khác biệt mức sinh

CHƯƠNG V. MỨC CHẾT CỦA DÂN SỐ: MÔ HÌNH VÀ XU HƯỚNG

5.1. Các chỉ tiêu cơ bản của mức chết:

* Chết

* Chết bào thai

* Chết không tuổi

5.2. Các chỉ tiêu cơ bản của mức chết

5.2.1. Tỷ suất chết thô (CDR) (Crude Death Rate)

5.2.2. Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi (ASDR) (Age Specific Death Rate)

5.2.3. Tỷ suất chết không tuổi (IMR)(Infant Mortality Rate)

5.2.4. Tỷ suất chết bào thai muộn

5.2.5. Triển vọng sống trung bình

5.3. Các bước quá độ của mức chết

5.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới mức chết

5.5. Các yếu tố xã hội của mức chết

CHƯƠNG VI. NHỮNG KHÍA CẠNH XÃ HỘI CỦA DI DÂN VÀ ĐÔ THỊ HOÁ

6.1. Khái niệm di dân

6.2. Các chỉ tiêu đo lường về di dân

6.3. Nguyên nhân của di dân

6.3.1. Nguyên nhân “hút-đẩy” tại vùng chuyên đến và vùng chuyên đi

6.3.2. Nguyên nhân có liên quan đến sự đồng thuận

6.4. Các loại hình di dân

6.4.1. Di dân có tổ chức

6.4.2. Di dân không có tổ chức

6.5. Di dân ở các nước trong khu vực và thế giới

6.6. Đô thị hoá

CHƯƠNG VII. DÂN SỐ VỚI ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

7.1. Dân số và giáo dục

7.1.1. Tác động của dân số đến giáo dục

7.1.2. Tác động của giáo dục đến dân số

* Kết luận

7.2. Dân số và y tế

7.2.1. Tác động của dân số đến y tế

7.2.2. Tác động của y tế đến dân số

* Kết luận

7.3. Dân số, tài nguyên và môi trường

7.3.1. Môi trường và sử dụng tài nguyên

7.3.2. Kết luận

7.4. Dân số và kinh tế

7.4.1. Khái quát chung về mối liên hệ giữa dân số và việc làm

7.4.2. Tăng dân số và sức ép về việc làm

7.4.3. Quan hệ giữa di chuyển dân cư, việc làm và thu nhập

7.4.4. Gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế

CHƯƠNG VIII : CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ

8.1. Các khái niệm

8.2. Các yếu tố kinh tế- xã hội tác động đến chất lượng dân số

8.3. Xây dựng bộ công cụ để đánh giá chất lượng dân số

8.4. Chất lượng dân số Việt Nam

8.4.1. Kiến tạo chỉ số CLDS (PQI)

8.4.2. Tính toán CLDS(PQI) và các tiêu chí KTXH(LSM)

8.4.3. Nghiên cứu tương quan giữa một số yếu tố kinh tế xã hội và CLDS

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC MÔI TRƯỜNG

1. Mã học phần: SOC3015
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết:
 - Xã hội học đại cương - SOC1051
 - Lịch sử và lý thuyết xã hội học – SOC3039
 - Phương pháp nghiên cứu xã hội học – SOC3040
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: ThS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Xã hội học Môi trường, bao gồm: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, cơ sở lý thuyết, và các chủ đề quan trọng trong Xã hội học Môi trường. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức truyền thông môi trường, cũng như những vấn đề môi trường nổi bật ở Việt Nam hiện nay.

- *Kỹ năng:* Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng xây dựng đề tài nghiên cứu và triển khai đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Xã hội học Môi trường. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các dự án liên quan đến môi trường.

- *Thái độ:* Học phần giúp xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu Xã hội học Môi trường và ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức*: Sinh có được kiến thức cơ bản, hệ thống về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, cơ sở lý thuyết, và các chủ đề cơ bản của Xã hội học Môi trường, cũng như những kiến thức liên quan đến truyền thông môi trường và các vấn đề môi trường nổi bật ở Việt Nam hiện nay.

- *Kỹ năng*: Sinh viên có kỹ năng xây dựng đề tài nghiên cứu, triển khai đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Xã hội học Môi trường, cũng như kỹ năng xây dựng và thực hiện các dự án liên quan đến môi trường.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu Xã hội học Môi trường và ý thức bảo vệ môi trường.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

12. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần

13. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp

14. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

15. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần

16. Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

17. Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

18. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

19. Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận

20. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Võ Tuấn Nhân, Nguyễn Tuấn Anh (đồng chủ biên). *Xã hội học Môi trường - Một số nghiên cứu phục vụ xây dựng pháp luật và quản lý*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

2. Vũ Cao Đàm. *Nghiên cứu xã hội về môi trường*. Nhà Xuất Bản Khoa học và Kỹ thuật, 2008.

Học liệu tham khảo

1. Hannigan, John. *Environmental Sociology*. Routledge, 2006.
2. Gould, Kenneth.A; Lewis, Tammy L. *Twenty Lessons in Environmental Sociology*. Oxford University Press, 2009.
3. Vũ Cao Đàm. *Xã hội học môi trường*. Nhà Xuất Bản Khoa học và Kỹ thuật, 1992.

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được chia làm 5 chương. Chương 1 chỉ rõ đối tượng nghiên cứu, trình bày tóm lược lịch sử hình thành, phát triển của Xã hội học Môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. Chương 2 cung cấp cơ sở lý luận cho nghiên cứu Xã hội học Môi trường qua việc giới thiệu một số quan điểm lý thuyết, lý thuyết trong bộ môn này. Chương 3 bàn về các chủ đề cơ bản trong Xã hội học Môi trường. Chương 4 đề cập đến truyền thông môi trường. Sau cùng, chương 5 tập trung vào những vấn đề môi trường nổi bật ở Việt Nam, qua đó gợi ý cho việc xây dựng các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Xã hội học Môi trường ở Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. Nhập môn Xã hội học Môi trường

1.1. Môi trường và con người

1.2. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học Môi trường

1.3. Sơ lược về lịch sử Xã hội học Môi trường trên thế giới

1.4. Sự hình thành và phát triển của Xã hội học Môi trường ở Việt Nam

Chương 2. Một số quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu Xã hội học Môi trường

2.1. Các quan điểm từ di sản kinh điển

2.2. Các lý thuyết đương đại

2.3. Khuynh hướng kiến tạo và khuynh hướng duy thực

Chương 3. Những chủ đề cơ bản của Xã hội học Môi trường

- 3.1. Bất bình đẳng môi trường
- 3.2. Xung đột Môi trường
- 3.3. An ninh môi trường
- 3.4. Phong trào môi trường
- 3.5. Giới và môi trường
- 3.6. Môi trường và phát triển bền vững

Chương 4. Truyền thông môi trường

- 4.1. Khái niệm truyền thông và quá trình truyền thông
- 4.2. Lịch sử khái niệm truyền thông môi trường và mục đích truyền thông môi trường
- 4.3. Xây dựng thông điệp truyền thông môi trường
- 4.4. Các bước trong chiến lược truyền thông môi trường

Chương 5. Môi trường ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và những vấn đề đặt ra

- 5.1. Môi trường trong quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp
- 5.2. Môi trường trong sản xuất nông nghiệp và phát triển ngành nghề
- 5.3. Môi trường với việc trồng rừng, quản lý và hủy hoại rừng
- 5.4. Môi trường trong phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hóa
- 5.5. Biến đổi khí hậu và biến đổi kinh tế - xã hội

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC VĂN HÓA
(Sociology of culture)

1. Mã học phần: SOC3005

2. Số tín chỉ: 03

3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương (SOC1051), Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC3039), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC3040).

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): Mai Thị Kim Thanh, TS, Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

+ *Kiến thức:* Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về lý thuyết cũng như phương pháp nghiên cứu văn hoá dưới góc độ xã hội học. Đồng thời giúp người học hiểu rõ hơn về sự vận hành của văn hoá trong đời sống xã hội, sự tiếp cận Văn hoá - Nghệ thuật, Lễ Hội của các nhóm xã hội hiện nay

+ *Kỹ năng:* Giúp người học rèn luyện các phương pháp, kỹ năng triển khai một nghiên cứu về văn hoá dưới chiều cạnh xã hội học, trên cơ sở đó họ có thể vận dụng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh xung quanh mình và trong cộng đồng mình.

+ *Thái độ:* Giúp người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần, từ đó nói lên được quan điểm của cá nhân về sự liên hệ những kiến thức đã học vào hoạt động sống. Giúp họ không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mình với tư cách là một con người xã hội vì sự phát triển và tiến bộ văn hoá xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Giúp người học có kiến thức về các vấn đề chung trong Xã hội học văn hóa, nắm được đối tượng, các chức năng, nhiệm vụ cơ bản, những yếu tố thực thể của văn hóa, một số cách tiếp cận, phương pháp, quan điểm lý thuyết liên quan tới văn hóa, cũng như một số lĩnh vực hoạt động của văn hóa trong đời sống xã hội (kinh tế, giáo dục, tâm linh...)

Về kỹ năng: Giúp người học có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng văn hóa từ góc độ xã hội học.

Về thái độ: Giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần xã hội học văn hóa, vai trò của văn hóa trong xã hội. Có ý thức tiếp cận các sự kiện, hiện

tượng văn hóa ở Việt Nam từ góc độ xã hội học, góp phần vào việc nâng cao nhận thức của xã hội về văn hóa, đấu tranh với các hiện tượng không văn hóa trong lối sống và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội.....

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

21. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
22. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
23. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

24. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
25. Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc học phần

26. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
27. Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
28. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Mai Thị Kim Thanh. Xã hội học văn hoá. NXB Giáo dục 2010
2. Đoàn Văn Chúc. Xã hội học văn hoá. NXB Văn hoá thông tin 1997
3. Mai Văn Hai. Mai Kiệm: Xã hội học văn hoá, NXB KHXH 2003.

Học liệu tham khảo

1. Trần Quốc Vượng: *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục 1997.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học văn hóa, trong đó giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và sự hình thành xã hội học văn hóa, những khái niệm cơ bản, lý thuyết làm nền tảng, phương pháp tiếp cận dưới chiều cạnh XHH Văn hoá, kiến thức chung về các thành tố của văn hoá nhằm giúp thuận lợi trong phát hiện vấn đề, hiện tượng nảy sinh đang diễn ra trong đời sống xã hội. Học phần này cung cấp cho người học một số vấn đề về văn hóa Việt Nam và nghiên cứu xã hội học văn hóa Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần(chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của XHH Văn hoá

1.1. Vị trí, vai trò của XHH Văn hoá trong tình hình hiện nay

1.2. Đối tượng nghiên cứu của XHH Văn hoá.

Quan niệm thông thường về văn hoá

Quan niệm của xã hội phương Đông, phương Tây về văn hoá.

Văn hoá với tư cách là đối tượng nghiên cứu của xã hội học.

1.3. Mối quan hệ giữa XHH Văn hoá với một số chuyên ngành của XHH và một số ngành khoa học khác cũng nghiên cứu về văn hoá

Mối quan hệ giữa XHH Văn hoá với một số chuyên ngành của XHH trong hệ thống các chuyên ngành XHH.

Mối quan hệ giữa XHH Văn hoá với một số ngành khoa học khác cũng nghiên cứu về văn hoá.

1.4. Chức năng, nhiệm vụ của XHH Văn hoá.

Chức năng của XHH Văn hoá

Nhiệm vụ của XHH Văn hoá

1.5. Vài nét về sự hình thành và phát triển của XHH Văn hoá.

Chương 2: Một số lý thuyết và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu XHH văn hóa

1. Lý thuyết

- Lý thuyết của M. Weber (trong phân tích văn hoá)
- Lý thuyết tương đối văn hoá của M.Herskovits và Framz Boas.
- Lý thuyết chức năng luận trong nghiên cứu văn hoá
- Lý thuyết tương tác biểu trưng (G.H.Mead, H. Blumer) .
- Thuyết hành vi lựa chọn của George Homans
- Lý thuyết cấu trúc- chức năng

2.2. Một số phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu XHHVH

- Cách tiếp cận cấu trúc- chức năng.
- Cách tiếp cận hệ thống.
- Cách tiếp cận theo thuyết xung đột
- Cách tiếp cận gắn nhãn
- Cách tiếp cận theo hướng sinh thái học văn hoá.

Chương 3: Văn hóa và các thành tố của văn hóa

3.1. Giá trị - Chuẩn mực

- Giá trị
- Chuẩn mực

- Giá trị - Chuẩn mực và sự chuyển đổi của nó trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.2. Biểu tượng

- Khái niệm biểu tượng
- Đặc điểm của biểu tượng
- Phân loại biểu tượng

3.3. Văn hoá dân gian

- Khái niệm
- Các loại hình văn hoá dân gian
- Các chức năng của văn hoá dân gian

3.4. Văn hoá-Nghệ thuật

- Khái niệm
- Chức năng của văn hoá nghệ thuật
- Các thành tố của văn hoá- nghệ thuật

3.5. Lối sống

- Khái niệm
- Một số đặc điểm cơ bản của lối sống
- Phân loại lối sống
- Xây dựng lối sống Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.

3.6. Lễ hội

- Khái niệm
- Phân loại
- Chức năng và vai trò lễ hội trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng
- Hoạt động lễ hội ở Việt Nam hiện nay

Chương 4: Văn hoá qua một số lĩnh vực hoạt động

4.1. Văn hoá trong hoạt động kinh tế

4.2. Văn hoá tâm linh.

4.3. Văn hoá trong hoạt động giáo dục

4.4. Văn hoá đóng vai trò vui chơi, giải trí.

4.5 Văn hoá trong vai trò điều chỉnh các quan hệ xã hội.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC
(Sociology of Education)

1. Mã học phần: SOC 3012
2. Số tín chỉ: 02
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, lịch sử và lý thuyết xã hội học, phương pháp nghiên cứu xã hội học.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Học phần này sẽ giúp cho sinh viên nắm được những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất của môn xã hội học giáo dục, hiểu được sự khác biệt giữa cách tiếp cận xã hội học và các cách tiếp cận khác khi nghiên cứu về giáo dục. Giới thiệu cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu điền dã. Với những kiến thức cơ bản được trang bị, sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các sự kiện, hiện tượng liên quan đến vấn đề giáo dục.

Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào bối cảnh nghiên cứu hệ thống giáo dục cụ thể ở Việt Nam. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và làm việc theo nhóm, biết cách phát hiện các vấn đề nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích vấn đề nghiên cứu.

Về thái độ người học cần đạt được: Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần xã hội học giáo dục. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cũng như đạo đức nghề nghiệp, có ý thức góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục, phát huy vai trò của giáo dục trong thực tế đời sống xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần xã hội học giáo dục, nắm được các khái niệm cơ bản trong xã hội học giáo dục, một số quan điểm lý thuyết xã hội học giáo dục cũng như tình hình giáo dục ở Việt Nam.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng giáo dục từ góc độ xã hội học.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần xã hội học giáo dục vai trò của giáo dục trong xã hội. Có ý thức tiếp cận các sự kiện, hiện tượng giáo dục ở Việt Nam từ góc độ xã hội học, góp phần vào việc nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục và phát huy vai trò của giáo dục trong phát triển xã hội.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc:

Học liệu bắt buộc

1. Lê Ngọc Hùng, Xã hội học giáo dục, NXB Lý luận Chính trị. Hà Nội 2006 (Tài liệu có thể tìm tại địa chỉ: http://db.lic.vnu.edu.vn:2129/iii/cpro/DigitalItemViewPage.external?lang=vie&sp=1042485&sp=T&sp=Pal%2CRu1000001%40%2CQlc_02593&suite=def)
2. Luật giáo dục. Nxb Giáo dục, Hà Nội 2005. (Tài liệu có thể tìm tại địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-2005-38-2005-QH11-2636.aspx>)
3. John J. Macionis. Xã hội học. Nxb Thống kê, Hà nội, 2004.
(Tìm thấy tại: Phòng tư liệu Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQG Hà Nội)

Học liệu tham khảo

1. Quốc Hội(2012). Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)
(Down được ở đây: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-711-QĐ-TTg-nam-2012-Chien-luoc-phat-trien-giao-duc-2011-2020-141203.aspx>)
2. Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Đặng Bá Lãm. Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI (sách tham khảo) NXB ĐHQG Tp Hà nội, 2002 (Tìm thấy tại: Trung tâm Thông tin Thư viện ĐHQGHN)

10. Tóm tắt nội dung học phần :

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học giáo dục, trong đó giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và sự hình thành xã hội học giáo dục, một số cách tiếp cận và khái niệm cơ bản của xã hội học giáo dục. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số cách tiếp cận lý thuyết khác nhau trong nghiên cứu giáo dục như 1 tiểu hệ thống, một thiết chế cơ bản của xã hội.

Vận dụng các lý thuyết xã hội học để xem xét hàng loạt các mối quan hệ trong lĩnh vực giáo dục cũng như các vấn đề của giáo dục xưa và nay, đặc biệt là giáo dục trong thời kỳ công nghiệp, những ưu và nhược điểm của hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG – CƠ CẤU CỦA XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC

1. Xã hội học giáo dục là gì
 - 1.1. Giáo dục
 - 1.2. Giáo dục học
 - 1.3. Xã hội học giáo dục
 - 1.4. Lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học giáo dục
2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học giáo dục
3. Mối quan hệ giữa giáo dục học và xã hội học giáo dục
4. Cơ cấu của xã hội học giáo dục
5. Nhiệm vụ NC của XHH giáo dục hiện nay
6. Lược sử phát triển XHHGD
 - 5.1. XHHGD xuất hiện như thế nào
 - 5.2. Các giai đoạn phát triển của XHHGD

CHƯƠNG 2: MỐI QUAN HỆ CỦA GIÁO DỤC VỚI XÃ HỘI

1. Đặc tính của mối quan hệ
2. Một số quan điểm lý thuyết về mối quan hệ giữa giáo dục với sự phát triển KT-XH.
 - 2.1. Vai trò, tác dụng của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế – xã hội, lý giải theo thuyết chức năng
 - 2.2. Lý giải vai trò của giáo dục học đối với sự phát triển kinh tế – xã hội theo thuyết xung đột (lý giải theo lý thuyết Mácxit)
 - 2.3. So sánh hai cách giải thích trên:

CHƯƠNG 3: GIÁO DỤC NHƯ MỘT THIẾT CHẾ XÃ HỘI

1. Chức năng xã hội của giáo dục
 - 1.1. Những chức năng cơ bản của XHH GD
 - 1.1.1. Chức năng kinh tế
 - 1.2. Phát triển cơ cấu xã hội của xã hội
 - 1.3. Chức năng chính trị.
 - 1.4. Chức năng văn hóa - tinh thần.
 - 1.5. Chức năng định hướng và kiểm soát xã hội
 - 1.6. Chức năng xã hội hoá
 - 1.2. Giới thiệu một số cách gọi khác về chức năng của giáo dục
 - 1.2.1. Hội nhập xã hội
 - 1.2.2. Sắp đặt xã hội
 - 1.2.3. Chức năng đổi mới
 - 1.2.4. Chức năng chọn lọc của giáo dục
 - 1.2.5. Chức năng tiềm ẩn của giáo dục chính thức
2. Nhà trường - thiết chế giáo dục chính thức
 - 2.1. Sự cần thiết và những đặc tính cơ bản của nhà trường
 - 2.1.1. Bản chất của nhà trường
 - 2.1.2. Sự cần thiết của nhà trường
 - 2.1.3. Đặc tính cơ bản của nhà trường
 - 2.2. Cấu trúc của nhà trường
 - 2.2.1. Cấu trúc tổ chức, chức năng
 - 2.2.2. Những mối quan hệ trong hệ thống nhà trường.

2.2.3. Nhà trường với môi trường xã hội

CHƯƠNG 4: NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC - BẤT BÌNH ĐẲNG GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI.

1. Một số nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục

1.1. Nhân tố xã hội – giai cấp

1.2. Nhân tố chính sách

1.3. Tác động của quá trình bùng nổ dân số và dân số học đường

1.4. Tác động của tăng trưởng và suy thoái kinh tế

1.5. Giới tính

2. Bất bình đẳng giáo dục và xã hội.

2.1. Quan điểm về xã hội người tài năng

2.2. Quan điểm về sự ảnh hưởng kết quả giáo dục: với địa vị nghề nghiệp

2.3. Bất bình đẳng cơ hội giáo dục theo giai cấp và giới tính

CHƯƠNG 5: CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC

1. Mối quan hệ giữa người dạy và người học trong hệ thống giáo dục

1.1. Đặc điểm của mối quan hệ

1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giáo dục

1.3. Mối quan hệ người dạy và người học như mối quan hệ giữa các thế hệ

2. Hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Giáo dục phổ thông

2.2. Giáo dục chuyên nghiệp

2.3. Mối quan hệ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp

CHƯƠNG 6: MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Vài nét về tình hình giáo dục trên thế giới sau chiến tranh thế giới thứ II

1.1. Một số quan điểm về giáo dục

1.2. Giáo dục ở một số nước phát triển

2. Một số vấn đề giáo dục của Việt Nam

2.1. Một số nét về giáo dục Việt Nam từ đầu thế kỷ thứ XI đến đầu thế kỷ XX

2.1.1. Một số nhận xét chung

2.1.2. Nội dung giáo dục của nền giáo dục phong kiến Việt Nam:

2.1.3. Tài liệu giáo khoa

2.1.4. Các trường học và vấn đề tổ chức nền giáo dục

2.1.5. Tổ chức thi cử

2.2. Giáo dục Việt Nam thời kỳ pháp thuộc

2.2.1. Nhận xét chung

- 2.2.2. Hệ thống giáo dục phổ thông
- 2.2.3. Hệ thống giáo dục trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề
- 2.2.4. Hệ thống giáo dục cao đẳng
- 3. Một số nét về giáo dục cách mạng Việt Nam
 - 3.1. Hiện trạng giáo dục Việt Nam trong những năm gần đây
 - 3.2. Một số vấn đề giáo dục ở nước ta hiện nay

CHƯƠNG 7: NHỮNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CƠ BẢN TRONG NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC VỀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

- 1. Các cơ sở thông tin của xã hội học giáo dục
- 2. Những đặc điểm sử dụng các phương pháp chung của nghiên cứu xã hội vào xã hội học giáo dục

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC KINH TẾ

Economic Sociology

1. Mã học phần: SOC.3051
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương SOC 1051, Lịch sử và lí thuyết xã hội học (SOC3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
- Chức danh, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Lí thuyết và Phương pháp nghiên cứu xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học kinh tế quan trọng từ cổ điển đến hiện đại.

- *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học kinh tế trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hiện tượng kinh tế.

- *Thái độ:* Học phần giúp xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học kinh tế.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học kinh tế quan trọng.

- *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học kinh tế quan trọng trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hiện tượng kinh tế.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học kinh tế nói riêng.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

29. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần

30. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận và tham gia vào học phần

31. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

32. Điểm kiểm tra/đánh giá giữa học phần chiếm 30% tổng số điểm của học phần

33. Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

34. Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

35. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

36. Hình thức: Chọn một trong các hình thức sau: thi vấn đáp, thi viết, thi trắc nghiệm hoặc làm tiểu luận

37. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Lê Ngọc Hùng (1999). Xã hội học kinh tế, NXB ĐHQG

2. Nguyễn Quý Thanh. Phạm Văn Quyết (2001). Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Nhà xuất bản ĐHQGHN.

3. Lê Bộ Lĩnh (2002). Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

(Tìm thấy tại: Phòng tư liệu Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQG Hà Nội)

Học liệu tham khảo

1. Vũ Hào Quang (2004), Xã hội học quản lý, NXB ĐHQGHN

2. Trần Nguyệt Minh Thu (2016), Người lao động di cư từ nông thôn và quá trình hòa nhập cộng đồng đô thị, Sách chuyên khảo, NXB KHXH
3. Nguyễn Thành Công (Chủ biên) (2010), Giải pháp thực hiện hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Hà Nội giai đoạn 2010- 2020
4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050
5. Nguyễn Văn Thủ, Nguyễn Thị Vân Hạnh (2014), Những vấn đề cơ bản của XHH tổ chức, NXB giáo dục Việt Nam

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần bao gồm ba nhóm nội dung chính. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến lý thuyết xã hội học kinh tế. Nhóm thứ hai bàn đến các phương pháp nghiên cứu trong xã hội học kinh tế. Nhóm nội dung cuối cùng giới thiệu và phân tích một số nghiên cứu về xã hội học kinh tế nổi tiếng trên thế giới (đặc biệt là ở Pháp và Mỹ) và ở Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương và tiểu mục)

Chương 1. Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học kinh tế

- 1.1. Đối tượng
- 1.2. Chức năng
- 1.3. Nhiệm vụ
- 1.4. Xã hội học kinh tế và kinh tế học

Chương 2. Xã hội học kinh tế của Émile Durkheim

- 2.1. Cấu trúc xã hội và hiện tượng kinh tế trong quan niệm của Émile Durkheim
- 2.2. Hiện tượng “xã hội hóa quá độ”
- 2.3. Giải pháp điều hòa quan hệ xã hội trong kinh tế của Émile Durkheim

Chương 3. Xã hội học kinh tế của Max Weber

- 3.1. Quá trình hình thành tư bản phương Tây
- 3.2. Hành động duy lý công cụ và hiện tượng kinh tế trong quan niệm của Max Weber
- 3.3. Hiện tượng “xã hội hóa chưa đến độ”

3.4. Giải pháp điều hòa quan hệ xã hội trong kinh tế của Max Weber

Chương 4. Xã hội học kinh tế của Karl Marx

4.1. Quá trình hình thành tư bản phương Tây

4.2. Giá trị thặng dư

4.3. Quan điểm xung đột giai cấp trong hiện tượng kinh tế

4.4. Giải pháp giải quyết xung đột

Chương 5. Luật tự nhiên của Thomas Hobbes và hiện tượng kinh tế

5.1. Một số vấn đề của xã hội học kinh tế cổ điển

5.2. Quyền tự nhiên và hiện tượng kinh tế

5.3. Luật tự nhiên và hiện tượng kinh tế

Chương 6. Xã hội học kinh tế của Mark Granovetter

6.1. Một số vấn đề của Luật tự nhiên của Thomas Hobbes

6.2. Quan điểm “Sức mạnh đến từ liên hệ yếu” của Mark Granovetter

6.3. Giới thiệu một số nghiên cứu của Mark Granovetter

Chương 7. Xã hội học kinh tế của James Coleman

7.1. Quan điểm “vốn xã hội” trong hiện tượng kinh tế của James Coleman

7.2. Giới thiệu một số nghiên cứu của James Coleman

Chương 8. Xã hội học kinh tế của Pierre Bourdieu

8.1. Các hình thức vốn

8.2. “Trường”

8.3. Phương pháp luận biện chứng trong “vốn xã hội” của Pierre Bourdieu

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC TÔN GIÁO

(Sociology of Religion)

1. Mã học phần: SOC 3020

2. Số tín chỉ: 02

3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học.

6. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): Hoàng Thu Hương, PGS.TS, Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Học phần này sẽ giúp cho sinh viên nắm được những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất môn xã hội học tôn giáo, hiểu được sự khác biệt giữa cách tiếp cận xã hội học và các cách tiếp cận khác khi nghiên cứu về tôn giáo. Giới thiệu cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu điền dã. Với những kiến thức cơ bản được trang bị, sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các sự kiện, hiện tượng liên quan đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào bối cảnh nghiên cứu tín ngưỡng, tôn giáo cụ thể ở Việt Nam. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và làm việc theo nhóm, biết cách phát hiện các vấn đề nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích vấn đề nghiên cứu.

Về thái độ người học cần đạt được: Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần xã hội học tôn giáo. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cũng như đạo đức nghề nghiệp, có ý thức góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về tín ngưỡng và tôn giáo, đấu tranh với các hiện tượng mê tín, lợi dụng tôn giáo.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của bộ môn xã hội học tôn giáo, nắm được các khái niệm cơ bản trong xã hội học tôn giáo, một số quan điểm lý thuyết xã hội học tôn giáo cũng như tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích sự kiện, hiện tượng tôn giáo từ góc độ xã hội học.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần xã hội học tôn giáo, vai trò của tôn giáo trong xã hội. Có ý thức tiếp cận các sự kiện, hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam từ góc độ xã hội học, góp phần vào việc nâng cao nhận

thức của xã hội về tín ngưỡng và tôn giáo, đấu tranh với các hiện tượng mê tín, lợi dụng tôn giáo.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Oliver Bobineau và Sébastien Tank-Storper (2012), Xã hội học Tôn giáo, NXB Thế giới, Hà Nội
3. Trác Tân Bình (2007), Lý giải tôn giáo, NXB Hà Nội, Hà Nội

Học liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Kim Hiền (2001), Một số nét đại cương về Xã hội học tôn giáo ở Phương Tây, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 3, tr.17-25
2. Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm (tổ chức bản thảo) (2008), Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay, NXB Thế giới, Hà Nội.
3. Nguyễn Xuân Nghĩa (2002), Định nghĩa về tôn giáo và những hệ luận trong nghiên cứu quá trình thế tục hóa (nhìn từ góc độ xã hội học), Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 2, tr. 21-27

4. Nguyễn Xuân Nghĩa (2005), Các chiều kích của tính tôn giáo, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 1.

5. Anol Bhattacharjee (2015), Nghiên cứu khoa học xã hội: nguyên lý, phương pháp và thực hành, NXH Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Tài liệu tiếng Anh

1. Alan Aldridge (2000), Religion in the Contemporary World : A Sociological Introduction, Polity Press, USSA
2. Richard K. Fenn (2003), The Blackwell Companion to Sociology of Religion, Blackwell Publishing Ltd., USSA.

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học tôn giáo, trong đó giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và sự hình thành xã hội học tôn giáo, một số cách tiếp cận và khái niệm cơ bản của xã hội học tôn giáo. Học phần này cung cấp cho sinh viên về sự đóng góp cũng như một số công trình nghiên cứu xã hội học tôn giáo tiêu biểu của một số nhà xã hội học kinh điển. Bên cạnh đó, một số vấn đề về tôn giáo Việt Nam và nghiên cứu xã hội học tôn giáo Việt Nam cũng được giới thiệu cho sinh viên.

11. Nội dung chi tiết học phần(chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1: Những vấn đề chung của môn xã hội học tôn giáo

1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học tôn giáo
2. Mối quan hệ giữa xã hội học tôn giáo và một số ngành khoa học khác nghiên cứu về tôn giáo
 - 2.1. Xã hội học tôn giáo và Triết học tôn giáo
 - 2.2. Xã hội học tôn giáo và Tâm lý học tôn giáo
 - 2.3. Xã hội học tôn giáo và Thần học
 - 2.4. Xã hội học tôn giáo và Nhân học tôn giáo
3. Khái quát về sự hình thành bộ môn Xã hội học tôn giáo
4. Một số phương pháp nghiên cứu Xã hội học tôn giáo

Chương 2: Các cách tiếp cận nghiên cứu xã hội học tôn giáo của một số nhà xã hội học kinh điển

1. Emile Durkheim và cách tiếp cận xã hội học tôn giáo
2. Max Weber và cách tiếp cận xã hội học tôn giáo

3. Karl Marx và cách tiếp cận xã hội học tôn giáo

Chương 3: Một số khái niệm cơ bản trong xã hội học tôn giáo

1. Tôn giáo
2. Cái thiêng
3. Hành vi tôn giáo
4. Tổ chức tôn giáo
5. Thế tục hóa

Chương 4: Một số cách tiếp cận lý thuyết xã hội học và nghiên cứu xã hội học tôn giáo

1. Lý thuyết chức năng
2. Lý thuyết xung đột
3. Lý thuyết lựa chọn hợp lý

Chương 5: Khái quát về tình hình tôn giáo và nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam

1. Đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt
2. Một số tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.1. Phật giáo
 - 2.2. Thiên chúa giáo
 - 2.3. Đạo Mẫu
 - 2.4. Một số tôn giáo khác
3. Tình hình nghiên cứu tôn giáo và xã hội học tôn giáo ở Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC DU LỊCH

Sociology of tourism

1. Mã học phần: SOC.3016
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Lịch sử và lí thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
- Chức danh, học vị: PGS. TS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: ThS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học ứng dụng trong phân tích hoạt động du lịch.

- *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học ứng dụng trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hiện hoạt động du lịch.

- *Thái độ:* Học phần giúp xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học du lịch.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học du lịch.

- *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học du lịch quan trọng trong nghiên cứu các khía cạnh xã hội của hoạt động du lịch.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học du lịch nói riêng.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

38. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần

39. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận và tham gia vào học phần

40. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

41. Điểm kiểm tra/đánh giá giữa học phần chiếm 30% tổng số điểm của học phần

42. Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

43. Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

44. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

45. Hình thức: Chọn một trong các hình thức sau: thi vấn đáp, thi viết, thi trắc nghiệm hoặc làm tiểu luận

46. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

- Học liệu bắt buộc :

1. Nguyễn Thị Vân Hạnh (2011), Xã hội học du lịch – lịch sử phát triển và các chủ đề nghiên cứu cơ bản, tạp chí Xã hội học, số 3 (115)

2. Nguyễn Văn Lê , *Xã hội học Du lịch*, Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 1996

3. Erik Cohen, The Sociology of Tourism: Approaches, Issues, and Findings, *Annual Review of Sociology*, Vol. 10. (1984), pp. 373-392.

- Học liệu tham khảo:

1. Đồng Ngọc Minh – Vương Lôi Đình, *Kinh tế du lịch và du lịch học*, Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 2000

2. Trần Thị Mai (2009), Giáo trình tổng quan du lịch, NXB Lao động xã hội

3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), Giáo trình kinh tế du lịch, NXB Lao động – Xã hội

4. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Du lịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005 (Đọc chi tiết tại:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=32495

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần bao gồm ba nhóm nội dung chính. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến cơ sở lí luận của xã hội học du lịch. Nhóm nội dung thứ hai bàn đến các phương pháp nghiên cứu, các cách tiếp cận trong xã hội học du lịch. Nhóm nội dung cuối cùng giới thiệu và phân tích một số nghiên cứu về xã hội học du lịch trên thế giới (đặc biệt là ở Pháp và Mỹ) và một số chủ đề xã hội học du lịch ở Việt Nam.

12. Nội dung chi tiết học phần (chương và tiểu mục)

Chương 1. Lịch sử hình thành xã hội học du lịch

1.1. Bối cảnh

1.2. Xã hội học và xã hội học du lịch

1.3. Những giai đoạn phát triển

Chương 2. Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học du lịch

2.1. Đối tượng

2.2. Chức năng

2.3. Nhiệm vụ

2.4. Xã hội học du lịch và du lịch học

Chương 3. Một số hướng nghiên cứu xã hội học du lịch

3.1. Lí thuyết cấu trúc – chức năng và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

3.2. Lí thuyết hành động và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

3.3. Lí thuyết xung đột và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

3.4. Lí thuyết tương tác biểu trưng và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

3.5. Lí thuyết trao đổi và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

3.6. Lí thuyết duy lợi và hướng nghiên cứu hoạt động du lịch

Chương 4. Du lịch và lối sống

4.1. Dẫn nhập

4.2. Mối quan hệ giữa hoạt động du lịch và lối sống

4.3. Một vài minh họa

Chương 5. Du lịch và môi trường

5.1. Dẫn nhập

5.2. Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường

5.3. Một vài minh họa

Chương 6. Du lịch và nghèo đói

6.1. Dẫn nhập

6.2. Tác động của du lịch đến nghèo đói

6.3. Tác động của nghèo đói đến du lịch

6.4. Một vài minh họa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC SỨC KHỎE
(Sociology of Health)

1. Mã học phần: SOC3013
2. Số tín chỉ: 02
10. Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
3. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
4. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): PGS.TS. Hoàng Bá Thịnh
5. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sức khỏe từ cách tiếp cận liên ngành, với những khái niệm cơ bản, lý thuyết xã hội học được vận dụng vào nghiên cứu sức khỏe. Học phần sẽ giới thiệu một số nội dung chủ yếu như: các quan điểm lý thuyết về sức khỏe, các mô hình sức khỏe/bệnh tật; Bất bình đẳng và khác biệt trong chăm sóc sức khỏe/bệnh tật; Khác biệt giới trong bệnh tật và tiếp cận các dịch vụ y tế, các bệnh lây qua đường tình dục và HIV/AIDS, chính sách của Đảng và Nhà nước về chăm sóc sức khỏe nhân dân, vv..

Kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc các tư liệu xã hội học, phân tích, đánh giá các sự kiện xã hội liên quan đến sức khỏe, bệnh tật.

Thái độ:

- Hình thành phương pháp học tập nghiên cứu về xã hội học sức khỏe theo phong cách của người nghiên cứu khoa học
- Hình thành thái độ khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu về xã hội học sức khỏe. Tự tin ở năng lực nghiên cứu xã hội học giới.

6. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):.

Nội dung	Mục tiêu		
	<i>Kiến thức</i>	<i>Kỹ năng</i>	<i>Thái độ</i>
Nội dung 1 Định nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được khái niệm sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được các chiều cạnh khác nhau 	<ul style="list-style-type: none"> • Có quan điểm đa dạng về sức khỏe,

Nội dung	Mục tiêu		
	<i>Kiến thức</i>	<i>Kỹ năng</i>	<i>Thái độ</i>
và đối tượng nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> • Biết được đối tượng nghiên cứu của xã hội học sức khỏe • Nắm được các nội dung cơ bản của lý thuyết 	của sức khỏe <ul style="list-style-type: none"> • Biết vận dụng lý thuyết vào giải thích một hiện tượng liên quan đến sức khỏe, bệnh tật 	bệnh tật
Nội dung 2 Mô hình sức khỏe và chăm sóc sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> • Biết được một số mô hình về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể vận dụng kiến thức vào lý giải tình trạng sức khỏe hoặc bệnh tật 	Có sự cảm thông đối với các loại hình bệnh tật, đau ốm
Nội dung 3 Hành vi sức khỏe và giáo dục sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hành vi có lợi hay có hại đối với sức khỏe • Hiểu được tầm quan trọng của giáo dục sức khỏe đối với con người 	<ul style="list-style-type: none"> • Biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống • Có thể tham gia tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thái độ đúng mực khi nhìn nhận hành vi liên quan đến sức khỏe
Nội dung 4 Khác biệt giới về sức khỏe, bệnh tật	Hiểu được sự khác biệt giới về sức khỏe, bệnh tật	<ul style="list-style-type: none"> • Biết vận dụng kiến thức để giải thích sự khác biệt về đau, ốm bệnh tật giữa nam và nữ 	<ul style="list-style-type: none"> • Có quan điểm giới trong nghiên cứu về sức khỏe, bệnh tật
Nội dung 5 Phân tầng xã hội trong sức khỏe, bệnh tật	Hiểu được sự khác biệt về sức khỏe, bệnh tật theo nhóm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Biết vận dụng kiến thức để giải thích sự khác biệt về đau, ốm bệnh tật giữa các nhóm xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> • Có cái nhìn khách quan khi đánh giá về sức khỏe, bệnh tật của nhóm có thu nhập thấp
Nội dung 6 Sức khỏe sinh sản, sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được nội dung cơ bản về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, và HIV/AIDS 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể vận dụng kiến thức để bảo vệ sức khỏe cá nhân, chăm sóc sức khỏe bản thân và 	<ul style="list-style-type: none"> • Tránh sự định kiến đối với những người có HIV/AIDS

Nội dung	Mục tiêu		
	<i>Kiến thức</i>	<i>Kỹ năng</i>	<i>Thái độ</i>
tình dục và HIV/AIDS		tuyên truyền cho người khác	
Nội dung 7 Truyền thông sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nội dung và cách thức truyền thông về sức khỏe 	Có thể tham gia, thực hiện truyền thông về sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> Cần có thái độ công bằng, khách quan trong quá trình truyền thông sức khỏe
Nội dung 8 Chính trị và sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được các yếu tố chính sách ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh tật 	<ul style="list-style-type: none"> Có thể phân tích chính sách liên quan đến sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> Có tinh thần phản biện xã hội khi phân tích chính sách

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: Từ tuần 8

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận

Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

8. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), Phương pháp nghiên cứu xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Đào Văn Dũng - Đỗ Văn Dung (đồng chủ biên 2013). Y học xã hội và xã hội học sức khỏe; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

3. Hoàng Bá Thịnh - chủ biên (2005): Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ; Nxb Thế giới, Hà Nội

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

Học liệu tham khảo

1. John Hubley.2005. Truyền thông và Sức khỏe cộng đồng; Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Trung tâm Nghiên cứu Giới, gia đình và Môi trường trong phát triển (2001): Phụ nữ - Sức khoẻ - Môi trường; Nxb CTQG, Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Xã hội học Sức khoẻ, bao gồm: đối tượng, phương pháp, các khái niệm, và một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học Sức khoẻ.

Sau khi học, sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về mối quan hệ giữa hành vi xã hội với sức khoẻ, cũng như những yếu tố chi phối mô hình sức khoẻ và bệnh tật trong các lĩnh vực xã hội.

Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên biết bảo vệ và chăm sóc khoẻ của bản thân và cộng đồng trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

12. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...)

Chương 1. Quan niệm về sức khoẻ, bệnh tật

1.1. Định nghĩa về Sức khoẻ, đau ốm và bệnh tật

1.1.1. Sức khoẻ

1.1.2. Đau ốm

1.1.3. Bệnh tật

1.2. Một vài lý thuyết về xã hội học sức khoẻ

- 1.2.1. Sức khoẻ như một thứ hàng hoá
- 1.2.2. Sức khoẻ là khả năng tối ưu
- 1.2.3. Thuyết gán nhãn
- 1.2.4. Lý thuyết vai trò đầu óc của T. Parsons
- 1.3. Vận dụng một số khái niệm trong xã hội học vào xã hội học sức khoẻ
 - 1.3.1. Địa vị - vai trò
 - 1.3.2. Phân tầng xã hội
 - 1.3.3. Văn hoá và tiểu văn hoá
 - 1.3.4. Các giá trị, chuẩn mực
 - 1.3.5. Các thiết chế xã hội
 - 1.3.6. Sai lệch hành vi

Chương 2: Mô hình sức khoẻ và chăm sóc sức khoẻ

- 2.1. Mô hình sinh học – y tế
 - 2.1.1. Sức khoẻ là không có các khiếm khuyết về sinh học
 - 2.1.2. Sức khoẻ xã hội
- 2.2. Mô hình hành vi -sức khoẻ
 - 2.2.1. Bối cảnh xã hội của hành vi và giáo dục sức khoẻ
 - 2.2.2. Tăng cường sức khoẻ
 - 2.2.3. Các chiến lược phòng ngừa

Chương 3: Hành vi Sức khoẻ và giáo dục sức khoẻ

- 3.1. Sức khoẻ, bệnh tật và hành vi
 - 3.1.1. Khái niệm hành vi và hành vi sức khoẻ
 - 3.1.2. Hành vi lành mạnh và không lành mạnh
 - 3.1.3. Mối quan hệ giữa hành vi với sức khoẻ, bệnh tật
- 3.2 Vai trò của giáo dục sức khoẻ
 - 3.2.1. Hiểu thế nào về Giáo dục sức khoẻ
 - 3.2.2. Vai trò của giáo dục sức khoẻ
 - 3.2.3. Ai là người giáo dục sức khoẻ

Chương 4: Khác biệt giới về sức khoẻ, bệnh tật

- 4.1. Sự khác biệt và những đặc trưng bệnh tật theo giới
 - 4.1.1. Cơ sở sinh học
 - 4.1.2. Những bệnh tật đặc trưng theo giới
- 4.2. Hành vi xã hội và sức khoẻ bệnh tật của nam giới và phụ nữ
 - 4.2.1. Sự khác biệt giữa nam và nữ trong ứng xử xã hội, lối sống
 - 4.2.2. Một số yếu tố xã hội tác động đến sức khoẻ, bệnh tật của phụ nữ và nam giới

- 4.3. Sự khác biệt giới trong chăm sóc sức khỏe và tiếp cận dịch vụ y tế
 - 4.3.1. Sự khác biệt trong chăm sóc sức khỏe
 - 4.3.2. Những rào cản đối với nữ giới khi tiếp cận các dịch vụ y tế
 - 4.4. Bạo lực giới và những hậu quả về sức khỏe
 - 4.4.1. Bạo lực giới: khái niệm và loại hình
 - 4.4.2. Hậu quả của bạo lực giới đối với sức khỏe
- Chương 5: Phân tầng xã hội và Sức khỏe, bệnh tật
- Phân tầng xã hội và khác biệt về giá trị và mức sống
 - Phân tầng xã hội và khác biệt về mức sống
 - Phân tầng xã hội và sự khác biệt về giá trị
 - Khác biệt bệnh tật và sức khỏe theo tầng lớp xã hội
 - Sự khác biệt về sức khỏe, bệnh tật
 - Sự khác biệt về khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế
 - Người nghèo và Bẫy nghèo về sức khỏe, bệnh tật
 - Khái niệm Nghèo
 - Bẫy nghèo
 - Người nghèo và những nguy cơ về bẫy nghèo bệnh tật
- Chương 6: Sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và HIV/AIDS
- 6.1. Sức khỏe sinh sản và quyền sinh sản
 - 6.1.1. Khái niệm sức khỏe sinh sản
 - 6.1.2. Các thành tố của sức khỏe sinh sản
 - 6.1.3. Quyền sinh sản
 - 6.2. Sức khỏe tình dục và quyền tình dục
 - 6.2.1. Khái niệm Tình dục
 - 6.2.2. Khái niệm sức khỏe tình dục
 - 6.2.3. Quyền tình dục
 - 6.3. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS
 - 6.3.1. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs)
 - 6.3.2. HIV/AIDS và những con đường lây nhiễm
 - 6.3.3. Hậu quả của STDs và HIV/AIDS
 - 6.3.4. Cách phòng ngừa STIs và HIV/AIDS
 - 6.4. Sức khỏe sinh sản vị thành niên
 - 6.4.1. Khái niệm vị thành niên
 - 6.4.2. Khái niệm Sức khỏe sinh sản vị thành niên
 - 6.4.3. Thực trạng sức khỏe sinh sản vị thành niên

Chương 7: Truyền thông sức khoẻ

7.1. Bản chất và vai trò của truyền thông

7.1.1. Bản chất của truyền thông

7.1.2. Vai trò của truyền thông

7.2. Một số điều kiện cần thiết để truyền thông có hiệu quả

7.2.1. Áp dụng các phương pháp giáo dục vào thực tế

7.2.2. Thử nghiệm trước

7.2.3. Làm việc với các phương tiện truyền thông đại chúng ở cấp cộng đồng

7.3. Các phương pháp và phương tiện truyền thông

7.3.1. Các phương pháp truyền thông

7.3.2. Các phương tiện truyền thông

Chương 8: Chính trị và sức khoẻ

8.1. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm

8.1.1. Thế nào là an toàn thực phẩm

8.1.2. Các yếu tố làm nên an toàn thực phẩm

8.2. Sức khoẻ và an toàn lao động

8.2.1. Thế nào là an toàn lao động

8.2.2. Vấn đề an toàn lao động hiện nay

8.3. Thuốc lá và tệ hút thuốc lá

8.3.1. Các hình thức hút thuốc lá

8.3.2. Thuốc lá và bệnh tật

8.4. Chính sách chăm sóc sức khoẻ ở Việt Nam

8.4.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chăm sóc sức khoẻ

8.4.2. Một số điều luật liên quan đến chăm sóc sức khoẻ

8.4.3. Vận động luật pháp và đưa các vấn đề sức khoẻ vào chương trình nghị sự

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC PHÁP LUẬT VÀ TỘI PHẠM
(Sociology of law and crime)

1.Mã học phần: SOC 3052

2.Số tín chỉ: 3

3.Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học

4.Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5.Giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Như Trang

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

6.Mục tiêu học phần:

Khóa học này nhằm giúp học viên làm quen với một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt trong xã hội học là vấn đề tội phạm và pháp luật. Khóa học cung cấp cho học viên các khái niệm cơ bản cũng như những lý thuyết kinh điển và hiện đại, giúp giải thích về pháp luật với tư cách một thiết chế xã hội, và tội phạm với tư cách một sản phẩm xã hội. Khóa học cũng giúp học viên hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa pháp luật, tội phạm và xã hội, từ đó giúp học viên nhận diện được những tiến trình và tổ chức xã hội tác động lên quá trình hình thành pháp luật, quá trình xã hội phân loại hành vi nào được coi là tội phạm, cũng như cách thức xã hội tạo thành và kiểm soát tội phạm.

7.Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức:

- Hiểu được về bản chất pháp luật với tư cách một thiết chế xã hội; các chức năng của pháp luật trong xã hội, và mối liên hệ giữa pháp luật với các thiết chế khác thuộc thượng tầng kiến trúc, cụ thể là đạo đức xã hội và hệ tư tưởng.
- Nắm vững các khái niệm cơ bản giúp hiểu về bản chất của tội phạm, sự khác biệt giữa tội phạm và các hành vi lệch chuẩn, hành vi vi phạm pháp luật.
- Nhận diện được các tiến trình xã hội thúc đẩy cá nhân trở thành tội phạm
- Nhận diện được các tổ chức xã hội và tiến trình xã hội tạo nên và kiểm soát vấn đề tội phạm

Về kỹ năng:

- Phát triển tư duy phản biện trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề pháp luật và tội phạm

- Tăng khả năng phân tích, đánh giá, và viết nhằm phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu về pháp luật và tội phạm

Về thái độ:

- Hình thành thái độ nghiêm túc, khách quan, và khoa học trong học tập và nghiên cứu

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà; trình bày trên lớp; tiểu luận.

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc

- Nguyễn Thị Như Trang *Xã hội học pháp luật và tội phạm*, tập bài giảng, 2014
- Kulcsar Kalmal (Đức Uy biên dịch), *Cơ sở của xã hội học pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1. Montesquieu, *Tinh thần pháp luật* (1784) Nxb Giáo dục, Hà Nội, bản dịch 1996.
2. Kulcsar Kalmal (Đức Uy biên dịch, 1999), *Cơ sở của xã hội học pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Khóa học này chia thành 6 phần. Phần đầu tiên giới thiệu tổng quát những vấn đề lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu xã hội học về pháp luật và tội phạm. Phần thứ hai đi

sâu vào chức năng của pháp luật với tư cách là một thiết chế xã hội. Phần thứ ba giúp học viên hiểu sâu hơn về bản chất của pháp luật thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức xã hội và hệ tư tưởng. Phần thứ tư giới thiệu về các phương pháp luận cũng như những phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong nghiên cứu xã hội học về pháp luật và tội phạm. Phần thứ 5 tập trung giải thích cách thức con người học hỏi, hình thành và duy trì các khuôn mẫu tội phạm. Phần thứ 6 phân tích về các tiến trình và tổ chức xã hội tạo nên và kiểm soát vấn đề tội phạm.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1: Giới thiệu chung

- 1.1. Xã hội học pháp luật và tội phạm nghiên cứu điều gì?
- 1.2. Một số khái niệm căn bản trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm
- 1.3. Mối liên hệ giữa pháp luật và tội phạm

Chương 2: Chức năng của pháp luật

- 2.1. Kiểm soát xã hội
- 2.2. Giải quyết xung đột
- 2.3. Tạo ra biến đổi xã hội

Chương 3: Pháp luật, xã hội, và đạo đức xã hội

- 3.1. Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức xã hội
- 3.2. Karl Marx: Vấn đề giai cấp và pháp luật
- 3.3. Pháp luật và hệ tư tưởng

Chương 4: Các nguồn thông tin về vấn đề vi phạm pháp luật

- 4.1. Các cách phân loại và đo lường hành vi tội phạm
- 4.2. Phương pháp luận nghiên cứu về pháp luật và tội phạm
- 4.3. Các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong nghiên cứu pháp luật và tội phạm

Chương 5: Hiểu về tội phạm và tiến trình phạm tội

- 5.1. Tội phạm với tư cách sản phẩm của sự học hỏi
- 5.2. Tội phạm dưới góc nhìn tương tác biểu trưng
- 5.3. Văn hóa và tội phạm
- 5.4. Các kỹ thuật vô hiệu hóa của tội phạm

Chương 6: Nguồn gốc của tội phạm

- 6.1. Gán nhãn và kỳ thị
- 6.2. Giải thích tội phạm dưới góc nhìn của thuyết xung đột
- 6.3. Giải thích tội phạm dưới góc nhìn của thuyết chức năng
- 6.4. Tội phạm và biến đổi xã hội

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC
Sociology of organizations and human resource management

1. Mã học phần: SOC3053
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
 - Giảng viên 1:*
 - Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Giảng viên 2:*
 - Họ và tên: Mai Linh
 - Chức danh, học vị: ThS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học tổ chức ứng dụng trong quản lý nguồn nhân lực.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các mô hình quản lý tổ chức trong quản lý nguồn nhân lực.
 - *Thái độ:* Học phần giúp sinh viên xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học.
7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức cơ bản về các lý thuyết xã hội học tổ chức.
 - *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học tổ chức trong phân tích các khía cạnh xã hội của hoạt động quản lý nguồn nhân lực.
 - *Thái độ:* Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học tổ chức nói riêng.
8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

47. Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần

48. Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận và tham gia vào học phần

49. Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

50. Điểm kiểm tra/đánh giá giữa học phần chiếm 30% tổng số điểm của học phần

51. Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

52. Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

53. Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần

54. Hình thức: Chọn một trong các hình thức sau: thi vấn đáp, thi viết, thi trắc nghiệm hoặc làm tiểu luận

55. Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Thủ, Nguyễn Thị Vân Hạnh (2014), Những vấn đề cơ bản của XHH tổ chức, NXB giáo dục Việt Nam.

2. Vũ Hào Quang (2004), Xã hội học quản lý, NXB ĐHQGHN.

3. Lê Ngọc Hùng (1999), Xã hội học kinh tế, NXB ĐHQG

Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Thành Công (Chủ biên) (2010), Giải pháp thực hiện hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Hà Nội giai đoạn 2010- 2020

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần này bao gồm năm chương chính. Chương thứ nhất liên quan đến cơ sở lý luận về xã hội học tổ chức. Chương thứ hai bàn đến lý thuyết duy lý, mô hình quản lý khoa học ứng dụng trong quản trị nhân sự. Chương thứ ba bàn đến lý thuyết nhu cầu, mô hình quản lý dựa vào quan hệ nhân văn ứng dụng trong quản trị nhân sự. Chương thứ tư là mô hình quản lý con người hài hòa với kỹ thuật. Chương cuối cùng bàn đến hoạt động quản lý nguồn nhân lực với nhiều lý thuyết khác nhau.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương và tiêu mục)

Chương 1. Cơ sở lý luận của xã hội học tổ chức và quản lý nguồn nhân lực

1.1. Khái niệm “tổ chức”

1.2. Khái niệm “quản trị” và “quản lý”

1.3. Khái niệm “nguồn nhân lực”

1.4. Khái niệm “quản lý nguồn nhân lực”

1.5. Khái niệm “quản lý con người”

1.6. Lược sử các chủ thuyết xã hội học tổ chức và quản lý nguồn nhân lực

1.7. Mối quan hệ giữa Xã hội học tổ chức và quản lý nguồn nhân lực

Chương 2. Lý thuyết duy lý và quản trị nhân sự

2.1. Bối cảnh hình thành tư tưởng quản lý quan liêu và quản lý khoa học

2.2. Những tương đồng trong tư tưởng quản lý con người giữa nhà xã hội học và kỹ sư

2.3. Những đặc điểm chính của mô hình quản lý quan liêu và mô hình quản lý khoa học - ứng dụng của chúng trong quản trị hành chính nhân sự

2.3.1. Những đặc điểm chính của mô hình quản lý quan liêu

2.3.2. Những đặc điểm chính của mô hình quản lý khoa học

2.3.3. Một số ứng dụng chung của hai mô hình vào quản trị hành chính

Chương 3. Mô hình quản trị nhân sự dựa vào tri thức xã hội và nhân văn

3.1. Bối cảnh ra đời của mô hình: sự tiếp thu và phê bình mô hình quản lý khoa học, quản lý quan liêu

3.2. Những thực nghiệm đầu tiên của Elton Mayo

3.3. Các lý thuyết về nhu cầu của A. Maslow, Adelfer và Herzberg: từ công thức SR đến công thức SOR

3.4. Những đặc điểm chính của mô hình quản trị nhân sự dựa vào tri thức xã hội & nhân văn

Chương 4. Mô hình quản lý con người hài hòa với kỹ thuật

4.1. Bối cảnh ra đời của mô hình

4.2. Những thực nghiệm của Viện nghiên cứu lao động Tavistock

4.3. Những đặc điểm chính của mô hình quản lý con người hài hòa với kỹ thuật

4.3.1. Quan niệm về các tiểu hệ thống

4.3.2. Quan niệm về nhóm tự quyết

4.3.3. Từ mô hình quản lý con người hài hòa với kỹ thuật đến văn hóa tổ chức ở cấp độ vi mô

Chương 5. Quản lý con người với tư cách là một “nguồn”

5.1. Bối cảnh hình thành mô hình quản lí con người với tư cách là một “nguồn”

5.2. Những đặc điểm chính của mô hình quản lí con người với tư cách là một “nguồn”

5.3. Một số hệ quả trong quản lí con người

Chương 6. Nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay

6.1. Thực tế nguồn nhân lực Việt Nam

6.2. Yếu tố bên ngoài

6.2.1. Yếu tố quốc tế

6.2.2. Yếu tố chính sách quốc gia về phát triển nguồn nhân lực

6.3. Yếu tố nhân khẩu xã hội

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC LAO ĐỘNG – NGHỀ NGHIỆP

Sociology of labor and professions

1. Mã học phần: SOC 3054
2. Số tín chỉ: 3
3. Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
 - Giảng viên 1:*
 - Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Giảng viên 2:*
 - Họ và tên: Mai Linh
 - Chức danh, học vị: ThS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống hóa các lý thuyết xã hội học lao động và xã hội học nghề nghiệp từ cổ điển đến hiện đại.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học lao động và xã hội học nghề nghiệp.
 - *Thái độ:* Học phần giúp sinh viên xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học.
7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học lao động và xã hội học nghề nghiệp.
 - *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết và phương pháp xã hội học lao động và xã hội học về nghề nghiệp.

- *Thái độ*: Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học lao động, xã hội học nghề nghiệp nói riêng.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận và tham gia vào học phần
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá giữa học phần chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Chọn một trong các hình thức sau: thi vấn đáp, thi viết, thi trắc nghiệm hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Lê Ngọc Hùng (2004), *Xã hội học kinh tế*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội
2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Phạm tất Dong, Nguyễn Thị Kim Hoa (2015) (Chủ biên), *An sinh xã hội và công tác xã hội*, NXB Hồng Đức.

Học liệu tham khảo

1. Bộ kế hoạch và đầu tư – Tổng cục thống kê (2017), *Báo cáo điều tra lao động, việc làm*
2. Batal Ch. (2002), *Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực nhà nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

3. Vũ Hào Quang (2004), *Xã hội học quản lý*, NXB ĐHQGHN

4. Ngô Quý Tùng (2001), *Kinh tế tri thức – Xu thế mới của xã hội thế kỷ XXI*, Nxb ĐHQG Hà Nội

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần bao gồm ba nhóm nội dung chính. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến cơ sở lí luận về xã hội học lao động và xã hội học nghề nghiệp. Nhóm nội dung thứ hai bàn đến các tiếp cận nghiên cứu về lao động và nghề nghiệp trong các dòng lý thuyết xã hội học cơ bản. Nhóm nội dung thứ ba bàn đến các nghiên cứu xã hội học lao động và nghề nghiệp điển hình trên thế giới và ở Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương và tiểu mục)

Phần 1. Xã hội học lao động

Chương 1. Cơ sở lí luận về xã hội học lao động

1.1. Đối tượng

1.2. Chức năng

1.3. Quan hệ giữa xã hội học lao động và một số chuyên ngành xã hội học khác

1.4. Một số chủ đề nghiên cứu chính

Chương 2. Lao động trong xã hội học của É. Durkheim, M. Weber và K. Marx

2.1. Lao động trong xã hội học của É. Durkheim

2.2. Lao động nghiệp trong xã hội học của M. Weber

2.3. Lao động trong xã hội học của K. Marx

Chương 3. Lao động trong xã hội học hiện đại

3.1. Lao động trong mô hình quản lí khoa học của F.Taylor

3.2. Lao động trong mô hình “quan hệ nhân văn”

3.3. Lao động trong một số lí thuyết khác (lí thuyết hệ thống, lí thuyết phê phán, lí thuyết hành động mới, lí thuyết tổ chức, lí thuyết hậu hiện đại, lí thuyết mạng lưới)

Phần 2. Xã hội học nghề nghiệp

Chương 4. Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học nghề nghiệp

4.1. Đối tượng

4.2. Chức năng

4.3. Quan hệ giữa xã hội học nghề nghiệp và một số chuyên ngành xã hội học khác

4.4. Một số chủ đề nghiên cứu

Chương 5. Nghề nghiệp trong một số lí thuyết xã hội học

5.1. Nghề nghiệp trong lí thuyết cấu trúc-chức năng

5.2. Nghề nghiệp trong lí thuyết hành động

5.3. Nghề nghiệp trong lí thuyết xung đột

5.4. Nghề nghiệp trong lí thuyết tương tác

Chương 6. Từ việc làm đến nghề nghiệp

6.1. Dẫn nhập

6.2. Từ nghiên cứu xã hội học việc làm đến xã hội học nghề nghiệp

6.3. Một số nghiên cứu xã hội học việc làm và xã hội học nghề nghiệp điển hình trên thế giới

6.4. Một số nghiên cứu xã hội học việc làm và xã hội học nghề nghiệp điển hình ở Việt Nam

HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC CHÍNH TRỊ
(Political Sociology)

1. Mã học phần : SOC 3004
2. Số tín chỉ : 02
3. Học phần tiên quyết : Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên:

Giảng viên 1:

Họ tên: Trần Xuân Hồng

+ Chức danh: ThS. Bộ môn XHH Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

Giảng viên 2:

+ Họ tên: Trịnh Văn Tùng

+ Chức danh: PSG.TS, Giảng viên Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:*

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất môn xã hội học chính trị, cung cấp cho sinh viên những tri thức về các quá trình chính trị, cũng như các chủ đề chính trong môn xã hội học chính trị. Với những kiến thức cơ bản được trang bị, sinh viên sẽ có thể phân tích, thảo luận, bình luận về các vấn đề nghiên cứu thuộc xã hội học chính trị.

- *Về kỹ năng:*

Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và làm việc theo nhóm, biết cách phát hiện các vấn đề nghiên cứu và tổ chức thực hiện các nghiên cứu đó cũng như cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu.

- *Về thái độ:*

Sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cũng như đạo đức nghề nghiệp góp phần vào việc xây dựng ngành học xã hội học chính trị.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (*kiến thức, kỹ năng, thái độ*):

- *Về kiến thức:*

Học song học phần, sinh viên phải nắm được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học chính trị, Một số lý thuyết kinh điển về xã hội học chính trị, Một số lý thuyết đương đại về xã hội học chính trị, Các phạm trù nghiên cứu cơ bản như: Chính trị (sự kiện chính trị, quan điểm chính trị), chính trị học, xã hội học chính trị, tập hợp chính trị, quá trình chính trị, khủng hoảng chính trị, tổ chức chính trị, hệ thống chính trị, văn hóa chính trị, chính trị học so sánh, quyền lực và quyền lực chính trị.

- Về kỹ năng:

Sinh viên phải có kỹ năng nhớ, hiểu phân tích một cách khoa học các kiến thức chung của học phần xã hội học chính trị, đặc biệt phải biết vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu một vấn đề xã hội cụ thể trong lĩnh vực chính trị

- Về thái độ:

Có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến lĩnh vực chính trị từ góc độ xã hội học. Góp phần tư vấn cho các cơ quan chức năng hoạch định chính sách trong lĩnh vực chính trị xã hội một cách khoa học cả lý luận và thực tiễn.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

- Kiểm tra và đánh giá định kỳ: 10%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, làm đầy đủ các bài tập trên lớp

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ : 30%

Sinh viên làm 1 bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm vào thời điểm tuần thứ 7 của học kỳ. Thông qua các bài tập cá nhân và nhóm, sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích, thuyết trình và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn.

+ Kiểm tra cuối kỳ: 60%

Bằng các hình thức thi như: viết tự luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc viết tiểu luận có thể đánh giá đầy đủ nhận thức của sinh viên đối với nội dung học phần.

9. Giáo trình bắt buộc:

Học liệu bắt buộc

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Tài liệu có tại địa chỉ : <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/toan-van-hien-phap-nuoc-chxhcn-viet-nam-201311281149826.htm>)
2. Trần Đình Thắng, 2010, Cải cách nền hành chính nhà nước trong thời kỳ đổi mới đất nước, *Tạp chí Tổ chức nhà nước số 3/2010*

3. Baker, Therese. *Thực hành nghiên cứu xã hội*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. 1998

Học liệu tham khảo

Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyển tập (thư viện ĐHKHXH&NV)

10. Tóm tắt nội dung học phần.

Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và một số lý thuyết xã hội học chính trị. Giới thiệu cho sinh viên một số quan điểm về đối tượng, chức năng của môn xã hội học chính trị, quá trình phát triển của môn xã hội học chính trị thế giới, xu hướng phát triển khác nhau của học phần này tại các khu vực, các quốc gia trên thế giới. Sinh viên sẽ được tiếp cận với một số quan điểm của các nhà tư tưởng, các nhà xã hội học chính trị tiên bối để hiểu thêm về lịch sử của học phần này. Học phần cũng sẽ cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản của xã hội học chính trị. Qua đó sinh viên hiểu được cơ sở xã hội, nội dung xã hội, hệ quả xã hội của các sự kiện chính trị, quá trình chính trị, hành động chính trị, khủng hoảng chính trị, phong trào chính trị, tổ chức chính trị, chính trị so sánh, văn hóa chính trị,... Một số quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cơ sở quan trọng trong quá trình tiếp thu và vận dụng học phần này vào Việt Nam. Một số phương pháp nghiên cứu xã hội học chính trị sẽ được giới thiệu để sinh viên vận dụng trong học tập và nghiên cứu khoa học.

11. Nội dung chi tiết học phần (*chương, mục, tiểu mục...*):

Chương 1: Đối tượng, chức năng, tính chất của môn xã hội học chính trị

1.1. Xã hội học chính trị là gì?

1.1.1. Chính trị, chính trị học

1.1.2. Xã hội học chính trị

1.1.3. Quan hệ giữa xã hội học chính trị với chính trị học

1.1.4. Quan hệ giữa xã hội học chính trị với xã hội học đại cương và một số chuyên ngành của xã hội học như: xã hội học pháp luật, xã hội học quản lý, xã hội học văn hóa

1.1.5. Quan hệ giữa xã hội học chính trị với một số ngành khoa học khác như: triết học, luật học, tâm lý học, hành chính học, nhân học xã hội

1.2. Chức năng của xã hội học chính trị

1.2.1. Chức năng nhận thức

1.2.2. Chức năng tư tưởng

1.2.3. Chức năng thực tiễn và dự báo

1.3. Tính chất của xã hội học chính trị

- 1.3.1. Tính chất khoa học
- 1.3.2. Tính chất khách quan
- 1.3.3. Tính chất thực tiễn
- 1.3.4. Tính chất dân tộc
- 1.3.5. Tính chất giai cấp
- 1.3.6. Tính chất quốc tế

Chương 2: Sự hình thành và phát triển của xã hội học chính trị

- 2.1. Những điều kiện và tiền đề của sự ra đời môn xã hội học chính trị
 - 2.1.1. Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học
 - 2.1.2. Tiền đề tư tưởng. Một số quan điểm, tư tưởng của một số nhà tư tưởng, chính trị - xã hội trước khi xã hội học chính thức ra đời
 - 2.1.2.1. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử
 - 2.1.2.2. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Xenôphôn, Khandum
 - 2.1.2.3. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Platon, Aristot
 - 2.1.2.4. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Hobbes, Locke, Spinoza, Jean Jacques Rousseau
 - 2.1.2.5. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Montesquieu, Machievelli
 - 2.1.2.6. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Saint Simon
 - 2.1.2.7. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Auguste Comte, người sáng lập ra xã hội học chính trị đầu tiên
 - 2.1.3. Quan điểm, tư tưởng, học thuyết của Herbert Spencer, E. Durkheim, Max Weber, V.Pareto, T.Parsons, Raymont Aron
 - 2.2. Một số khuynh hướng, trường phái của xã hội học chính trị từ thế kỷ 20 đến nay
 - 2.3. Xã hội học chính trị Mác-Lênin trong hệ thống xã hội học chính trị thế giới
 - 2.4. Sự hình thành và phát triển của xã hội học chính trị Việt Nam
 - 2.4.1. Một số quan điểm, tư tưởng chính trị trước khi Đảng CSVN ra đời
 - 2.4.2. Quan điểm, tư tưởng của Đảng CSVN, của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chính trị, chính trị học, xã hội học chính trị
 - 2.4.3. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở nền tảng tư tưởng của xã hội học chính trị Việt Nam
 - 2.4.4. Xã hội học chính trị Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế
- ## Chương 3. Hệ thống khái niệm và lý thuyết của xã hội học chính trị
- 3.1. Đặc điểm của các khái niệm và lý thuyết của xã hội học chính trị
 - 3.2. Chức năng của các khái niệm của xã hội học chính trị
 - 3.3. Cấp độ của các khái niệm của xã hội học chính trị

3.4. Quan hệ giữa các khái niệm xã hội học chính trị, chính trị học và một số khái niệm khoa học xã hội khác

Chương 4: Sự kiện chính trị và quá trình chính trị

4.1. Khái niệm sự kiện chính trị

4.1.1. Cơ sở xã hội, nội dung xã hội của các sự kiện chính trị. Quan hệ giữa sự kiện chính trị và sự kiện xã hội

4.1.2. Quá trình hình thành sự kiện chính trị xã hội

4.1.3. Phân loại các sự kiện chính trị

4.2. Quá trình chính trị là gì?

4.2.1. Quá trình chính trị diễn ra như thế nào?

4.2.2. Quan hệ giữa các sự kiện chính trị và quá trình chính trị

4.2.3. Cơ sở xã hội, hệ quả xã hội của quá trình chính trị. Vận dụng vào Việt Nam.

Chương 5: Quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước và quyền lực nhân dân

5.1. Khái niệm quyền lực, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước và quyền lực nhân dân

5.1.1. Quyền lực là gì?

5.1.2. Quyền lực chính trị là gì? (Quan điểm của F. Engels)

5.1.3. Quyền lực nhà nước là gì?

5.1.4. Quyền lực của nhân dân là gì?

5.2. Phân tích cơ sở xã hội của quyền lực, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước và quyền lực của nhân dân

5.2.1. Mối quan hệ giữa quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước

5.2.2. Mối quan hệ giữa quyền lực nhà nước và quyền lực của nhân dân? Quan điểm nhà nước của ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân

5.3. Cơ cấu quyền lực chính trị và cơ cấu xã hội

5.3.1. Khái niệm cơ cấu quyền lực chính trị

5.3.2. Khái niệm cơ cấu xã hội

5.3.3. Quan hệ giữa cơ cấu quyền lực chính trị và cơ cấu xã hội

5.3.4. Cơ cấu quyền lực chính trị và cơ cấu xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

5.4. Hành chính và chính trị

5.4.1. Khái niệm hành chính

5.4.2. Cơ sở xã hội của hành chính

5.4.3. Quan hệ giữa hành chính và chính trị

5.4.4. Quan hệ giữa hành chính và nhà nước

5.4.5. Quan hệ giữa hành chính, nhà nước và quyền lực chính trị

5.4.6. Cải cách hành chính và nâng cao quyền lực nhà nước và quyền lực chính trị trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam

Chương 6. Các tập hợp chính trị

6.1. Khái niệm tập hợp chính trị

6.1.1. Tập hợp chính trị là gì?

6.1.2. Các yếu tố tạo nên các tập hợp chính trị

6.2. Mối quan hệ giữa tập hợp chính trị với quyền lực nói chung, quyền lực chính trị nói riêng

6.2.1. Tập hợp chính trị luôn gắn liền với phân bổ quyền lực

6.2.2. Trong các xã hội khác nhau, các giai đoạn phát triển khác nhau của một xã hội, mối quan hệ giữa tập hợp chính trị và quyền lực chính trị cũng khác nhau

6.3. Phân loại các tập hợp chính trị

6.3.1. Phân loại các tập hợp chính trị luôn gắn liền với phương thức phân bổ quyền lực

6.3.2. Quy mô của các tập hợp chính trị tùy theo từng quốc gia, khu vực, quốc tế

6.3.2.1. Tập hợp chính trị quốc gia: Tập đoàn, Đảng phái

6.3.2.2. Tập hợp chính trị quốc tế: Trung tâm quyền lực lớn của các khu vực: NATO

Chương 7 : Hành vi chính trị

7.1. Khái niệm hành vi chính trị?

7.1.1. Hành vi chính trị là gì?

7.1.2. Cơ sở văn hóa, xã hội của các hành vi chính trị

7.1.3. Các quan điểm khác nhau về hành vi chính trị

7.2. Các loại hành vi chính trị

7.2.1. Hành vi chính trị của những người không có quyền lực, bị áp bức, bị trị: phục tùng hoặc chống đối

7.2.2. Hành vi chính trị của những người có quyền lực: dân chủ, độc tài

7.3. Xây dựng cơ chế dân chủ cơ sở có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng chống hành vi quan liêu, mất dân chủ với nhân dân và phát triển hành vi dân chủ của người có quyền lực.

Chương 8: Hệ thống chính trị

8.1. Khái niệm hệ thống chính trị

8.1.1. Hệ thống chính trị là gì?

8.1.2. Cơ sở xã hội của hệ thống chính trị

8.1.3. Vai trò của hệ thống chính trị trong quá trình phát triển xã hội

8.2. Cơ cấu của hệ thống chính trị

8.2.1. Các quan điểm khác nhau về cơ cấu của hệ thống chính trị

- 8.2.2. Quan điểm của Đảng CSVN về cơ cấu của hệ thống chính trị
- 8.2.3. Các thành phần cơ bản của hệ thống chính trị Việt Nam
- 8.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng CSVN trong hệ thống chính trị Việt Nam

Chương 9: Xã hội học văn hóa chính trị

- 9.1. Khái niệm văn hóa, văn hóa chính trị, xã hội học văn hóa chính trị
 - 9.1.1. Văn hóa là gì? (theo UNESCO)
 - 9.1.2. Xã hội học văn hóa
 - 9.1.3. Xã hội học văn hóa chính trị
- 9.2. Chức năng của xã hội học văn hóa chính trị
- 9.3. Tính chất của xã hội học văn hóa chính trị
- 9.4. Xã hội học văn hóa chính trị Việt Nam

Chương 10: Xã hội học chính trị quốc tế

- 10.1. Khái niệm xã hội học chính trị quốc tế
- 10.2. Đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội – văn hóa – khoa học của xã hội học chính trị quốc tế
- 10.3. Xã hội học chính trị quốc tế trong quá trình thay đổi trật tự thế giới

XÃ HỘI HỌC CỘNG ĐỒNG

Community of Sociology

1. Mã học phần: SOC3014
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương (SOC1051), Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC3039), Các phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC3030)
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS, Phó chủ nhiệm khoa Xã hội học, Chủ nhiệm bộ môn Nông thôn và Đô thị
- Đơn vị công tác: Bộ môn Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Mai Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: ThS
- Đơn vị công tác: Bộ môn Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:* Học phần trang bị cho sinh viên xã hội học những kiến thức cơ bản về các khái niệm về đối tượng, cách tiếp cận và các phương pháp kỹ thuật nghiên cứu của Xã hội học về cộng đồng.

- *Kỹ năng:* Học phần giúp cho người học sử dụng những kiến thức kỹ năng được đào tạo để thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn như nghiên cứu một đề tài về cộng đồng, viết dự án phát triển cộng đồng, phân tích cộng đồng để xây dựng các dự án phát triển, huy động nguồn lực cộng đồng vào việc thực thi các dự án phát triển.

- *Thái độ:* Học phần giúp cho người học hình thành phân chia nhân cách, năng lực chuyên môn và khả năng đồng cảm hoà nhập khi tiếp xúc, giao tiếp làm việc với cộng đồng.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- *Kiến thức:*

- o Hiểu được bản chất khái niệm cộng đồng là một khái niệm phản ánh đối tượng nghiên cứu Xã hội học và là cơ sở để phân tích Xã hội học.
- o Hiểu và nắm vững đối tượng, cách tiếp cận của Xã hội học cộng đồng.

- Nắm vững mục đích, nhiệm vụ của nghiên cứu Xã hội học cộng đồng trong bối cảnh đất nước đổi mới, thực thi dân chủ hoá và hội nhập khu vực, hội nhập thế giới.
- Hiểu và nắm vững những lý thuyết khoa học được vận dụng để nghiên cứu phân tích cộng đồng.

- *Kỹ năng:*

- Biết cách nhận diện, phân loại và phân biệt các loại hình cộng đồng.
- Biết cách sử dụng các phương pháp, kỹ thuật vào việc xác định một đề tài nghiên cứu theo hướng Xã hội học cộng đồng.
- Biết cách tổ chức nghiên cứu, điều tra khảo sát, đánh giá về một vấn đề nào đó của cộng đồng.
- Biết cách phân tích các nguồn lực và những trở ngại, xác định những căn cứ khoa học cho việc xây dựng các dự án phát triển cộng đồng.
- Biết cách viết dự địa chí, địa chí văn hoá cộng đồng phục vụ cho quản lý, phát triển du lịch, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá, dân tộc.

- *Thái độ:*

- Thấy được xu hướng nghiên cứu Xã hội học cộng đồng là một xu hướng mới về cơ sở, về cộng đồng làng xã, xu hướng này rất phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước ta hiện nay.
- Thấy được vị trí, vai trò của cộng đồng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay.
- Hình thành phẩm chất, năng lực chuyên môn và khả năng đồng cảm, hoà nhập khi tiếp xúc, giao tiếp làm việc với cộng đồng.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Hình thức kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Trọng số
1.	Đánh giá thường xuyên	- Tham gia lớp học - Tinh thần học tập	10%
2.	Bài kiểm tra giữa kỳ	- Các nội dung chính nửa đầu học phần, làm bài bằng hình thức bài tập nhóm hoặc thi viết	30%
4.	Bài thi hết môn	- Các nội dung chính của cả học phần, thi bằng hình thức viết tự luận, vấn đáp, hoặc trắc nghiệm.	60%

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang; phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng. NXB văn hoá thông tin, HN 2000.
2. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Kỹ yếu hội thảo quốc tế tạo dựng hoạt động kinh tế xã hội phục vụ phát triển bền vững địa phương: Trường hợp Tây Bắc và Sơn La. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
3. Nguyễn Duy Thắng (2002). Một số khía cạnh lý thuyết của cách tiếp cận “Nghiên cứu hành nông tham gia” (PAR) trong phát triển cộng đồng. Tạp chí Xã hội học số 1 (77).

Học liệu tham khảo

1. Đặng Kim Sơn; Ba cơ chế thị trường, Nhà nước và cộng đồng, Ứng dụng cho Việt Nam; NXB Chính trị Quốc gia. HN 2004.
2. Mai Văn Hai, Phan Đại Doãn. Quan hệ dòng họ ở Châu thổ sông Hồng; NXB Khoa học xã hội. HN 2000.
3. Đỗ Long - Trần Hiệp. Tâm lý cộng đồng làng và di sản, NXB Khoa học xã hội. HN 2000.
4. Vũ Minh Trí. Nhân học văn hoá – con người với thiên nhiên xã hội và thế giới siêu nhiên. NXB Chính trị Quốc gia. HN 2004.

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề nghiên cứu cộng đồng như hệ khái niệm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu xã hội học về cộng đồng. Hơn nữa, học phần giúp cho người học có được sự chỉ dẫn của một số quan điểm lý thuyết trong việc nghiên cứu cộng đồng. Với các hình thức hết sức phong phú đa dạng, kèm theo nó là vai trò của nó hết sức to lớn trong đời sống cá nhân, cộng đồng và xã hội.

Học phần còn giúp cho người học những phương pháp, kỹ thuật, kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc điều tra đánh giá, khảo sát nghiên cứu cộng đồng đạt được hiệu quả cao.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương I. Khái niệm về cộng đồng (community)

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề cộng đồng.

1.1.1. Trên thế giới

- 1.1.2. Ở Việt Nam
- 1.2. Cộng đồng là gì**
- 1.2.1. Quan điểm xã hội học về cộng đồng
- 1.2.2. Bản chất và những đặc trưng của cộng đồng.
- 1.2.3. Lý do hình thành cộng đồng
- 1.3. Cộng đồng và các khái niệm liên quan**
- 1.3.1. Nhóm xã hội.
- 1.3.2. Thiết chế xã hội.
- 1.3.3. Tổ chức xã hội.
- 1.4. Các loại hình cộng đồng.**
- 1.4.1. Cộng đồng thuần khiết.
- 1.4.2. Cộng đồng theo tính trời
- 1.4.3. Cộng đồng lịch sử

Thảo luận

Bài tập

Chương II. Đối tượng, cách tiếp cận và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học về cộng đồng.

- 2.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học về cộng đồng.**
- 2.1.1. Hành động tham gia của cộng đồng.
- 2.1.2. Quan hệ cộng đồng.
- 2.1.3. Cơ chế cộng đồng.
- 2.1.4. Phát triển cộng đồng.
- 2.1.5. Xung đột cộng đồng.
- 2.2. Cách tiếp cận nghiên cứu.**
- 2.2.1. Cách tiếp cận của một số ngành khoa học xã hội nhân văn về cộng đồng.
 - + *Nhân học xã hội*
 - + *Tâm lý học xã hội.*
 - + *Văn hoá học*
 - + *Sinh thái nhân văn*
 - + *Triết học xã hội.*
- 2.2.2. Cách tiếp cận Xã hội học về cộng đồng.
 - + *Cách tiếp cận tham gia – PAR (Participatory Action Research)*
 - + *Cộng đồng là một chủ thể xã hội.*

+. *Cộng đồng là một hệ thống.*

+. *Quá trình xã hội.*

2.3. Nhiệm vụ của Xã hội học cộng đồng.

2.3.1. Nghiên cứu lý luận

2.3.2. Thực tiễn

Chương III Lý thuyết nghiên cứu Xã hội học cộng đồng.

3.1. Lý thuyết Xã hội học giai tầng của G.Gurvitch (1894-1965)

3.1.1. Nội dung lý thuyết giai tầng

3.1.2. Tác dụng của lý thuyết giai tầng trong phân tích cộng đồng

3.2. Lý thuyết tập tính và lĩnh vực của P.Bourdieu (1930-2002)

3.2.1. Nội dung của lý thuyết tập tính và lĩnh vực

3.2.2. Tác dụng của lý thuyết tập tính và lĩnh vực trong nghiên cứu cộng đồng

3.3. Lý thuyết quá trình hiện đại hoá

3.3.1. Quá trình hiện đại hoá là gì?

3.3.2. Bản chất của quá trình hiện đại hoá

3.3.3. Diễn trình và các loại hình hiện đại hoá

3.3.4. Tác dụng của lý thuyết quá trình hiện đại hoá trong việc nghiên cứu cộng đồng.

3.5. Lý thuyết phát triển bền vững

3.5.1. Khái niệm về phát triển bền vững

3.5.2. Cách tiếp cận phát triển bền vững

3.5.3. Các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững.

3.5.4. Tác dụng của lý thuyết phát triển bền vững trong nghiên cứu Xã hội học về cộng đồng.

Chương IV Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học về cộng đồng.

4.1 Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn.

(Rapid Rural Appraisal – RRA)

4.1.1. Bối cảnh ra đời của RRA

4.1.2. Định nghĩa về RRA

4.1.3. Đặc điểm của RRA

4.1.4. Nguyên tắc của RRA

4.1.5. Phạm vi, điều kiện áp dụng RRA

4.2. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia.

(Participatory Rural Appraisal – PRA)

- 4.2.1. Bối cảnh ra đời của PRA.
- 4.2.2. Định nghĩa về PRA.
- 4.2.3. Đặc điểm của PRA.
- 4.2.4. Triết lý và cấu trúc của PRA.
- 4.2.5. Các loại hình của PRA.
- 4.2.6. Các bước tiến hành PRA.

4.3. Bộ công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia

- 4.3.1. Bộ công cụ của PRA là gì?
- 4.3.2. Các nguyên tắc khi sử dụng bộ công cụ của PRA.
- 4.3.3. Một số kỹ thuật, kỹ năng cơ bản khi sử dụng bộ công cụ PRA.
- 4.3.4. Một số công cụ chủ yếu của PRA

Thảo luận

Bài tập

Chương V. Quan hệ huyết tộc, dòng họ trong đời sống cộng đồng làng xã Việt Nam.

5.1. Quan hệ huyết tộc, dòng họ và vai trò của dòng họ

- 5.1.1. Khái niệm quan hệ huyết tộc.
- 5.1.2. Khái niệm dòng họ và quan hệ dòng họ
- 5.1.3. Những quan niệm khác nhau về vai trò của dòng họ

5.2. Quan hệ dòng họ với đời sống cộng đồng

- 5.2.1. Quan hệ dòng họ trong hoạt động kinh tế.
- 5.2.2. Quan hệ dòng họ trong tổ chức và tự quản cộng đồng.
- 5.2.3. Quan hệ dòng họ trong xây dựng đời sống văn hoá tinh thần giữ gìn bản sắc dân tộc.

5.3. Nhận định chung

Thảo luận

Bài tập

Chương VI. Cộng đồng làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại

6.1. Cộng đồng làng xã truyền thống

- 6.1.1. Khái niệm làng công xã
- 6.1.2. Quan hệ làng xã.
- 6.1.3. Chế độ sở hữu ruộng đất
- 6.1.4. Những nghĩa vụ của làng xã với nhà nước.
- 6.1.5. Các nhóm xã hội trong làng xã
- 6.1.6. Chế độ tự quản của làng xã, luật lệ, hương ước.

6.1.7. Nhận xét.

6.2. Cộng đồng làng xã thời hiện đại

6.2.1. Những đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam thời hiện đại.

6.2.2. Một số loại hình cộng đồng làng xã Việt Nam điển hình thời đổi mới

6.3. So sánh cộng đồng làng xã qua các thời kì

6.4. Nhận xét chung.

Thảo luận

Bài tập

Chương VII. Sự tham gia của cộng đồng trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội.

7.1. Khái niệm về sự tham gia.

7.1.1. Sự tham gia là gì?

7.1.2. Đối tượng của sự tham gia

7.1.3. Quan hệ xã hội của sự tham gia.

7.1.4. Hình thức của sự tham gia.

7.1.5. Cấp độ của sự tham gia.

7.1.6. Động lực khuyến khích sự tham gia.

7.2. Sự tham gia của cộng đồng một số lĩnh vực kinh tế - xã hội.

7.2.1. Sự tham gia của cộng đồng trong việc phát triển kinh tế.

7.2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng chính quyền và thực thi dân chủ hoá

7.2.3. Sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch đô thị, nông thôn.

7.2.4. Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển y tế- giáo dục

7.2.5. Sự tham gia của cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

7.2.6. Sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường sinh thái

7.3. Nhận định chung

Thảo luận

Bài tập

Chương VIII. Vai trò kiến thức bản địa trong phát triển cộng đồng.

8.1. Khái niệm về kiến thức bản địa và ý nghĩa của nó

8.1.1. Khái niệm kiến thức bản địa

8.1.2. Ý nghĩa kiến thức bản địa

8.2. Các loại hình kiến thức bản địa và những đặc trưng của kiến thức bản địa

8.2.1. Các loại hình kiến thức bản địa.

- 8.2.2. Những đặc trưng của kiến thức bản địa.
- 8.3. Vai trò của kiến thức bản địa trong phát triển cộng đồng
 - 8.3.1. Vai trò của kiến thức bản địa trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường
 - 8.3.2. Vai trò của kiến thức bản địa trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế phát triển ngành nghề
 - 8.3.3. Vai trò của kiến thức bản địa trong việc thực thi các dự án có sự tham gia của cộng đồng
- 8.4. **Nhận định chung**
 - Bài tập
 - Thảo luận

XÃ HỘI HỌC THANH NIÊN

Sociology of youth

1. Mã học phần: SOC3034
2. Số tín chỉ: 02
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương (SOC1051), Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC3039), Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC3040)
 4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
 5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):

Giảng viên 1:

 - Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hoa
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS, Chủ nhiệm khoa Xã hội học, Phó chủ nhiệm bộ môn Xã hội học Dân số và Môi trường
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học dân số và môi trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Điềm :

 - Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS.
 - Đơn vị công tác: Học viện Thanh niên
6. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Giảng dạy và truyền thụ cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng những kiến thức cơ bản về thanh niên như (ví thế, vai trò của thanh niên, văn hoá thanh niên, mối quan hệ giữa thanh niên và các thiết chế trong xã hội, định hướng giá trị, chuẩn mực xã hội trong thanh niên...)

- **Kỹ năng:** Trang bị kiến thức chung về phương pháp lý luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học thanh niên, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và phân tích những vấn đề liên quan đến thanh niên trong công cuộc hội nhập hiện nay.

- **Thái độ:** Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Nâng cao kiến thức, tích cực tìm tòi, phát huy tính chủ động, sáng tạo để đóng góp những nghiên cứu có ý nghĩa cho học phần.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

- **Kiến thức:** Học xong học phần, sinh viên phải nắm được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học thanh niên, một số lý thuyết kinh điển về xã hội học thanh niên, Một số lý thuyết đương đại áp dụng trong nghiên cứu xã hội học về thanh niên, Các phạm trù nghiên cứu cơ bản như thanh niên, các phong trào thanh niên, văn hoá, định hướng giá trị chuẩn mực của thanh niên,...

- **Kỹ năng:** Sinh viên phải có kỹ năng nhớ, hiểu phân tích một cách khoa học các kiến thức chung của học phần xã hội học thanh niên, đặc biệt phải biết vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu một vấn đề xã hội cụ thể có liên quan tới thanh niên.

- **Thái độ:** Có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến đô thị từ góc độ xã hội học. Góp phần tư vấn cho các cơ quan chức năng hoạch định chính sách xây dựng và quản lý đô thị một cách khoa học nhằm phát triển đô thị một cách bền vững.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

9. - Kiểm tra và đánh giá định kỳ: 10%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, làm đầy đủ các bài tập trên lớp

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ : 30%

Sinh viên làm 1 bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm vào thời điểm tuần thứ 7 của học kỳ. Thông qua các bài tập cá nhân và nhóm, sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích, thuyết trình và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn.

- Kiểm tra cuối kỳ: 60%

Bằng các hình thức thi như: viết tự luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc viết tiểu luận có thể đánh giá đầy đủ nhận thức của sinh viên đối với nội dung học phần

10. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Đặng Cảnh Khanh (2006), *Xã hội học thanh niên*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Hồng Tung (2011), *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia.

Học liệu tham khảo

1. Đặng Cảnh Khanh (2002), *Hội nhập quốc tế thanh niên*, Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu Thanh niên.
2. Đặng Vũ Cảnh Linh (2006), *Vị thành niên và chính sách vị thành niên*. NXB Lao động-xã hội.

Tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học thanh niên như: giới thiệu Xã hội học thanh niên với tư cách là một khoa học; Vị thế, vai trò của thanh niên và xã hội học thanh niên; Đánh giá được vai trò của thanh niên như một nguồn lực, tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của đất nước; Học phần còn phân tích mối quan hệ giữa gia đình, cộng đồng đối với việc xã hội hóa thanh niên cũng như các phong trào thanh niên và công tác thanh niên. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp thông tin về những đặc trưng văn hóa, định hướng giá trị, chuẩn mực của thanh niên và những sai lệch về văn hóa, về giá trị chuẩn mực của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. Xã hội học thanh niên với tính cách là một khoa học

- 1.1. Xã hội học thanh niên- Đối tượng nghiên cứu và thực tiễn xã hội
- 1.2. Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và khung lý thuyết của xã hội học thanh niên

Chương II: Vị thế, vai trò của thanh niên và xã hội học thanh niên

- 2.1. Vị thế và vai trò của thanh niên trong xã hội hiện đại
- 2.2. Thanh niên- Nguồn lực cho phát triển
- 2.3. Mâu thuẫn thế hệ- một động lực cho phát triển

Chương III: Gia đình, cộng đồng và xã hội hoá thanh niên

- 3.1. Xã hội học thanh niên và xã hội hoá thanh niên

3.2. Sự thay đổi chuẩn mực, giá trị truyền thống trong nội dung và phương thức xã hội hoá thanh niên trong gia đình và cộng đồng

3.3. Hoạt động truyền thông và xã hội hoá thanh niên

Chương IV: Văn hoá thanh niên

4.1. Văn hoá thanh niên- những đặc trưng cơ bản

4.2. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và văn hoá thanh niên

4.3. Thanh niên và văn hoá môi trường

4.4. Sai lệch văn hoá và ngăn chặn các sai lệch văn hoá trong thanh niên

Chương V: Định hướng giá trị và chuẩn mực xã hội trong thanh niên

5.1. Nghiên cứu giá trị và chuẩn mực trong xã hội học thanh niên

5.2. Sự sai lệch chuẩn mực và giá trị xã hội trong thanh thiếu niên

5.3. Giáo dục pháp luật cho thanh niên đối với việc xây dựng các giá trị và chuẩn mực xã hội mới

Chương VI: Phong trào thanh niên và công tác thanh niên

6.1. Phong trào thanh niên

6.2. Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và phong trào thanh niên

6.3. Những cơ hội và thách thức mới của thanh niên và phong trào thanh niên

HỌC PHẦN

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

Intergration of gender into
Science research and development projects

1. Mã học phần : SOC 3032
2. Số tín chỉ : 02
3. Học phần tiên quyết : Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên:

Giảng viên 1:

+ Họ tên: Lê Thái Thị Băng Tâm

+ Chức danh: GVC. Thạc sỹ, Giảng viên Bộ môn Xã hội học Giới và Gia đình, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

Giảng viên 2:

+ Họ tên: Hoàng Bá Thịnh

+ Chức danh: PGS.TS. Bộ môn Xã hội học Giáo và Gia đình, Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:*

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những lý thuyết, khái niệm cơ bản nhất trong lĩnh vực giới và phát triển cũng như các chủ đề chính như : Những hiện tượng, quá trình lồng ghép giới trong chu trình dự án, chu trình chính sách và nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, phương pháp và kỹ thuật lồng ghép giới trong nghiên cứu khoa học, hoạch định chính sách và các dự án phát triển

- *Về kỹ năng:*

Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức về giới và phát triển trong các dự án phát triển đã học vào bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Sinh viên có khả năng nghiên cứu và làm việc theo nhóm, biết cách phát hiện các vấn đề nghiên cứu và tổ chức thực hiện các nghiên cứu đó cũng như cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu.

- *Về thái độ:*

Sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cũng như đạo đức nghề nghiệp góp phần vào việc xây dựng ngành học xã hội học giới và phát triển.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (*kiến thức, kỹ năng, thái độ*):

- Về kiến thức:

Học xong học phần, sinh viên phải nắm được

đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học đô thị, Một số lý thuyết kinh điển về xã hội học đô thị, Một số lý thuyết đương đại về xã hội học đô thị, Các phạm trù nghiên cứu cơ bản như đô thị hóa, lối sống đô thị, quản lý đô thị.

Về kỹ năng:

- Nhận diện được vấn đề nghiên cứu thuộc đối tượng của lòng ghép giới
- Thiết kế được một nghiên cứu khoa học với một vấn đề cụ thể có lòng ghép giới
- Trình bày được kết quả nghiên cứu và phân tích giới từ một dự án cụ thể

Thái độ

Về thái độ:

- Hình thành phương pháp học tập nghiên cứu về xã hội học gia đình theo phong cách của người nghiên cứu khoa học,
- Hình thành thái độ khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học từ đó hình thành đạo đức nghiên cứu về xã hội học giới và phát triển
- Tự tin ở năng lực nghiên cứu xã hội học giới và phát triển.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Đánh giá thường xuyên	Các vấn đề lý thuyết Một số vấn đề lý thuyết, vận dụng lý thuyết vào mục đích nghiên cứu	Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc độc lập	10%
Đánh giá thi giữa kỳ Bài tập nhóm hoặc thi viết	Chủ yếu về thực hành và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm	30%
	Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng trình bày	
	Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn	Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề	

Bài thi hết môn, thi viết, vấn đáp, tiểu luận hoặc trắc nghiệm	Kết hợp lý luận và khả năng ứng dụng	Đánh giá khả năng ứng dụng vào thực tế nghiên cứu của sinh viên	60%
--	--------------------------------------	---	-----

9. Giáo trình bắt buộc:

Học liệu bắt buộc

1. Hoàng Bá Thịnh. 2008, 2014. *Giáo trình Xã hội học về Giới*; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

2. Ngân hàng thế giới, 2001. *Đưa vấn đề giới vào phát triển*. NXB Văn hoá thông tin.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học; và: worldbank.org/gender/book/prr

3. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, 2008. *Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách*.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

http://www.vn.undp.org/content/vietnam/vi/home/library/democratic_governance/towards-gender-equality-in-viet-nam--through-gender-responsive-na.html

Học liệu tham khảo

1. Ngân hàng thế giới, 2003. *Lồng ghép giới vào dự án Nâng cấp đô thị ở Việt Nam (VUUP)*. Tài liệu hướng dẫn.

Địa chỉ tìm tài liệu: worldbank.org/gender/book/prr

2. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, 2001. *Mở rộng tầm nhìn. Báo cáo nghiên cứu, phân tích đối tượng truyền thông và chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới*.

Địa chỉ tìm tài liệu: Phòng Tư liệu Khoa Xã hội học.

3. ADB. *Sổ tay hướng dẫn về giới trong các dự án nông nghiệp*.

Địa chỉ tìm tài liệu: <https://www.adb.org/vi/publications/gender-checklist-agriculture>

10. Tóm tắt nội dung học phần.

Lồng ghép giới trong nghiên cứu khoa học và dự án phát triển cung cấp cho người học cách hiểu khoa học về một phương pháp tiếp cận giới trong chiến lược, chính sách quốc gia (ở tầm vĩ mô) và các nghiên cứu khoa học cũng như trong các dự án phát triển

(vi mô). Lòng ghép giới là một phương pháp tiếp cận mới giúp cho người học thay đổi tư duy, hoạt động, thay đổi các mối quan hệ cũng như những quan niệm lâu đời về vai trò và giá trị của người đàn ông và người đàn bà. Người học phải ý thức được lòng ghép giới không chỉ đơn thuần là có kỹ năng mà nó còn đòi hỏi sự nhạy cảm và sự đáp ứng của mỗi cá nhân. Học phần giúp cho người học phân tích được các vấn đề xã hội từ quan điểm giới, giúp cho người học biết thiết kế nghiên cứu khoa học có tính đến yếu tố giới và biết lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các chương trình/dự án phát triển mang tính nhạy cảm giới.

11. Nội dung chi tiết môn học *(tên các chương, mục, tiểu mục)*

CHƯƠNG I. GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- 1.1. Các khái niệm về giới
- 1.2. Giới một khái niệm xã hội
- 1.3. Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực
- 1.4. Nghiên cứu giới ở Việt Nam
- 1.5. Các dự án phát triển có khía cạnh giới

CHƯƠNG II. THẾ NÀO LÀ LÒNG GHÉP GIỚI

- 2.1. Thế nào là lòng ghép giới
- 2.2. Vì sao phải lòng ghép giới?
- 2.3. Ai là người chịu trách nhiệm lòng ghép giới
- 2.4. Khi nào có lòng ghép giới?
- 2.5. Thế nào là chu trình chính sách có trách nhiệm giới?
- 2.6. Tính ưu việt của phương pháp lòng ghép giới
- 2.7. Làm thế nào để lòng ghép giới thành công?

CHƯƠNG III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ LÒNG GHÉP GIỚI TRONG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH

- 3.1. Khung chính sách vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới
- 3.2. Hướng tới việc áp dụng phương pháp tiếp cận lòng ghép giới ở Việt Nam
- 3.3. Tổng quan về mối quan hệ giữa Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động quốc gia, Kế hoạch hành động của các ngành, các cấp và phương pháp tiếp cận lòng ghép giới
- 3.4. Sự nhạy cảm giới, trách nhiệm giới và sự chuyển biến vì mục tiêu bình đẳng giới

CHƯƠNG IV. CÁC BƯỚC LÒNG GHÉP GIỚI

- 4.1. Bước 1. Xây dựng cơ sở để lòng ghép giới-các điều kiện quan trọng để lòng ghép giới thành công

4.2. Bước 2. Tổng quan chu trình chính sách có trách nhiệm giới
4.3. Bước 3. Thu thập thông tin và tiến hành phân tích giới- nắm vững tình hình trên quan điểm giới

4.4. Bước 4. Các biện pháp can thiệp chính sách vì bình đẳng giới

4.5. Bước 5. Giám sát có trách nhiệm giới

4.6. Bước 6. Đánh giá có trách nhiệm giới và các hoạt động tiếp theo

CHƯƠNG V. LÒNG GHÉP GIỚI TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

5.1. Thiết kế nghiên cứu

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.3 Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu

5.4. Báo cáo nghiên cứu điều tra khả sát về bạo hành trên cơ sở giới tại một số cơ sở y tế và cộng đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

5.5. Xã hội hoá về giới của trẻ em nông thôn. Báo cáo nghiên cứu

CHƯƠNG VI. LÒNG GHÉP GIỚI TRONG CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

6.1. Định nghĩa về dự án phát triển

6.2. Nội dung của lòng ghép giới trong dự án

6.3. Phương pháp phân tích giới trong dự án

6.4. Giới và chu trình dự án

6.5. Ý nghĩa của lòng ghép giới trong dự án

6.6. Một ví dụ: lòng ghép giới trong dự án Nâng cấp đô thị Việt Nam (VUUP)

CHƯƠNG VII. TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG VÌ BÌNH ĐẲNG GIỚI

7.1. Một số kỹ năng cần thiết

7.2. Một số lập luận có tính nguyên tắc trong tuyên truyền vận động vì bình đẳng giới

7.3. Chuẩn bị tinh thần và luận cứ trước khi hành động

7.4. Tư vấn và thông tin giáo dục truyền thông mang tính nhạy cảm giới

7.4. Một ví dụ: Mở rộng tầm nhìn. Báo cáo nghiên cứu, phân tích đối tượng truyền thông và chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới của UB quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ.

CHƯƠNG VIII. TẠO QUYỀN CHO PHỤ NỮ

8.1. Định nghĩa và đặc điểm

8.2. Phương pháp tạo quyền cho phụ nữ

8.3. Ví dụ phân tích dự án theo các bước tạo quyền cho phụ nữ

8.4. Quyền lao động và vai trò sản xuất-cộng đồng- sinh sản và nuôi dưỡng

8.5. Quyền hoạt động chính trị và vai trò cộng đồng

8.6. Quyền sinh sản với vai trò sinh sản và nuôi dưỡng

CHƯƠNG IX. VẤN ĐỀ GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC VÀ NGÀNH CỤ THỂ

9.1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

9.2. Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững

9.3. Kinh tế vĩ mô và thương mại

9.4. Quản lý và tham gia quản lý

9.5. Lao động, việc làm

9.6. Y tế-giáo dục

9.7. Vấn đề giảm nghèo

9.8. Luật pháp và quyền của phụ nữ

9.9. Truyền thông

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Sociology of Science and Technology

1. Mã học phần: SOC 3017

2. Số tín chỉ: 02

3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Phương pháp nghiên cứu xã hội học

4. Ngôn ngữ giảng dạy:

5. Giảng viên:

Giảng viên 1

Họ và tên: Đào Thanh Trường

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, TS.
- Đơn vị : Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giảng viên 2

Họ và tên: Vũ Cao Đàm

- Chức danh, học vị: PGS.TS
- Đơn vị: Khoa Khoa học quản lý, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Mục tiêu của học phần

Kiến thức

- Liệt kê, giải thích, phân loại được những khái niệm cơ bản của xã hội học khoa học và công nghệ như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ (S&T Activity);
- Phân tích được các khía cạnh xã hội của khoa học và công nghệ
- Giải thích và phân tích được các khái niệm cơ bản về khoa học và công nghệ với ý nghĩa là một thiết chế xã hội; vai trò của KH&CN trong sự phát triển xã hội; tác động (dương tính và âm tính của KH&CN tới sự phát triển xã hội; tác động của các thiết chế xã hội tới sự phát triển KH&CN; trí thức KH&CN với tư cách là một nhóm xã hội; tổ chức KH&CN với tư cách là một tổ chức xã hội; chính sách KH&CN với tư cách là một chính sách xã hội.

- *Kỹ năng*

Trang bị cho sinh viên những kỹ năng như:

- Phân tích vai trò của KH&CN trong sự phát triển xã hội;
- Phân tích chính sách KH&CN với tư cách là một chính sách xã hội;
- Kỹ năng nghiên cứu các khía cạnh xã hội của KH&CN như một khoa học chuyên ngành về xã hội học.
- *Thái độ*
 - Hướng dẫn cho sinh viên cách thức xử sự với KH&CN như một đối tượng đặc biệt của xã hội học; với cộng đồng KH&CN như một nhóm xã hội, trong đó có bản thân mình (sinh viên), như một nhóm nhỏ của cộng đồng này.
 - Tự tin trong nhận định và đánh giá các tương tác giữa khoa học, công nghệ và xã hội.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (*kiến thức, kỹ năng, thái độ*):

- Về kiến thức:

Học song học phần, sinh viên phải nắm được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Xã hội Khoa học và công nghệ, các phạm trù nghiên cứu cơ bản như : Khoa học, công nghệ.. và vai trò của khoa học công nghệ đối với biến đổi xã hội, với văn hóa, cộng đồng khoa học, đạo đức khoa học, tri thức khoa học, quyền lực hành chính và giá trị khoa học, các tổ chức khoa học, chính sách khoa học.

- Về kỹ năng:

Sinh viên phải có kỹ năng nhớ, hiểu phân tích một cách khoa học các kiến thức chung của học phần xã hội học khoa học và công nghệ, đặc biệt phải biết vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu một vấn đề xã hội cụ thể trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Về thái độ:

Có quan điểm nhìn nhận vấn đề liên quan đến lĩnh vực Khoa học và công nghệ từ góc độ xã hội học. Góp phần tư vấn cho các cơ quan chức năng hoạch định chính sách xây dựng và quản lý trong lĩnh vực khoa học và công nghệ một cách khoa học nhằm phát triển nền khoa học công nghệ bền vững.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

- Kiểm tra và đánh giá định kỳ: 10%

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị bài tốt và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, làm đầy đủ các bài tập trên lớp

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ : 30%

Sinh viên làm 1 bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm vào thời điểm tuần thứ 7 hoặc 8 của học kỳ. Thông qua các bài tập cá nhân và nhóm, sinh viên không chỉ nâng cao được năng lực nhận thức mà còn được rèn luyện kỹ năng viết, phân tích, thuyết trình và giải quyết một vấn đề mang tính chuyên môn.

+ Kiểm tra cuối kỳ: 60%

Bằng các hình thức thi như: viết tự luận, thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc viết tiểu luận có thể đánh giá đầy đủ nhận thức của sinh viên đối với nội dung học phần

9. Giáo trình bắt buộc:

Học liệu bắt buộc:

1.Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, 2015

2. Hoàng Đình Phú, *Khoa học, Công nghệ và các Giá trị văn hoá*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1998, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý.
3. Barber B.: *Science and Social Order*, The Free Press, Illinois, 1952. (Giảng viên cung cấp trong *Hệ thống tài liệu tham khảo của môn học*)

Học liệu tham khảo:

1. Jean-Jacque Salomon (Ed.): *The Uncertain Quest: Science, Technology and Development*, United Nations University Press, 1994. (Giảng viên cung cấp trong *Hệ thống tài liệu tham khảo của môn học*)
2. John Bernal: *The Social Function of Science*, Routledge & Kegan Paul, 1939 (Giảng viên cung cấp trong *Hệ thống tài liệu tham khảo của môn học*)
3. Ruth Bleier: *Feminist Approaches to Science*. Teacher College Press, Columbia University, 1991. Thư viện Rosa Luxemburg, P208 Nhà D, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
4. Thomas S. Kuhn, *The Structure of Scientific Revolutions*, The University of Chigaco Press, Chicago and London, 1996.
5. **Stephen Cotgrove: Sociology of Science and Technology, The British Journal of Sociology, Vol 21, No.1, Mar 1970, pp 1-15**
6. **Mads Borup, Nik Brown, Kornelia Konrad & Harro Van Lente**, The Sociology of Expectations in Science and Technology, *Technology Analysis & Strategic Management*, Vol. 18, Nos. 3/4, July–September 2006, pp 285–298
7. Robert K. Merton, “The Normative Structure of Science [1942]” *The Sociology of Science: Theoretical and Empirical Investigations* (Chicago: University of Chicago Press, 1979), pp. 267–278.
8. Brian Wynne, “Misunderstood Misunderstanding: Social identities and public uptake of science,” *Public Undersatnding of Science* 22 (1992), 281-304.
9. Edward J. Hackett, Olga Amsterdamska, Micheal Lynch, and Judy Wajcman, *The Handbook of Science and Technology Studies*, 2007, The MIT Press, England
10. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về bản chất và chức năng xã hội của khoa học và công nghệ và những ứng dụng của xã hội học khoa học và công nghệ vào hoạch định chính sách KH&CN và quản lý KH&CN. Thông qua học phần, người học có thể nắm được: Vai trò của khoa học và công nghệ trong sự biến đổi xã hội; Khoa học và công nghệ với vai trò là một thiết chế xã hội; Quan hệ tương tác giữa khoa học và công nghệ với xã hội; Mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ với văn hoá; Quá trình hội nhập giữa khoa học và công nghệ với văn hoá; Chuẩn mực xã hội và kiểm soát xã hội đối với chuẩn mực trong hoạt động khoa học và công nghệ...

Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận nghiên cứu cộng đồng khoa học và công nghệ như một nhóm xã hội; Cơ cấu xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ. Cộng đồng khoa học và công nghệ trong cơ cấu xã hội nói chung; Phân tầng xã hội trong cộng đồng khoa học và công nghệ. Di động xã hội trong và ngoài cộng đồng này.

11. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: DẪN NHẬP

1.1. Khái niệm xã hội học khoa học và công nghệ

1.2. Xã hội học Khoa học

1.3. Xã hội học Công nghệ

Chương 2: CÁC KHÁI NIỆM VÀ PHẠM TRÙ CƠ BẢN

2.1. Khái niệm khoa học

2.1.1. Khoa học là một hệ thống tri thức

2.1.2. Khoa học là một hình thái ý thức xã hội

2.1.3. Khoa học là một thiết chế xã hội

2.1.4. Khoa học là một hoạt động xã hội

2.2. Khái niệm Hoạt động khoa học và công nghệ

2.2.1. Hoạt động R&D

2.2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ

2.2.3. Một số thành tựu cơ bản của hoạt động KH&CN

2.3. Khái niệm công nghệ

2.3.1. Khái niệm công nghệ của Sharif

2.3.2. Công nghệ là một trật tự

2.3.3. Công nghệ là một phương tiện

- 2.4. Nguồn lực Khoa học và Công nghệ
 - 2.4.1. Nhân lực
 - 2.4.2. Vật lực
 - 2.4.3. Tài lực
 - 2.4.4. Tin lực

Chương 3: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI BIẾN ĐỔI XÃ HỘI

- 3.1. Khái luận
- 3.2. Nhận thức chung về vai trò KH&CN trong biến đổi xã hội
- 3.3. Các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ
- 3.4. Cách mạng khoa học và công nghệ đương đại
- 3.5. Tác động của khoa học và công nghệ đến sự biến đổi xã hội
- 3.6. Vai trò của KH&CN trong các nền văn minh

Chương 4: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI VĂN HÓA

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Phương thức tương tác giữa khoa học và công nghệ với văn hoá
- 4.3. Khoa học, công nghệ với các hình thái ý thức xã hội
- 4.4. Khoa học, công nghệ với nghệ thuật
- 4.5. Khoa học, công nghệ và lối sống
- 4.6. Vai trò động lực và định hướng của văn hoá đối với khoa học và công nghệ

Chương 5: CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- 5.1. Khái niệm
 - 5.1.1. Lao động KH&CN
 - 5.1.2. Cộng đồng KH&CN
- 5.2. Cơ cấu xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ
- 5.3. Tri thức khoa học và công nghệ trong cơ cấu xã hội
- 5.4. Phân tầng xã hội trong cộng đồng khoa học và công nghệ
- 5.5. Di động xã hội trong cộng đồng khoa học và công nghệ

Chương 6: ĐẠO ĐỨC KHOA HỌC

- 6.1. Khái niệm
- 6.2. Giá trị và định hướng giá trị trong hoạt động khoa học và công nghệ
- 6.3. Mục đích (nhân tính/phi nhân tính) của khoa học và công nghệ
- 6.4. Chuẩn mực khoa học và công nghệ
- 6.5. Sai lệch chuẩn mực trong khoa học và công nghệ

6.6. Kiểm soát các hành vi lệch chuẩn trong hoạt động khoa học và công nghệ

Chương 7: TRI THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

7.1. Khái niệm

7.2. Phân loại tri thức

7.3. Mối quan hệ giữa tri thức và khoa học

7.4. Sở hữu trí tuệ

Chương 8: QUYỀN LỰC HÀNH CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ KHOA HỌC

8.1. Khái niệm

8.2. Giá trị của sản phẩm khoa học

8.3. Sự chi phối của quyền lực hành chính vào giá trị khoa học

8.4. Sự can thiệp hành chính vào tổ chức khoa học và công nghệ

8.5. Trường phái khoa học và chủ nghĩa học phiệt

8.6. Phi hành chính hoá khoa học và công nghệ

Chương 9: TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

9.1. Khái niệm

9.2. Tổ chức chính thức

9.3. Tổ chức phi chính thức

9.4. Khoa học và đại học

9.5. Các hình thức tổ chức khoa học và công nghệ hiện đại

Chương 10: CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

10.1. Khái niệm chính sách

10.2. Quan hệ chính sách với chiến lược

10.3. Quan hệ chính sách KH&CN với kinh tế và xã hội

10.4. Nội dung của chính sách khoa học và công nghệ

10.5. Phân tích chính sách khoa học và công nghệ

10.6. Hoạch định chính sách khoa học và công nghệ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC
(Research Design in Sociology)

1. **Mã học phần:** SOC4056
2. **Số tín chỉ:** 02
3. **Học phần tiên quyết:** Xã hội học đại cương, lịch sử và lý thuyết xã hội học, phương pháp nghiên cứu xã hội học.
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Giảng viên** (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS, Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV
6. **Mục tiêu của học phần** (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có những kiến thức cơ bản về các bước trong qui trình thiết kế một nghiên cứu Xã hội học. Các nội dung kiến thức được cụ thể hóa từ việc sinh viên biết cách thao tác để thiết kế một đề cương nghiên cứu XHH, các bước tiến hành nghiên cứu XHH. Hơn nữa, sinh viên còn biết cách viết báo cáo và trình bày báo cáo khoa học nói chung và báo cáo khoa học của chuyên ngành XHH nói riêng.

Về kỹ năng: Giúp người học xây dựng các kỹ năng thực hành một số phương pháp nghiên cứu, vận dụng các mô hình nghiên cứu vào nghiên cứu các chủ đề trong lĩnh vực xã hội học. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng tốt các phương pháp thu thập thông tin, cũng như kỹ thuật xử lý thông tin trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề xã hội thực tế..

Về thái độ người học cần đạt được: Giúp người học có thái độ, quan niệm đúng đắn về tầm quan trọng của các phương pháp nghiên cứu nói chung của khoa học xã hội trong nghiên cứu XHH, đặc biệt là có sự hiểu biết cơ bản về các thiết kế nghiên cứu trong XHH và vận dụng các thiết kế nghiên cứu này trong thực tế.

7. **Chuẩn đầu ra của học phần** (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức về các vấn đề chung của học phần thiết kế nghiên cứu xã hội học, nắm được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu xã hội học, một số quan điểm lý thuyết trong thiết kế nghiên cứu xã hội học

Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm, quan sát, phân tích một vấn đề, nội dung nghiên cứu; biết chọn vấn đề cũng như triển khai nghiên cứu xã hội học.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần thiết kế nghiên cứu xã hội học, vai trò của thiết kế nghiên cứu trong xã hội học. Có ý thức tiếp cận các nghiên cứu, các vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, góp phần vào việc phát huy vai trò của nghiên cứu xã hội học trong phát triển xã hội.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: Làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

9. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc.

1. Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, 2011, NXB ĐHQG
2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2011), Phương pháp nghiên cứu Xã hội học, NXB ĐHQG HN.
3. Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện nghiên cứu xã hội học (1988), Những cơ sở nghiên cứu xã hội học, NXB Tiến bộ, Mát-xcô-va

Học liệu tham khảo.

1. Ngân hàng Thế giới (2006), Sức mạnh của thiết kế điều tra, NXB Chính trị quốc gia
2. Therese L. Baker “Thực hành nghiên cứu xã hội”, 1998
3. Helmut Kromrey (1999), Nghiên cứu xã hội thực nghiệm, NXB Thế giới

10. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ): Học phần hệ thống lại một số kiến thức cơ bản của môn phương pháp nghiên cứu XHH. Sau đó, học phần sẽ đi sâu vào việc giới thiệu, hướng dẫn người học từ khâu thiết kế một đề

cương nghiên cứu đến việc tổ chức thực hiện một nghiên cứu XHH dựa trên nguyên tắc nghiên cứu và những phương pháp thu thập thông tin cụ thể trong nghiên cứu Xã hội học. Ngoài việc giới thiệu về lý thuyết, người học sẽ được thực hành kỹ năng thiết kế nghiên cứu với những chủ đề nghiên cứu của XHH và có cơ hội thực hành kỹ năng trình bày nghiên cứu dưới dạng viết và thuyết trình.

11. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích trong nghiên cứu Xã hội học

- 1.1. Khái niệm nghiên cứu XHH
- 1.2. Đặc điểm của nghiên cứu XHH
- 1.3. Mục đích của nghiên cứu XHH
- 1.4. Các lĩnh vực nghiên cứu XHH
- 1.5. Quy trình nghiên cứu XHH

Chương 2. Thiết kế một đề cương nghiên cứu trong nghiên cứu Xã hội học

- 2.1. Thiết kế đề cương sơ bộ
 - 2.1.1. Tên đề tài
 - 2.1.2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu
 - 2.1.3. Câu hỏi nghiên cứu
 - 2.1.4. Giả thuyết nghiên cứu
 - 2.1.5. Phương pháp nghiên cứu
 - 2.1.6. Luận cứ để chứng minh giả thuyết nghiên cứu
- 2.2. Thiết kế đề cương chi tiết
 - 2.2.1. Tên đề tài
 - 2.2.2. Lý do nghiên cứu
 - 2.2.3. Lịch sử nghiên cứu
 - 2.2.4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu
 - 2.2.5. Phạm vi nghiên cứu
 - 2.2.6. Câu hỏi (vấn đề) nghiên cứu
 - 2.2.7. Giả thuyết nghiên cứu
 - 2.2.8. Phương pháp nghiên cứu
 - 2.2.9. Dự kiến kết cấu báo cáo

Chương 3. Xây dựng và thiết kế luận điểm khoa học trong nghiên cứu xã hội học

- 3.1. Sự kiện khoa học (scientific event)
- 3.2. Câu hỏi nghiên cứu
- 3.3. Giả thuyết nghiên cứu

Chương 4. Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu

4.1. Các loại nghiên cứu

4.2. Các phương pháp, công cụ và kỹ thuật thu thập thông tin

4.2.1. Phương pháp và kỹ thuật phân tích tài liệu

4.2.2. Phương pháp và kỹ thuật quan sát

4.2.3. Phương pháp và kỹ thuật phỏng vấn bằng bảng hỏi (PV cấu trúc)

4.2.4. Phương pháp và kỹ thuật phỏng vấn sâu, phỏng vấn bán cấu trúc

4.2.5. Phương pháp và kỹ thuật thảo luận nhóm

4.2.6. Phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin khác

Chương5. Triển khai thực hiện nghiên cứu theo các bước

5.1. Xác định địa bàn nghiên cứu

5.2. Lập kế hoạch nghiên cứu

5.3. Triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu

5.4. Lập các tình huống dự phòng

Chương6. Lập phương án xử lý số liệu/thông tin

6.1. Phương án xử lý số liệu định lượng

6.2. Phương án xử lý số liệu định tính

Chương7. Viết báo cáo nghiên cứu

7.1. Nguyên tắc viết báo cáo khoa học

7.2. Logic trong cấu trúc báo cáo khoa học

7.3. Bảng/biểu trong báo cáo khoa học

7.4. Trích dẫn thông tin báo cáo khoa học

7.5. Một số quy định trường quy trong báo cáo khoa học

Chương8. Thuyết trình một báo cáo khoa học

8.1. Tóm tắt báo cáo khoa học

8.2. Soạn thảo trình chiếu

8.3. Kỹ năng thuyết trình

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC KINH ĐIỂN

1. Mã học phần: SOC4058
2. Số tín chỉ: 2
3. Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương, lịch sử và lý thuyết xã hội học, phương pháp nghiên cứu xã hội học.
Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh
4. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
Giảng viên 1:
 - Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.*Giảng viên 2:*
 - Họ và tên: Trịnh Văn Tùng
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS. TS
 - Đơn vị công tác: Bộ môn Xã hội học Nông thôn và Đô thị, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học kinh điển quan trọng.
 - *Kỹ năng:* Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học kinh điển quan trọng trong nghiên cứu đời sống xã hội đương đại.
 - *Thái độ:* Học phần giúp xây dựng thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học kinh điển.
6. Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - *Kiến thức:* Sinh viên có được kiến thức cơ bản, hệ thống về các lý thuyết xã hội học kinh điển quan trọng.
 - *Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học kinh điển quan trọng trong nghiên cứu đời sống xã hội đương đại.
 - *Thái độ:* Sinh viên có thái độ tôn trọng tính khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu và vận dụng lý thuyết xã hội học kinh điển.

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 10% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: điểm danh, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên qua việc thảo luận, đặt câu hỏi trên lớp
- Thời gian: trong suốt quá trình học tập

Kiểm tra đánh giá giữa/định kỳ

- Điểm kiểm tra/đánh giá thường xuyên chiếm 30% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: làm bài tập theo nhóm ở nhà và trình bày trên lớp
- Thời gian: trong quá trình học tập

Kiểm tra kết thúc học phần

- Điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng số điểm của học phần
- Hình thức: thi vấn đáp, hoặc thi viết, hoặc thi trắc nghiệm, hoặc làm tiểu luận
- Thời gian: theo lịch chung của Nhà trường

8. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản):

Học liệu bắt buộc

1. Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học*. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
2. Endruweit, Guter (chủ biên). *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nhà xuất bản Thế giới, 1999
3. Vũ Quang Hà. *Các lý thuyết xã hội học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

Học liệu tham khảo

1. Ritzer, George. *Contemporary Sociological Theory and its Classical Roots*, McGrawHill, 2003.
2. Ritzer, George and Douglas J Goodman. *Classical Sociological Theory*. McGraw-Hill, 2004

9. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ):

Học phần được kết cấu thành bốn chương. Chương thứ nhất bàn về bối cảnh xã hội, tiền đề tư tưởng và khoa học của sự phát triển các lý thuyết xã hội học kinh điển. Chương thứ hai và thứ ba giới thiệu lý thuyết xã hội học kinh điển ở Pháp và Đức. Chương thứ tư tập trung vào một số lý thuyết xã hội học kinh điển của các tác giả nổi tiếng ở Anh, Ý và Hoa Kỳ. Không chỉ giới thiệu các lý thuyết xã hội học kinh điển, các chương của học phần còn được thảo luận với tư cách là những góc nhìn xã hội học kinh điển được vận dụng trong nghiên cứu xã hội đương đại.

10. Nội dung chi tiết học phần (chương, mục, tiểu mục...):

Chương 1. Bối cảnh xã hội, tiền đề tư tưởng và khoa học của sự phát triển lý thuyết xã hội học kinh điển

1.1. Dẫn nhập

1.2. Bối cảnh xã hội của sự phát triển lý thuyết xã hội học

1.3. Tiền đề tư tưởng, khoa học của sự phát triển lý thuyết xã hội học

Chương 2. Lý thuyết xã hội học kinh điển ở Pháp

2.1. Lý thuyết xã hội học của Claude Henri Saint-Simon

2.2. Lý thuyết xã hội học của Auguste Comte

2.3. Lý thuyết xã hội học của Emile Durkheim

Chương 3. Lý thuyết xã hội học kinh điển ở Đức

3.1. Lý thuyết Xã hội học của Karl Marx

3.2. Lý thuyết Xã hội học của Max Weber

3.3. Lý thuyết Xã hội học của Georg Simmel

Chương 4. Lý thuyết xã hội học kinh điển ở một số nước khác

4.1. Lý thuyết xã hội học của Herbert Spencer

4.2. Lý thuyết xã hội học của Vilfredo Pareto

4.3. Lý thuyết xã hội học của George Herbert Mead

4.4. Lý thuyết xã hội học của Charles Horton Cooley

4.5. Lý thuyết xã hội học của Robert Park

HIỆU TRƯỞNG